



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH
Ho Chi Minh City Industry and Trade College

SỐ 13 / 2023

NỘI SAN

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

NỘI SAN SỐ 13/ 2023

BAN BIÊN TẬP

TỔNG BIÊN TẬP

ÔNG BÙI MẠNH TUÂN

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

ỦY VIÊN

ÔNG LÊ THANH VŨ

BÀ NGUYỄN THỊ LÊ

BÀ NGUYỄN THỊ KIM THOA

ÔNG HOÀNG MẠNH TÙNG

ÔNG VŨ NHẬT TÂN

ÔNG HỒ HOÀI NAM

THIẾT KẾ

BÀ ĐỖ THU THỦY



MỤC LỤC

1. Đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa và Hội nhập quốc tế trong các trường đại học và cao đẳng	
<i>Đào Thị Diệu, Khoa Khoa học Cơ bản.....</i>	6
2. Thực trạng và giải pháp của công tác thi kết thúc môn học tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh	
<i>Phạm Thị Hiền, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.....</i>	15
3. Xây dựng lại lộ trình học tập giúp sinh viên Điện công nghiệp từ khóa 47 về sau tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn	
<i>Trần Thị Thanh Lễ, Khoa Điện – Điện tử.....</i>	23
4. Chương trình giao lưu sinh viên quốc tế: Con đường hội nhập dành cho sinh viên trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh	
<i>Đỗ Thu Thủy, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.....</i>	32
5. Bạn nên định hướng nghề nghiệp như thế nào để thành công?	
<i>Nguyễn Trung Lực, Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng</i>	37
6. Sức mạnh ngôn từ - Ngôn từ mạnh trong kinh doanh	
<i>Nguyễn Ngọc Ân Thy, Khoa Khoa học cơ bản</i>	47
7. Giáo dục quốc phòng – an ninh ở HITC “Một tuần học tập và rèn luyện”	
<i>Nguyễn Thành Quân, Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng</i>	53
8. Lập hồ sơ công việc trong hoạt động của trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh	
<i>Đinh Thị Thu Sương, Phòng Tài chính kế toán</i>	61
9. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM	
<i>Hồ Phước Lộc, Trung tâm KT & ĐBCL</i>	65
10. Khó khăn của sinh viên chuyên ngữ khi viết bài luận học thuật và đề xuất chiến lược học viết hiệu quả	
<i>Phương Thị Hệ, Khoa Ngoại ngữ</i>	70

11. Thực trạng về vấn đề sức khỏe tinh thần của sinh viên nhóm ngành Nhà hàng – Khách sạn của trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh	
<i>Phan Nguyễn Phong Luân, Khoa Quản trị kinh doanh.....</i>	80
12. Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng Chatbot AI đối với sinh viên khoa Quản trị kinh doanh	
<i>Bùi Thị Thanh Phương, Khoa Quản trị kinh doanh.....</i>	90
13. Cải thiện kỹ năng viết đoạn văn tiếng Anh của sinh viên trong môn viết 1 thông qua phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế	
<i>Phạm Văn Mạnh, Khoa Ngoại ngữ</i>	97
14. Lựa chọn bài tập nâng cao kết quả môn học bóng chuyền cho sinh viên trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh	
<i>Nguyễn Thành Quân, Khoa Giáo dục thể chất & Quốc phòng.....</i>	108
15. Cơ chế truyền tin nhắn dựa trên việc phát hiện cộng đồng quan tâm trên mạng xã hội di động	
<i>Nguyễn Thị Lan Phương, Khoa Điện – Điện tử</i>	117
16. Điều chế độ rộng xung_PWM với vi mạch TL494	
<i>Đào Thành Sung, Khoa Điện – Điện tử</i>	129
17. Giải pháp phát triển phong trào cầu lông giảng viên Trường Cao đẳng Công thương TP. HCM theo mô hình câu lạc bộ	
<i>Lương Anh Kiệt, Khoa Giáo dục thể chất - Quốc phòng</i>	137
18. Sấy thăng hoa công nghệ sấy hiện đại	
<i>Nguyễn Thị Thảo Loan, Khoa Công nghệ Hóa học - thực phẩm</i>	148
19. Nghiên cứu bộ điều khiển xe hybrid bằng Matlab/Simulink	
<i>Lê Văn Miên, Khoa Cơ khí động lực</i>	159
20. Ứng dụng của đạo hàm hàm số một biến trong việc giảng dạy cho sinh viên khối ngành kỹ thuật trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM	
<i>Mai Thị Thanh Huệ, Khoa Khoa học Cơ bản</i>	171
21. Nghiên cứu thử nghiệm hiệu quả xử lý nguồn nước nhiễm amoni bằng thực vật phù du quy mô phòng thí nghiệm	
<i>Trần Thành Đạt, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp ..</i>	179
22. Improving Grid-Connected Rooftop Solar Photovoltaic Performance	
<i>Nguyễn Văn Phước, Khoa Điện – điện tử</i>	186

23. Thiết kế máy cắt chỉ thừa tự động – một giải pháp kinh tế cho các công ty sản xuất chỉ ở Việt Nam	
<i>Tô Thị Mỹ Hồng, Nguyễn Chánh Tín, Khoa Cơ khí</i>	197
24. Sài Gòn – Nét đẹp của mảnh đất tình người	
<i>Phan Thị Minh Thảo, Khoa Quản trị kinh doanh</i>	207
25. 47 năm – Gửi trọn niềm tin!	
<i>Trần Thị Ái Hương, Khoa Ngoại ngữ</i>	214
26. Hạnh phúc nơi đâu?	
<i>Nguyễn Thị Lê, Phòng Đào tạo thường xuyên</i>	217
27. Người thầy – Miền ký ức thanh xuân	
<i>Cái Minh Thuận, Khoa Ngoại ngữ.....</i>	220
28. Ký túc xá – Nhà của thời thanh xuân	
<i>Lê Thị Thu Trang, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp...</i>	225

ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP ĐÁP ỨNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG THỜI KÌ HỘI NHẬP

Đào Thị Diệu

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong các trường Cao đẳng – Đại học là một nội dung quan trọng trong đổi mới toàn diện việc dạy học. Bài viết đã tập trung thảo luận một số vấn đề đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tạo đột phá về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong tình hình mới là yêu cầu cấp thiết, là vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: *Đổi mới; nâng cao; chất lượng đào tạo; giáo dục nghề nghiệp*

Mở đầu

Trong những năm qua, cùng với những thành tựu quan trọng đạt được của giáo dục và đào tạo, GDNN đã có nhiều kết quả ghi nhận, góp phần quan trọng hình thành đội ngũ lao động lành nghề phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Có thể thấy, từ khi mạng lưới cơ sở GDNN phát triển, tỉ lệ lao động qua đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ; tỉ lệ lao động có việc làm phù hợp với kỹ năng nghề và trình độ đào tạo có xu hướng tăng hằng năm, góp phần tăng nhanh năng suất lao động và thu nhập của người dân, giúp giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên, trong làn sóng xu hướng mới như công nghệ thay đổi, số hóa, toàn cầu hóa, cùng với biến đổi nhân khẩu học, khí hậu và sự bùng phát của đại dịch Covid-19 tác động to lớn đến thế giới việc làm và đặt ra các yêu cầu mới đối với việc phát triển kỹ năng cho người lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp. Thay đổi về công nghệ và số hóa như trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa và robot, sử dụng công nghệ tác động đáng kể đến thị trường lao động, ảnh hưởng đến việc làm, công việc thực hiện, cách thức làm việc và kỹ năng người lao động...

Trước những khó khăn và thách thức nêu trên, GDNN cần phát huy được tối đa năng lực, phẩm chất của người học, bám sát việc đáp ứng nhu cầu của người học nhưng cũng cần phải phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Việt Nam hiện đang tham gia vào các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, RCEP, EVFTA), đòi hỏi phải tuân thủ các “luật chơi” chung, trong đó có các tiêu chuẩn về lao động, đòi hỏi giáo dục và đào tạo phải thay đổi mạnh mẽ để thích ứng... Thị trường lao động trong mô hình tăng trưởng mới ở nước ta với quy mô đến năm 2025 gần 66 triệu người, trong đó 75% làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ sẽ là thị trường lao động hiện đại với nhiều ngành nghề mới, nhiều phân lớp thị trường nhân lực, đòi hỏi những

tiêu chuẩn lao động mới, kỹ năng mới. Đây chính là cơ hội để GDNN phải đổi mới mạnh mẽ, có đủ năng lực để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của thị trường lao động với trên 51,6 triệu người tham gia lực lượng lao động, chiếm 68,5% dân số.



Hình 1. Các xưởng thực hành, xe ô tô tập lái phục vụ giảng dạy ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

1. Khái quát chung

Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên.

Các loại hình cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp;
- Trường trung cấp;
- Trường cao đẳng.

1.1. Cơ hội và thách thức của giáo dục nghề nghiệp

1.1.1. Cơ hội đối với giáo dục nghề nghiệp

Một là, hệ thống cơ chế, chính sách trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp cơ bản được hoàn thiện đi vào thực tiễn. Theo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Luật Giáo dục nghề nghiệp cũng như các văn bản hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp và các quy định có liên quan đến nay đã được ban hành, đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TB&XH), cơ quan quản lý các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước thực hiện quản lý mục tiêu, chương trình, kế hoạch, chất lượng đào tạo.

Đến nay, về cơ bản các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước liên quan đến giáo dục nghề nghiệp đã được thể chế hóa và được cụ thể trong các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Hai là, bộ máy quản lý nhà nước và đội ngũ cán bộ quản lý GDNN được tổ chức và từng bước kiện toàn. Cho đến nay, bộ máy quản lý nhà nước về GDNN được tổ chức và từng bước kiện toàn để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực GDNN từ Trung ương đến các địa phương. Với cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm quản lý nhà nước được phân định rõ ràng đã tạo ra được hệ thống thể chế đồng bộ tạo sự thống nhất, xuyên suốt công tác quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các bộ, ngành, địa phương trong việc thực thi quyền hạn và trách nhiệm được giao trong quản lý nhà nước về GDNN.

Ba là, chương trình, giáo trình đào tạo tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp từng bước được chuẩn hóa. Ngay sau khi được giao quản lý nhà nước về GDNN, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành 03 thông tư quy định xây dựng chuẩn đầu ra (khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng) và xây dựng chương trình, giáo trình làm căn cứ cho các trường xây dựng, ban hành chương trình, giáo trình đào tạo.

Bốn là, đội ngũ nhà giáo được chuẩn hóa. Đội ngũ nhà giáo phát triển mạnh về cả số lượng và chất lượng, từng bước khắc phục được tình trạng bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề; trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề, trình độ tin học, ngoại ngữ của nhà giáo được cải thiện và từng bước được chuẩn hóa. Đã hình thành 44 Khoa Sư phạm giáo dục nghề nghiệp ở các trường đại học, đại học sư phạm kỹ thuật, viện nghiên cứu và trường cao đẳng để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ nhà giáo.

Năm là, các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nghề có nhiều chuyển biến tích cực. Để đào tạo nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế đất nước theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngày 23/5/2014 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 (Quyết định số 761/QĐ-TTg). Theo đó, từ năm 2014 cả nước đã có 45 trường được lựa chọn để tập trung ưu tiên đầu tư đồng bộ thành trường chất lượng cao vào năm 2020. Hiện nay, trước bối cảnh thống nhất hệ thống GDNN, Bộ LĐ - TB & XH đã trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 761/QĐ-TTg, dự kiến lựa chọn 86 trường để tập trung ưu tiên đầu tư đồng bộ trở thành trường chất lượng cao.

Sáu là, các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục nghề nghiệp được đẩy mạnh. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số được triển khai phổ biến trong đào tạo và quản lý. Công nghệ

thông tin được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động dạy và học ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; dạy học qua Internet, trên truyền hình được thực hiện mạnh mẽ.



Hình 2. Hệ thống các phòng, xưởng thực hành tại trường

Bây là, quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp được mở rộng và phát huy hiệu quả, nhiều lĩnh vực ngành nghề mới xuất hiện, có nhiều hơn các dự án liên kết đào tạo quốc tế. Sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã mở ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển của giáo dục nghề nghiệp. Xu hướng hội nhập, hợp tác quốc tế của giáo dục nghề nghiệp ngày càng mở rộng và phát huy tác dụng. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ hợp tác giáo dục nghề nghiệp với hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Thị trường lao động Việt Nam phát triển mạnh mẽ, xuất khẩu lao động đi nhiều nước trên thế giới.

1.1.2. Thách thức của giáo dục nghề nghiệp

Năm 2023, Bộ LĐ-TB&XH nhận định, kinh tế thế giới được dự báo sẽ phục hồi chậm lại, lạm phát tiếp tục ở mức cao. Nền kinh tế nước ta dự báo sẽ tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn, thách thức với những kịch bản khó đoán định.

Công nghiệp 4.0 đòi hỏi hạ tầng chuyển đổi số, nguồn dữ liệu giáo dục nghề nghiệp và các lĩnh vực ngành, nghề được tạo ra và quản trị sử dụng trên nền tảng khoa học dữ liệu. Đây là thách thức lớn và cơ bản với năng lực dự báo nhu cầu lao động và kỹ năng hiện nay của Việt Nam.

Việt Nam tuy đã tạo được tốc độ tăng trưởng cao, nhanh trong thời gian qua; quy mô của nền kinh tế, thu nhập bình quân đầu người đã được mở rộng và tăng khá. Nước ta có nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình nếu không thoát ra khỏi mô hình kinh tế dựa trên lao động rẻ, phương pháp sản xuất công nghệ thấp.

Sức cạnh tranh và tiềm lực của doanh nghiệp và người sử dụng lao động yếu, doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, làn sóng vốn FDI chảy ngược về nước xuất xứ do nền công nghiệp 4.0 và giá nhân công Việt Nam không còn hấp dẫn sẽ làm ảnh hưởng việc tạo việc làm cho lao động sau đào tạo giáo dục nghề nghiệp; hạn chế sự tham gia chủ động của doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong giáo dục nghề nghiệp. Trong khi sự tham gia tích cực, hiệu quả của doanh nghiệp, người sử dụng lao động trong giáo dục nghề nghiệp là một trong yếu tố quan trọng nhất đảm bảo giáo dục nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

Xu hướng dịch chuyển lao động yêu cầu phải nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động, đàm phán, công nhận kỹ năng nghề giữa Việt Nam và các nước trong khu vực ASEAN và quốc tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo giáo dục nghề nghiệp của nước ta còn thấp, đặt ra thách thức lớn đối với hệ thống giáo dục nghề nghiệp phải tăng nhanh quy mô đào tạo trong thời gian ngắn nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng đào tạo.

Quy mô, cơ cấu và chất lượng, hiệu quả đào tạo, việc làm làm sau đào tạo chưa bền vững; đặc biệt trong bối cảnh xu hướng tự động hóa, điện tử hóa, số hóa, chuyển đổi số và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra hiện nay.

Giáo dục nghề nghiệp còn nhiều khó khăn do công tác phân luồng, tâm lý trọng bằng cấp, gắn kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp. Công tác chuẩn bị đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 chưa được triển khai rộng rãi... Điều này đòi hỏi giáo dục nghề nghiệp cần tiếp tục đổi mới để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực cho thị trường lao động.

Công tác tuyển sinh trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp vẫn còn khó khăn, thách thức, đặc biệt đối với các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, ngành nghề đòi hỏi năng khiếu. Thiếu nguồn lực để thực hiện các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Trong bối cảnh đó, Bộ LĐ-TB&XH đặt mục tiêu tiếp tục đổi mới, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nhân lực chất lượng cao theo hướng ứng dụng, thực hành, thực tập, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cho thị trường lao động. Bộ LĐ-TB&XH dự kiến tuyển sinh 2,68 triệu người học nghề trong năm 2023.

1.2. Những đổi mới cơ bản trong giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nguồn nhân lực trong thời kì hội nhập

Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định “đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp”, “đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt”, “tiếp tục đổi mới

đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế”, “chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động”.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 thu hút 50 - 55% học sinh trung học vào giáo dục nghề nghiệp; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động; có khoảng 90 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, trong đó có một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng trung tâm quốc gia, trung tâm vùng; một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4 (gồm Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar), G20 (Nhóm các nền kinh tế lớn, hiện đang chiếm hơn 90% trong tổng quy mô của toàn bộ nền kinh tế thế giới), Hàn Quốc, Úc, Brasil, Nga, Ấn độ, Trung Quốc, Nam Phi, Mexico, Indonesia, Argentina, Ả Rập Xê Út, Thổ Nhĩ Kỳ; có khoảng 200 ngành, nghề trọng điểm, trong đó có 15 - 20 ngành, nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực ASEAN và thế giới. Đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của nước phát triển, đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

Trong bối cảnh hiện nay, để thực hiện thành công mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội Nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và tổ chức triển khai hiệu quả Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/05/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XIII “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; các văn bản thể chế hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước; giáo dục nghề nghiệp xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

1.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục

Công tác tuyên truyền, giáo dục, nhận thức nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài; khẳng định vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục nghề nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tạo việc làm bền vững cho người lao động và thế hệ trẻ. Đồng thời, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của người học, gia đình và xã hội về ý nghĩa của việc học nghề, kỹ năng nghề trong tiếp cận việc làm, nâng cao thu nhập và cơ hội học tập suốt đời. Huy động sự tham gia của xã hội trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giáo dục nghề nghiệp, góp phần thực hiện thành công đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

1.2.2. Tăng cường công tác hướng nghiệp

Tăng cường việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm gắn với thị trường lao động theo hướng mở, liên thông, hiện đại, hội nhập và thích ứng. Tăng cường công tác hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông, thực hiện tốt việc phân luồng, tăng tỉ lệ học sinh sau trung học cơ sở vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện vừa đào tạo nghề vừa dạy văn hoá tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, để học sinh tốt nghiệp vừa có bằng trung học phổ thông vừa có bằng nghề bảo đảm chất lượng, có điều kiện tham gia thị

trường lao động và cơ hội tiếp tục học tập, nâng cao trình độ; có chính sách khuyến khích học sinh khá, giỏi vào giáo dục nghề nghiệp.

1.2.3. Phổ cập nghề

Đẩy nhanh lộ trình phổ cập nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động thông qua các hình thức hỗ trợ phù hợp. Tôn vinh người lao động có kỹ năng, tay nghề cao; ưu tiên đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên xung phong, người khuyết tật và các đối tượng yếu thế. Phát triển giáo dục nghề nghiệp ở nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; ưu tiên quỹ đất sạch dành cho giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài.

1.2.4. Nâng cao chất lượng đào tạo

Đề nâng cao chất lượng GDNN, điều quan trọng là hoạt động rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc các cơ quan, bộ, ngành Trung ương và địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII “về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, bảo đảm quy mô, cơ cấu và hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo, chuẩn hoá, hiện đại hoá, có phân tầng chất lượng, gắn với yêu cầu và xu hướng phát triển của thị trường lao động. Chú trọng các ngành, nghề, lĩnh vực đào tạo có thể mạnh gắn với nhu cầu thị trường lao động. Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; định kỳ đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

1.2.5. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo

Đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bảo đảm “học đi đôi với hành”; nâng cấp và chuẩn hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đào tạo. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, người dạy nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao, tiếp cận chuẩn của các nước tiên tiến. Chú trọng đào tạo kỹ năng nghề gắn với giáo dục đạo đức, lối sống, ý thức kỷ luật, kỹ năng mềm, tác phong công nghiệp, nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng số cho người học; thường xuyên cập nhật, đào tạo lại cho lực lượng lao động nhằm nâng cao khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới công nghệ, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn... Đổi mới việc đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học, người lao động; phát triển hệ thống đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

1.2.6. Liên kết và hợp tác

Nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác về giáo dục nghề nghiệp giữa Nhà nước - nhà trường-doanh nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động hợp tác đào tạo với doanh nghiệp, tăng thời gian đào tạo, thực hành cho người học trong doanh nghiệp. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia giáo dục nghề nghiệp từ khâu tuyển sinh, đào tạo đến sử dụng, thành lập các cơ sở thực hành tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, gắn kết cung - cầu lao động với giáo dục nghề nghiệp.



Hình 3. Các hoạt động của thầy và trò bộ môn Điện tử công nghiệp

Tăng cường nguồn lực, ưu tiên ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp trong tổng chi ngân sách nhà nước cho giáo dục - đào tạo tương xứng với vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp, nhất là cho đào tạo nhân lực chất lượng cao, các ngành, nghề trọng điểm, mũi nhọn. Chuyển nhanh cơ chế cấp phát ngân sách sang đặt hàng, giao nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hoá, hợp tác công – tư nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nhiều nguồn lực cho phát triển giáo dục nghề nghiệp, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực, địa bàn mà khu vực ngoài công lập có thể tham gia. Bảo đảm chính sách bình đẳng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và ngoài công lập.

Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hợp tác đào tạo, chuyên gia, nhà giáo, người học với các nước. Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, mở rộng mô hình đào tạo nghề chất lượng cao thông qua hệ thống đào tạo của các nước tiên tiến; tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về giáo dục nghề nghiệp; cập nhật kịp thời các tiêu chuẩn, công nghệ mới trong giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các kỳ thi kỹ năng nghề khu vực và quốc tế.

Kết luận

Hướng đến mục tiêu chung, cần phát triển hệ thống GDNN theo hướng mở, linh hoạt, chất lượng, hiệu quả, dễ tiếp cận, công bằng và bền vững. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và hiệu quả của GDNN. Phấn đấu đến năm 2030, GDNN Việt Nam tiếp cận trình độ các nước ASEAN. Ngoài ra, trong thời đại của cuộc CMCN 4.0, chắc chắn không thể thiếu

việc thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động đào tạo. Do đó, GDNN phải xây dựng các chương trình đào tạo chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ nhà nước, cán bộ quản lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016), *Nâng cao chất lượng dạy nghề đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và hội nhập quốc tế*, Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học.
- [2]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016), *Thông tư quy định về điều lệ trường trung cấp*, Số: 47/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 12 năm 2016.
- [3]. Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển dạy nghề thời kỳ 2011 - 2020*, Quyết định 630/QĐ-TTg ngày 29/5/2012.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Văn kiện Hội nghị lần thứ Tám Ban Chấp hành Trung ương Khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Tập II, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
- [6]. Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014), *Luật Giáo dục nghề nghiệp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CỦA CÔNG TÁC THI KẾT THÚC MÔN HỌC TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Phạm Thị Hiền

Trung tâm KT&ĐBCL, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Cùng với việc đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp dạy học thì việc đánh giá kết quả học tập của người học có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình dạy – học. Làm thế nào để đánh giá được đúng trình độ, năng lực của sinh viên cũng như chất lượng giảng dạy vào những thời điểm cụ thể theo mục tiêu của chương trình môn học là một câu hỏi lớn dành cho những người làm giáo dục. Thực tế, trong những năm gần đây Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã có nhiều giải pháp nhằm cải tiến công tác Kiểm tra đánh giá, bước đầu đã có chuyển biến tích cực song kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế. Trong quá trình công tác tại trường, qua quá trình nghiên cứu các tài liệu về đánh giá kết quả học tập của người học và thông qua nghiên cứu những số liệu về thi kết thúc môn học tại trường tôi đã rút ra được những mục đích cơ bản trong công tác thi kết thúc môn học; tìm hiểu thực trạng công tác thi kết thúc môn học và đề xuất những định hướng để làm tốt công tác đánh giá kết quả học tập của người học trong thời gian tới.

Từ khóa: Đánh giá kết quả học tập; Thi kết thúc môn học; Ngân hàng câu hỏi thi

Đặt vấn đề

Quá trình tổ chức đào tạo sinh viên trong trường Cao đẳng hoặc Đại học bao gồm nhiều khâu, nhiều cấp độ và nhiều lực lượng tham gia, nhưng để xác định chất lượng của quá trình ấy thì việc đánh giá kết quả học tập của người học có vai trò hết sức quan trọng. Dù hình thức thực hiện, nội dung yêu cầu có thể khác nhau: đánh giá qua kết quả học tập, các bài thực hành, thí nghiệm, bài tập, khóa luận...; nhưng việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên hiện nay qua kiểm tra thường xuyên (Điểm quá trình) kết hợp với bài thi kết thúc môn học (Điểm kết thúc môn học) vẫn là chủ yếu và quan trọng nhất, trong hình thức đào tạo tín chỉ.

1. Mục đích cơ bản về công tác thi kết thúc môn học

1.1. Tạo cho người học cơ hội vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào việc giải quyết các vấn đề trong thực tế. [1]

Thông qua nội dung, yêu cầu của đề thi, buộc sinh viên phải vận dụng những gì đã được học, được trang bị trong quá trình lên lớp, qua trao đổi, tìm tòi bằng con đường tự học... biến “tri thức của giảng viên, của nhân loại” thành “tri thức của mình” mà đỉnh cao là bản thân sinh viên phải hiểu, nhớ, phân tích và vận dụng được những gì mình tích lũy được.

Trong công tác đổi mới phương pháp dạy và học, các nhà giáo dục học luôn nhấn mạnh yếu tố hiểu và vận dụng lý thuyết vào thực tiễn. Trong điều kiện bùng nổ thông tin như hiện nay, việc yêu cầu sinh viên phải gắn liền hiểu với nhớ là điều không phù hợp nếu không nói là không cần thiết. Với điều kiện phát triển của khoa học công nghệ như hiện nay, vấn đề sinh viên phải hiểu được bản chất vấn đề mình quan tâm và quy trình vận dụng nó như thế nào chứ không thể nhớ hết và nhiều khi cũng không cần phải nhớ hết. Điều quan trọng then chốt là ở chỗ sinh viên phải nắm được thông tin liên quan nằm ở đâu, nếu cần sử dụng thì phải khai thác bằng con đường nào, phương tiện hỗ trợ cần thiết là gì và thực sự nhớ những gì cần thiết.

Quan niệm cho rằng sinh viên muốn nắm vững kiến thức để làm được bài thì phải hiểu và nhớ, rồi mới vận dụng được vẫn còn chi phối nhiều trong quá trình ra đề ở các kỳ thi tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM nói riêng và hệ thống các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam nói chung. Tình trạng ra đề mà để làm được bài thì sinh viên phải học thuộc những nội dung được học. Khi làm bài cấm tuyệt đối việc sinh viên sử dụng tài liệu đã vô hình chung biến các kỳ thi thành việc kiểm tra trí nhớ và các buổi thi trở thành nỗi ám ảnh của người học, sự vất vả của những người thực hiện công tác thi.

Lẽ ra cái cần đánh giá ở đây là mức độ hiểu và vận dụng kiến thức, thể hiện qua việc sinh viên được sử dụng các nguồn thông tin mà bản thân khai thác được để thực hiện các thao tác tư duy tổng hợp, phân tích vấn đề do giảng viên đặt ra.

1.2. Nhận được phản hồi các thông tin giúp giảng viên phân loại được trình độ sinh viên. [1]

Trong xã hội phát triển đa chiều và tốc độ như hiện nay, sinh viên được học ở trường đại học/ cao đẳng chỉ là bước khởi đầu của quá trình đào tạo. Khi tốt nghiệp ra trường được trang bị những kiến thức có khả năng tinh thông một nghề, nhưng phải được trang bị các kỹ năng cần thiết để sẵn sàng làm việc có hiệu quả như Tiếng Anh, vi tính và một số kỹ năng khác... Thậm chí phải đi làm thêm hoặc tìm hiểu, học hỏi thêm một vài nghề khác nhằm tăng cơ hội thực hiện nhiệm vụ của mình, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập.

Sinh viên tốt nghiệp ra trường không chỉ với tâm thế của người đi xin việc, mà còn phải được trang bị những kiến thức, kỹ năng để họ có thể chủ động tạo ra việc làm cho mình, cho người khác góp phần tạo ra của cải vật chất, tinh thần cho bản thân, cho gia đình và cho xã hội.

Thông qua quá trình đào tạo tại trường, giảng viên phải phát hiện, phân loại được trình độ sinh viên. Việc tổ chức hoạt động nhóm, giao nhiệm vụ học tập, rèn luyện các kỹ năng muốn đạt hiệu quả cao, nhất thiết phải căn cứ vào khả năng sẵn sàng đáp ứng của sinh viên.

Điều đó chỉ có thể có được khi trong quá trình đào tạo, việc đánh giá sinh viên của giảng viên phải thật sự khách quan, khoa học và thông tin không bị nhiễu. Việc giảng dạy và ra đề thi của giảng viên phải phối hợp chặt chẽ với nhau và tạo thành sự thống nhất để có những yêu cầu ngày càng cao đối với sinh viên.

1.3. Tạo cho sinh viên sự phấn khởi, có ý chí vươn lên trong học tập, rèn luyện

Một trong những yêu cầu quan trọng của công tác tổ chức đánh giá là khách quan, trung thực để thông tin phản ánh với giảng viên là tính chính xác. Sinh viên khi được đánh giá và kết

quả đó được chấp nhận sẽ góp phần giúp họ có ý chí vươn lên trong học tập. Điều đó đòi hỏi phải có sự cố gắng của cả giảng viên và sinh viên. Để được như vậy việc thực hiện các quy định về làm đề thi cần lưu ý một số điểm chính sau đây:

- Đề thi có câu chữ rõ ràng gắn liền với nội dung môn học.
- Nội dung, yêu cầu đề thi phải tương xứng với thời gian làm bài của sinh viên.
- Đề thi nên cấu trúc gồm nhiều phần nhỏ; có phần khó, phần dễ; có nội dung kiểm tra các khái niệm và cần có những yêu cầu phải phân tích, tổng hợp ở mức độ cao.
- Đề thi phải giúp giảng viên phân loại được học lực của sinh viên.

2. Thực trạng công tác tổ chức thi kết thúc môn học tại trường Cao đẳng Công thương TP. HCM

2.1 Về tổ chức xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi và Đề thi kết thúc môn học

2.1.1. Về mặt tích cực

Đối với việc xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi [2]

Năm học 2013-2014, Trường đã ban hành quyết định số 284/QĐ-CDCT ngày 23/5/2013 của Hiệu trưởng về việc tổ chức xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi (NHCHT), đã triển khai xây dựng Ngân hàng câu hỏi thi cho bốn khoa, gồm: Khoa Lý luận chính trị; Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Ngoại ngữ và Khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng, và triển khai thử nghiệm xây dựng NHCHT từ một đến hai môn chuyên ngành cho mỗi chương trình đào tạo, nhìn chung các khoa tuân thủ quy định, quy trình về xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, với số lượng câu hỏi của mỗi ngân hàng câu hỏi thi nhiều, từ cấp độ dễ đến khó, nên đã bao quát hết nội dung chương trình môn học.

Theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH), tất cả môn học có tổ chức thi đều phải có NHCHT vì vậy công tác quản lý và trích xuất đề thi từ các ngân hàng câu hỏi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần làm một cách chính xác và hiệu quả nhất. Năm học 2022-2023, Trường đã ban hành quyết định số 393/QĐ-CDCT ngày 22/6/2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM về việc quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi thi kết thúc môn học.

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Bộ LĐTBXH, thì số lượng NHCHT sắp tới sẽ tăng lên gấp 10 lần so với ban đầu. Vì vậy, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (TTKT & ĐBCL) đã sử dụng phần mềm MCMIX-PRO để quản lý, lưu giữ hệ thống ngân hàng câu hỏi thi kết thúc môn học một cách khoa học hơn. Đồng thời việc trích xuất đề thi sẽ được phần mềm thực hiện dẫn đến đề thi trích xuất được nhanh, chính xác, khách quan, công bằng hơn. Hơn nữa, công tác duyệt đề thi sẽ nhanh chóng và tiện lợi.

Bảng 1. Thống kê số lượng NHCHT và số lượng đề thi mắc lỗi không đạt yêu cầu. [4]

Thời gian	Từ 2015 đến 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	Dự kiến 2023- 2024
Số NHCHT đã có	28	34	77	142	170	275
Số lượng đề thi trích xuất từ NHCHT	18	24	32	184	224	350
Số đề thi trích xuất bị lỗi	3 (17 %)	4 (17%)	5 (15.6%)	4 (2.2%)	3 (1.3%)	Hạn chế tối đa 0.5%

Đối với việc biên soạn đề thi kết thúc môn học. [3]

TTKT & ĐBCL thông báo đến các khoa biên soạn đề thi:

- Đề thi theo mẫu thống nhất, thống nhất thời gian thi/ hình thức thi.
- Thời gian nộp đề thi trước kỳ thi từ 7 đến 8 tuần.
- Chủ động bố trí nhân viên phụ trách, rà soát lỗi chính tả, lỗi câu chữ, lỗi trùng lặp câu hỏi, đáp án...
 - Các môn học cùng tên/cùng số tín chỉ được giảng dạy cho nhiều ngành sẽ thi cùng 01 bộ đề thi.
 - Sử dụng phần mềm trộn đề thi trắc nghiệm (phần mềm MCMIX-PRO) để trích xuất đề thi từ NHCHT.

Dựa trên các kết quả khảo sát của sinh viên về chất lượng đề thi, nhà trường đã điều chỉnh thời gian làm bài thi cho phù hợp tình hình thực tế. Cụ thể: đối với đề thi tự luận có hai mức thời gian 90 phút và 120 phút, đề thi trắc nghiệm 60 và 90 phút. Và một số khoa đã điều chỉnh lại mức độ “khó” hoặc “dễ” của NHCHT, đề thi cho phù hợp tình hình thực tế.

Đối với các khoa: đã quán triệt và triển khai tốt việc biên soạn đề thi kết thúc môn học, như:

- Xây dựng NHCHT đúng tiến độ và đúng quy trình, quy định.
- Nộp đề thi đúng thời gian quy định.
- Đã kiểm tra kỹ về nội dung đề thi, chất lượng đề thi về thời gian làm bài thi cho mỗi học phần, tuân theo quy định của trường và trình bày đề thi đẹp và đúng quy định của nhà trường.

2.1.2. Mặt hạn chế

Đề biên soạn được một đề thi, tổ chức thi và đánh giá kết quả sinh viên thỏa mãn tất cả các yếu tố trên quả thực không đơn giản. Khi tiếp nhận đề thi và kiểm duyệt đề thi, TTKT & ĐBCL thường phát hiện một số lỗi cơ bản như đề thi có hình ảnh không rõ hoặc sai lỗi chính tả hoặc một số đề thi trắc nghiệm vẫn còn hiện tượng trùng lặp câu hỏi, đáp án, thiếu hình ảnh đính kèm.

2.2. Về phía TTKT&ĐBCL

- Trong quá trình in sao đề thi, vẫn còn để xảy ra chất lượng đề thi kém (mờ, mất dấu, thiếu trang in, thiếu hình ảnh đính kèm) do máy photocopy đã quá cũ.

- Tình trạng in sao đề thi thừa vẫn xảy ra.

2.3. Về Công tác tổ chức coi thi

2.3.1. Mặt tích cực

Công tác coi thi hiện nay được Phòng Quản lý đào tạo phụ trách, về cơ bản đã huy động lực lượng cán bộ, giảng viên toàn trường tham gia coi thi và đã đem lại hiệu quả tích cực trong công tác điều hành coi thi, như khắc phục tình trạng bất cập trước đây trong việc bố trí phòng thi và cán bộ coi thi.

2.3.2. Mặt hạn chế

- Vẫn còn một số giảng viên coi thi chưa nghiêm túc, như trong giờ coi thi làm việc riêng, nói chuyện điện thoại, chằm thi, ra ngoài phòng thi, cho sinh viên ra khỏi phòng sớm không đúng quy định.

- Đặc biệt có hiện tượng cán bộ coi thi to tiếng với nhau trong phòng thi, làm ảnh hưởng đến tâm lý sinh viên khi tham gia thi.

Bảng 2. Số liệu tổng kết sinh viên và giảng viên chưa thực hiện nghiêm túc trong công tác tổ chức thi kết thúc môn học. [4]

Nội dung	Năm học/ Số lượng			
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023
Sinh viên vi phạm quy chế thi kết thúc môn học	05	03	24	00
Giảng viên vi phạm quy chế thi kết thúc môn học	04	13	07	10

2.4. Về công tác in sao đề thi

Mặt tích cực là việc tổ chức in sao, đóng gói đề thi, được TTKT & ĐBCL thực hiện, trung bình mỗi học kỳ khoảng 300-500 đề thi gốc, với số lượng đề thi khoảng 400.000 đến 500.000 đề thi được in sao.

Việc tổ chức in sao đề thi được bố trí nơi biệt lập, đảm bảo an toàn, bảo mật và đảm bảo sức khỏe cán bộ in sao đề thi, thời gian in sao diễn ra từ 2- 3 tuần. Cán bộ được cử tham gia in

sao đề thi có tinh thần làm việc nghiêm túc, cẩn thận; quá trình in sao đề thi diễn ra nghiêm túc, bảo mật theo đúng quy trình, quy định của trường. Các túi đề thi được đóng gói, niêm phong, đóng dấu bảo mật.

Mặt hạn chế là trong quá trình in sao vẫn xảy ra hiện tượng đề bị hư hỏng do máy photocopy đã quá cũ.

2.5. Về công tác chuẩn bị thi kết thúc môn học

2.5.1. Công việc chuẩn bị giấy thi/túi đựng bài thi

Mặt tích cực: Việc chuẩn bị túi đựng bài thi, giấy làm bài thi, giấy nháp và các biên bản liên quan đến công tác tổ chức thi kết thúc môn học, được các Khoa chuyên môn chủ động thực hiện theo đúng quy trình, quy định.

Mặt hạn chế: Vẫn còn hiện tượng các Thư ký khoa do chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác chuẩn bị kỳ thi, nên bỏ dư giấy nháp, giấy làm bài thi gây lãng phí, cuối giờ thi bộ phận tổ chức thi không nhắc nhở cán bộ coi thi để giấy làm bài thi, giấy nháp thi thừa đúng nơi quy định.

2.5.2. Về công việc xếp lịch thi, phân công giảng viên coi thi/ lập danh sách phòng thi kết thúc môn học.

Trường đã giao phòng Quản lý Đào tạo xếp lịch thi, phân công giảng viên coi thi và lập danh sách phòng thi và đã công bố trên website, hoặc gửi đến từng sinh viên, giảng viên. Với việc tổ chức thi tập trung như hiện nay, số lượng công việc nhiều và hơn nữa là phải thiết kế lịch thi làm sao để 01 sinh viên có được một lịch thi thỏa mãn về thời gian, không phải thi một ngày nhiều ca thi, không bị trùng lịch thi phải hoãn thi là việc làm rất khó cho việc xếp lịch thi.

2.6. Về công tác chấm thi và lưu giữ bài thi

Tiến độ chấm thi kết thúc môn học trong các năm học vừa qua đảm bảo theo quy định thời gian của Trường, do có sự phối hợp chặt chẽ giữa TTKT&ĐBCL và các đơn vị liên quan. Việc vào điểm quá trình và thi kết thúc môn học được giảng viên thực hiện nghiêm túc.

Về công tác lưu giữ bài thi của các đơn vị được thực hiện nghiêm túc, không để xảy ra hiện tượng thất lạc bài thi sau khi chấm.

Tuy nhiên, vẫn còn một số GV trong quá trình chấm thi vẫn còn mắc một số khuyết điểm như: Sử dụng màu mực không đúng quy định, không chấm điểm thành phần, ký thiếu chữ ký cán bộ chấm thi 1 hoặc chấm thi 2. Việc chấm sót ý, cộng sai điểm bài thi, làm cho kết quả đánh giá đối với một tập thể hoặc cá nhân sinh viên có bị thay đổi. Những việc đáng tiếc như thế ít nhiều làm giảm sút niềm tin của sinh viên vào công tác tổ chức đánh giá học tập của nhà trường.

2.7. Về công tác thanh tra, giám sát thi kết thúc môn học. [4]

Mặt tích cực: Các kỳ thi kết thúc môn học được thanh tra, giám sát bởi nhân viên TTKT&ĐBCL và Tổ giám sát thi của Phòng Quản lý đào tạo, với mục đích giám sát chất lượng kỳ thi. Như vậy, các khu vực thi luôn luôn đảm bảo có đủ đội ngũ thanh tra thi, giám sát thi, theo dõi và xử lý triệt để các trường hợp giảng viên, sinh viên vi phạm quy chế thi, đồng thời đôn đốc nhắc nhở cán bộ coi thi, sinh viên làm bài thi nghiêm túc.

Mặt hạn chế: Tuy nhiên, vẫn có một số trường hợp thanh tra, giám sát phòng thi còn thiếu kinh nghiệm trong việc xử lý các tình huống trong phòng thi.

3. Định hướng trong thời gian tới

3.1. Đối với TTKT & ĐBCL và Phòng Quản lý đào tạo

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình biên soạn NHCHT
- Tổ chức hội thảo về việc biên soạn NHCHT (có thể mời các chuyên gia tư vấn),...
- Triển khai thi trắc nghiệm trên máy tính.
- Chấn chỉnh một số điểm hạn chế trong công tác in sao đề thi, theo hướng nâng cao chất lượng nhưng phải tiết kiệm.
- Sắp xếp lịch thi kết thúc môn học khoa học hơn đảm bảo hướng thuận lợi cho người học, tiết kiệm cho nhà trường.
- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát thi.

3.2. Đối với các Khoa/ bộ môn

- Phối hợp với TTKT&ĐBCL xây dựng ngân hàng câu hỏi thi đạt chất lượng cao.
- Cần xây dựng NHCHT cho các môn thi thực hành.
- Tổ chức kiểm tra chéo giữa các môn thi thực hành.
- Cân nhắc tỷ lệ các môn thi trắc nghiệm/tự luận cho các chương trình đào tạo thuộc khoa quản lý.
- Đôn đốc, nhắc nhở giảng viên thuộc khoa quản lý cần thực hiện tốt hơn khi tham gia công tác thi kết thúc môn học: như coi thi, chấm thi, biên soạn NHCHT, biên soạn đề thi theo đúng quy định, quy trình.
- Cần triển khai thí điểm một số môn học thuộc chương trình đào tạo của khoa quản lý, chỉ cần làm bài tập lớn, thảo luận nhóm, không nhất thiết phải thi.
- Làm tốt hơn nữa công tác lưu giữ và bảo mật NHCHT, Đề thi.
- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ tin học cho giảng viên, để làm tốt hơn nữa biên soạn đề thi và xây dựng NHCHT.

Kết luận và kiến nghị

Trong quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ, với phương châm lấy sinh viên làm trung tâm, nhà trường đã thấy được tầm quan trọng và ảnh hưởng chi phối của việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của sinh viên qua kỳ thi kết thúc môn học đối với cả quá trình hoạt động đào tạo, nên đã có sự chỉ đạo nhất quán liên tục, đồng bộ bằng nhiều biện pháp để không ngừng nâng cao chất lượng của các kỳ thi. Việc đổi mới hình thức thi, đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh sinh viên được sự đồng tình và ủng hộ của tập thể giảng viên và người học.

Để công tác này có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn, Ban Giám hiệu cần có sự xem xét, tăng cường công tác chỉ đạo lên tầm mức cao hơn để công tác thi thực sự là một trong những thước đo đánh giá đúng chất lượng đào tạo của trường trước khi bàn giao sản phẩm đào tạo của mình, sinh viên, cho xã hội.

Để công tác thi kết thúc môn học trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn, tôi mạnh dạn kiến nghị với Ban Giám hiệu những việc sau đây:

- Cần xem lại cấu trúc đề thi có phù hợp với thời gian không? Giảng viên ra đề thi phải đặt mình như người thi để thử thời gian hoàn thành bài thi. Có thể giảng viên ra đề xong làm đáp án trên giấy như sinh viên để kiểm tra thời gian làm bài của sinh viên rồi điều chỉnh lại đề cho phù hợp với thời gian làm bài.
- Thời gian làm bài có thể linh hoạt hơn ví dụ: môn học 1 tín chỉ nên ra đề tự luận 60 phút hoặc trắc nghiệm 45 phút. Còn 2-3 tín chỉ thì tự luận 90 phút còn trắc nghiệm 60 phút như vậy mới đánh giá tương đối được nội dung kiến thức môn học. Tránh trường hợp đề thi nội dung quá ít thời gian làm bài quá dài.
- Một số đề thi in sao rất mờ làm ảnh hưởng đến khả năng đọc và hiểu đề thi của sinh viên. Lý do là máy photocopy quá cũ, đề nghị nhà trường mua hoặc thuê máy photocopy mới.
- Cần thí điểm triển khai một số môn học được thi trắc nghiệm trên máy tính (sử dụng phần mềm ASC). Tuy nhiên chất lượng của hệ thống máy tính của nhà trường không đồng bộ nên không đảm bảo điều kiện để tổ chức thi trắc nghiệm máy tính cho sinh viên, có nhiều sinh viên khi thực hiện 90% bài làm thì nguồn máy tính bị tắt dẫn đến phải thực hiện lại bài thi từ đầu, điều này ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên. Vì vậy, trước kỳ thi kết thúc môn học, bộ phận quản lý phòng máy cần kiểm tra hệ thống máy tính thật kỹ càng, tránh trường hợp máy tính không thể vận hành trong thời gian thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trần Khánh Đức - *Một số vấn đề về đo lường đánh giá trong giáo dục* - NXB ĐHQG HN – 2009.
- [2]. Phạm Xuân Thanh – *Ngân hàng câu hỏi thi* – tài liệu tập huấn.
- [3]. Phạm Xuân Thanh – *Sử dụng hiệu quả các dạng thức câu hỏi thi-kiểm tra* – Tài liệu tập huấn.
- [4]. Một số kết quả Thống kê và khảo sát từ năm học 2019-2020 đến nay của Trung tâm Khảo thí & Đảm bảo chất lượng.

CỐ VẤN HỌC TẬP GIÚP SINH VIÊN NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP KHÓA 47 TRỞ VỀ SAU SẮP XẾP LỘ TRÌNH HỌC TẬP NHẪM TỐT NGHIỆP TRƯỚC THỜI HẠN VÀ ĐÚNG THỜI HẠN

Trần Thị Thanh Lễ

Khoa Điện – Điện tử, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trước bối cảnh chất lượng đầu vào của sinh viên cao đẳng hiện nay điểm sàn tương đối thấp, kiến thức phổ thông ở mức trung bình (hoặc yếu) thì khi theo học ngành điện công nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn bởi đặc trưng của ngành là những môn học khó, ngoài việc phải nắm vững song song kiến thức lý thuyết và thực hành sinh viên còn cần có khả năng thi công sản phẩm một số bài học theo yêu cầu của giảng viên để sinh viên có kiến thức thực hành thực tế, kỹ năng thao tác thành thạo phục vụ công việc sau khi ra trường. Vì vậy trong nhiều năm qua lượng sinh viên tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn đều không cao, có thể do các em không nắm bắt được (hoặc không định hướng được) lộ trình học tập sao cho hiệu quả nhất để vừa tốt nghiệp đúng hạn vừa có việc làm tốt ngay khi ra trường mà ngược lại tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hạn lại rất cao (trên 60%). Với mục tiêu định hướng đúng lộ trình học tập cho sinh viên tác giả muốn thông qua bài viết này xây dựng lại một hướng đi thật chính xác và chắc chắn giúp các em học hành hiệu quả, ra trường đúng hạn.

Từ khóa: Điện công nghiệp; lộ trình học tập; tốt nghiệp đúng hạn;

Đặt vấn đề

Thực tế nhiều năm cho thấy không có sinh viên điện công nghiệp tốt nghiệp trước hạn, sinh viên chưa lấy được bằng tốt nghiệp sau khi đủ thời gian đào tạo 3 năm lại rất nhiều (không thể thống kê). Tác giả xin nêu con số sau khi làm 1 cuộc khảo sát nhỏ trên Google form tháng 9/2023 có 44 sinh viên các lớp khóa 43, 44 tham gia như sau:

- Khóa 43 (2019-2022) đã đủ 4 năm học tập tại trường:
 - ✓ Lớp CCQ1905AB số sinh viên chưa lấy bằng: 5/44 bạn
 - ✓ Lớp CCQ1905CD số sinh viên chưa lấy bằng: 7/44 bạn
- Khóa 44 (2020-2023) đã đủ 3 năm học tập tại trường:
 - ✓ Lớp CCQ2005AB số sinh viên chưa lấy bằng: 13/44 bạn
 - ✓ Lớp CCQ2005CD số sinh viên chưa lấy bằng: 19/44 bạn

Tình trạng sinh viên chưa lấy được bằng tốt nghiệp rơi vào các lý do sau:

- ✓ Chưa đủ chứng chỉ đầu ra, gồm: chứng chỉ quốc phòng, tiếng anh và tin học: 17/44 bạn

- ✓ Nợ môn học với các lý do:
- Không đăng ký được môn học bị nợ: 17/44 bạn
 - Nợ các học phần tiếng anh: 8/44 bạn
 - Nợ học phí: 1/44 bạn
 - Bị đi làm kiếm tiền: 1/44 bạn

Các lý do làm cho sinh viên chưa thể lấy bằng đúng hạn nêu trên thật sự không quá khó hay không thể giải quyết được nếu các em biết tự xây dựng một lộ trình học tập cho bản thân hoặc được tham khảo lộ trình học tập do khoa hoặc bộ môn xây dựng nên. Chính vì lý do này, tác giả muốn xây dựng lộ trình học tập cho sinh viên ngành điện công nghiệp thuộc khoa Điện – Điện tử trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM để từ khóa 47 trở về sau sinh viên sẽ có hướng đi đúng đắn nhất, nhanh nhất hoàn thành khóa học với tấm bằng tốt nghiệp trong tay.

1. Xây dựng lộ trình học tập

1.1. Phương tiện học tập cần thiết nhất sinh viên kỹ thuật phải trang bị

Ngoài những đồ dùng học tập bình thường sinh viên ngành Điện công nghiệp cần trang bị các loại máy sau đây sẽ thuận lợi cho học tập, nghiên cứu:

- Giai đoạn 1: máy tính casio chức năng kỹ thuật
- Giai đoạn 2: laptop cấu hình tương đối (do giảng viên phụ trách hướng dẫn mua, không phải laptop chỉ có chức năng giải trí) để có thể cài đặt và chạy các phần mềm kỹ thuật.

1.2. Phương pháp học tập

- Ngay từ những buổi họp mặt khóa mới do khoa, do trường tổ chức, những buổi học về nội quy kỷ luật đầu tiên của tân sinh viên các em đều phải có mặt đầy đủ cũng như lắng nghe chi tiết mọi thông tin, không bỏ sót bất kỳ một thông tin nào.

- Không được vắng bất kỳ buổi họp nào với cố vấn học tập (CVHT) trong suốt khóa đào tạo. Bản thân sinh viên phải hiểu CVHT là người vạch ra, sắp xếp và đăng ký môn học, giám sát và giúp đỡ sinh viên bất kỳ lúc nào sinh viên cần. Vậy nên khi gặp khó khăn người đầu tiên sinh viên tìm đến phải là CVHT của mình.

- Xây dựng thời gian biểu học tập ở nhà theo công thức: 1 tiết học trên lớp = 3 tiết học ở nhà, và thực hiện tự giác, nghiêm túc.

- Tham gia các hoạt động đoàn thể, các nhóm sinh hoạt kỹ năng, đây là kỹ năng rất cần thiết cho công việc sau khi sinh viên ra trường.

1.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 38 môn;
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 100 Tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh và môn học Giáo dục thể chất);
- Khối lượng các môn học chung: 26 tín chỉ;
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 74 tín chỉ;
- Tổng số giờ học là 2505 giờ, trong đó lý thuyết là 700 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm là 1676 giờ; kiểm tra 129 giờ.

- Chứng chỉ chuẩn đầu ra: Giáo dục quốc phòng và an ninh, tin học căn bản, tiếng anh A2.

2. Xây dựng lộ trình

Chương trình đào tạo này mới chỉnh sửa (tháng 10/2023) sẽ gồm 100 tín chỉ/ 6 học kỳ. Phạm vi bài viết này tác giả sẽ phân bố theo 2 giai đoạn thiết lập lộ trình học tập cho sinh viên như sau:

2.1. Giai đoạn 1: học các môn cơ sở, môn chung

2.1.1. Học kỳ 1

Bảng 2.1. Chương trình môn học học kỳ 1

Học kỳ 1: 18 Tín chỉ			
Môn học bắt buộc			18
1	224003	Anh văn 1	3
2	229126	Tin học	3
3	228040	Mạch điện	3
4	228304	Kỹ thuật điện tử ứng dụng	3
5	228294	Khí cụ điện	3
6	228155	Máy điện	3

Các môn học trong danh sách trên đã được đưa vào thời khóa biểu sinh viên tự động mà sinh viên hay CVHT không cần lên kế hoạch đăng ký nên sinh viên không có sự lựa chọn.

Sinh viên cần chú ý ở mục 1: Khi vào nhập học sinh viên sẽ được học Anh văn 1 ngay, nhưng SV phải chú ý trước môn AV1 này còn phải học môn Anh văn cơ bản 4 tín chỉ nữa. Và môn Anh văn cơ bản sinh viên có học hay không học phụ thuộc vào kết quả kiểm tra anh văn đầu vào nhà trường sẽ tổ chức sau khi khóa mới nhập học chính thức 2 tuần, kết quả kiểm tra anh văn đầu vào thường đạt 5 điểm thì sinh viên sẽ được miễn học Anh văn cơ bản, tuy nhiên cũng tùy từng năm nhà trường xem xét tỉ lệ kết quả kiểm tra: nếu trên 50% SV đạt 4 điểm thì lấy 4, trên 50% sinh viên đạt 5 điểm thì lấy 5. Đây là thông tin rất cần thiết, sinh viên mới cần nắm rõ để ôn luyện và dễ dàng vượt qua kỳ kiểm tra nhằm giảm chi phí học phí lên đến 4 tín chỉ.

Môn học cần chú ý nữa là môn Mạch điện: là môn nền tảng nghề và cũng là môn học khó, tính toán nhiều nên sinh viên cần bám sát lớp học, nghỉ học sẽ gián đoạn kiến thức khó hiểu bài tiếp theo và khó qua môn.

2.1.2. Học kỳ 2

Bắt đầu từ học kỳ này sinh viên có quyền tự chọn một trong 3 hình thức đăng ký môn học như sau:

Hình thức 1: Tự đăng ký môn học online: Có 2 đối tượng SV chọn hình thức này, đó là:

- SV có khả năng học vượt: SV học khá giỏi có thể tự sắp xếp lịch học theo khả năng của bản thân, nếu kết quả học tập học kỳ I đạt loại khá trở lên thì được phép đăng ký số tín chỉ của học kỳ tiếp theo không giới hạn, vì vậy SV sẽ hoàn thành chương trình đào tạo và ra trường sớm hơn dự kiến.
- SV học trả nợ: SV thường đăng ký môn học online để học trả nợ riêng lẻ.

Hình thức 2: CVHT sẽ đăng ký môn học cho cả lớp (được áp dụng từ khóa 47 trở về sau): hình thức đăng ký này SV sẽ học theo đơn vị lớp, lớp học sẽ gồm các bạn đã quen nên dễ học hơn nhưng lại hạn chế số tín chỉ đăng ký.

Hình thứ 3: Đăng ký lớp riêng offline (đăng ký bằng phiếu giấy): SV sẽ tự tìm các bạn nợ môn giống mình tập hợp thành nhóm và xin mở lớp, chọn giảng viên. Thường nhóm từ 20 SV trở lên phòng đào tạo sẽ duyệt cho mở lớp.

Các môn học trong học kỳ 2 thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.2. Chương trình môn học học kỳ 2

Học kỳ 2: 13 Tín chỉ (không tính môn học GDTC & GDQP và AN NINH)			
Môn học bắt buộc			13
7	224004	Anh văn 2	3
8	234012	Giáo dục quốc phòng - An ninh	5
9	228292	Đo lường điện và thiết bị đo	3
10	228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2
11	228299	Thực tập điện cơ bản	3
12	228256	Trang bị điện	2
Môn học tự chọn			4
13	Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn		2
13.1	234002	Bóng chuyền 1	2
13.2	234006	Bóng đá 1	2
13.3	234007	Bóng rổ 1	2

13.4	234008	Cầu lông 1	2
13.5	234009	Aerobic 1	2
14	Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn		2
14.1	234003	Bóng chuyền 2	2
14.2	234010	Bóng đá 2	2
14.3	234011	Bóng rổ 2	2
14.4	234013	Cầu lông 2	2
14.5	234014	Aerobic 2	2

Môn học giáo dục quốc phòng và an ninh: được bố trí trong năm thứ 1 (học kỳ 1, hoặc học kỳ Hè), nhà trường sắp xếp cho sinh viên học tập trung tại kí túc xá 1 tuần liên tục nên SV phải bám sát theo học, nếu không học hoặc rớt môn SV sẽ phải mất hẳn nửa học kỳ chỉ để học có một môn này (do thời khóa biểu bị gián đoạn đúng 1 tuần các em không thể đăng ký thêm môn học nào khác).

Môn Giáo dục thể chất, SV có thể chọn học 2 trong 5 môn học: bóng chuyền, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, aerobic. Tuy nhiên SV nên chọn 2 môn Giáo dục thể chất 1 và 2 cùng kỹ năng. Ví dụ: đã học bóng chuyền 1 thì chọn bóng chuyền 2. Trường hợp vì lý do sức khỏe không học được bóng chuyền 2 thì có thể chọn bóng đá 1, bóng rổ 1, cầu lông 1, aerobic 1, tương tự các môn học khác thay vào môn Giáo dục thể chất 2.

2.2. Giai đoạn 2: Học các môn nghề, thực tập tại doanh nghiệp, hoàn thành các chứng chỉ đầu ra, thực tập tốt nghiệp

Từ học kỳ này SV đã chính thức bước vào các môn chuyên môn nghề, SV sẽ học song song những môn lý thuyết và những môn tích hợp (là môn lý thuyết đi đôi với thực hành tại xưởng).

2.2.1. Học kỳ 3

Bảng 2.3. Chương trình môn học học kỳ 3

Học kỳ 3: 19 Tín chỉ			
Môn học bắt buộc			19
15	224016	Anh văn 3	3
16	223008	Giáo dục chính trị	5
17	222033	Toán ứng dụng A	3

18	228258	Thực tập trang bị điện	2
19	228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2
20	228291	Cung cấp điện	4
Môn học tự chọn			2
21.1	226035	Soạn thảo văn bản	2
21.2	222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2
21.3	222017	Tiếng Việt thực hành B	2

2.2.2. Học kỳ 4

Lời khuyên của tác giả đối với SV trong học kỳ này là: ngoài việc học theo thời khóa biểu SV nên sắp xếp trong hoàn thành chứng chỉ tin học căn bản theo chuẩn đầu ra, đăng ký học tại Trung tâm ngoại ngữ và tin học của trường.

Bảng 2.4. Chương trình môn học học kỳ 4

Học kỳ 4: 17 Tín chỉ			
Môn học bắt buộc			17
22	226020	Pháp luật	2
23	228288	AutoCAD (Điện)	3
24	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3
25	228301	Thực tập lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2
26	228214	Đồ án Điện công nghiệp	1
27	228083	Anh văn chuyên ngành điện	2
28	228051	Thí nghiệm máy điện	2
29	228300	Thực tập doanh nghiệp	2
Môn học tự chọn			2

30	Kỹ năng mềm (Sinh viên chọn 1 trong 3 module sau)		2
30.1	222039	Kỹ năng mềm 1	2
		+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.	
		+ Kỹ năng thuyết trình.	
		+ Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.	
30.2	222040	Kỹ năng mềm 2	2
		+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.	
		+ Kỹ năng giải quyết vấn đề	
		+ Kỹ năng thuyết trình.	
30.3	222041	Kỹ năng mềm 3	2
		+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.	
		+ Kỹ năng làm việc nhóm	
		+ Kỹ năng dự tuyển việc làm	

2.2.3. Học kỳ 5

Lời khuyên của tác giả đối với sinh viên trong học kỳ này là: ngoài việc học theo thời khóa biểu sinh viên nên sắp xếp trong hoàn thành chứng chỉ tiếng anh A2 theo chuẩn đầu ra, đăng ký học tại trung tâm ngoại ngữ và tin học của trường.

Môn Thực tập tốt nghiệp sinh viên đi thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian 2 tháng (có thể thực hiện ở học kỳ 5 hoặc 6) tùy theo đăng ký.

Môn thay thế đồ án tốt nghiệp có thể thực hiện ở học kỳ 5 hoặc 6. Sinh viên sẽ chọn 1 trong 2 học phần tự chọn trong bảng ở học kỳ 6 (môn 39 hoặc 1 trong 2 môn 39.1;39.2) tùy theo khả năng bản thân.

Bảng 2.5. Chương trình môn học học kỳ 5

Học kỳ 5: 17 Tín chỉ			
Môn học bắt buộc			17
31	228296	Lắp đặt tủ điện	3

32	228251	PLC	3
33	228298	Thí nghiệm đo lường điện và khí cụ điện	2
34	228293	Hệ thống điện nhà thông minh	3
35	228289	AutoCAD (Điện) nâng cao	3
36	228303	Trang bị điện nâng cao	3
Môn học tự chọn			2
<i>Các môn học chuyên môn tự chọn</i>			
37.1	228305	Lắp đặt và bảo trì máy lạnh	2
37.2	227014	Công nghệ khí nén - thủy lực	2
37.3	228049	Thí nghiệm điện tử công suất	2

2.2.4. Học kỳ 6

Bảng 2.6. Chương trình môn học học kỳ 6

Học kỳ 6: 10 Tín chỉ			
Môn học bắt buộc			5
38	228246	Thực tập tốt nghiệp	5
Môn học tự chọn			5
		<i>Tự chọn 1</i>	
39	228100	Đồ án tốt nghiệp	5
		<i>Tự chọn 2</i>	
39.1	228297	PLC nâng cao	3
39.2	228075	Truyền động điện	2

Sau khi hoàn thành đủ 100 tín chỉ sinh viên bắt buộc phải làm thủ tục xét tốt nghiệp, sinh viên cần liên hệ giáo vụ khoa để biết thủ tục, hoàn thành hồ sơ xét tốt nghiệp và đăng ký lễ trao bằng tốt nghiệp.

Lời kết

Với bài viết này tác giả mong muốn đây sẽ là một cẩm nang học tập cho sinh viên ngành điện công nghiệp từ khóa 47 về sau. Ngoài ra SV phải nhớ rằng “*Thầy cô cố vấn học tập luôn đồng hành cùng các em 24/7*” nên hãy đừng quên tìm các thầy cô bất kỳ khi nào các em cần. Tác giả (Cô - giảng viên chuyên ngành) luôn sẵn sàng vì sự nghiệp giảng dạy, vì tương lai của các em và vì sự phát triển vững mạnh của trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM thân yêu này mà sẵn sàng đồng hành cùng các em bất kỳ giờ giấc nào, các em nhớ nhé!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chương trình khung Điện Công Nghiệp 100 tín chỉ (chỉnh sửa tháng 10/2023)
- [2]. <https://ddt.hitu.edu.vn/wp-content/uploads/2021/11/05.-DIEN-CONG-NGHIEP-2019.pdf>

CHƯƠNG TRÌNH GIAO LƯU SINH VIÊN QUỐC TẾ: CON ĐƯỜNG HỘI NHẬP DÀNH CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

Đỗ Thu Thủy

Phòng QLKH&HTQT, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Các chương trình sinh viên gần đây của trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đã có nhiều sự phát triển rõ rệt, ngoài các cuộc thi học thuật, kỹ năng và văn hóa văn nghệ dành cho sinh viên, các chương trình giao lưu sinh viên quốc tế cũng đã được thực hiện trong năm học 2022 – 2023 thu hút sự tham gia tích cực của các bạn sinh viên. Sinh viên tham gia chương trình giao lưu văn hóa trong một thời gian ngắn cũng đã có những thay đổi tích cực về tư duy và nhận thức, dễ dàng thích nghi hơn về văn hóa và có thể làm việc hiệu quả hơn trong môi trường làm việc đa văn hóa. Bài viết này tóm lược những hoạt động giao lưu đã thực hiện tại trường và những nhận định về lợi ích mà chương trình mang lại cho sinh viên trường.

Từ khóa: *Chương trình giao lưu sinh viên quốc tế; hội nhập; công dân toàn cầu; Singapore*

1. Chương trình giao lưu quốc tế

Được phổ biến rộng rãi từ những năm 1960, các chương trình trao đổi văn hóa đã giúp sinh viên và các chuyên gia đang làm việc có cơ hội được đi đến những đất nước và nền văn hóa khác với mục đích cuối cùng là trao đổi kiến thức và xây dựng một xã hội có tính toàn cầu hợp tác hơn. Vậy trao đổi văn hóa thực sự diễn ra như thế nào trong thực tế? Các loại hình tổ chức như du học, tình nguyện quốc tế ở nước ngoài khác nhau ra sao?

Ý tưởng trao đổi văn hóa được mô tả là khi hai người có nền văn hóa khác nhau chia sẻ ý tưởng, cảm xúc và giá trị để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Các chương trình trao đổi giao lưu văn hóa chỉ đơn giản là cung cấp khuôn khổ chính thức cho quá trình này diễn ra. Trong thực tế, mục đích phổ biến của các chương trình này nhằm cải thiện kỹ năng ngoại ngữ và tăng cường mối quan hệ giữa các tổ chức hoặc cá nhân.

Các chương trình giao lưu văn hóa được thực hiện bởi nhiều nhà cung cấp khác nhau như các tổ chức giáo dục, các cơ quan chính phủ, các bên thứ ba như công ty du lịch và từ các tổ chức quốc tế ví dụ như UNESCO.

Sinh viên không phải là đối tượng duy nhất được hưởng lợi từ các chương trình giao lưu văn hóa. Các chương trình với nội dung ngày càng phong phú về hoạt động lẫn nội dung và hình thức được xây dựng và phát triển mạnh mẽ trong xu hướng toàn cầu hóa.

Loại hình đầu tiên là *chương trình trao đổi văn hóa sinh viên* (Student Cultural Exchange Programs), cho phép những bạn sinh viên trẻ tuổi đi đến những vùng đất mới và sinh sống cùng

với người bản xứ. Sinh viên tham gia vào các chương trình trao đổi văn hóa sinh viên sẽ trở thành những người tham gia tích cực vào nền văn hóa sở tại và xây dựng mạng lưới với người dân địa phương. Quá trình hòa nhập văn hóa này giúp sinh viên tiếp cận với những ý tưởng mới trong hoàn cảnh cụ thể, đem đến những bài học vượt qua cả phạm vi sách vở trong trường truyền thống.

Loại hình được phát triển thứ hai là *chương trình giao lưu tình nguyện* (Volunteer Cultural Exchange Programs), cho phép người tham gia hỗ trợ cộng đồng sở tại thông qua các hoạt động tình nguyện của họ. Giúp đỡ người khác không chỉ mang lại lợi ích cho những người có nhu cầu lớn hơn mà còn khuyến khích sự phát triển cá nhân của các tình nguyện viên. Các chương trình dạng này thường được cung cấp bởi các nhà cung cấp bên thứ ba và các tổ chức quốc tế. Hỗ trợ một loạt các hoạt động quan trọng trong cộng đồng bao gồm chăm sóc trẻ em, giảng dạy, chăm sóc sức khỏe, bảo tồn và xây dựng.

Loại hình thứ ba là *chương trình trao đổi văn hóa nghề nghiệp* (Professional Cultural Exchange Programs), thường hướng đến chuyên gia làm việc trong lĩnh vực cụ thể. Chương trình này tạo ra để các chuyên gia đến tham quan và làm việc tại các quốc gia khác để gặp gỡ các nhà lãnh đạo xã hội, chia sẻ ý tưởng, cung cấp cho cộng đồng sở tại những ý tưởng và giải pháp để phát triển kinh tế và xã hội. Trong hầu hết các trường hợp, các chương trình trao đổi văn hóa nghề nghiệp được chính phủ tổ chức nhằm mục đích trao đổi kiến thức và tăng cường quan hệ ngoại giao. Các chương trình này thường tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu, công nghệ hoặc nghệ thuật.

Loại hình cuối cùng vẫn còn mới mẻ là các *chương trình trao đổi văn hóa ảo* (Virtual Cultural Exchange Programs) được thực hiện thông qua các cuộc gọi video, trò chuyện qua ứng dụng và website hoặc các hình thức công nghệ truyền thông khác. Hình thức này cho phép nhiều bên tham gia, mang lại góc nhìn toàn cầu cho tất cả những người tham gia. Chương trình cũng là phương án thay thế thuận tiện và tiết kiệm chi phí hơn so với các loại hình chương trình trao đổi khác. Đồng thời nó cũng cung cấp tất cả cơ hội gắn kết cộng đồng và hợp tác dự án như các chương trình truyền thống.

2. Nhìn lại các chương trình giao lưu quốc tế tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Từ năm 2022, Chương trình trao đổi sinh viên Việt Nam – Singapore với Viện Giáo dục và Kỹ thuật Singapore ITE, với chủ đề “*Biến đổi khí hậu và hợp tác quốc tế*” đầu tiên đã được khởi động, mang lại cơ hội giao lưu với những người bạn trong khu vực Đông Nam Á. Chương trình đã thu hút hơn 80 lượt sinh viên đăng ký phỏng vấn để chọn ra 20 bạn từ các Khoa chuyên môn tham gia vào chuyến đi khám phá Singapore trong 14 ngày. Chương trình nằm trong chuỗi hoạt động của chương trình Temasek Foundation SCALE nhằm giúp sinh viên của Viện ITE và các tổ chức giáo dục Đông Nam Á có cơ hội giao lưu và hội nhập. Mục tiêu của chương trình còn là cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết và đánh giá cao hơn về các vấn đề và thách thức mà khu vực ASEAN phải đối mặt, với trọng tâm là công dân toàn cầu và khu vực, công nghệ và doanh nghiệp, tính bền vững và môi trường. Chủ đề xuyên suốt của chương trình là “*Tính bền vững và Biến đổi khí hậu*” Đông Nam Á là một trong những khu vực dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu. Khu vực này đã chứng kiến những tác động của nó dưới dạng các hiện tượng thời tiết cực đoan và sóng nhiệt. Ngày 04 tháng 12 năm 2022, đoàn Việt Nam gồm 20 bạn sinh

viên, cùng sự dẫn dắt của cô Nguyễn Thị Lê, trưởng khoa Khoa học cơ bản và thầy Đặng Minh Tuấn, giảng viên khoa Ngoại ngữ đã đặt chân đến Singapore, bắt đầu chuyến hành trình khám phá và giao lưu tại nước bạn. Ngày đầu tiên, đoàn đã được dạo quanh khuôn viên trường và đến học tập tại Trung tâm nghiên cứu sinh học Vermicompost Farm để tìm hiểu cách thức tạo ra phân bón xanh sạch và ít tốn chi phí. Đoàn tiếp tục với chủ đề nông nghiệp vào ngày tham quan thứ 2 tại Hortitech Hub, khu nông nghiệp đô thị hoàn toàn tự động và thực hành trồng rau mầm với đèn quang hợp. Chủ đề tiếp tục được mở rộng đến Lối sống bền vững, các bạn sinh viên được ghé đến trung tâm Logistic Training Center để tìm hiểu cách đào tạo nhân sự ngành Xuất nhập khẩu và thực hành tái chế quần áo cũ sau khi được hướng dẫn qua lớp Thời trang bền vững. Tuần thứ 2 tại Singapore, đoàn được tiếp cận những mảng công nghệ hiện đại mà Singapore đang nghiên cứu và phát triển như các thiết bị năng lượng mặt trời, nhà máy xử lý nước thải NEWater và các xưởng chế biến thực phẩm tại những doanh nghiệp lớn của Singapore. Kết thúc 14 ngày làm việc và học tập, các bạn sinh viên Việt Nam và Singapore cùng nhau tổng kết và đưa ra ý tưởng về những định hướng liên quan đến việc phát triển bền vững ở cả Singapore và Việt Nam. Báo cáo tổng kết chương trình trong giai đoạn 1, cô Nguyễn Thị Lê đã nhận xét về các bạn sinh viên của đoàn Việt Nam như sau: *“Các bạn đã hoàn thành tốt tất cả các nội dung lịch trình làm việc do phía Singapore đề xuất. Các bạn sinh viên tuân thủ tốt các quy định và yêu cầu của trường ITE và luôn học tập với tinh thần tự giác và trách nhiệm cao. Thông qua các hoạt động của chương trình, ngoài việc được nâng cao năng lực tiếng Anh, các bạn còn được trải nghiệm và học hỏi thêm được nhiều kiến thức bổ ích về biến đổi khí hậu, kỹ năng học tập và làm việc, về ẩm thực, con người và văn hóa của đất nước Singapore. Ngoài ra, thầy cô dẫn dắt đoàn cũng đã có thêm trải nghiệm môi trường học tập năng động, hiện đại và học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu về GIÁP DỤC và ĐÀO TẠO của ITE.”*



Hình 1: Đoàn Việt Nam trước giờ khởi hành ra sân bay đến Singapore

Đến ngày 16 tháng 03 năm 2023, trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM hân hạnh tiếp đón đoàn Singapore của viện ITE tham quan và giao lưu trong 14 ngày tại Tp. HCM. Đoàn gồm 40 bạn sinh viên Việt Nam và Singapore đã cùng nhau trải nghiệm khám phá văn hóa Việt Nam thông qua hành trình đi đến nhà máy xử lý nước thải Đồng Nai, rừng ngập mặn Cần Giờ, khu Nông nghiệp công nghệ cao tại Củ Chi. Cùng thực hành làm món gỏi ngó sen đặc trưng của Việt Nam và thực hành làm đèn giấy tái chế để hiểu được những nỗ lực không ngừng nghỉ của chính phủ Việt Nam trong việc đảm bảo các tiêu chí bền vững của Liên Hiệp Quốc.

Năm 2023 đánh dấu sự liên kết chặt chẽ giữa trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM và các đối tác Singapore như Viện ITE và công ty Skilio với các đoàn giao lưu sinh viên Singapore ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Tháng 06, trường đã hai lần đón tiếp đoàn sinh viên do công ty Skilio dẫn dắt với sự tham dự của 40 bạn đến từ các ngành nghề khác nhau tại Singapore. Buổi gặp gỡ đã mang lại tinh thần tươi trẻ mới mẻ cho các bạn trẻ Việt Nam thông qua những câu chuyện chia sẻ về việc học tập và việc làm tại hai nước, trải nghiệm thực hành làm bánh làm kem tại xưởng thực phẩm của Khoa Công nghệ Hóa – Thực phẩm và cùng trao đổi những món quà xinh xắn lưu giữ kỉ niệm của buổi làm việc. Trong lần gặp gỡ này, các bạn sinh viên Việt Nam đã có thêm cơ hội trau dồi khả năng giao tiếp tiếng Anh, xử lý tình huống và làm việc nhóm với những người bạn mới.



Hình 2. Chụp ảnh lưu niệm cùng đoàn sinh viên Singapore với công ty Skilio

Tháng 09, đoàn Singapore đến từ viện ITE đã tiếp tục cử đoàn sinh viên đến giao lưu với trường, đánh dấu một chặng đường hợp tác lâu dài và chiến lược đến các ngành quản trị nhà hàng khách sạn của hai trường. Đoàn đã cùng với các bạn Việt Nam tham quan xưởng sản xuất của công ty Bibica để tìm hiểu về ngành thực phẩm đóng hộp và thị trường thực phẩm chế biến

đóng gói tại Long An. Đoàn tiếp tục được tham quan khu hội nghị triển lãm hiện đại nhất tại Tp. HCM là Gem Center và trung tâm hội nghị tiệc cưới White Palace, được giới thiệu về mô hình dịch vụ vô cùng nổi bật và chuyên nghiệp, và thị trường ngành dịch vụ du lịch tại Tp. HCM. Đoàn cũng đã cùng nhau tham quan trung tâm Tp. HCM và ghé những địa điểm tham quan nổi tiếng như Bảo tàng Chứng tích chiến tranh, Buru điện thành phố và đường sách. Các bạn Singapore đã vô cùng háo hức khi lần đầu ra nước ngoài, đặt chân đến một miền văn hóa mới cùng những người bạn mới cùng trang lứa. Đối với các bạn sinh viên từ trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM, đây thực sự là thêm một cơ hội quý giá để tiếp tục trau dồi kỹ năng và có thêm những người bạn nước ngoài mới.

3. Lợi ích dành cho sinh viên và nhà trường

Các chương trình giao lưu quốc tế dành cho sinh viên tuy chỉ mới bắt đầu một năm trở lại đây sau dịch bệnh Covid-19, nhưng đã mang lại nhiều lợi ích trên quy mô cá nhân và nhà trường.

Hơn 80 bạn tham gia vào các chương trình giao lưu với các bạn Singapore từ tất cả các ngành đào tạo của trường, và có mặt của các bạn từ năm nhất đến năm cuối. Điều này đã trở thành sự kiện mà tất cả các bạn sinh viên của trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM đều mong chờ để đăng ký và tham gia đón tiếp đoàn. Thành quả đạt được đầu tiên chính là là sự tự tin và vượt trội về kỹ năng trong môi trường đa văn hóa. Các bạn Singapore đến từ nhiều ngành nghề khác nhau và tôn giáo khác nhau, mang đến những góc nhìn khác nhau khi giải quyết vấn đề trong công việc thực tế. Các thành viên trong nhóm cũng học cách thấu hiểu và hòa nhập khi học tập tại hai nước, luôn hỗ trợ nhau trong làm việc nhóm và các trải nghiệm ngoài giờ học.

Các hoạt động giao lưu cũng đã lan tỏa được sức ảnh hưởng đến các bạn sinh viên, nhất là các bạn năm nhất và năm hai. Từ những ngày đầu chỉ có khoảng 50 hồ sơ phỏng vấn trong đợt giao lưu đầu tiên đến hơn 100 hồ sơ phỏng vấn của đợt giao lưu tháng 09/2023. Hầu hết các bạn đến phỏng vấn đều nắm bắt tốt những hoạt động trước đây, được hỗ trợ và tư vấn nhiệt tình của giảng viên và của các bạn đi trước để có thêm động lực tham gia vào chương trình. Qua đó cho thấy chương trình giao lưu sinh viên quốc tế thực sự đã trở thành một nguồn động lực to lớn đến việc trau dồi kỹ năng và kiến thức cho các bạn sinh viên của nhà trường.

Đối với nhà trường, đây chính là thành quả của những nỗ lực vươn tầm quốc tế trong việc nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua việc gặp gỡ và làm việc với các đối tác Singapore trong suốt năm 2023, nhà trường đã có thêm những kinh nghiệm trong việc tiếp đón đoàn quốc tế và tạo môi trường giao lưu học tập cho sinh viên 2 nước cũng như tạo cơ hội khích lệ giảng viên và sinh viên tham gia chương trình giao lưu văn hóa. Đây cũng dần trở thành điểm nổi bật trong các chương trình tuyển sinh, giúp thu hút sinh viên thông qua các hoạt động giao lưu với các bạn quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Phòng QLKH&HTQT (2023) Báo cáo tổng kết Chương trình trao đổi sinh viên Việt Nam – Singapore.

BẠN NÊN ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP NHƯ THẾ NÀO ĐỂ THÀNH CÔNG?

Nguyễn Trung Lục

Khoa GD Thể chất – Quốc phòng, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Tóm tắt

“Định hướng nghề nghiệp” rất cần thiết cho sự thành công. Cuộc đời mỗi người sẽ trải qua nhiều bước ngoặt khác nhau, trong đó có hai thời điểm quan trọng, được coi là thời điểm vàng để định hướng nghề nghiệp là lúc tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) và lúc tốt nghiệp cao đẳng, đại học. Hiện nay, hầu hết học sinh lớp 12 còn rất lúng túng và mơ hồ trước quyết định của mình, không dám chắc nghề mình định chọn có phải là nghề phù hợp với mình hay không, các em thiếu thông tin cần thiết để làm cơ sở trước khi ra quyết định. Sinh viên cao đẳng, đại học mới ra trường thường lúng túng khi tìm kiếm việc làm, những người này không xác định được con đường rõ ràng và thế mạnh của mình để phát huy, nên khi mắc phải sai lầm hay gặp thất bại trở nên chán nản và nhanh chóng đầu hàng. Với kinh nghiệm là người đi trước, trong bài viết này, tôi cung cấp thêm một số thông tin về xu hướng lựa chọn nghề nghiệp và tình hình việc làm trong nước, ngoài nước để giúp học sinh sinh viên (HSSV) có cái nhìn tổng quan, có quyết định đúng đắn hơn khi lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

Từ khóa: Định hướng nghề nghiệp; học sinh, sinh viên

HOW SHOULD YOU ORIENT YOUR CAREER TO BE SUCCESSFUL?

Abstract

"Career orientation" is essential for success. Everyone's life will go through many different turning points, including two important moments, considered the golden time for career orientation. Graduating from high school and graduating from college or university. Currently, most 12th grade students are still very confused about their decision, not sure whether the career they intend to choose is the right career for them or not, they lack the necessary information. as a basis before making a decision. Newly graduated college and university students are often confused when looking for a job. These people cannot identify a clear path and their strengths to promote, so when they make mistakes or experience failure, they become frustrated and should be discouraged and quickly give up. With experience as a pioneer, in this article, I provide some more information about career choice trends and employment situations

at home and abroad to help students have a perspective. Overall, make better decisions when choosing a career for yourself.

Keywords: *Career orientation, pupil, students*

Đặt vấn đề

“**Định hướng nghề nghiệp**” rất cần thiết cho sự thành công, cuộc đời mỗi người sẽ trải qua nhiều bước ngoặt khác nhau, trong đó có hai thời điểm quan trọng, được coi là thời điểm vàng để định hướng nghề nghiệp là lúc tốt nghiệp THPT và lúc tốt nghiệp cao đẳng, đại học. Hai thời điểm trên được coi là thời điểm vàng vì lúc tốt nghiệp THPT chính là lúc bạn cần đưa ra quyết định lựa chọn ngành nghề và trường học phù hợp. Quá trình học tập kéo dài từ 3-5 năm nên một khi lựa chọn sai thì bạn sẽ vừa tốn thời gian vừa hao tổn kinh tế. Trong khi đó thời điểm tốt nghiệp cao đẳng, đại học là thời điểm bạn sẽ lựa chọn cho mình một công việc, một môi trường phù hợp để hoàn thiện bản thân. Nếu lựa chọn sai, có thể cả đời bạn cũng không thể tìm được con đường thẳng tiến và phải chịu nhiều khó khăn về mặt tài chính.

Nghề nghiệp là một dạng hoạt động sẽ theo con người cả đời, đối tượng cần định hướng nghề nghiệp bản thân cũng vô cùng đa dạng về lứa tuổi, trình độ, kinh nghiệm và hoàn cảnh xã hội. Theo đó, đối tượng cần định hướng nghề nghiệp có thể là học sinh THPT, sinh viên cao đẳng, đại học, người đang tìm việc chưa có kinh nghiệm hoặc đã có kinh nghiệm và cả những người đã có những thành công nhất định trong sự nghiệp.

Chọn ngành, nghề, bậc học, trường đào tạo... để theo đuổi là đầu tư cho tương lai, nếu chọn sai đồng nghĩa với hoạt động đầu tư không chính xác, gây ra lãng phí công sức, tiền bạc và nhất là lãng phí thời gian, lãng phí tuổi trẻ, lãng phí cơ hội, đó là những lãng phí mà mất đi rồi, khó có thể bù đắp trở lại được. Chọn trường, chọn nghề đặc biệt quan trọng đối với các em học sinh THPT bởi vì đó cũng chính là sự lựa chọn tương lai của các em. Nếu chọn cho mình một hướng đi, một nghề phù hợp, ngoài việc giúp cho mỗi cá nhân đảm bảo cuộc sống vật chất, mà còn giúp họ có được niềm vui, hạnh phúc và dễ dàng thành công hơn trong cuộc sống.

1. Một số thực trạng xu hướng lựa chọn nghề nghiệp và việc làm của học sinh sinh viên

Sau khi học xong lớp 12, mỗi học sinh cần định hướng tương lai mình sẽ học ngành gì, học bậc học nào, xét tuyển trường nào? ... hoặc trang bị cho mình một nghề nghiệp để tham gia lao động nuôi sống bản thân, giúp đỡ gia đình và đóng góp cho xã hội. Đây là một hoạt động cần thiết và quan trọng giúp học sinh định hướng và lựa chọn đúng nghề nghiệp. Công tác này cần thực hiện sớm để những khó khăn và trăn trở của học sinh không trở nên nặng nề hơn vào những ngày tháng cuối cùng của năm học, khi các em đang tập trung cho việc ôn luyện trước kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Hiện nay, hầu hết học sinh lớp 12 còn rất lúng túng và mơ hồ trước quyết định của mình, không dám chắc nghề mình định chọn có phải là nghề phù hợp với mình hay không, các em

thiếu thông tin cần thiết để làm cơ sở trước khi ra quyết định. Với các khó khăn trong việc định hướng tương lai như trên bắt buộc mỗi học sinh phải hoàn tất việc định hướng nghề nghiệp chậm nhất trong học kỳ 1 năm lớp 12, để có thể tập trung mọi nỗ lực cho kỳ thi tốt nghiệp. Sau khi thi tốt nghiệp, học sinh có thể thực hiện định hướng tương lai mà mình đã xác định trước đó một cách nhẹ nhàng, ít áp lực.

Xác định đúng hướng đi cho mình, có sự định hướng nghề nghiệp đúng, người trẻ mới có thể tạo cơ hội thành công trong tương lai. Kiến thức cần đi liền với đam mê nhưng quan trọng hơn, người trẻ cần nhìn ra cơ hội nghề nghiệp cho chính mình. Định hướng sai vẫn có thể giúp học sinh tiếp tục con đường học vấn nhưng nguy cơ “vỡ mộng” sau khi tốt nghiệp khá nhiều. Chính vì thế, sinh viên cao đẳng, đại học mới ra trường thường lúng túng khi tìm kiếm việc làm, những người này không xác định được con đường rõ ràng và thế mạnh của mình để phát huy. Mong muốn có ngay công việc nên phần lớn trong số này cúi đầu chấp nhận những công việc hoàn toàn không phù hợp, thậm chí trái ngành nghề, chẳng liên quan gì đến những năm tháng dùi mài trên giảng đường. Đại đa số có tư tưởng xin việc vì quyền lợi bản thân chứ chưa nghĩ nhiều đến công việc, một số khác lại quá tham vọng do không tự lượng được sức mình nên khi mắc phải sai lầm hay gặp thất bại trở nên chán nản và nhanh chóng đầu hàng. Thiếu say mê và nhiệt huyết với nghề nghiệp, những người trẻ “lạc lối” có thể tồn tại “hạnh phúc” không trong môi trường làm việc cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Theo số liệu khảo sát cho thấy tình hình định hướng nghề nghiệp phổ biến của học sinh THPT hiện nay như sau:

Học ĐH, CĐ	Du học	Đi làm	Học nghề	Chưa rõ	Phương án khác
78,32%	9,09%	2,79%	0,72%	4,19%	4,89%

Như vậy, tỷ lệ học sinh THPT chọn bậc đại học, cao đẳng để học tiếp sau THPT là xu thế phổ biến với trên 78% học sinh chọn lựa. Hiện nay, do tâm lý chuộng bằng cấp đại học nên mỗi năm Việt Nam có khoảng 1 triệu học sinh học xong chương trình THPT thì trong đó có tới 80% làm hồ sơ xét tuyển vào các trường đại học, riêng tại Tp.HCM hiện lên tới hơn 90%. Tỷ lệ này ngày càng gia tăng và là nguyên nhân làm cho nguồn nhân lực vừa thừa, vừa thiếu.

Lựa chọn định hướng nghề nghiệp đúng đắn không phải là chọn nghề theo “xu hướng” thời đại, mà cần chọn nghề theo mô hình gốc rễ. Nguyên tắc định hướng nghề cho học sinh xuất phát từ “gốc rễ” đó chính là năng lực (học vấn), sở thích, khả năng, cá tính để sinh ra “trái ngọt” đó chính là công việc ổn định, lương cao, môi trường làm việc tốt, được mọi người tôn trọng.

Việc chọn lựa nghề cùng còn phụ thuộc khả năng kinh tế gia đình, điều kiện xã hội... nên phải cân nhắc giữa các yếu tố này khi chọn lựa. Nếu gia đình không đủ điều kiện kinh tế nhưng con mình có đủ năng lực thì có thể hướng con đi con đường khác là vào bậc cao đẳng để được đào tạo thực hành rồi sau đó liên thông lên đại học. Cách làm này giúp giảm chi phí gia đình phải bỏ ra mà vẫn giúp con đạt được bằng cấp cao như mong muốn cũng như có thể sử dụng bằng nghề để đi làm kiếm thêm thu nhập trong quá trình học liên thông.

Tâm lí phải vào đại học bằng mọi giá của nhiều bậc phụ huynh vô hình chung đã đè lên vai học sinh một gánh nặng và tư tưởng chỉ có một con đường “sáng sủa” duy nhất là vào đại học. Học nghề chỉ là lựa chọn cuối cùng khi không thể nào làm khác hơn. Với gia đình khá giả, con đường du học tự túc khi con em họ không có khả năng với đến cánh cửa các trường đại học trong nước luôn được nghĩ đến. Ai cũng muốn con em mình phải hơn thiên hạ ở cái bằng cấp và ít nhất là được bằng bạn bằng bè. Trong khi các hoạt động tư vấn nghề nghiệp, chọn ngành, chọn nghề hợp với sở thích, năng lực của học sinh đang được triển khai thì nhiều gia đình lại có những suy nghĩ trái chiều. Họ không cần biết sức học của con ra sao, có năng khiếu ngành nghề nào, thực lực kinh tế gia đình ra sao nhưng vẫn thúc con thi ngành này ngành nọ, có khi ép buộc con phải quyết chí thi đến 2-3 lần chỉ để chạm tay vào cánh cổng đại học. Tư tưởng phải vào đại học bằng mọi giá ăn sâu vào thể hệ học sinh, nhiều người trong số họ bị choáng trước những nghề “hot”, không biết mình có năng khiếu về lĩnh vực nào và lại càng mù tịt về những ngành nghề hiện nay để biết mình hợp với loại nghề gì.

Tại Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới, sau khi học hết THPT, học sinh chủ yếu sẽ có 3 hướng chính để vào đời: (1) Học bậc đại học; (2) Học bậc cao đẳng, trung cấp hoặc học nghề; (3) Đi làm. Có rất nhiều con đường để vào đời, thế nhưng khi hết THPT hầu như các bạn trẻ đều trầm trồ với câu hỏi "Làm sao để vào được đại học". Rất nhiều người trong số đó vẫn biết rằng còn rất nhiều con đường khác để chuẩn bị cho tương lai, nhưng rồi chẳng ai dám tự tin đi những con đường khác, tất cả đều đổ dồn vào một con đường duy nhất: “Học để vào đại học” và cuối cùng cảm thấy mệt mỏi vì phải gồng mình chạy theo người khác trong khi điều kiện và năng lực của mình không đáp ứng được.

Bạn hoàn toàn có thể thấy ngoài thực tế rằng có rất nhiều người đậu đại học, có bằng cấp, học lực tốt nhưng vẫn khó xin việc, khi đi làm thì lại rất chật vật với công việc và mức thu nhập không cao. Bên cạnh đó, bạn cũng có thể thấy hàng trăm, hàng ngàn tỉ phú, triệu phú, những vị giám đốc không có Bằng đại học, thậm chí là trình độ học vấn rất thấp trên khắp thế giới cũng như ngay ở Việt Nam nhưng đã rất thành công. Ở Việt Nam, có thể điểm mặt 5 tỷ phú không học đại học là ông Đoàn Nguyên Đức (chủ tịch Hoàng Anh Gia Lai) đứng nhất nhì thị trường chứng khoán Việt Nam, ông Lê Phước Vũ (chủ tịch Tập đoàn Hoa Sen), ông Dương Ngọc Minh (chủ tịch Thủy sản Hùng Vương, bà Chu Thị Bình - Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và bà Nguyễn Thị Như Loan - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc công ty Quốc Cường Gia Lai...

Thi đỗ vào đại học không phải là con đường duy nhất của một học sinh. Nếu không đủ năng lực, không đủ nguồn tài chính, bạn có thể học cao đẳng, trung cấp hay học nghề. Đây cũng là những nơi đào tạo nhân lực cho đất nước. Thực tế cho thấy, có biết bao người đã tạo dựng sự nghiệp mà không cần đến tấm bằng đại học. Không phải cứ học giỏi, bằng cấp cao là sẽ thành công trong công việc, sự nghiệp. Bên cạnh đó, giải pháp học liên thông lên bậc học cao hơn, đi du học hoặc xuất khẩu lao động cũng là 1 giải pháp tốt. Hãy suy nghĩ thật kỹ về con đường mà mình sẽ chọn lựa khi chuẩn bị vào đời. Có cần phải vào đại học bằng mọi giá? Lựa chọn hướng đi đúng có ý nghĩa quyết định kết quả phần đầu của cả cuộc đời sau này. Việc lựa chọn con đường vào đại học hay cao đẳng, trung cấp, du học nghề, hợp tác lao động quốc tế... là tùy thuộc vào trình độ học lực, năng khiếu, sở thích của bản thân cũng như hoàn cảnh kinh

tế của gia đình. Với kinh nghiệm của người đi trước, tôi đưa ra một số gợi ý cho các bạn tham khảo với mong muốn giúp các bạn có cái nhìn tổng quát hơn, lựa chọn đúng đắn hướng đi nghề nghiệp của mình.

2. Học tiếp đại học hoặc cao đẳng đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, sinh viên tốt nghiệp cao đẳng

2.1. Học tiếp đại học

Sau khi tốt nghiệp THPT bạn học tiếp đại học, trong thời gian 4 năm, tiền học phí và các chi phí khác theo thời giá hiện nay hết khoảng 200.000.000đ, nếu học lớp chất lượng cao hoặc trường quốc tế thì chi phí còn tốn hơn nhiều. Sau khi tốt nghiệp đại học, xin được việc làm như ý, hợp với chuyên môn cũng rất khó. Nếu đi làm xa nhà, phải thuê nhà ở, với mức lương hiện nay trung bình từ 10 đến 12 triệu đồng/tháng; cho dù chi tiêu tiết kiệm thì sau 5 năm, số tiền bạn tích lũy được 100 triệu là rất khó khăn. Nếu bạn đi du học hoặc hợp tác lao động quốc tế, sau 5 năm, trừ chi phí ban đầu, bạn sẽ tích lũy được tiền tích lũy tạo thuận lợi cho khởi nghiệp sau này.

Hiện nay, không những học sinh vừa học xong chương trình THPT mà không ít các bạn sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học, cao đẳng ở các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng và nhiều ngành được cho là “hot” đã và đang rơi vào tình trạng thất nghiệp nên bắt buộc phải học thêm 1 nghề để kiếm việc. Tình hình hiện nay tấm bằng đại học cũng mất dần giá trị, nó không thể đảm bảo cho bạn một công việc như ý sau khi ra trường. Chính vì vậy, hình thức đào tạo nghề ở các trường cao đẳng có uy tín, có bằng cấp được chứng nhận đang là xu hướng lựa chọn của nhiều học sinh THPT.

2.2. Học tiếp cao đẳng

Sinh viên hệ cao đẳng cũng có những lợi thế nhất định mặc dù thấp hơn so với đại học về mặt giá trị bằng cấp và khối lượng kiến thức đào tạo. Tuy nhiên, nếu biết nắm bắt thời cơ, kết hợp cùng sự chăm chỉ tìm tòi và phát triển bản thân thì các bạn hoàn toàn có thể đạt được những điều mình mong muốn mà không nhất thiết phải trải qua 4-5 năm học đại học.

- **Về thời gian:** Hệ cao đẳng có thời gian đào tạo ngắn hơn so với hệ đại học. Vì thế sinh viên cao đẳng ra trường sớm hơn, các bạn có cơ hội tìm cho mình những công việc phù hợp, hình thành kinh nghiệm làm việc sớm hơn so với sinh viên đại học. Chi phí cơ hội cho 02 – 03 năm học cao đẳng so với 04 – 05 năm học đại học là một chi phí khá lớn và vô hình trong thị trường đầy sôi động và nhiều biến chuyển bất ngờ như hiện nay. Ai nhanh hơn và nắm bắt thời cơ tốt hơn thì người đó “thắng”. Vậy nên, lựa chọn học cao đẳng cũng là một phương án tốt.

- **Sự lựa chọn vừa với năng lực học tập:** Việc lựa chọn cao đẳng được coi là hợp lý đối với nhiều thí sinh có lực học trung bình khá bởi cơ hội vào đại học sẽ hơi khó khăn. Hơn thế nữa, nếu bạn yêu thích học nghề hơn là nghiên cứu thì cao đẳng là bậc học hoàn toàn phù hợp. Theo đó, bạn sẽ được theo học và đào tạo một cách bài bản, nhanh chóng ngành nghề mà mình yêu thích.

- **Mang tính cạnh tranh cao:** Ngày nay đa số các nhà tuyển dụng chú trọng tới kinh nghiệm và sự chuyên nghiệp trong công việc hơn là coi trọng bằng cấp. Điều này cho thấy sinh

viên cao đẳng có khả năng cạnh tranh công bằng và có thể nói là không thua kém gì so với sinh viên được đào tạo hệ đại học.

- **Tiết kiệm chi phí học tập và sinh hoạt:** Trong khi học đại học có thể lên tới 4 – 5 năm thì thời gian đào tạo cao đẳng chỉ mất từ 2,5 đến 3 năm. Sinh viên sẽ tiết kiệm được một khoản kha khá thời gian, tiền bạc, bởi thời gian học càng dài thì sẽ càng tốn nhiều chi phí cho việc học tập và sinh hoạt. Bên cạnh đó, một số trường cao đẳng có mức học phí thấp hơn hệ đại học, giúp tiết kiệm chi phí học tập hơn rất nhiều. Hơn thế nữa, sinh viên cao đẳng sau khi tốt nghiệp sớm hơn sẽ có thể đi làm sớm hơn sinh viên hệ đại học, có thể tìm được vị trí làm việc phù hợp sớm hơn dự kiến.

- **Có nguồn thu nhập ổn định sau thời gian đào tạo ngắn:** Hiện nay, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng thu nhập của những người có trình độ cao đẳng cũng không hề thua kém so với những người có trình độ đại học. Thậm chí, nếu bạn có năng lực chuyên môn giỏi và biết tận dụng tốt cơ hội tốt để rèn luyện thêm thì mức lương còn có thể cao hơn. Điều này không phụ thuộc quá nhiều vào quá trình bạn được đào tạo ở hệ đại học hay cao đẳng mà phụ thuộc vào khả năng lĩnh hội, học hỏi của từng cá nhân. Tuy nhiên, khi bạn học cao đẳng và ra trường sớm hơn bạn bè đồng trang lứa – những người vẫn đang ngồi trên ghế của trường đại học, thì bạn đã có thu nhập ổn định sớm hơn họ 1 – 2 năm rồi.

- **Dễ dàng liên thông lên bậc học cao hơn:** Nếu sau khi hoàn thành chương trình đào tạo hệ cao đẳng mà bạn muốn nâng cao kiến thức, học lên cao hơn thì vẫn có thể học liên thông lên đại học. Học liên thông chương trình đại học sẽ giúp bạn nâng cao được các kiến thức và kỹ năng chuyên môn nhiều hơn. Khi đó, bạn vừa có kinh nghiệm thực tế để áp dụng vào trong các kiến thức được học ở trường, vừa có thể có được cơ hội và vị trí làm việc tốt hơn khi không ngừng trau dồi và “nâng cấp” bản thân.

Trên đây là một số chia sẻ giúp các bạn nắm được khái niệm cao đẳng là hệ đào tạo gì? Cũng như có nên học cao đẳng không? Mong rằng những thông tin này sẽ hữu ích với những học sinh và các bậc phụ huynh khi đang đắn đo không biết nên chọn học theo hệ nào.

Nếu bạn chọn học cao đẳng thì trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM là một địa chỉ uy tín, đáng tin cậy. Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM là trường công lập thành lập năm 1976, là một trong những trường chất lượng hàng đầu của Việt Nam. Hơn 40 năm qua, nhà trường đã đào tạo nhiều lớp sinh viên trở thành những cán bộ kỹ thuật, quản lý và chuyên gia tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đội ngũ giảng viên tham gia nghiên cứu và giảng dạy gồm 218 người, trong đó hơn 80% có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Trường xây dựng được cơ sở vật chất khang trang, hiện đại bảo đảm tốt cho giảng dạy, học tập; có 02 tòa nhà 7 tầng, 04 tòa nhà 5 tầng, với 200 phòng học lý thuyết được trang bị đầy đủ máy chiếu và thiết bị hỗ trợ giảng dạy; 100 xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học đa phương tiện; phòng Lap; thư viện 2500m², Ký túc xá có 2000 chỗ ở cho sinh viên.

Khi đăng ký vào học tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM, bạn có cơ hội trúng tuyển cao vì nhà trường áp dụng nhiều phương thức tuyển sinh linh hoạt: Xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia; dựa vào kết quả 5 học kỳ bậc THPT (Lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12); xét tuyển dựa vào kết quả học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 12; xét điểm đánh giá năng lực của Đại học

Quốc gia TP. HCM và điểm đánh giá năng lực của các trường đại học khác. Học tại trường bạn sẽ được hưởng lợi từ nhiều ưu thế của nhà trường:

- **Chi phí:** Trường công lập, học phí thấp, tọa lạc gần khu Công nghệ cao TP. HCM, thuận lợi cho người học về sinh hoạt và cơ hội việc làm.
- **Ký túc xá:** Trường có Ký túc xá 2000 chỗ ở cho sinh viên, khang trang, sạch đẹp ngay cạnh trường, phủ sóng Wifi miễn phí, thuận tiện cho người học di chuyển học tập.
- **Học bổng:** Nhà trường cùng nhiều nhà tài trợ, luôn có nhiều chính sách cấp học bổng, miễn, giảm học phí để khuyến khích và hỗ trợ sinh viên.
- **Ưu đãi tuyển sinh:** Cấp học bổng 100% học kỳ 1 cho thí sinh có điểm 3 môn xét tuyển trung bình đạt 9,0 trở lên; Anh/Chị em ruột đang học cùng trường thì sinh viên thứ 2 trở đi sẽ được giảm 50% học phí.
- **Cơ hội tham gia chương trình trao đổi sinh viên quốc tế:** Sinh viên được tham gia chương trình trao đổi sinh viên với các trường Đại học Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Đức...
- **Môi trường học tập năng động, sáng tạo:** Trang thiết bị giảng dạy, học tập tiên tiến, hiện đại. Sinh viên được tham gia các Câu lạc bộ, các hoạt động trải nghiệm thực tế.
- **Cơ hội việc làm cao:** Nhà trường liên kết với hơn 300 doanh nghiệp lớn tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thực tập và làm việc sau khi tốt nghiệp, được giới thiệu thực tập, thực hành có lương tại các công ty, doanh nghiệp trong thời gian học; hơn 90% sinh viên trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.
- **Cơ hội học liên thông:** Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được học liên thông lên đại học ngay, tại trường học với các trường Đại học danh tiếng trong nước.
- **Giải thưởng:** Giải nhất giảng viên dạy giỏi quốc gia; Giải nhất Thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia; Giải nhất cuộc thi Khởi nghiệp quốc gia (Startup Kite 2022), được Shark Liên và các nhà đầu tư khác đầu tư hàng tỉ đồng...
- **Cam kết:** Không tăng học phí trong suốt khóa học.

3. Đi du học nghề đối với đối với học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, sinh viên tốt nghiệp cao đẳng

Trước tình trạng nền giáo dục và đào tạo nước nhà đang trong tình trạng thừa thầy thiếu thợ, một số bạn trẻ thức thời đã chọn con đường ra nước ngoài du học nghề. Mục tiêu của họ khá rõ ràng, không nhất thiết phải mang về nước tấm bằng đại học có mác ngoại quốc, thay vào đó, họ hài lòng với những chứng chỉ nghề và cơ hội việc làm với thu nhập cao. Khi kinh tế và sự đầu tư vào giáo dục phát triển song song, du học dần trở nên dễ nắm bắt hơn đối với sinh viên học sinh Việt Nam. Du học nghề tại các nước phát triển cũng đang được rất nhiều bạn trẻ lựa chọn. Sở hữu những chứng chỉ nghề cũng đem đến rất nhiều lợi ích, cơ hội trong việc tìm kiếm việc làm: Được trải nghiệm môi trường giáo dục chuyên nghiệp; giúp bạn trưởng thành hơn; nâng cao trình độ ngoại ngữ; bổ sung lượng kiến thức mới; tiếp cận môi trường đa văn hóa, khám phá thế giới giúp cuộc sống của bạn ý nghĩa hơn; bằng cấp được công nhận trên toàn thế giới; cơ hội nghề nghiệp mở rộng... Nếu sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng, thời gian du học nghề sẽ giảm 1 năm so với học sinh tốt nghiệp THPT.

Trường CĐ Công Thương TP. HCM có tổ chức liên kết đào tạo với nhiều trường đại học nước ngoài và hợp tác với nhiều công ty xuất khẩu lao động và du học; nếu có nhu cầu, sinh viên có cơ hội được đi du học hoặc xuất khẩu lao động các nước như Hàn Quốc, Singapore, Nhật Bản, Đức, Úc, Đài Loan. Nếu bạn có quyết tâm và sở thích du học nghề thì đây là một lựa chọn rất tốt. Với thời gian học ngắn hơn đại học, chi phí cũng chỉ tương đương như học đại học trong nước nhưng sau 5 đến 6 năm bạn có thể tích lũy được tiền tỉ, có vốn tiếng nước ngoài tốt, học được những kỹ năng, nếp sống văn minh, kỷ luật lao động của các nước tiên tiến. Nếu muốn ở lại làm việc lâu dài, bạn có thể được nhập quốc tịch, bảo lãnh cho vợ, chồng, con cùng sang sinh sống; nếu không muốn ở lại làm việc tiếp mà trở về nước bạn cũng có nhiều lợi thế; với tay nghề và vốn tiếng nước ngoài bạn đã học được, sẽ dễ dàng xin vào các khu công nghiệp, làm việc ở các công ty nước ngoài hoặc làm phiên dịch, dạy tiếng ở các trung tâm đào tạo tiếng nước ngoài. Hoặc với số tiền tích lũy được bạn cũng có thể mở công ty, kinh doanh lĩnh vực nào đó. Đối tượng tuyển sinh du học ở các nước nói chung gồm nam, nữ đã tốt nghiệp THPT hoặc các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học. Nếu đã có bằng Cao đẳng hoặc Đại học thì thời gian học sẽ rút ngắn từ 1 đến 1,5 năm.

4. Đi xuất khẩu lao động quốc tế đối với học sinh tốt nghiệp THPT, sinh viên đại học, cao đẳng

Xuất khẩu lao động (XKLĐ) hiện là sự lựa chọn ưu tiên của nhiều người trẻ Việt Nam bởi những lợi ích lớn mà nó mang lại, những lợi ích thực tế của việc đi làm việc tại nước ngoài cũng là điểm hấp dẫn đặc biệt khiến nhiều người trẻ lựa chọn các đơn hàng phù hợp với khả năng, trình độ và điều kiện kinh tế hiện tại của bản thân với mong muốn “Đổi đời” sau vài năm lập nghiệp tại xứ người.

- **Thu nhập cao và ổn định:** Cũng là những công việc ở các ngành nghề thông thường như Cơ khí chế tạo máy, Điện – Điện tử, Nhà hàng, Khách sạn, May mặc, Giày da, Xây dựng, Công nghệ thực phẩm, Nông nghiệp, Điều dưỡng... nhưng nếu làm việc tại nước ngoài, trong các doanh nghiệp uy tín sẽ được đảm bảo mức lương cao và ổn định hơn từ 2000 – 3500USD, kèm theo đầy đủ các quyền lợi và chế độ đãi ngộ tương xứng theo quy định. Ngoài ra, một số nơi, lao động ngoài nước còn có thể được tăng ca, làm thêm ngoài giờ, làm thêm công việc khác... cũng giúp thu nhập hàng tháng ở mức cao.

- **Cải thiện và nâng cao Ngoại ngữ:** Giao tiếp cơ bản đến thành thạo ngôn ngữ của nước đến làm việc là một trong những yêu cầu bắt buộc khi lao động đi XKLĐ. Từ vốn ngoại ngữ nền tảng, đủ để giao tiếp trong công việc và đời sống sinh hoạt thường ngày, XKLĐ sang các nước sau khoảng vài năm chắc chắn sẽ giúp cải thiện và nâng cao trình độ, nhất là kỹ năng nghe – nói, thậm chí phản xạ nhanh và giao tiếp thành thạo, tự nhiên như người bản xứ. Điều này không chỉ giúp ích rất nhiều khi còn làm việc tại nước sở tại mà còn mang lại nhiều cơ hội tìm việc làm sau khi về nước.

- **Tiếp cận môi trường làm việc quốc tế hiện đại:** Không chỉ có cơ hội làm việc với máy móc và thiết bị, công nghệ tiên tiến, cơ chế quản lý hiện đại, lao động Việt làm việc tại nước ngoài còn được tiếp cận môi trường làm việc chuyên nghiệp và chuẩn chỉnh nhất, hình thành tư duy và tác phong nghề nghiệp, tính kỷ luật và có trách nhiệm, sự cạnh tranh công bằng và minh bạch đến khả năng sáng tạo, sự linh hoạt.

- **Được gia hạn hợp đồng, tăng thu nhập:** Ích lợi này dành cho những lao động đạt yêu cầu, làm việc chuyên nghiệp và chất lượng cao. Sau thời gian thỏa thuận, họ có thể sẽ được công ty tiếp nhận gia hạn thêm thời gian làm việc và đương nhiên, khi đó, mức lương nhận được sẽ cao hơn so với mức lương ban đầu.

- **Mở ra nhiều cơ hội việc làm hấp dẫn sau khi về nước:** Kinh nghiệm làm việc thực tế, trình độ ngoại ngữ vững và chuẩn cùng với tư duy và đạo đức nghề nghiệp cao là những điểm cộng vô cùng lớn giúp lao động về nước sau thời gian xuất khẩu dễ dàng tìm việc ở các vị trí cao (như kỹ sư, giám sát, quản lý, quản đốc, giám đốc...) hay đàm phán mức lương xứng đáng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Ngoài ra, bạn cũng có thể ứng tuyển vào các vị trí công việc hoàn toàn mới như phiên dịch viên hay giáo viên dạy ngôn ngữ tương ứng nếu muốn và đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng của tổ chức, doanh nghiệp.

Đối với học sinh tốt nghiệp THPT đi xuất khẩu lao động thường làm những công việc lao động phổ thông, thu nhập thấp hơn (Lương cơ bản 25 – 30.000.000đ/tháng), thời hạn hợp đồng ngắn hơn (2 – 3 năm). Với sinh viên đã tốt nghiệp cao đẳng, đại học đi xuất khẩu lao động sẽ có nhiều ưu tiên ưu đãi hơn: Thu nhập cao hơn (Lương cơ bản 30 – 60.000.000đ/tháng), thời hạn hợp đồng 5 năm, hết hạn hợp đồng được gia hạn nhiều lần, có thể được nhập quốc tịch nước đang làm việc, được bảo lãnh cho vợ (chồng) và con cái sang cùng sinh sống làm việc...

Kết luận

Tóm lại, đại học không phải là con đường duy nhất để bước vào đời, đừng bằng mọi cách, mọi giá để có mặt ở bậc học này, bất chấp nó có phù hợp với tính cách, sở trường và năng lực thật sự của mình hay không (nhất là đối với các bạn có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và học lực ở mức vừa phải). Với các bạn đang học hoặc đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng cũng có rất nhiều hướng để khởi nghiệp và lập nghiệp. Vì vậy, hãy xác định cho mình một hướng đi đúng đắn và phù hợp, bình tâm suy xét, lựa chọn cơ hội phát triển cho mình với các kỹ năng mà thị trường lao động cần để sẵn sàng hòa nhập vào xã hội bên ngoài. Hiện nay trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM có liên kết với nhiều Doanh nghiệp, Trung tâm có chức năng xuất khẩu lao động quốc tế và tuyển sinh du học như Tập đoàn An Dương, Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Độ Nhất 5 Sao, Seaprodex, Sona... Trong nội dung bài viết này tôi chỉ đưa một vài ngành, nghề du học và hợp tác lao động quốc tế tiêu biểu, còn rất nhiều ngành nghề khác hấp dẫn, có cơ hội để bạn học được kiến thức, tay nghề và tích lũy được số tiền lớn sau thời gian làm việc tạo thuận lợi cho lập nghiệp sau này. Nếu quan tâm bạn có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp/trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM, địa chỉ: 20 đường Tăng Nhơn Phú, phường Phước Long B, Thủ Đức, TP. HCM; ĐD: 02862881352 hoặc liên hệ trực tiếp với tác giả bài viết này: nguyentrungluc2807@yahoo.com.vn; ĐD: 090 880 2350.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, Brochure tuyển sinh 2022, 2023
- [2]. Đại học Tôn Đức Thắng, Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp năm 2017
- [3]. Đại học Tôn Đức Thắng, Cơ sở khoa học và nguyên tắc của việc lựa chọn nghề năm 2017
- [4]. Công ty TNHH TM-DV Đệ Nhất 5 Sao, Tài liệu tư vấn tuyển sinh du học và hợp tác lao động quốc tế năm 2023.
- [5]. Tập đoàn An Dương, Tài liệu tư vấn tuyển sinh du học và hợp tác lao động quốc tế năm 2023.

SỨC MẠNH NGÔN TỪ - NGÔN TỪ MẠNH TRONG KINH DOANH

Nguyễn Ngọc Ân Thy

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

“Ta có thể tạo ra sự đột phá bằng sức mạnh ngôn từ đối với tất cả những việc tưởng chừng như không thể” (Keiichi Sasaki)

Chúng ta đã từng nghe câu chuyện ông già mù ăn xin. Trong câu chuyện, sức mạnh ngôn từ đã làm thay đổi hoàn toàn cục diện bởi cô gái nọ đã thay đổi cách diễn đạt câu của ông già mù *I'm blind, please help* bằng câu. *It's a beautiful day and I can't see it.*

Ta đã từng biết đến quảng cáo của hãng Coca-Cola: ***Taste the Feeling***. Câu trên đã thúc đẩy khách hàng tập trung vào trải nghiệm cảm xúc khi uống nước giải khát của họ. Tuyên bố của Nike: ***Just Do It*** rất đơn giản, nhưng đầy ý nghĩa và gọi lên cảm hứng cho khách hàng. Bài phát biểu của Steve Jobs trong sự kiện ra mắt sản phẩm iPhone đầu tiên của Apple đã sử dụng các từ ngữ mạnh mẽ để tạo ra cảm giác tuyệt vời và tiềm năng của sản phẩm: ***Today, Apple is going to reinvent the phone. And here it is. Hay: We're gonna make some history together today.***

Elon Musk, CEO của Tesla và SpaceX đã sử dụng sức mạnh ngôn từ để truyền tải tầm nhìn của mình cho tương lai của công nghệ và khoa học: ***We're going to make life multi-planetary.*** Sức mạnh ngôn từ của ông đã tạo động lực và truyền cảm hứng cho nhiều người, đồng thời cũng là một phần quan trọng trong thành công cho các công ty của ông.

Và chúng ta cũng đã biết đến câu nói của ông Phạm Nhật Vượng, Chủ tịch Tập đoàn Vingroup: ***Không ai có thể chạy nhanh hơn sự thay đổi của công nghệ, vì vậy chúng ta phải luôn luôn sẵn sàng thay đổi và đổi mới.***

Những câu nói trên thể hiện tầm nhìn, tâm huyết và quan điểm của những người kinh doanh. Ngôn từ của họ đã giúp thúc đẩy sự phát triển của công ty và đem lại thành công. Bởi họ đã tạo ra được năng lượng tích cực trong cách truyền đạt thông tin. Đó là sức mạnh ngôn từ.

Sức mạnh ngôn từ (the power of language) là khả năng sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng, thông điệp, hoặc cảm xúc một cách hiệu quả và mang ảnh hưởng cao đến người nghe, người đọc. Sức mạnh ngôn từ có thể truyền cảm hứng, thuyết phục, tạo động lực, kích thích sự đổi mới, tạo niềm tin và lòng trung thành trong các mối quan hệ. Sức mạnh ngôn từ được thể hiện ở việc tạo ra ngôn từ mạnh.

Ngôn từ mạnh là những từ hoặc cụm từ được sử dụng để tăng cường sức mạnh của thông điệp trong giao tiếp, thuyết phục hoặc thúc đẩy người nghe, người đọc đồng ý với ý kiến, hành động của mình. Hay nói cách khác, ngôn từ mạnh là ngôn từ mang nguồn năng lượng tác động đến trái tim con người.

Vấn đề ở đây là làm thế nào để tạo ra được ngôn từ mạnh?

Theo KeiiChi Sasaki (một nhà thiết kế, giáo sư tại Đại học Tokyo, Nhật Bản): cách tạo ra ngôn từ mạnh giống như nguyên lý **tàu lượn siêu tốc**. Đó là tạo sự chênh lệch độ cao trong ngôn từ. Sự chênh lệch độ cao càng lớn, cảm xúc của con người càng bị tác động mạnh mẽ.

Trong kinh doanh, nhiều doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân đã áp dụng nguyên lý tàu lượn siêu tốc để xây dựng thương hiệu, tiếp thị sản phẩm hoặc dịch vụ của mình bằng việc tạo ra ngôn từ mạnh và từ vựng mang yếu tố bất ngờ.

Chẳng hạn, để tạo cảm giác tò mò, hứng thú với những ưu đãi và giảm giá, nhân viên bán hàng thường sử dụng các từ ngữ như *ưu đãi đặc biệt, khuyến mãi hấp dẫn, giảm giá lớn, sản phẩm có chất lượng, hoàn toàn mới...* ... cộng với việc tạo ra trường độ, cường độ âm thanh (nếu dùng lời nói) một cách tinh tế, phù hợp, những từ ngữ này sẽ tạo ra độ chênh lệch của ngôn từ làm cho năng lượng ngôn từ được gia tăng. Khi đó, khách hàng cảm giác như đang nhận được giá trị tốt nhất:

*Sản phẩm mới của chúng tôi sẽ đưa bạn đến một trải nghiệm **hoàn toàn mới**, vượt xa mong đợi của bạn về chất lượng và tiện ích. Được thay bằng **Vượt xa mong đợi của bạn, sản phẩm của chúng tôi** chúng tôi sẽ đưa bạn đến một trải nghiệm **hoàn toàn mới**!* Cụm từ *Vượt xa mong đợi của bạn* được hoán đổi vị trí lên đầu câu tạo nên bất ngờ cho người đọc cộng với ngôn từ mạnh "hoàn toàn mới" nhằm nhấn mạnh vào tính đột phá, sự khác biệt so với những sản phẩm tương tự trên thị trường, hứa hẹn mang đến cho khách hàng một trải nghiệm độc đáo và tốt hơn. Ý nghĩa của ngôn từ mạnh này là tạo ra sự tò mò và hứng thú cho khách hàng, khơi gợi mong muốn khám phá sản phẩm và tăng khả năng thu hút khách hàng- muốn mua ngay.

Tương tự, khi thuyết phục khách hàng mua sản phẩm, việc mô tả sản phẩm, dịch vụ là một phần quan trọng trong kinh doanh. Do đó, ngôn từ phải hấp dẫn, thuyết phục và tạo ra ấn tượng tốt. Ngoài ra, ngôn từ được tạo ra phải làm cho khách hàng có cảm giác sản phẩm, dịch vụ sang trọng, thời trang và đẳng cấp: *sản phẩm này có thiết kế hiện đại, chất liệu chất lượng, tính năng độc đáo...* khi đó sẽ tạo được niềm tin ở khách hàng: **Chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và tính năng đa dạng, sản phẩm của chúng tôi là sự lựa chọn tối ưu của bạn.**

“Chất lượng”, “giá cả” được đứng đầu câu, đánh vào tâm lý khách hàng, điều mà họ đang quan tâm. Cộng với ngôn từ mạnh "sự lựa chọn tối ưu" (optimal choice). Cụm từ này thể hiện rằng sản phẩm của người nói là lựa chọn tốt nhất cho khách hàng, bởi vì sản phẩm có chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và tính năng đa dạng. Câu này sử dụng từ "chất lượng đảm bảo" và "giá cả hợp lý", hai từ cùng nhau thể hiện sản phẩm của họ không chỉ có chất lượng tốt mà còn có giá cả hợp lý. Cụm từ "tính năng đa dạng" cũng thể hiện sự đa dạng và linh hoạt của sản phẩm, làm cho nó trở thành sự lựa chọn tối ưu cho khách hàng.

Để tạo cảm giác gấp gáp, những từ ngữ như: *hạn chót, số lượng có hạn, "còn lại ít, ngay hôm nay...* nhằm thúc đẩy khách hàng ra quyết định mua hàng nhanh chóng.

Đừng bỏ lỡ cơ hội trải nghiệm sản phẩm của chúng tôi, sản phẩm của được thiết kế với công nghệ tiên tiến nhất và đem lại trải nghiệm tuyệt vời nhất cho người dùng. Hãy đặt hàng ngay hôm nay.... Ngôn từ mạnh trong câu là “ngay hôm nay” đã tạo ra năng lượng vì độ chênh

lệch trong ngôn từ. Cùng với sản phẩm "tiên tiến nhất" với ý nghĩa là sản phẩm được thiết kế và sản xuất với công nghệ đang dẫn đầu trong ngành, giúp sản phẩm đem lại trải nghiệm tốt nhất cho người dùng. Do đó khuyến khích, đề nghị khách hàng không nên bỏ lỡ cơ hội trải nghiệm sản phẩm mới của công ty và họ nên đặt hàng ngay. Điều này cho thấy rằng công ty tin tưởng vào sản phẩm của mình và hy vọng khách hàng cũng sẽ cảm thấy hài lòng khi sử dụng sản phẩm này.

Để tạo niềm tin, sử dụng các từ ngữ như: *đảm bảo, chất lượng, kiểm tra...* làm cho khách hàng tin tưởng vào sản phẩm hoặc dịch vụ của mình. Tạo cảm giác sản phẩm hoặc dịch vụ tốt, đẹp và đáng mua, cần sử dụng từ ngữ tích cực: *tuyệt vời, tốt nhất, đẳng cấp...* Trong việc quảng cáo sản phẩm, cũng cần chú ý đến việc mô tả sản phẩm hoặc dịch vụ để cho khách hàng hiểu rõ về sản phẩm hoặc dịch vụ, như: *"thiết kế hiện đại", "tính năng độc đáo..."*...Đồng thời, ngôn từ cũng phải thể hiện được thái độ phục vụ đối với khách hàng để họ tin tưởng vào mình:

*"Chúng tôi luôn tận tâm và **trung thành** với khách hàng của mình."* Được thay bằng *"**Trung thành** và **tận tâm** với khách hàng đó là điều chúng tôi luôn hướng tới."*

*"**Không chỉ cung cấp sản phẩm tốt nhất, mà chúng tôi còn đảm bảo dịch vụ hỗ trợ khách hàng tốt nhất."***

Các từ ngữ tích cực như "tận tâm", "trung thành", "sản phẩm tốt nhất", "dịch vụ hỗ trợ tốt nhất" cùng với cặp từ quan hệ "không chỉ" "mà ... còn" tạo ra chênh lệch độ cao trong ngôn từ. Điều đó cho thấy sự tập trung của công ty vào việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tạo ra sự khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh và tạo cho họ độ tin cậy nhất định.

Ngoài ra, những con số ấn tượng cũng có thể giúp người nói, người viết tạo ra chênh lệch độ cao trong ngôn từ và cho thấy sự ưu việt của sản phẩm hoặc công ty so với các đối thủ khác: *Trên **10 triệu** sản phẩm mà chúng tôi đã bán ra cho hơn 5 triệu khách hàng trên toàn thế giới.*

Khi giải quyết xung đột và đàm phán kinh doanh, áp dụng nguyên lý *tàu lượn siêu tốc* cũng sẽ tạo ra được môi trường tích cực: *Tôi tin rằng chúng ta có thể đạt được một thỏa thuận **hợp tác lâu dài**, đưa sản phẩm của chúng ta đến với nhiều khách hàng hơn và tăng doanh thu cho cả hai bên.* Ngôn từ mạnh trong câu này là "hợp tác lâu dài", có ý nghĩa là một mối quan hệ hợp tác kéo dài trong thời gian dài. Cụm từ này nhấn mạnh vào tính ổn định và bền vững của mối quan hệ hợp tác, tạo niềm tin và sự yên tâm cho đối tác khi thực hiện các hoạt động kinh doanh cùng nhau. Đồng thời thể hiện sự cởi mở, mong muốn hợp tác và phát triển kinh doanh của người nói. Hoặc: *Tầm nhìn của chúng tôi là xây dựng một **tương lai bền vững**, nơi con người và công nghệ được kết hợp một cách **hoàn hảo** để đưa ra những giải pháp tối ưu cho thế giới của chúng ta.* Ngôn từ mạnh là "tương lai bền vững" (sustainable future). Cụm từ này được sử dụng để tập trung vào tầm nhìn của doanh nghiệp, làm nổi bật cam kết của họ đối với một tương lai bền vững cho con người và trái đất. Từ "bền vững" mang ý nghĩa tích cực, cho thấy rằng doanh nghiệp không chỉ quan tâm đến lợi ích ngắn hạn mà còn đặt trọng tâm vào sự phát triển bền vững trong tương lai. Câu nói này cũng nhấn mạnh rằng công nghệ là một phần quan trọng trong việc đạt được tương lai bền vững, và chúng ta cần kết hợp con người và công nghệ để tìm ra những giải pháp tối ưu cho thế giới của chúng ta.

Khi kêu gọi nhà đầu tư, việc tạo ra ngôn từ mạnh có tác dụng tạo ra ấn tượng mạnh mẽ, thuyết phục, kích thích động lực và tạo ra sự hứng thú cho các nhà đầu tư. Ngoài ra, ngôn từ mạnh còn làm gia tăng niềm tin, giúp họ tin rằng dự án của mình có tính khả thi và mang lại lợi nhuận cao cho họ: *Sản phẩm của chúng tôi sẽ là một trong những **đột phá** của ngành và đem lại lợi nhuận lớn cho các nhà đầu tư.* Ngôn từ mạnh trong câu là "đột phá" (breakthrough) được sử dụng để chỉ rằng sản phẩm mới này sẽ làm nên một sự đột phá. Đó là một sự khác biệt và hoàn toàn mới. Từ "đột phá" mang ý nghĩa tích cực, khẳng định sự đột phá và khác biệt của sản phẩm so với những gì đã có trên thị trường nhằm để thuyết phục nhà đầu tư tham gia vào dự án.

*Chúng tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng và có những **chuyên gia hàng đầu** để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của dự án.* Cụm từ "chuyên gia hàng đầu" (top experts) đã nhấn mạnh rằng đội ngũ chuyên gia của dự án là những chuyên gia hàng đầu, có kinh nghiệm và năng lực để đảm bảo chất lượng và hiệu quả của dự án. "Hàng đầu" mang ý nghĩa tích cực và khẳng định sự chuyên nghiệp của đội ngũ chuyên gia cũng như làm tăng độ tin cậy của dự án. Câu nói này cũng nhấn mạnh rằng dự án sẽ mang lại giá trị cho cả cộng đồng và doanh nghiệp và khuyến khích mọi người tham gia để đưa dự án này thành hiện thực. Cũng có thể nói/viết: *Chúng tôi là người **tiên phong** trong việc áp dụng **công nghệ mới nhất** để tạo ra những sản phẩm **vượt trội**; Luôn **đặt khách hàng lên đầu tiên** và cam kết đem đến cho họ những trải nghiệm **tuyệt vời nhất**, đó là tôn chỉ của chúng tôi...*

Những cụm từ như "tiên phong", "công nghệ mới nhất", "sản phẩm vượt trội", "đặt khách hàng lên đầu tiên", "trải nghiệm tuyệt vời" là những cụm từ tuyên bố mạnh mẽ, tạo ra chênh lệch độ cao trong ngôn từ và cho thấy sự khác biệt của công ty so với các đối thủ khác.

Khi giao tiếp với đối tác quan trọng, việc tạo ra sự chênh lệch độ cao trong ngôn từ cũng chính là thể hiện thái độ luôn coi trọng mối quan hệ hợp tác với đối tác và cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho cả hai bên. Đồng thời, thể hiện sự chuyên nghiệp và tôn trọng đối tác, từ đó giúp xây dựng mối quan hệ kinh doanh bền vững và lâu dài: *Chúng tôi **đánh giá cao** sự hợp tác của đối tác và luôn cam kết đem lại **giá trị tốt nhất** cho cả hai bên; Chúng tôi sẽ nỗ lực để đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của đối tác và **xây dựng mối quan hệ lâu dài** và bền vững.* Cụm từ "đánh giá cao" và "cam kết đem lại giá trị tốt nhất" nói lên rằng, công ty luôn coi trọng mối quan hệ hợp tác với đối tác và cam kết mang lại giá trị tốt nhất cho cả hai bên. Đồng thời, thể hiện sự chuyên nghiệp và tôn trọng đối tác, từ đó giúp xây dựng mối quan hệ kinh doanh bền vững và lâu dài.

Để tạo ra môi trường làm việc tích cực bằng cách sử dụng nguồn năng lượng tích cực như: *Chúng ta là **một đội ngũ**, mỗi người đều có một vai trò và nhiệm vụ quan trọng trong dự án; **Tôi rất tin tưởng** vào khả năng của mỗi người trong nhóm và sẽ luôn hỗ trợ để chúng ta hoàn thành dự án một cách thành công và hiệu quả nhất.* Ngôn từ mạnh trong câu trên là "một đội ngũ" và "tôi rất tin tưởng vào khả năng của mỗi người trong nhóm". Thể hiện sự tôn trọng và đánh giá cao năng lực và vai trò của mỗi thành viên trong đội ngũ, tạo động lực cho các thành viên làm việc chung với tinh thần đồng đội, hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành dự án một cách hiệu quả và thành công.

Ngoài ra, cũng có thể sử dụng câu hỏi mở để khám phá nhu cầu người mua như "*Bạn đang tìm kiếm gì trong sản phẩm/dịch vụ này?*"... giúp khách hàng thể hiện nhu cầu và quan điểm của họ và đề xuất giải pháp cho khách hàng: *Dựa vào những gì bạn đã nói, sản phẩm/dịch vụ này sẽ giúp giải quyết vấn đề của bạn;*

*Định hình tương lai cùng chúng tôi! **Bạn đã sẵn sàng trở thành một nhà đầu tư tiên phong trong dự án độc đáo này chưa?** Hãy cùng chúng tôi trên con đường đổi mới. **Cơ hội không đến hai lần, hãy đặt dấu ấn của bạn ngay hôm nay!**"...*

Tóm lại, sức mạnh của ngôn từ không chỉ là một công cụ giao tiếp mà còn là một phương tiện mạnh mẽ để thay đổi và cải thiện cuộc sống của chúng ta. Việc hiểu và sử dụng ngôn từ một cách thông thạo có thể giúp chúng ta thành công trong nhiều khía cạnh của cuộc sống nói chung và trong kinh doanh nói riêng.

Để tạo ra ngôn từ mạnh trong kinh doanh, có thể áp dụng các cách sau đây:

1. Tạo sự đồng tình và liên kết: những từ như "chúng ta", "cùng nhau", "chung tay" thể hiện tính cộng đồng, đồng cảm và tạo sự liên kết giữa người nói và người nghe hoặc đối tác.
2. Sử dụng các từ mang tính khẳng định và quyết đoán, mạnh mẽ, tạo ấn tượng sâu sắc cũng như tạo ra được sự khác biệt và đáng nhớ như "chắc chắn", "tuyệt đối", "rất", "tuyệt đối", "hoàn toàn", "hoàn hảo", "tôi tin tưởng rằng" ...
3. Sử dụng những từ mang tính chất lôi cuốn và thu hút sự chú ý như "đột phá", "tối ưu", "hấp dẫn"...
4. Sử dụng các từ mang tính chất đánh giá cao về chất lượng như "tốt nhất", "chất lượng cao", "đảm bảo"...
5. Sử dụng các câu khuyên dùng tích cực và thể hiện sự khuyến khích như "hãy thử", "hãy tận hưởng", "hãy cùng nhau"...
6. Sử dụng các từ tạo hình ảnh sắc nét, sống động để tăng cường sự hình dung của người đọc như "rực rỡ", "tươi sáng", "mạnh mẽ"...

Tuy nhiên, việc sử dụng ngôn từ mạnh cần phải cân nhắc kỹ lưỡng để tránh vi phạm đạo đức kinh doanh và người đọc không cảm thấy bị lừa dối; đối tác không cảm thấy bị áp đặt. Muốn vậy, sử dụng ngôn từ mạnh phải đi kèm với sự minh bạch và trung thực. Việc tạo ra một hình ảnh quá mạnh mẽ mà không đảm bảo sự minh bạch có thể gây nên thiệt hại cho uy tín của chính mình trong tương lai.

Mặt khác, sử dụng ngôn từ mạnh cũng cần phải đặt trong bối cảnh thích hợp để tạo hiệu quả trong giao tiếp. Do đó, người nói/viết cần lưu ý một số điểm sau:

- Hiểu rõ khách hàng: Trước khi sử dụng ngôn từ mạnh, cần hiểu rõ đối tượng khách hàng. Từ đó, có thể tạo ra các từ ngữ phù hợp và hiệu quả để hướng tới đúng đối tượng khách hàng của mình.
- Sử dụng ngôn từ sáng tạo: Để thu hút sự chú ý của khách hàng, cần sử dụng ngôn từ sáng tạo và độc đáo. Có thể sử dụng các câu chuyện, hình ảnh, khẩu hiệu hay các ký hiệu để làm cho thông điệp của trở nên hấp dẫn hơn.

- Sử dụng từ ngữ cảm xúc: Các từ ngữ cảm xúc như "tuyệt vời", "đáng tin cậy", "thú vị" hay "đặc biệt"... có thể tạo ra ấn tượng tốt và gợi cảm xúc tích cực cho khách hàng. Tuy nhiên, cần chú ý đừng dùng quá nhiều để tránh bị coi là quá khích.
- Sử dụng từ ngữ đầy đủ nội dung: Để thuyết phục khách hàng, cần sử dụng các từ ngữ đầy đủ nội dung và cung cấp đầy đủ thông tin; cần giải thích rõ ràng các sản phẩm, dịch vụ hay các đặc điểm độc đáo của doanh nghiệp để khách hàng có thể hiểu rõ hơn.
- Tập trung vào lợi ích của khách hàng: Cần tập trung vào những lợi ích mà sản phẩm hoặc dịch vụ mang lại cho khách hàng, thay vì chỉ tập trung vào đặc điểm sản phẩm hoặc dịch vụ của bạn. Bằng cách này, chúng ta có thể tạo ra sự kết nối mạnh mẽ hơn với khách hàng và thu hút họ đến với sản phẩm hoặc dịch vụ của mình.

Môi trường kinh doanh luôn có những khó khăn và thách thức phải đối mặt. Việc sử dụng ngôn từ thông minh, tinh tế, sáng tạo sẽ tạo động lực có thể giúp chúng ta vượt qua những trở ngại. Khả năng sử dụng và hiểu rõ ngôn từ không chỉ là một kỹ năng quan trọng mà còn là một yếu tố quyết định trong việc thành công trong kinh doanh. Sức mạnh ngôn từ còn giúp chúng ta xây dựng mối quan hệ tốt với những người xung quanh. Người sở hữu sức mạnh ngôn từ là người luôn thấy tự tin và thoải mái trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Điều này có thể giúp ta vượt qua những trở ngại và khó khăn trong sự nghiệp của mình để thành công. Trong một thế giới ngày càng toàn cầu hóa và liên kết chặt chẽ, hãy đầu tư thời gian và nỗ lực cho việc phát triển kỹ năng giao tiếp, khi đó, sức mạnh ngôn từ sẽ được tạo ra và thành công sẽ đến.

Cách diễn đạt cũng như thanh kiếm, càng dùng nhiều càng sắc nhọn. (Keiichi Sasaki)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hà Nam Khánh-Giáo trình Giao tiếp kinh doanh, NXB Lao động - xã hội, 2010
- [2]. Keiichi Sasaki- Nghệ thuật truyền đạt, NXB Thế giới, 2018

GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH Ở HITC

“MỘT TUẦN HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN”

Nguyễn Thành Quân

Khoa Giáo dục Thể chất – Quốc phòng, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM

Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP-AN) là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, một nội dung cơ bản trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; là môn học chính khóa trong chương trình giáo dục từ cấp trung học phổ thông đến trình độ đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

Môn học GDQP-AN góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên về lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta, của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; có ý thức cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; có kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh; có kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết để tham gia vào sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, công tác Quốc phòng - An ninh, trong đó có môn học GDQP-AN luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường. Từ năm học 2017-2018, môn học GDQP-AN đã tổ chức dạy học tập trung theo quy định của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Trung ương. Theo đó, sinh viên sẽ có một tuần học tập trung, nhập học vào sáng thứ 2 và kết thúc đợt học vào chiều chủ nhật. Quá trình học tập, rèn luyện thực hiện 3 chế độ trong tuần và 11 chế độ trong ngày như trong môi trường quân đội; qua đó giúp sinh viên có 1 tuần học tập, rèn luyện và trải nghiệm với nhiều điều mới mẻ, thú vị nhưng đầy nghiêm khắc, kỷ luật.

Với mục đích giúp quý thầy giáo, cô giáo và các em sinh viên biết rõ hơn về hoạt động dạy học môn GDQP-AN ở trường chúng ta; bài viết **GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH “MỘT TUẦN HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN”** xin gửi đến một số hoạt động học tập và rèn luyện trong tuần học môn GDQP-AN của các bạn sinh viên sau đây.

1. Buổi đầu nhập học



Hình 01 - 02: Biên chế lớp học

Buổi học đầu tiên với bao bỡ ngỡ, lạ lẫm. Sau khi ổn định các em được tổ chức biên chế thành các đơn vị tiểu đội, trung đội, đại đội. Tiếp đến là cấp phát quân trang.

1.1. Khai giảng lớp học

Vào sáng thứ 2, sau khi hoàn thành việc biên chế lớp, cấp phát quân trang Khoa tổ chức lễ Khai giảng lớp học với các nội dung:

- Chào cờ, tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu
- Phát biểu khai giảng của thầy Trưởng khoa
- Đại diện giảng viên phát biểu
- Đại diện sinh viên phát biểu
- Phát biểu chỉ đạo của Đại biểu cấp trên
- Kết thúc.



Hình 03 - 04: Khai giảng tuần học.

1.2. Bài đầu tiên trong “tuần quân ngũ”



Hình 05 - 06: Học gấp xếp nội vụ

Bài học đầu tiên của chiến sĩ mới là gấp xếp nội vụ. Đây là một trong những bài học nhằm rèn luyện cho quân nhân nói chung và các em sinh viên nói riêng tính cẩn thận, tỉ mỉ trong sắp xếp nội vụ - xây dựng nền tảng để rèn luyện tính kỷ luật.

2. Ăn tập trung

Từ năm học 2019 – 2020, sinh viên học môn GDQP-AN được tổ chức ăn tập trung; mỗi ngày 3 bữa: sáng, trưa, chiều. Khi đi ăn các em tập hợp đội hình và hành quân đi đến nhà ăn theo đội hình như các chiến sĩ trong đơn vị quân đội.



Hình 07 - 08: Hành quân đi ăn cơm.

3. Học tập – rèn luyện

Môn học GDQP-AN là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng, được áp dụng cho tất cả các ngành, nghề đào tạo. Môn học trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự và kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

Ở trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM, môn GDQP-AN được tổ chức dạy học và đánh giá kết quả thông qua thông tư số 10/2018/TT-BLĐT BXH. Dưới đây là một số hoạt động học tập của sinh viên:

3.1. Giờ học điều lệnh



Hình 09 - 10: Huấn luyện điều lệnh

3.2. Giáo dục chính trị, quân sự, pháp luật qua bài giảng lý thuyết



Hình 11 - 12: Học tập lý thuyết

3.3. Huấn luyện các kỹ năng quân sự cơ bản



Hình 13: Luyện tập tháo lắp súng Tiểu liên AK



Hình 14: Học lý thuyết bắn súng Tiểu liên AK



Hình 15: Tư thế động tác bắn súng Tiểu liên AK

Học tập các kỹ năng quân sự như: tháo lắp súng, ném lựu đạn, cấp cứu chuyển thương, bắn súng tiểu liên AK, ... trong đó, bắn súng luôn là điều rất đặc biệt và đầy hào hứng đối với các em sinh viên. Cũng như các chiến sĩ Bộ đội cụ Hồ, trong quá trình học tập, sinh viên HITC luôn luyện tập với tinh thần “*Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu*”.

3.4. Lau vũ khí, khí tài trang bị



Hình 18 – 19: Sinh viên lau vũ khí sau mỗi buổi huấn luyện

3.5. Thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe:

Với tinh thần: “Khỏe để xây dựng đất nước - Khỏe để bảo vệ Tổ quốc”, trong tuần học Quân sự các em sẽ được học tập - huấn luyện các bài thể dục quy định trong Quân đội và bài võ: “16 động tác võ thể dục trong Quân đội”.



Hình 20 – 21: Thể dục tay không và 16 động tác võ thể dục trong Quân đội

3.6. Văn hóa, văn nghệ

“*Thời sinh viên có cây đàn ghi ta. Đàn ngân lên chúng ta cùng hoà ca. Có anh bạn xa nhà, có cô bạn nhớ cha. Cát vang cùng lời ca ...*” - Sau những giờ học căng thẳng, những buổi tập ướt đầm mồ hôi là những câu ca tiếng hát để xua tan những mệt mỏi sau ngày dài học tập, cũng như để nạp thêm năng lượng cho những ngày sắp tới.



Hình 16 – 17: Các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ

3.7. “Tổng vệ sinh doanh trại” – Một chế độ trong tuần quân ngũ

Vào chiều thứ 7 hàng tuần, sau khi kết thúc giờ học, các chiến sĩ sinh viên bắt tay vào công việc vệ sinh doanh trại. Nhiệm vụ của các em là lau chùi, vệ sinh toàn bộ khu vực phía trước và trong phòng ở của tiểu đội mình cũng như toàn bộ khuôn viên khu nội trú để chuẩn bị bàn giao phòng vào ngày mai.



Hình 22 – 23: Tổng vệ sinh

3.8. Ngày quyết định

Ngày Chủ nhật - ngày quan trọng nhất - quyết định nhất trong tuần học quân sự. Vì ngày này có 1 bài kiểm tra quá trình hệ số 2 và bài thi Kết thúc môn học chiếm 60% tổng số điểm môn học.

3.8.1. Kiểm tra bắn súng Tiểu liên AK; bài bắn số 1

Đây là 1 trong số 5 thành phần của điểm Quá trình môn học GDQP-AN. Nó như một bài test để khẳng định bản thân trong quá trình học tập nên mọi sinh viên đều rất cố gắng để có thể đạt 3 điểm 10 cho bài kiểm tra của mình.

3.8.2. Làm bài thi Kết thúc môn học

Sau một tuần miệt mài kinh sử, đây là thời điểm quyết định đến kết quả môn học, vì vậy mọi người đều cố gắng để hoàn thành tốt bài thi của mình. Nhưng cũng chính vì chút áp lực nên cũng không ít em tỏ ra căng thẳng trong quá trình làm bài.



Hình 24: Kiểm tra bắn súng Tiểu liên AK trên máy bắn tập MBT03



Hình 25: Sinh viên làm bài thi kết thúc môn học

3.9. Kết thúc tuần học

Chiều Chủ nhật, vậy là một tuần Quân sự trôi đi thật nhanh. Những phút cuối cùng đã đến và tâm trạng mỗi người cũng khác; có em nôn nao muốn về nhà sau một tuần vất vả, có em lại đượm buồn vì phải rời xa nhau khi vừa mới quen với nếp sống quân ngũ, ...



Hình 35: Thầy trò cùng chung khung hình kỉ niệm sau khi hoàn thành tuần học



Hình 36: Tuần học kết thúc, sân trường vắng bóng người lính sinh viên, các thầy giáo lại tiếp tục chuẩn bị cho hành trình tiếp theo của mình

Một tuần học GDQP-AN trôi qua thật nhanh; một tuần thôi nhưng để lại trong đời sống sinh viên nhiều bài học hữu ích, những kỉ niệm khó quên. Bên cạnh những kiến thức có được đó là nếp sống, tác phong, ý thức tổ chức kỉ luật. Tuy thời gian ngắn ngủi, nhưng qua các bài học lịch sử về các trận đánh, các trang sử hào hùng của dân tộc, đã tiếp thêm cho các em sức mạnh, bồi dưỡng sự nhiệt huyết, lòng yêu nước nồng nàn, mãnh liệt, tinh thần sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đứng lên khi Tổ quốc vẫy gọi.

Đợt huấn luyện chỉ diễn ra trong một tuần học, khoảng thời gian tuy không dài nhưng chừng đó đủ để thầy trò có những trải nghiệm đáng nhớ, những thử thách khó khăn, những bài học hữu ích và cả những kỉ niệm khó quên. Tôi mong, với tinh thần tự lực, tự cường và quyết tâm các em sẽ đạt thành tích cao trong môn học GDQP-AN. Khắc phục mọi khó khăn, thiếu thốn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập, rèn luyện của mình. Đó chính là món quà ý nghĩa mà các em dành tặng thầy cô giáo chúng tôi, là động lực rất lớn để chúng tôi tiếp tục sự nghiệp trồng người.

Chúc các em luôn “chân cứng đá mềm” và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ học tập của mình; xứng danh sinh viên Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh.

LẬP HỒ SƠ CÔNG VIỆC TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

Đinh Thị Thu Sương

Phòng Tài chính kế toán, Trường Cao Đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Luật lưu trữ năm 2011 và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2023 quy định về công tác văn thư là 02 văn bản làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức Nhà nước, trong đó có Trường cao đẳng Công Thương Tp. HCM (Nhà trường) thực hiện việc lập hồ sơ, danh mục hồ sơ, lưu trữ hồ sơ phục vụ cho hoạt động hằng ngày và công tác quản lý, điều hành cũng như tra cứu, nghiên cứu lâu dài.

Có thể nói việc lập hồ sơ công việc giữ một vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động, lãnh đạo quản lý của Nhà trường. Bởi lẽ:

Thứ nhất: Việc lập hồ sơ giúp cho mỗi viên chức sắp xếp văn bản được khoa học, đầy đủ, có hệ thống; giúp cho việc tra tìm nhanh chóng, làm căn cứ chính xác phục vụ cho việc giải quyết công việc hàng ngày kịp thời, có năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Thứ hai: Nếu việc lập hồ sơ được quan tâm, chú trọng thì mọi công văn, giấy tờ trước, trong và sau quá trình giải quyết việc sẽ được sắp xếp và phân loại một cách khoa học theo từng vấn đề, sự việc; phản ánh rõ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và từng bộ phận. giúp cho việc tìm kiếm tài liệu được nhanh chóng, đầy đủ, nghiên cứu vấn đề được hoàn chỉnh, đề xuất ý kiến và giải quyết công việc có căn cứ xác đáng và kịp thời. Do đó sẽ góp phần nâng cao hiệu suất và chất lượng công tác của viên chức cũng như toàn Trường.

Thứ ba: Công việc này giúp cho tất cả viên chức và Lãnh đạo Nhà trường tìm kiếm, khai thác, sử dụng tài liệu được nhanh chóng, đầy đủ, kịp thời.

Thứ tư: Giúp cho việc quản lý tài liệu được chặt chẽ, giữ gìn bí mật thông tin của Nhà trường.

Vậy, Pháp luật quy định những ai phải lập hồ sơ công việc và tại sao phải lập hồ sơ khi giải quyết công việc. Quy trình việc lập hồ sơ công việc như thế nào.

1. Hồ sơ

Khoản 10 Điều 2 Luật lưu trữ quy định Hồ sơ là tập hợp các văn bản, tài liệu có liên quan với nhau về một vấn đề, một sự việc, một đối tượng cụ thể hoặc có đặc điểm chung, hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc thuộc phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Ví dụ như Hồ sơ hội nghị viên chức của Trường năm 2023, Hồ sơ báo cáo tổng kết công tác năm học 2022-2023...

Trong thực tiễn hoạt động của Trường có rất nhiều hồ sơ được hình thành với nhiều nội dung, nhiều hình thức khác nhau. Có thể chia thành hồ sơ công việc, hồ sơ nguyên tắc và hồ sơ nhân sự.

Hồ sơ công việc: là tập tài liệu theo dõi, xử lý một việc nào đó. Trong hồ sơ công việc thường có tài liệu khởi đầu công việc, cho đến tài liệu (văn bản) kết thúc công việc. Ví dụ: Hồ sơ về một hội nghị, hồ sơ bình xét thi đua khen thưởng, hồ sơ xét nâng lương cho viên chức của Trường, hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ mở ngành, hồ sơ nghiệm thu giáo trình, ...

Hồ sơ nguyên tắc: Là tập văn bản của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định về một mặt, một lĩnh vực công tác nhất định dùng làm căn cứ để giải quyết công việc hằng ngày. Mỗi viên chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, tùy theo từng nghiệp vụ công tác do mình phụ trách mà thu thập những văn bản quy định để lập thành hồ sơ nguyên tắc phục vụ tra cứu, nghiên cứu giải quyết công việc hằng ngày. Tài liệu trong hồ sơ nguyên tắc không nhất thiết là bản chính, có thể là bản sao, hoặc bản chính, nhưng còn hiệu lực pháp lý (loại hồ sơ này không phải nộp vào lưu trữ mà chỉ dùng để giải quyết, xử lý công việc). Ví dụ: Tập tài liệu là các văn bản quy định về chế độ quản lý tài sản công, Tập tài liệu là những văn bản quy định về chế độ kế toán, Tập tài liệu là những văn bản quy định về chế độ nâng lương cho cán bộ, viên chức...

Hồ sơ nhân sự: là một tập tài liệu có liên quan về một cá nhân cụ thể, chẳng hạn như hồ sơ viên chức, hồ sơ cán bộ, hồ sơ Đảng viên, hồ sơ sinh viên, ...

2. Lập hồ sơ

Tại Khoản 11 Điều 2 Luật Lưu trữ năm 2011 và khoản 15 Điều 3 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP cũng quy định: “Lập hồ sơ” là việc tập hợp, sắp xếp tài liệu hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân thành hồ sơ theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định”.

Như vậy, lập hồ sơ là một quá trình gồm các công việc tập hợp, sắp xếp tài liệu hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc thành hồ sơ theo những nguyên tắc và phương pháp nhất định. Mỗi hồ sơ có thể chỉ có một hoặc có nhiều tập. Việc lập hồ sơ sẽ có tác dụng tra tìm tài liệu được nhanh chóng khi cần thiết và làm căn cứ chính xác để giải quyết công việc hiệu quả, kịp thời; Giúp cho tài liệu được quản lý chặt chẽ và giữ bí mật.

Khi lập hồ sơ, cần đảm bảo các yêu cầu như: phản ánh đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị; văn bản, tài liệu được thu thập vào hồ sơ phải có sự liên quan chặt chẽ với nhau và phản ánh đúng trình tự diễn biến của sự việc hay trình tự giải quyết công việc; văn bản, tài liệu được thu thập vào hồ sơ phải có giá trị bảo quản tương đối đồng đều.

3. Quy trình lập hồ sơ

- **Mở hồ sơ:** là công việc mở đầu cho việc hình thành một hồ sơ

Trường hợp Nhà trường đã có danh mục hồ sơ. Vào đầu năm, mỗi viên chức dựa vào bản danh mục hồ sơ để biết mình phải lập những hồ sơ nào, sau đó lấy bìa hồ sơ ghi tiêu đề hồ sơ đã được xác định trong bản danh mục lên các tờ bìa. Trong quá trình thực hiện giải quyết công việc, có việc mới phát sinh thì lấy thêm bìa ghi tiêu đề lên bìa và ghi bổ sung hồ sơ đó vào bản danh mục.

Trường hợp Nhà trường chưa có bản danh mục hồ sơ thì người lập hồ sơ công việc phải dựa vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, nhiệm vụ cụ thể được giao cho các đơn vị, bộ phận

và cá nhân trong từng thời gian và vận dụng các đặc trưng lập hồ sơ để mở hồ sơ như: tên gọi, vấn đề, tác giả, cơ quan giao dịch, thời gian, địa điểm.

- *Thu thập, cập nhật văn bản, tài liệu hình thành trong quá trình theo dõi, giải quyết công việc vào hồ sơ*

Khi hồ sơ được mở, bắt đầu từ văn bản nguồn, có những tài liệu giấy tờ đang giải quyết hay đã giải quyết xong của công việc thì cho vào bìa của hồ sơ. Viên chức có trách nhiệm lập hồ sơ cần phải thu thập đầy đủ các văn bản, tài liệu, không được để lẫn lộn cả những tư liệu và các giấy tờ khác không liên quan. Tùy theo đặc điểm của từng hồ sơ mà chọn cách sắp xếp cho thích hợp. Trong thực tế việc sắp xếp tài liệu trong hồ sơ thường theo trình tự mà tài liệu xuất hiện và đúng diễn biến công việc.

Văn bản thuộc vấn đề nào thì đưa vào đúng hồ sơ của vấn đề đó. Văn bản thuộc hồ sơ giải quyết năm nào xếp vào năm đó, trừ những công việc phải giải quyết qua nhiều năm. Chỉ cần đưa vào hồ sơ một bản và là bản chính, được đánh máy hoặc in rõ ràng, thể thức văn bản đầy đủ. Trường hợp không có bản chính thì được thay bằng bản sao hợp lệ. Cần loại bỏ những văn bản trùng thừa, bản sao và bản thảo khi đã có bản chính. Văn bản có thời hạn bảo quản vĩnh viễn, bảo quản có thời hạn cần được sắp xếp vào những hồ sơ riêng để tiện cho việc bảo quản và thu thập vào lưu trữ cơ quan về sau.

- *Kết thúc hồ sơ:* Khi công việc đã giải quyết xong và kết thúc thì hồ sơ cũng kết thúc. Viên chức có trách nhiệm lập hồ sơ phải kiểm tra, rà soát lại toàn bộ văn bản, tài liệu có trong hồ sơ; loại ra khỏi hồ sơ bản trùng, bản thừa, bản nháp; Nếu thiếu tài liệu thì phải bổ sung. Sắp xếp lại tài liệu, văn kiện trong hồ sơ; Đánh số thứ tự tài liệu trong hồ sơ, Ghi mục lục tài liệu trong hồ sơ và tờ kết thúc hồ sơ, Viết bìa hồ sơ. Xác định lại thời hạn bảo quản của hồ sơ; chỉnh sửa tiêu đề, số và ký hiệu hồ sơ cho phù hợp; hoàn thiện, kết thúc hồ sơ.

Đối với hồ sơ giấy: Người lập hồ sơ thực hiện đánh số tờ đối với hồ sơ có thời hạn bảo quản từ 05 năm trở lên và viết Mục lục văn bản đối với hồ sơ có thời hạn bảo quản vĩnh viễn; viết chứng từ kết thúc đối với tất cả hồ sơ.

Đối với hồ sơ điện tử: Người lập hồ sơ có trách nhiệm cập nhật vào Hệ thống các thông tin còn thiếu. Việc biên mục văn bản trong hồ sơ được thực hiện bằng chức năng của Hệ thống.

4. Trách nhiệm lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan.

Theo quy định Tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Luật Lưu trữ 2011, các đơn vị, cá nhân trong Trường có trách nhiệm sau:

- Trong quá trình theo dõi và giải quyết công việc, mỗi cá nhân phải lập hồ sơ về công việc và chịu trách nhiệm về số lượng, thành phần, nội dung tài liệu trong hồ sơ; bảo đảm yêu cầu, chất lượng của hồ sơ theo quy định trước khi nộp lưu vào Lưu trữ cơ quan.

- Người đứng đầu đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về việc lập hồ sơ, bảo quản và nộp lưu hồ sơ, tài liệu của đơn vị vào Lưu trữ cơ quan.

- Hiệu trưởng có trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức; chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan. Phòng Tổ chức

hành chính là đơn vị giúp Hiệu Trưởng Nhà trường tổ chức hướng dẫn thực hiện việc lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu.

- Đơn vị và cá nhân trong Trường có trách nhiệm nộp lưu những hồ sơ, tài liệu được xác định thời hạn bảo quản vào Lưu trữ cơ quan. Trường hợp đơn vị hoặc cá nhân có nhu cầu giữ lại hồ sơ, tài liệu đã đến hạn nộp lưu để phục vụ công việc thì phải được Hiệu trưởng đồng ý bằng văn bản và phải lập Danh mục hồ sơ, tài liệu giữ lại gửi Lưu trữ cơ quan. Thời hạn giữ lại hồ sơ, tài liệu của đơn vị, cá nhân không quá 02 năm kể từ ngày đến hạn nộp lưu.

- Cán bộ, viên chức và người lao động trong Trường trước khi nghỉ hưu, thôi việc, chuyển công tác, đi học tập dài ngày phải bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu hình thành trong quá trình công tác cho đơn vị, Lưu trữ cơ quan theo quy chế của Trường.

Như vậy, công tác lập hồ sơ công việc và giao nộp hồ sơ vào lưu trữ hiện hành của Trường là nhiệm vụ bắt buộc của mỗi cán bộ, viên chức trong quá trình giải quyết công việc. Từ Thủ trưởng đơn vị đến viên chức chuyên môn nghiệp vụ, nhân viên văn thư hành chính...đều phải lập hồ sơ công việc của mình làm. Việc lập hồ sơ công việc phải do chính người giải quyết công việc thực hiện. Bởi vì chỉ có người giải quyết công việc mới hiểu rõ, phản ánh đầy đủ và chính xác quá trình hình thành giải quyết, kết thúc công việc cụ thể. Đây là việc quan trọng và được thực hiện thường xuyên, liên tục. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đòi hỏi mỗi cán bộ, viên chức cần thực hiện nghiêm túc và cần có sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Hiệu trưởng để từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường. Qua đó, giúp Nhà trường quản lý tài liệu được chặt chẽ, việc khai thác tài liệu được thuận lợi, sử dụng một cách có hiệu quả nhất./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chính phủ. (2020). Nghị định Quy định về công tác văn thư. Số 30/2020/NĐ-CP.
[2]. Quốc hội (2011). Luật Lưu trữ. Số 01/2011/QH13.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

Hồ Phước Lộc

Trung tâm TT&ĐBCL, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Việc kiểm định chất lượng không chỉ là đảm bảo nhà trường có trách nhiệm đối với chất lượng đào tạo mà còn mang lại động lực cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo cũng như chất lượng toàn trường^[1]. Từ thực tiễn công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng 04 chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM cho tác giả nhận thấy một số khó khăn trong quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng tại trường. Trong bài viết này, tác giả chỉ phân tích những khó khăn, thách thức trong công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại trường, từ đó đề xuất một số giải pháp khắc phục những khó khăn này trong thời gian tới.

Từ khóa: kiểm định chất lượng; đảm bảo chất lượng; giáo dục nghề nghiệp

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và những tác động mạnh mẽ từ đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng trực tiếp tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục, nơi trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng vai trò dẫn dắt sự phát triển xã hội. Đây là áp lực, nhưng đồng thời cũng là động lực thay đổi toàn diện nền giáo dục trên thế giới.

Theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt, điều chỉnh bổ sung Đề án “Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025” và Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM là một trong số 80 trường được Bộ LĐ-TB&XH ưu tiên phát triển thành trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025.

Với vai trò, sứ mạng là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh đa lĩnh vực; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế, giúp người học trở thành những công dân có học thức, tự tin lập thân, lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM luôn coi trọng chất lượng đào tạo và xem đây là một trong những yếu tố quan trọng thu hút sự quan tâm của người học, phụ huynh, các đơn vị sử dụng lao động; đồng thời, chính là

câu trả lời thỏa đáng nhất cho những cam kết của Nhà trường đối với người học và xã hội trong những năm qua.

Một trong những yếu tố quan trọng để khẳng định chất lượng đào tạo của Nhà trường chính là công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN). Tuy nhiên, công tác này chỉ dừng lại ở mức tự đánh giá và kiểm định chất lượng một số ít chương trình đào tạo chứ chưa thể thực hiện kiểm định trường theo các quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc Nhà trường chưa thực hiện kiểm định chất lượng cơ sở GDNN; trong đó, có cả nguyên nhân chủ quan và khách quan. Về nguyên nhân khách quan, Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM chỉ mới tham gia hệ thống GDNN từ ngày 01/01/2017 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, việc tiếp cận các văn bản quy định về công tác kiểm định chất lượng của Bộ LĐ-TB&XH khá mới mẻ, đòi hỏi cần có thêm thời gian để nghiên cứu, cập nhật. Về nguyên nhân chủ quan, Nhà trường chưa có sự chuẩn bị thật tốt cho công tác kiểm định chất lượng; một số cán bộ, viên chức chưa thật sự nhận thấy tầm quan trọng của công tác kiểm định chất lượng và vai trò của công tác này đối với hoạt động tuyển sinh và đào tạo của Nhà trường.

Từ thực tiễn công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng 04 chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM cho tôi nhận thấy một số khó khăn trong quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng tại trường. Trong bài viết này, tôi chỉ phân tích những khó khăn, thách thức trong công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại trường, từ đó đề xuất một số giải pháp khắc phục những khó khăn này trong thời gian tới.

2. Thực trạng công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng nên Đảng ủy – Ban Giám hiệu Nhà trường đã luôn quan tâm và chỉ đạo kịp thời những công việc liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng, nhưng do đây là một hoạt động mới đối với trường nên trong quá trình thực hiện công tác này vẫn gặp nhiều khó khăn. Cụ thể như sau:

2.1. Sự không đồng nhất trong nhận thức về vai trò, ý nghĩa của công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng

Tại hội thảo "Thực trạng hệ thống kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp" diễn ra vào ngày 27/12/2021, Bà Trần Thị Thu Hà, chuyên viên cao cấp, Phó Cục trưởng Cục kiểm định chất lượng Giáo dục Nghề nghiệp đã đánh giá: “Nhận thức của cán bộ quản lý các cấp (cơ quan chủ quản, Sở LĐTB&XH), của lãnh đạo cơ sở giáo dục nghề nghiệp về tầm quan trọng, cần thiết xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đầy đủ hoặc chưa thể hiện quyết tâm cao, chưa dành nguồn lực hỗ trợ cần thiết để cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện các quy định hệ thống bảo đảm chất lượng theo Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH”^[2].

Trước và sau khi tổ chức kiểm định chất lượng 04 chương trình đào tạo, trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM đã tích cực trao đổi kinh nghiệm và học hỏi từ các cơ sở giáo dục nghề

nghiệp khác về công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn tồn tại sự khác biệt trong nhận thức về vai trò, ý nghĩa và quyết tâm thực hiện kiểm định chất lượng giữa đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, giảng viên trong nội bộ trường. Một số ý kiến vẫn cho rằng công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng là nhiệm vụ chủ yếu của các cán bộ phụ trách công tác này hoặc của phòng chức năng. Do những nhận định đó, việc góp ý hay xây dựng các văn bản, kế hoạch về tự đánh giá và kiểm định chất lượng không được đầu tư thích đáng và thiếu quan tâm của một số đơn vị, cá nhân, từ đó mà việc cung cấp minh chứng còn sơ sài, thực hiện mang tính chất đối phó^[3].

Trước khi tiến hành kiểm định chất lượng, sự tham gia của người học và các đơn vị liên quan vẫn còn hạn chế. Một số các cán bộ, giảng viên vẫn tồn tại tâm lý ngại thay đổi, thực hiện theo các yêu cầu đảm bảo chất lượng... Thậm chí nhiều đơn vị còn có suy nghĩ kiểm định chất lượng là công việc của Trung tâm khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Có thể nói rằng sự tham gia phối hợp, hỗ trợ của các bên liên quan đến công tác kiểm định chất lượng của Nhà trường là rất cần thiết.

2.2. Đầu tư các nguồn lực cho công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng còn hạn chế

Mặc dù nhà trường đã thành lập bộ phận phụ trách công tác kiểm định chất lượng và cử cán bộ chuyên trách nhưng có thể nói cơ cấu tổ chức và nhân sự đảm nhận công tác này còn mỏng. Trước đây, việc thu thập minh chứng và tự đánh giá được giao cho Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng. Tuy nhiên, sau khi tổ chức kiểm định chất lượng 04 chương trình đào tạo, Trung tâm nhận thấy Nhà trường cần thay đổi phương thức thu thập, lưu trữ minh chứng và đánh giá các tiêu chuẩn bằng cách giao trực tiếp cho các các đơn vị chức năng phụ trách. Bằng cách này, việc tự đánh giá trở thành việc chung của tất cả mọi cá nhân, đơn vị trong trường, giúp các đơn vị có trách nhiệm hơn^[4].

Để công tác Tự đánh giá chất lượng đạt hiệu quả, đề nghị mỗi đơn vị cử 01 thành viên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng. Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng sẽ hướng dẫn cụ thể các công việc cần thực hiện cho các thành viên này. Đồng thời để công tác đảm bảo chất lượng ở các đơn vị được tốt hơn, Nhà trường cần quan tâm đến việc cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn hay các hội nghị, hội thảo về tự đánh giá, kiểm định chất lượng. Hiện nay nhà trường chỉ có duy nhất 01 người đã được tham gia học lớp kiểm định viên và đang trực tiếp làm công tác kiểm định.

2.3. Công tác văn thư lưu trữ chưa tốt

Một trong những yếu tố quyết định sự thành công cũng như phản ánh khách quan, chính xác, trung thực và hỗ trợ đắc lực cho công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng chính là hệ thống các minh chứng. Tuy nhiên, một số đơn vị lại không làm tốt công tác văn thư lưu trữ (đặc biệt là các khoa). Nhiều công việc đã được thực hiện nhưng không có văn bản chứng minh cho công việc đó hoặc có văn bản nhưng bị thất lạc nên trong quá trình tự đánh giá, phải tìm kiếm hoặc phục hồi lại rất mất thời gian và công sức^[3].

2.4. Sự phối hợp giữa các đơn vị trong nội bộ Nhà trường

Công tác đảm bảo chất lượng là công việc chung của tất cả các cá nhân, đơn vị trong Nhà trường. Tuy nhiên, do mỗi đơn vị đảm nhận những nhiệm vụ khác nhau hoặc cách thức tổ chức công việc khác nhau, dẫn đến những khó khăn khi phối hợp thực hiện hoạt động kiểm định. Vì thế, sau khi thực hiện kế hoạch tự đánh giá và kiểm định chất lượng, kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác kiểm định chất lượng cần được Hội đồng tự đánh giá và Ban Giám hiệu triển khai kịp thời, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phụ trách công tác kiểm định của các đơn vị^[4].

3. Một số giải pháp khắc phục những khó khăn trong tự đánh giá và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Để khắc phục những khó khăn, tồn tại đã phân tích ở trên, ngoài những yếu tố khách quan hay do cơ chế chính sách, tôi xin đề xuất một số giải pháp như sau:

3.1. Nâng cao nhận thức về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng

Đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp là mối quan tâm hàng đầu trong Chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn phát triển; là phương châm hành động, là tư tưởng chủ đạo trong hoạch định chiến lược, kế hoạch hành động của toàn trường, của từng cán bộ, giảng viên. Chính vì thế, Ban Giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị chuyên môn cũng như từng giảng viên, cán bộ trong toàn trường cần nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, từ đó tạo được sự đồng thuận và quyết tâm cao để thực hiện thành công yêu cầu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trong bối cảnh yêu cầu của xã hội đối với sản phẩm của quá trình đào tạo ngày càng cao, đồng thời Nhà trường cũng phải đối mặt với những thách thức như khó khăn trong tuyển sinh, tuyển dụng, thất chặt về tài chính... mỗi cá nhân và tập thể đều cần ý thức được yếu tố chất lượng đặt lên hàng đầu. Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường nguồn lực... từ đó tạo sự chuyển biến về nhận thức của toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên và các bên liên quan về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp^[4].

3.2. Tăng cường đầu tư các nguồn lực về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng

Với những tồn tại về đội ngũ phụ trách công tác kiểm định chất lượng trong trường, giải pháp khắc phục vấn đề này là cần quan tâm hơn nữa đối với công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng thông qua việc hoàn chỉnh hệ thống đảm bảo, quản lý chất lượng; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách. Bên cạnh việc cử cán bộ tham gia lớp bồi dưỡng kiểm định viên thì thường xuyên tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia các hội nghị, hội thảo về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và kiểm định chương trình đào tạo. Những việc này sẽ góp phần củng cố và xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong một cách vững chắc và hiệu quả^[4].

3.3. Xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Qua quá trình kiểm định chất lượng 04 chương trình đào tạo cho thấy một trong những vấn đề tồn tại là thiếu tư duy phát triển chiến lược. Vì thế, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong trường cần xây dựng các kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, thay vì chỉ tập trung xử lý các nhiệm vụ trước mắt, trọng tâm như trước đây. Việc nghiên cứu, thảo luận, xây dựng kế hoạch hành động theo từng giai đoạn (ngắn, trung và dài hạn) nhằm phát huy ưu điểm,

từng bước khắc phục những điểm tồn tại được phát hiện sau quá trình tự đánh giá. Đối với các giảng viên, bên cạnh việc phát triển chuyên môn cá nhân, cần huy động trí tuệ vào việc tham gia xây dựng các kế hoạch mang tính chiến lược, đặc biệt là chiến lược phát triển đội ngũ, phát triển năng lực chuyên môn^[4].

3.4. Chuyển đổi số – ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng

Ngày nay, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý chất lượng nói chung và công tác đảm bảo, kiểm định chất lượng nói riêng được xem như một phương tiện hữu ích và hiệu quả, nhằm tăng cường nội lực, tính chủ động của các đơn vị. Chuyển đổi số phải bắt đầu từ công tác văn thư lưu trữ. Việc sử dụng phần mềm để quản lý các văn bản, công văn đi, công văn đến.

Không những số hóa quy trình, thao tác mà còn phải số hóa cả tư duy. Một trong những lợi ích của việc chuyển đổi số là khả năng theo dõi và phân tích dữ liệu. Việc này cho phép các đơn vị sử dụng những dữ liệu để tối ưu hóa các chiến lược và sách lược nhằm mang lại kết quả tốt hơn. Bên cạnh đó, việc quyết định mọi việc dựa trên dữ liệu còn giúp tổ chức hiệu hơn nhu cầu khách hàng, từ đó tạo ra những phản hồi và cải thiện kịp thời, phù hợp, linh hoạt hơn.

4. Kết luận

Hoạt động kiểm định chất lượng của Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM cần thay đổi từ nhận thức đến hành động của đội ngũ lãnh đạo đến các giảng viên và người học. Việc được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp sẽ giúp nâng cao vị thế của Nhà trường, nhưng cũng là cam kết với xã hội về đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Bản thân tôi đã nhận thấy được một số khó khăn, hạn chế trong quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng, cũng như đã đề xuất một số giải pháp khắc phục từ góc độ đảm bảo chất lượng bên trong. Với mục tiêu “kiểm định để phát triển”, mọi quan điểm chỉ đạo cho đến kế hoạch và hành động của Nhà trường đều phải gắn với đảm bảo chất lượng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (29/9/2022), *Hội thảo về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, hướng tới công tác kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*.
- [2]. Báo Dân trí (27/12/2021), *Hội thảo “Thực trạng hệ thống kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp”*.
- [3]. Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng (2021), *Công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng*.
- [4]. Lê Văn Thắng (2019), Một số khó khăn trong công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục ở Trường cao đẳng sư phạm, Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định.

KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ KHI VIẾT BÀI LUẬN HỌC THUẬT VÀ ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC HỌC VIẾT HIỆU QUẢ

Phương Thị Hệ

Khoa Ngoại ngữ, trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Kỹ năng viết là một trong những kỹ năng quan trọng nhất trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai. Đặc biệt, viết học thuật luôn là một thách thức đối với cả người dạy và người học trong các lớp học ngoại ngữ. Đây là kỹ năng bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất ngành Tiếng Anh Thương mại tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Bài viết học thuật trong bài viết này là một bài luận dài ít nhất 250 từ, được viết trong khoảng thời gian là 40 phút, trong đó người viết phải đưa ra chính kiến tranh luận, quan điểm hay nhận định về một vấn đề nào đó. Trong nghiên cứu này, tác giả chỉ ra những khó khăn khi làm bài viết học thuật, từ đó tác giả đưa ra một số kiến nghị cụ thể cho việc học tập và giảng dạy kỹ năng làm bài viết học thuật.

Từ khóa: *Kỹ năng viết; viết luận học thuật; IELTS Writing Task 2; lớp học ngoại ngữ.*

DIFFICULTIES OF ENGLISH-MAJOR-STUDENTS IN WRITING ACADEMIC ESSAYS AND SUGGESTIONS FOR EFFECTIVE WRITING STRATEGIES

Abstract

Writing skills are one of the most important skills in the process of acquiring a second language. In particular, academic writing is always a challenge for both teachers and learners in foreign language classes. This is a required skill for first-year language students majoring in Business English at Ho Chi Minh City Industry and Trade College. The academic article in this presentation is an essay of at least 250 words in length, written in a period of 40 minutes, in which the writer must present an argument, opinion or comment on a certain issue. In this essay, the author points out the difficulties when doing academic writing, from which the author makes some specific recommendations for learning and teaching academic essay writing skills.

Keywords: *Writing skills; academic essay writing; IELTS Writing Task 2; foreign language class.*

1. Đặt vấn đề

Những năm gần đây, cùng với sự đổi mới và phát triển chung của hệ thống giáo dục nghề nghiệp, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM đã có những bước chuyển mình đáng kể và đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Một trong những thành tựu đó là việc đa dạng hóa các chuyên ngành đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội, trong đó có

chuyên ngành tiếng Anh Thương mại.

Trong dạy và học ngoại ngữ nói chung, dạy tiếng Anh nói riêng, một trong các yêu cầu bắt buộc đối với sinh viên (SV) là phải thành thạo bốn kỹ năng cơ bản của ngôn ngữ: Nghe, Nói, Đọc, Viết. Điều dễ nhận thấy là SV khi bắt đầu học viết tiếng Anh thì ít có khái niệm hay kỹ năng (KN) nào về viết luận học thuật (Essay writing), mặc dù đó là môn học rất quan trọng, là cơ sở thiết yếu của bất cứ SV chuyên ngữ nào. Đặc biệt, viết học thuật là một KN thú vị nhưng cũng đầy thử thách với SV, nhất là những SV năm nhất, năm hai hệ cao đẳng. KN này không những đòi hỏi người học phải có năng lực ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) và kiến thức về các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, mà còn cần các KN khác như phân tích, tổng hợp, lập luận... để thể hiện quan điểm của mình trong bài viết.

Bài viết học thuật đối với SV năm hai ngành Tiếng Anh Thương mại tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM trong bài viết này được hiểu là bài luận (**Essay writing**) nằm trong **IELTS Writing Task 2**, trong đó người học được yêu cầu viết một bài luận dài ít nhất 250 từ trong vòng 40 phút về một chủ đề thuộc các lĩnh vực như giáo dục, công nghệ, giao thông, môi trường, cuộc sống và những vấn đề đời thường khác mà nhiều người quan tâm.

Trong bài viết này, tác giả đưa ra những trở ngại/khó khăn mà SV thường gặp phải khi làm bài viết học thuật, từ đó đề xuất một số giải pháp khắc phục khó khăn và đưa ra chiến lược học viết luận học thuật giúp SV áp dụng trong thực tế bài viết của mình nhằm nâng cao hiệu quả KN viết luận học thuật cho SV chuyên ngữ tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM.

2. Nội dung

2.1. Cấu trúc của bài luận trong IELTS Writing Task 2

Một bài luận học thuật (Essay writing) gồm có 3 phần chính là phần giới thiệu, nội dung chính (thân bài) và phần kết luận.

1. Giới thiệu

- Trình bày chủ đề của bài essay
- Nêu luận điểm chính của bài
- Tổng quan về các nội dung sẽ được phân tích ở phần thân bài

2. Nội dung chính

Với hầu hết các dạng bài essay, phần thân bài thường được chia làm ba phần. Mỗi phần phân tích một luận cứ giải thích cho luận điểm đã đưa ra ở phần giới thiệu.

Đoạn 1

- Luận cứ 1
- Các lập luận và bằng chứng để chứng minh cho luận cứ 1
- Kết luận và liên kết đến đoạn tiếp theo

Đoạn 2

- Luận cứ 2
- Các lập luận và bằng chứng để chứng minh cho luận cứ 2
- Kết luận và liên kết với đoạn tiếp theo

Đoạn 3

- Luận cứ 3
- Các lập luận và bằng chứng để chứng minh cho luận cứ 3
- Câu kết luận và liên kết với kết bài

3. Kết luận

- Tóm tắt các ý chính đã phân tích ở thân bài
- Trình bày lại luận điểm chính
- Dự báo /biện minh /đánh giá (nếu có)

2.2. Tiêu chí của bài luận trong IELTS Writing Task 2

Một bài luận học thuật cần có nội dung, cách viết, văn phong và cách thức tổ chức ý phù hợp (Moore & Morton, 2005). Theo tài liệu IELTS Test Booklet được đăng tải trên Hội Đồng Anh (British Council), một bài luận trong IELTS Writing Task 2 được chấm dựa vào 4 tiêu chí như sau:

- Sự hoàn thành yêu cầu bài viết (Task achievement): Người viết cần trả lời đúng trọng tâm câu hỏi mà đề bài đưa ra và đưa ra ý kiến phù hợp, giải thích đầy đủ và có ví dụ cụ thể để chứng minh cho ý kiến đã thể hiện. Độ dài tối thiểu của bài luận là 250 từ. Nếu ít hơn 250 từ, thí sinh sẽ bị trừ điểm ở tiêu chí này.

- Tính mạch lạc và tính liên kết (Coherence and Cohesion): Một bài viết cần có sự logic và mạch lạc, liên kết ý tốt. Một cách để làm điều này là thông qua việc sử dụng các phương tiện liên kết: sự liên kết logic (lặp lại), sự liên kết bằng từ (từ đồng nghĩa), từ nối và sự nhắc lại.

- Vốn từ vựng (Lexical Resource): Từ vựng phong phú và phù hợp sẽ giúp bài viết được đánh giá cao trong bài viết luận IELTS Writing Task 2. Mức điểm cao phụ thuộc vào chất lượng từ vựng và việc sử dụng từ một cách hợp lý.

- Ngữ pháp đúng và đa dạng (Grammatical Range and Accuracy): Một tiêu chí để đạt điểm cao trong bài viết luận là việc sử dụng ngữ pháp đúng theo câu đơn, câu ghép, câu phức hợp hay câu bị động và việc sử dụng đúng và đa dạng các cấu trúc câu trong tiếng Anh.

2.3. Khảo sát về khó khăn của sinh viên khi viết bài luận IELTS Writing Task 2

Dựa trên kết quả học tập của SV chuyên ngữ trong thời gian qua và kinh nghiệm trong quá trình giảng dạy của bản thân, tác giả đã đưa ra 05 khó khăn (KK) cơ bản khi viết bài luận học thuật. Đây được coi là những vấn đề không chỉ của người học tiếng Anh nói riêng, mà còn là vấn đề của người học ngoại ngữ nói chung.

KK 1: Không có đủ kiến thức để phát triển đề tài;

KK 2: Có quá nhiều ý tưởng, không biết cách giới hạn và sắp xếp ý tưởng;

KK 3: Không có đủ vốn từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh;

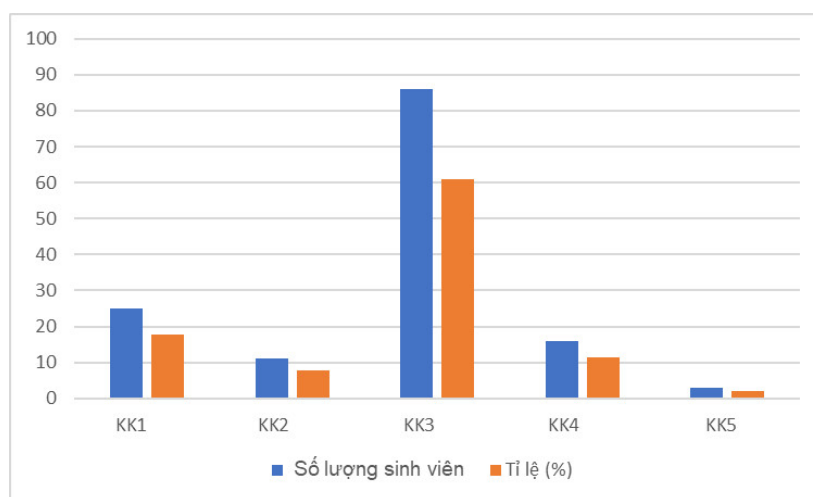
KK 4: Chưa quen với các dạng viết luận;

KK 5: Viết dưới áp lực thời gian.

Biểu đồ 1 sau đây trình bày những đánh giá của SV về khó khăn gặp phải khi viết bài luận học thuật dựa trên số lượng SV tham gia khảo sát là 141 SV chuyên ngữ của Khoa Ngoại ngữ.

Có thể thấy, việc không đủ vốn từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh là trở ngại lớn nhất đối với SV, được lựa chọn bởi 61% tương đương 86/141 số SV tham gia khảo sát. Mối quan hệ mật thiết giữa KN viết - từ vựng - ngữ pháp là không thể phủ nhận nên kết quả này hoàn toàn phù hợp với thực tế. Điều này khá trùng khớp với kết quả bài kiểm tra số 2 (Progress Test 2) của SV trước khi thi kết thúc môn học, phần lớn SV mắc lỗi về cấu trúc câu và lựa chọn từ vựng trong bài viết của mình. Nhiều SV vẫn sử dụng ngôn ngữ mang tính giao tiếp thông thường (informal language) chứ chưa có nỗ lực sử dụng từ vựng mang tính trang trọng (formal language) trong bài viết.

Với 17,7% tương đương 25/141 SV lựa chọn thì khó khăn thứ hai có ảnh hưởng không kém tới chất lượng bài viết là việc SV không có đủ kiến thức để phát triển đề tài. Dù đề tài có hay và mang tính thực tiễn nhưng nếu SV không được trang bị đầy đủ kiến thức nền thì sẽ gặp khó khăn từ ngay bước triển khai ý. Điều này rất cần được các giảng viên lưu tâm trong quá trình dạy viết luận cho SV.



Biểu đồ 1: Những khó khăn SV gặp phải khi làm bài viết luận học thuật

Với 11,3%, tương đương 16/141 SV lựa chọn, cho rằng các em chưa quen với phương pháp viết luận là khó khăn thứ ba. Dường như SV không dễ dàng nắm được cách tiếp cận đề bài trong khi IELTS Writing Task 2 thường được chia thành một số dạng bài luận rất cơ bản.

Các khó khăn còn lại tuy không có nhiều lựa chọn như 3 khó khăn trên nhưng vẫn có những tác động nhất định tới kết quả bài viết học thuật của SV. Chỉ 7,8% số SV (11/141) tham gia khảo sát gặp khó khăn trong việc sắp xếp ý cho bài viết do có quá nhiều ý tưởng. Một điều khá

thứ vị là chỉ có 2,1% số SV (3/141) cho rằng, các em gặp áp lực về thời gian viết bài. Điều này chứng tỏ thời gian 40 phút để viết 1 bài luận dài ít nhất là 250 từ là đủ đối với SV.

Tóm lại, qua kết quả khảo sát và phân tích như trên cho thấy mỗi lo ngại lớn nhất đối với SV trong KN viết luận chính là vốn từ vựng và ngữ pháp. Điều này có thể giúp giảng viên có những cân nhắc và điều chỉnh trong quá trình giảng dạy. Nhưng chính bản thân SV cũng cần nhận thấy rằng, chỉ có tự học và tự trau dồi kiến thức mới giúp họ tự tin hơn vào KN viết của mình. Những trở ngại khác như kiến thức để phát triển đề tài hay việc chưa quen với dạng viết luận cũng cần được lưu tâm.

2.4. Khảo sát về đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn khi viết luận IELTS Writing Task 2

Từ những khó khăn nêu trên, tác giả liệt kê một số giải pháp (GP) dưới đây và tiến hành khảo sát để giúp SV luyện tập và làm bài viết luận trong IELTS Writing Task 2 đạt kết quả tốt hơn:

GP1: Học thêm để nâng cao vốn từ vựng và ngữ pháp;

GP2: Học thêm về kỹ năng viết học thuật;

GP3: Viết nháp càng nhiều càng tốt trước khi viết bản chính;

GP4: Nhờ bạn học và giảng viên nhận xét bài viết;

GP5: Tham khảo bài viết tốt của các bạn khác để học hỏi.

Biểu đồ 2 sau đây trình bày kết quả khảo sát SV lựa chọn giải pháp khắc phục khó khăn trong việc viết luận của mình.

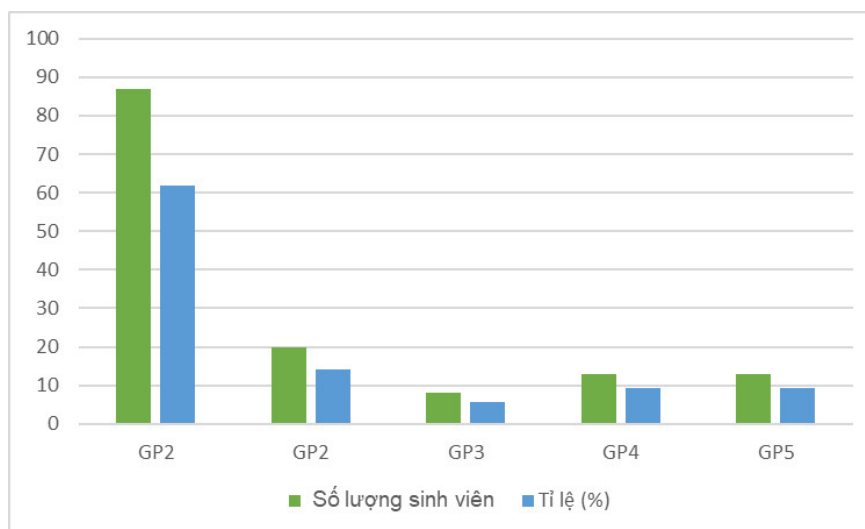
“*Học thêm để nâng cao vốn từ vựng, ngữ pháp*” là giải pháp đầu tiên được 61,7 % (87/141) số SV lựa chọn. Do được SV đánh giá là trở ngại lớn nhất khi làm bài viết học thuật nên SV cũng cho rằng, việc nâng cao vốn từ vựng và ngữ pháp là cần thiết nhất. Giải pháp này có tính thực tiễn cao và hoàn toàn khả thi với điều kiện SV có tinh thần tự giác và khả năng tự học tốt. Bởi vì, hiện nay trong chương trình giảng dạy ngữ pháp và KN đọc đã có những giờ học riêng, hỗ trợ cho KN Viết.

Học thêm về KN và phương pháp viết luận nằm ở nhóm thứ 2 với 14,2% lựa chọn. Việc lên ý tưởng cho bài luận Tiếng Anh, xác định câu chủ đề chính (Thesis Statement) và lập dàn ý (outline) cho bài viết được xem là rất quan trọng trong kỹ năng và phương pháp viết bài của SV. Ngay từ buổi học đầu tiên của Môn Viết 2, các GV cần phải trình bày và hướng dẫn SV tiếp cận kỹ năng và phương pháp viết bài luận một cách hiệu quả nhất.

Nhờ bạn và giảng viên nhận xét bài viết của mình cũng như tham khảo bài viết tốt của các bạn khác để học hỏi có tỉ lệ như nhau trong lựa chọn của SV, nằm ở nhóm thứ ba với 9,2 % SV lựa chọn. Nhờ giảng viên và bạn học nhận xét bài viết sẽ giúp hoàn thiện văn phong cũng như cách dùng từ, thành lập câu. Thông thường, người viết không tự nhận ra lỗi của mình. Vì thế, sự hỗ trợ của giảng viên và các SV khác rất cần thiết. Đặc biệt, việc SV tham khảo các bài

viết tốt của các bạn khác trong lớp cũng như tham khảo các bài viết mẫu trên mạng sẽ giúp họ trau dồi thêm vốn từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng cũng như lối viết/hành văn.

Viết nháp nhiều trước khi viết bản chính là giải pháp có tỉ lệ SV lựa chọn ít nhất. Tuy nhiên, viết nháp cũng được xem là một giải pháp khá hiệu quả, nên được quan tâm và áp dụng. Việc viết nháp được thực hiện với điều kiện thời gian cho phép, người viết có thể đọc lại và sửa lỗi theo nhận xét của bạn học hoặc giảng viên, từ đó hoàn thiện bài viết của mình.



Biểu đồ 2: Giải pháp từ phía SV đối với những khó khăn khi viết luận học thuật

Nhìn chung, xuất phát từ những khó khăn được trình bày ở trên, những giải pháp này đều được SV đánh giá tương đối tốt ở mức độ tương đối phù hợp. Tuy nhiên, đây không phải là tất cả giải pháp cho những trở ngại khi làm bài viết học thuật và không phải đều hiệu quả cho tất cả đối tượng người viết. Trong phần tiếp theo, tác giả sẽ nêu lên một số chiến lược trong quá trình học KN viết học thuật nhằm giúp cho việc viết luận của SV ngày càng hiệu quả hơn.

2.5. Một số chiến lược khi học viết luận học thuật

2.5.1. Nắm vững văn phong học thuật

Từ việc thu thập thông tin và chắt lọc những bài viết trong bài kiểm tra và bài thi môn Viết 2, có một thực trạng là SV chỉ đang nỗ lực diễn đạt cho thoát ý mà chưa có nhiều ý niệm về văn phong học thuật. Vì vậy, SV cần nắm vững văn phong học thuật, bao gồm cách dùng từ ngữ trang trọng (formal) thay vì việc dùng từ vựng trong giao tiếp thông thường (informal). Ví dụ, thay vì sử dụng cụm động từ mang tính informal, người viết cần sử dụng động từ formal (xem Bảng 1):

Bảng 1: Cách sử dụng động từ formal

INFORMAL	FORMAL
think about	consider

stand for	represent
set up	establish
say sorry	apologize, apologise
rack up	accumulate
put off	postpone, delay
point out	indicate
look at	examine
leave out	omit
go up	increase
go down	decrease
go against	oppose
find out	discover, ascertain
bring about	cause
blow up	explode

Ngoài ra, một bài viết học thuật nên hạn chế sử dụng ngôi thứ nhất hay chủ từ mang tính cá nhân (I, we, you,...). Các cấu trúc câu chủ ngữ giả hoặc bị động được khuyến khích sử dụng trong bài viết học thuật.

Ví dụ 1: *I want first to provide some background information.*

→ *It is necessary first to provide some background information.*

Ví dụ 2: *I believe that unhealthy food should be taxed.*

→ *It is believed that unhealthy food should be taxed.*

Một điểm khác cần lưu ý trong bài viết IELTS Writing Task 2 là người viết cần tránh dùng ngôn ngữ có tính khẳng định tuyệt đối như *all*, *every*, và *always*. Thay vì sử dụng *all*, *every* người viết có thể dùng:

certain/ the majority of/ a minority of/ a large number of + noun

many/ a few + countable noun

much/ a little + uncountable noun

Hoặc trạng từ chỉ tần suất mang tính tuyệt đối *always* có thể được thay thế bằng các trạng từ chỉ tần suất khác như *sometimes, often, occasionally, at certain times*.

Ngoài ra, do không có gì là đúng tuyệt đối, nên việc sử dụng những ngôn ngữ không khẳng định như *probably, possibly, seem to, most likely to, may, might, appear to, v.v...* là cách làm cho bài viết trở nên trung lập và chính xác hơn. So sánh hai cách diễn đạt dưới đây: Câu được viết lại phía dưới mang văn phong học thuật hơn do không sử dụng ngôn ngữ mang tính khẳng định tuyệt đối.

Ví dụ 3: It is *not true* that poor road conditions are the only cause of road accidents in cities.

→ It *seems unlikely* that poor road conditions are the only cause of road accidents in cities.

Ví dụ 4: Having speed cameras installed on *all* streets is the best solution to the problem of speeding.

→ Having speed cameras installed on *certain* streets is *highly likely to be* the best solution to the problem of speeding.

2.5.2. Luyện viết thường xuyên

Một trong những chiến lược cơ bản và đơn giản nhất giúp SV ít phải chịu áp lực hơn khi học KN viết tiếng Anh nói chung và viết học thuật nói riêng chính là sự chủ động luyện tập viết thường xuyên mỗi ngày. Ngay cả khi bài tập đã được nộp hay khi còn nhiều tuần nữa mới tới thời hạn nộp bài, SV nên tập cho mình thói quen này. Tương tự như những KN khác trong tiếng Anh, KN viết luận cũng có thể được cải thiện và tiến bộ từng ngày nhờ sự chăm chỉ luyện tập.

Trong quá trình luyện viết, người học nên thiết lập thời gian khi làm bài luyện tập như một bài thi thật. Trong 40 phút, người học cần thực hiện đầy đủ quy trình viết bao gồm 3 giai đoạn: Pre-writing (Trước khi viết: lập dàn ý); While-writing (Trong khi viết); Post-writing (Sau khi viết: đọc lại và chỉnh sửa).

- *Giai đoạn trước khi viết* (5 phút): Trong giai đoạn này, người học đọc đề bài thật kỹ và xác định thể loại của bài luận. Viết ra nháp những ý tưởng này ra trong đầu khi động não, một vài ý chính và ví dụ và/hoặc lí do. Sau đó, lập dàn ý trong đó xác định rõ cấu trúc của bài luận, số đoạn văn, việc sắp xếp ý, câu chủ đề của mỗi đoạn thân bài và quan điểm của mình. Trong giai đoạn này, sản phẩm là một dàn ý có các ý chính và ý hỗ trợ theo đúng thứ tự mà người học dự định viết trong bài luận.

- *Giai đoạn viết* (30 phút): Dựa vào dàn ý chi tiết đã lập ở trên, thí sinh bắt đầu viết. Trong quá trình viết, người học cần tập trung vào sự thống nhất, sự kết dính và cả tính logic cũng như ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng, chính tả hay sự ngắt câu. Khi rèn luyện KN viết, việc kiểm soát thời gian là một trong những bước quan trọng. Người học được khuyên nên chia nhỏ các phần trong bài viết dựa trên tầm quan trọng và phức tạp của mỗi ý. Mỗi phần phải được hoàn thành trong khoảng thời gian nhất định vì việc thiếu thời gian là một trong những nguyên nhân gây áp lực và lo lắng cho người viết.

- *Giai đoạn sau khi viết* (5 phút): Hãy dành 3 - 5 phút cuối cùng của thời lượng làm bài để

đọc lại và kiểm tra lần cuối bài viết của mình về ngữ pháp, chính tả và cấu tạo từ trước khi nộp bài.

2.5.3. Đọc để mở rộng vốn từ và bổ sung kiến thức xã hội

Trước khi bắt tay vào viết và hoàn thành bài tập về nhà, SV có thể tìm thêm thông tin liên quan tới chủ đề từ nhiều nguồn khác nhau để đọc hay nghiên cứu nhằm bổ sung kiến thức và mở rộng vốn từ. Bằng cách này, SV có thể trang bị một vốn kiến thức phong phú về nhiều chủ đề đa dạng rất hữu ích cho giai đoạn sản sinh ý tưởng trong quá trình viết sau này.

Do mục đích là đọc để mở rộng từ vựng học thuật nên việc lựa chọn tài liệu đọc có tính học thuật là điều cần thiết. Khác với Google Search chỉ đưa ra các kết quả liên quan đến từ khóa chứ không tập trung vào một mảng cụ thể nào, Google Scholar (google dành cho học giả/ học thuật) là công cụ phổ biến, tìm tất cả những bài viết liên quan tới từ khóa đưa vào, có thể sử dụng các bộ lọc để tìm chính xác hơn. Thông qua Google Scholar, người học có thể tìm kiếm luận án, sách, bản tóm tắt và bài viết từ các nhà xuất bản học thuật, giới chuyên môn, các trường ĐH và các tổ chức học thuật khác.

Ngoài ra, việc đọc sách, báo tiếng Anh thường xuyên, trình độ tiếng Anh của người học sẽ cải thiện, nhất là về vốn từ vựng và cách diễn đạt câu. Cách hành văn của người học nhờ đó cũng sẽ tự nhiên hơn, gần hơn với lối hành văn của người bản xứ. Việc đọc bao nhiêu bài báo mỗi ngày hay mỗi tuần tùy thuộc vào trình độ tiếng Anh của mỗi người. Có thể bắt đầu bằng việc đọc các bản tin ngắn trong ngày, hoặc đọc những bài viết về chủ đề mà người học yêu thích để tăng hứng thú đọc và biến việc đọc sách, báo tiếng Anh trở thành một thói quen tốt. Sau đó, người học có thể tìm đến các bài báo dài hơn nói về các vấn đề văn hoá, giáo dục, xã hội, tài chính trên các báo như The New York Times, New Scientist, Financial Times và The Economist để sẵn sàng cho các câu hỏi về lĩnh vực học thuật trong IELTS Writing Task 2.

3. Kết luận

Viết thông thường hay viết luận học thuật không phải là khả năng bẩm sinh mà là quá trình rèn luyện không ngừng của người học. Để có thể sử dụng thành thạo một ngoại ngữ, không chỉ đơn giản là trau dồi từ vựng và ngữ pháp mỗi ngày mà quan trọng hơn là phải hiểu người bản ngữ sử dụng ngôn ngữ đó như thế nào. Vì vậy, khi học viết, người học cần được trang bị những kiến thức lí luận cơ bản để có thể hiểu rõ mình sẽ viết gì và viết như thế nào. Quá trình rèn luyện kĩ năng viết đặc biệt là kỹ năng viết luận là một quá trình bền bỉ, lâu dài. Trong một lớp học ngoại ngữ nói chung cũng như một lớp học tiếng Anh, để có thể đạt được hiệu quả viết luận học thuật như mong muốn thì ngoài sự sáng tạo, linh hoạt và tận tâm trong giảng dạy của người thầy, cần có sự nỗ lực, chuyên cần và hợp tác từ phía người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hyland, K, (2003), *Genre-based pedagogies: A social simple response to process*, Journal of Second Language Writing
- [2]. IELTS Test Booklet, (2019), *IELTS information for Journal of English for Academic*

Purposes

- [3]. Kees, D, (2009), *Teaching IELTS Writing: Keeping it*
- [4]. Moore, T - Morton, J, (2005), *Dimensions of difference: A comparison of university writing and IELTS writing*
- [5]. Swales, J. M, (1990), *Genre analysis: English in academic and research setting*, Cambridge, UK: Cambridge Writing spaces

CÂU HỎI KHẢO SÁT SINH VIÊN K44, 45, 46 – KHOA NGOẠI NGỮ

Câu hỏi số 1: Trong bài viết luận học thuật (Essay writing), bạn thường gặp khó khăn nào nhất trong 05 khó khăn sau đây?

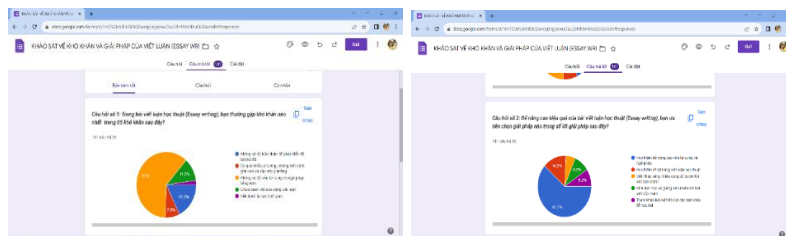
- KK1: Không có đủ kiến thức để phát triển đề tài
- KK2: Có quá nhiều ý tưởng, không biết cách giới hạn và sắp xếp ý tưởng
- KK3: Không có đủ vốn từ vựng và ngữ pháp tiếng Anh
- KK4: Chưa quen với các dạng viết luận
- KK5: Viết dưới áp lực thời gian

Câu hỏi số 2: Để nâng cao hiệu quả của bài viết luận học thuật (Essay writing), bạn ưu tiên chọn giải pháp nào trong số 05 giải pháp sau đây?

- GP1: Học thêm để nâng cao vốn từ vựng và ngữ pháp
- GP2: Học thêm về kỹ năng viết luận học thuật
- GP3: Viết nháp càng nhiều càng tốt trước khi viết bản chính
- GP4: Nhờ bạn học và giảng viên nhận xét bài viết của mình
- GP5: Tham khảo bài viết tốt của các bạn khác để học hỏi

LINK KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ

https://drive.google.com/open?id=1m7iOJsh3HJB0kQSwcqjngpewuDuU2H4hbrHXuE63Gs&usp=chrome_ntp



THỰC TRẠNG VỀ VẤN ĐỀ SỨC KHỎE TINH THẦN CỦA SINH VIÊN NHÓM NGÀNH NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

Phan Nguyễn Phong Luân

Khoa Quản trị kinh doanh, trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Sức khỏe tinh thần là yếu tố không thể tách rời với sức khỏe tổng quát của mỗi cá nhân. Với nhóm đối tượng sinh viên thì sức khỏe tinh thần có ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. Nghiên cứu thực hiện dựa trên cơ sở tổng hợp dữ liệu thứ cấp và khảo sát 240 sinh viên nhóm ngành nhà hàng và khách sạn tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Kết quả khảo sát thể hiện mức độ tự đánh giá về tình trạng sức khỏe tinh thần của bản thân sinh viên, đánh giá về sự ảnh hưởng của một số yếu tố đến sức khỏe tinh thần, các cách ứng phó khi gặp vấn đề về sức khỏe tinh thần cũng như mức độ sẵn sàng tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe tinh thần trong tương lai. Dựa vào đó, tác giả cũng đưa ra một số kiến nghị giải pháp nhằm chăm sóc sức khỏe tinh thần của sinh viên một cách hiệu quả hơn, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học tại Trường hiện nay.

Từ khóa: *sức khỏe tinh thần, tâm lý, sinh viên, quản trị khách sạn, quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đời sống phát triển ngày càng nhanh, tỷ lệ người gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần (SKTT) cũng gia tăng nhanh chóng. Theo WHO (2022), mỗi tám người trên thế giới sẽ có một người gặp các vấn đề về SKTT. Tình trạng này xuất hiện ở nhiều quốc gia khác nhau và ở nhiều độ tuổi, ngành nghề khác nhau, trong đó có nhóm đối tượng sinh viên (SV) các trường Đại học, Cao đẳng. Nhiều vấn đề liên quan đến tài chính, học tập, đời sống... khiến cho tỷ lệ SV gặp các vấn đề về sức khỏe tinh thần (SKTT) đang có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây (Phạm Tiến Sỹ, 2022). Đặc biệt là trong bối cảnh khoa học công nghệ ngày càng phát triển, giới trẻ ngày càng thể hiện rõ sự sụt giảm về cảm xúc cá nhân vốn là một trong những yếu tố quan trọng dẫn đến các tình trạng sức khỏe tinh thần tiêu cực (Boers và các cộng sự, 2019). Điều này cũng thể hiện ở các báo cáo kết quả khảo sát trên thế giới về độ tuổi mắc trầm cảm trước kia thường nằm trong khoảng 60 – 65 tuổi thì hiện nay lại có xu hướng trẻ hóa với nhóm tuổi từ 15 – 27 tuổi (Tôn Thất Minh Thông và các cộng sự, 2022).

Khi tìm hiểu về đời sống tinh thần của SV, Phạm Tiến Sỹ (2022) cũng đã chỉ ra những yếu tố tiêu cực liên quan đến SKTT mà người học có thể gặp phải trong giai đoạn giãn cách do dịch COVID-19. Tôn Thất Minh Thông và các cộng sự (2022) cũng đã nghiên cứu về các rối loạn

tâm thần của SV đi kèm với sự hài lòng về cuộc sống giữa các nhóm đối tượng khác nhau về giới tính và nơi cư trú. Liên quan đến các tác nhân dẫn đến sự tiêu cực về sức khỏe tinh thần, Boers và các cộng sự (2019) đã đưa ra minh chứng về mối quan hệ tỷ lệ thuận giữa tần suất sử dụng các phương tiện điện tử với khả năng mắc các triệu chứng lo âu, trầm cảm của SV. Campbell và các cộng sự (2022) cùng Hefner & Eisenberge (2009) cũng đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng mắc các vấn đề tiêu cực về SKTT như độ tuổi, gia cảnh, giới tính, các mối quan hệ xã hội và khả năng giao tiếp cộng đồng. Sự suy giảm về SKTT ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tổng quát và đặc biệt là kết quả học tập của SV (VanderLind, 2017). Dựa trên nghiên cứu và lấy ý kiến chuyên gia, Huỳnh Văn Sơn và các cộng sự (2022) đã đưa ra một số giải pháp chăm sóc sức khỏe tinh thần cho đối tượng SV dưới góc độ quản trị trường học, còn Pedrelli và các cộng sự (2015) cũng đưa ra một số góc nhìn để giải quyết vấn đề này liên quan đến cách tổ chức lớp học.

Có thể thấy rằng, nhiều học giả cả trong lẫn ngoài nước có sự quan tâm đến yếu tố sức khỏe tinh thần của nhóm đối tượng SV. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về yếu tố này đối với SV nhóm ngành nhà hàng – khách sạn vẫn chưa được thực hiện một cách phổ biến và chuyên sâu. Trong khi đó, đây là nhóm SV đông đảo, gắn bó mật thiết với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước nên việc nghiên cứu về đời sống tinh thần của nhóm này là điều cần thiết. Tại Trường CĐ Công Thương TP. HCM, số lượng tuyển sinh hàng năm của ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống ước đạt khoảng 150 SV mỗi ngành – cũng thuộc nhóm các ngành có số sinh viên theo học khá cao. Điều này cũng đặt ra nhu cầu về việc tìm hiểu tình hình SKTT của SV nhóm ngành nhà hàng khách sạn để có những biện pháp cải thiện phù hợp, hiệu quả.

2. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu của nghiên cứu hướng đến việc tổng hợp cơ sở lý luận về vai trò của việc chăm sóc SKTT đối với đối tượng SV ngành nhà hàng khách sạn đang theo học tại Trường. Dựa vào đó, nghiên cứu tiến hành khảo sát đối tượng SV nói trên về tình hình SKTT của bản thân để đưa ra một số kiến nghị giải pháp nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng học tập cũng như đời sống của SV.

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên cơ sở tổng hợp dữ liệu thứ cấp về sức khỏe tinh thần từ các tổ chức uy tín trên thế giới cũng như các công trình nghiên cứu của các học giả trong và ngoài nước. Các dữ liệu thứ cấp được tổng hợp nhằm khái quát hóa về SKTT cũng như đánh giá được tầm quan trọng của việc chăm sóc SKTT đối với đối tượng SV. Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp thống kê mô tả dữ liệu khảo sát bản hỏi Google Form. Bản hỏi được thiết kế theo mô hình nghiên cứu kế thừa từ một số công trình đánh giá tình trạng SKTT của SV do Huỳnh Văn Sơn và các cộng sự (2022) đã thực hiện. Theo đó, bộ câu hỏi khảo sát được sử dụng có bốn nhóm câu hỏi chính liên quan đến SKTT bao gồm: (1) tự đánh giá tình hình SKTT của bản thân (7 câu hỏi), (2) đánh giá mức độ ảnh hưởng của các tác nhân đến SKTT của bản thân (6 câu hỏi), (3) cách ứng phó khi SKTT bị suy giảm (5 câu hỏi) và (4) mức độ sẵn sàng tham gia các hoạt động cải thiện SKTT của bản thân (6 câu hỏi). Các câu hỏi đưa ra cũng có sự điều chỉnh nhất định về câu chữ cũng như nội dung chi tiết so với bộ câu hỏi tham khảo nhằm tạo sự

phù hợp hơn với đối tượng khảo sát. Các biến quan sát được thể hiện dưới dạng mệnh đề đi kèm với thang đo Likert-5 thể hiện các mức độ đánh giá từ “1 – Rất thấp/Rất không sẵn sàng” cho đến “5 – Rất cao/Rất sẵn sàng”. Ngoài ra, bản khảo sát cũng bổ sung một câu hỏi mở về những ý kiến cá nhân của SV về việc chăm sóc SKTT để SV có cơ hội bày tỏ những quan điểm, ý kiến chưa được đề cập đến trong hệ thống các biến quan sát.

Khảo sát được tiến hành với kích cỡ mẫu 240 SV ngành Quản trị khách sạn và ngành Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống thuộc các khóa K44, K45, K46 và K47 đang theo học tại trường. Kích cỡ mẫu này phù hợp với lý thuyết về tỷ lệ 5 mẫu trên mỗi biến quan sát (Nguyễn Đình Thọ, 2013) với kích cỡ tối thiểu theo lý thuyết là $n = (7 + 6 + 5 + 6) \times 5 = 120$. Mẫu khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên trên tổng thể SV ngành nhà hàng khách sạn đang theo học tại Trường.

3. Khái quát về sức khỏe tinh thần và vai trò đối với sinh viên ngành nhà hàng khách sạn

3.1. Khái quát về sức khỏe tinh thần

Theo WHO, SKTT là phần không thể thiếu trong đời sống của mỗi con người, gắn liền với sức khỏe tổng quát của mỗi cá nhân (WHO, 2022). SKTT bao gồm sự thiếu vắng các yếu tố rối loạn tâm thần và sự hiện diện của các yếu tố tích cực (Bratman và các cộng sự, 2019). Trong đó, một số yếu tố rối loạn tâm thần (RLTT) phổ biến thường gặp hiện nay có thể kể đến như trầm cảm, lo lắng, mất trí nhớ, rối loạn sử dụng chất kích thích hoặc một số tình trạng nghiêm trọng hơn như rối loạn lưỡng cực hoặc tâm thần phân liệt. Đối với những cá nhân có SKTT tốt, các tình trạng tiêu cực kể trên vẫn có thể xuất hiện nhưng không gây ảnh hưởng nặng nề và cá nhân đó hoàn toàn có khả năng vượt qua một cách nhanh chóng. Thay vào đó, cá nhân có SKTT khỏe mạnh thường có các biểu hiện tích cực như: (1) hạnh phúc; (2) khả năng tự thực hiện (self-actualization); (3) sự kiên cường, bản lĩnh và (4) có các mối quan hệ lành mạnh (Bratman và các cộng sự, 2019). Người có SKTT tốt thường có các trạng thái thoải mái, tự tin vào bản thân, tính tự chủ cao, năng lực và khả năng nhận biết những tiềm lực của bản thân mạnh mẽ (UNICEF Vietnam, 2021).

Tình trạng SKTT không ổn định dễ dẫn đến một số tình trạng tiêu cực cho cá nhân cũng như cộng đồng. Các loại hình vấn đề SKTT thường thấy được chia thành hai nhóm: hướng nội – bao gồm các biểu hiện như lo âu, trầm cảm, cô đơn, căng thẳng...; và hướng ngoại – biểu hiện cụ thể như tăng động, giảm chú ý. Các vấn đề này nếu không được đánh giá và chăm sóc kịp thời sẽ gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe bản thân thông qua những hành vi tiêu cực như sử dụng chất kích thích (rượu, bia, thuốc lá...), sinh hoạt không điều độ, mất tập trung hoặc nghiêm trọng hơn là tự tử. SKTT suy kém cũng ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sống, sự phát triển của xã hội cũng như các mối quan hệ trong đời sống (WHO, 2022).

Các tác nhân dẫn đến RLTT làm sụt giảm SKTT có thể kể đến như các vấn đề về tài chính, sự tác động của gia đình và người thân, các mối quan hệ xã hội... (Tôn Thất Minh Thông và các cộng sự, 2022). Đặc biệt là trong bối cảnh sau đại dịch COVID-19 thì một số tác nhân liên quan đến dịch bệnh vẫn có khả năng đeo bám người dân trong xã hội như nỗi sợ dịch bệnh quay lại, hậu quả của giãn cách xã hội, sự đau buồn vì mất mát người thân do dịch, những lo lắng về cuộc sống và về tương lai... (Huỳnh Văn Sơn và các cộng sự, 2022). Tuy nhiên, số lượng cá

nhân có đầy đủ kiến thức và kỹ năng để nhận diện các dấu hiệu RLTT vẫn còn tương đối hạn chế, cũng như các dịch vụ hỗ trợ và chăm sóc SKTT chưa thật sự phổ biến. Điều này vô hình trung gây khó khăn cho việc nhận diện, xử lý và phòng tránh các vấn đề về SKTT trong thời buổi hiện nay.

3.2. Vai trò của sức khỏe tinh thần đối với sinh viên ngành nhà hàng khách sạn

SV là nhóm đối tượng có đặc điểm còn trong độ tuổi đang trưởng thành, phải sống xa nhà và chuyển đổi môi trường sinh hoạt cũng như học tập. Điều này dẫn đến hệ quả rằng đây là một nhóm xã hội dễ bị tổn thương, nhất là trong bối cảnh xã hội có nhiều chuyển biến ảnh hưởng đến đời sống tâm lý và khả năng thích ứng của nhóm đối tượng này (Phạm Tiến Sỹ, 2022). SV là đối tượng phải đối mặt với một số trách nhiệm như người trưởng thành nhưng lại chưa có đầy đủ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng để giải quyết chúng một cách hiệu quả (Pedrelli và các cộng sự, 2015). Việc không thường xuyên được tiếp xúc với gia đình vốn là nơi che chở, gắn bó trong suốt quãng thời gian đầu đời khiến cho nhóm đối tượng SV cũng trở nên nhạy cảm hơn với các RLTT gặp phải (Tôn Thất Minh Thông và các cộng sự, 2022). Điều này dễ dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về mặt tâm lý cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và kết quả học tập của SV nếu không được quan tâm, chăm sóc kịp thời (Huỳnh Văn Sơn và các cộng sự, 2022).

Các nghiên cứu cũng đã chỉ ra mối liên quan giữa độ tuổi với trầm cảm, lo âu và stress. Theo đó, độ tuổi càng tăng thì mức độ trầm cảm, lo âu và stress càng giảm – minh chứng thông qua kết quả khảo sát có đến 75% thanh niên dưới 25 tuổi cho rằng mình đã từng mắc các vấn đề về SKTT (Nguyễn Thị Hải và các cộng sự, 2022; Pedrelli và các cộng sự, 2015). Điều này cũng dẫn đến vai trò quan trọng của việc chăm sóc SKTT cho SV – nhóm đối tượng có tuổi đời không quá cao, nhạy cảm với các thông tin tiêu cực và dễ có những suy nghĩ bộc phát. Một điều cũng cần được chú ý về nhóm đối tượng SV khi đây là nhóm dân số có số lượng và thời lượng sử dụng các thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính cao. Đây là yếu tố có mối quan hệ cùng chiều với các dấu hiệu của lo âu và trầm cảm (Boers và các cộng sự, 2019). Sự gia tăng tiếp xúc với internet cũng là những yếu tố nguy cơ đối với SKTT của thanh niên, dẫn đến tình trạng cô lập xã hội, lo lắng, buồn phiền hoặc cảm giác tuyệt vọng (UNICEF Vietnam, 2021).

Ảnh hưởng của SKTT đối với SV không chỉ thể hiện ở sức khỏe nói chung mà còn liên quan đến các yếu tố khác trong đời sống, đặc biệt là về thành tích học tập. Sự suy giảm SKTT sẽ dẫn đến việc mất tập trung, khó đưa ra quyết định cũng như hạn chế trong xử lý vấn đề (VanderLind, 2017). Những điều này ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng của SV và tác động trực tiếp đến kết quả học tập. Mặc dù vậy, nhóm đối tượng này lại không có đủ kỹ năng để nhận diện những vấn đề về SKTT của bản thân cũng như chưa có các kiến thức cần thiết để giải quyết chúng (Pedrelli và các cộng sự, 2015). Do đó, việc phổ cập kiến thức về SKTT cũng như hỗ trợ các kênh tư vấn, giải quyết các vấn đề về SKTT cho SV sẽ là điều quan trọng, không chỉ góp phần nâng cao kết quả học tập mà còn xây dựng nền tảng tốt cho sự phát triển trong tương lai.

Riêng đối với SV ngành nhà hàng khách sạn, việc chăm sóc SKTT lại càng trở nên quan trọng hơn nữa. Đây là nhóm đối tượng sẽ làm việc trong ngành dịch vụ sau khi tốt nghiệp tại

Trường, cần có SKTT tốt để thích nghi với rất nhiều tình huống phát sinh trong quá trình công tác. Đối tượng tiếp xúc trực tiếp của nhóm SV ngành nhà hàng khách sạn là con người, vốn là đối tượng dễ có nhiều sự biến đổi khác nhau về tâm lý và tình cảm, nên việc giữ SKTT tốt để phục vụ khách hàng là điều vô cùng cần thiết. Công việc của SV ngành nhà hàng khách sạn cũng đòi hỏi tạo nên những trải nghiệm tốt và tinh thần thoải mái cho khách hàng nên bản thân SV phải biết cách chăm sóc SKTT của mình mới có thể chăm sóc hiệu quả cho khách hàng sau này.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả tự đánh giá tình trạng SKTT của bản thân

Bảng 1. Kết quả khảo sát về việc tự đánh giá tình trạng SKTT của bản thân

STT	Biến quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Buồn bã kéo dài	2.45	1.04
2	Hay lo lắng, căng thẳng	2.9	1.03
3	Cảm thấy cô đơn	2.5	1.08
4	Bị thay đổi thói quen	2.74	1.06
5	Kết quả học tập giảm	2.68	0.92
6	Khó tập trung học tập	2.84	1.02
7	Sử dụng chất kích thích	1.41	0.81

Kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản thì đa phần SV đều tự đánh giá tình trạng SKTT của bản thân ở mức ổn (6/7 biến quan sát có giá trị trung bình nằm ở khoảng từ “2 – Thấp” cho đến 3 – “Bình thường”). Riêng với biến “Sử dụng chất kích thích” nằm ở mức thấp với giá trị trung bình 1.41. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của cả 7 biến quan sát đều nằm ở mức từ 0.81 đến 1.04, đây là con số khá cao so với giá trị trung bình. Điều này cho thấy có sự phân tán khá lớn giữa các SV khi tự đánh giá tình trạng SKTT của bản thân. Kết quả này chứng tỏ mặc dù nhìn chung thì tình trạng SKTT của các SV tham gia khảo sát vẫn ở mức ổn, nhưng trong số đó vẫn có một số SV tự đánh giá bản thân gặp các vấn đề SKTT ở mức cao. Đặc biệt là ở biến quan sát “Hay lo lắng, căng thẳng” thì tỷ lệ lựa chọn mức đánh giá “Cao” và “Rất cao” chiếm đến 30.4%.

Kết quả trên cũng chịu sự ảnh hưởng nhất định từ tỷ lệ SV tham gia khảo sát, khi số lượng SV năm thứ hai (K46) chiếm 48.8% trên tổng số lượng. Đây là nhóm SV ở giai đoạn trung hòa khi không mắc phải các vấn đề liên quan đến sự thay đổi môi trường học tập như SV năm nhất, nhưng cũng không chịu quá nhiều áp lực chi phối như các SV năm cuối. Chương trình đào tạo của SV năm thứ hai ngành nhà hàng khách sạn tại Trường cũng được bố trí với nhiều môn học thực hành nghiệp vụ chuyên môn. Đây là những môn học giúp SV rèn luyện kỹ năng cũng như

có cơ hội tiếp xúc, trao đổi nhiều hơn với bạn bè và giảng viên. Điều này cũng góp phần giải tỏa những căng thẳng và cải thiện SKTT của SV khi tham gia học tập.

4.2. Kết quả đánh giá mức độ tác động đến SKTT của một số yếu tố

Bảng 2. Kết quả khảo sát về mức độ tác động của một số yếu tố đến SKTT

STT	Biến quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Tác động từ gia đình	2.34	1.18
2	Tác động từ bạn bè	2.32	1.08
3	Tác động từ nơi làm việc	2.67	1.12
4	Áp lực về học tập	3.0	1.09
5	Áp lực về kinh tế	3.43	1.75
6	Áp lực từ chính bản thân	3.48	1.16

Khi đánh giá về mức độ tác động của một số yếu tố đến SKTT của bản thân thì yếu tố “Áp lực về kinh tế” và “Áp lực từ chính bản thân” được cho rằng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến SKTT của SV. Về yếu tố liên quan đến kinh tế thì điều này có thể diễn giải liên quan đến bối cảnh chung của SV ngành nhà hàng khách sạn nói riêng và toàn thể SV của Trường nói chung. Đa phần SV đến từ khu vực miền Trung (Bình Định, Phú Yên, Quảng Ngãi...) và khu vực Đông Nam Bộ với hoàn cảnh kinh tế không quá khá giả. Áp lực về học phí, chi phí sinh hoạt cũng như các chi phí khác chi phối khá lớn đến SKTT của SV trong quá trình học tập tại Trường. Ngoài ra, yếu tố “Áp lực từ chính bản thân” cũng thể hiện về tình trạng SKTT của SV cũng bắt nguồn từ chính những suy nghĩ của SV, khi mà các bạn chưa có nhiều kiến thức và kỹ năng tự giải quyết các vấn đề liên quan đến SKTT của bản thân.

Đáng chú ý, yếu tố “Áp lực về học tập” cũng được đánh giá với mức độ tương đối cao. Điều này cũng phù hợp với kết quả của một số nghiên cứu cho rằng áp lực điểm số hoặc sự thiếu vắng các hoạt động tương tác trong giờ học cũng góp phần ảnh hưởng đến SKTT của SV (Campbell và các cộng sự, 2022). Với các bạn SV năm nhất thì việc tiếp cận hình thức học tập hoàn toàn khác so với chương trình phổ thông cũng dễ tạo ra những sự lo lắng và áp lực nhất định. Một SV năm nhất có nêu ý kiến trong bản khảo sát rằng “*Tụi em luôn mong muốn Thầy Cô hãy tạo ra không khí của những buổi học thật thoải mái nhất có thể*”. Đây là điều mà các bạn SV luôn mong đợi ở những tiết học vừa mang lại kiến thức, kỹ năng bổ ích nhưng cũng có tinh thần thoải mái, phấn khởi để việc học trở nên hiệu quả hơn.

4.3. Kết quả khảo sát về cách ứng phó khi SKTT bị suy giảm

Bảng 3. Tỷ lệ lựa chọn cách ứng phó với các vấn đề về SKTT

Lựa chọn	Không làm gì cả	Chia sẻ với người thân	Chia sẻ với bạn bè	Chia sẻ với cộng đồng, xã hội	Tìm sự hỗ trợ từ chuyên gia
Đồng ý	45.4%	62.5%	66.3%	25%	36.3%
Không đồng ý	54.6%	37.5%	33.7%	75%	63.7%

Thông qua kết quả khảo sát có thể thấy rằng phương án nhận được nhiều sự đồng tình nhất từ SV là “Chia sẻ với bạn bè” và “Chia sẻ với người thân”. Đây là những phương án đơn giản, dễ thực hiện, đặc biệt là với các bạn SV thì sự kết nối bạn bè và gia đình luôn là hai yếu tố rất quan trọng để chăm sóc SKTT của bản thân. Tỷ lệ lựa chọn phương án “Chia sẻ với cộng đồng, xã hội” thấp nhất trong số 5 biến quan sát. Đây cũng có thể xem là một trong những đặc điểm của các bạn trẻ thế hệ Z (generation Z – GenZ) khi hạn chế chia sẻ về tình trạng cá nhân với cộng đồng. Số lượng lựa chọn cho phương án “Tìm sự hỗ trợ từ chuyên gia” cũng nằm ở mức thấp (36.3%). Điều này cũng đưa ra một thực trạng về khả năng tiếp cận với các dịch vụ, đơn vị hỗ trợ chăm sóc SKTT dành cho SV.

Đáng chú ý hơn cả là tỷ lệ lựa chọn phương án “Không làm gì cả” nằm ở mức tương đối cao (45.4%), chiếm gần một nửa tổng số SV tham gia khảo sát. Kết quả này cũng tương tự như công bố của Huỳnh Văn Sơn và các cộng sự (2022) khi số lượng SV đưa ra lựa chọn “Không làm gì cả” trong trường hợp SKTT suy giảm luôn chiếm tỷ lệ cao. Số liệu này cũng đặt ra một vấn đề về kỹ năng giải quyết các vấn đề của bản thân SV, nhất là trong bối cảnh nguồn thông tin về yếu tố SKTT đang còn tương đối hạn chế.

4.4. Kết quả đánh giá về việc tham gia các hoạt động cải thiện SKTT

Bảng 4. Mức độ sẵn sàng tham gia các hoạt động cải thiện SKTT của bản thân

STT	Biến quan sát	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Tâm sự với bạn bè	3.3	1.04
2	Tâm sự với gia đình	3.33	1.32
3	Tâm sự với Thầy Cô	2.54	1.21
4	Tham gia các hoạt động do Trường tổ chức	3.07	1.07
5	Tham gia các hoạt động do các đơn vị ngoài Trường tổ chức	3.01	1.07
6	Tự chữa lành	3.91	1.01

Kết quả khảo sát cho thấy việc tâm sự với Thầy Cô thường ít được SV sẵn sàng tham gia nếu có những vấn đề về SKTT (giá trị trung bình 2.54). Thay vào đó, SV sẽ ưu tiên các phương án như tâm sự với bạn bè (giá trị trung bình 3.3) hoặc tâm sự với gia đình (3.33). Kết quả này cũng tương thích với kết quả của nhóm câu hỏi về những cách ứng phó đã được sử dụng ở mục 4.3. khi gia đình và bạn bè là đối tượng mà SV thường nghĩ đến khi SKTT suy giảm. Việc tham gia các hoạt động do Trường và các đơn vị ngoài Trường tổ chức cũng là những phương án có thể được lựa chọn. Các ý kiến của SV cung cấp thêm trong bản khảo sát cũng đề cập nhiều đến vấn đề này, tiêu biểu như một số ý kiến:

- *“Tạo nhiều CLB ý nghĩa, nấu ăn và phát những phần cơm chay cho những người vô gia cư và các em nhỏ khó khăn”* – SV nữ K45 ngành Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
- *“Tạo ra các sân chơi cho SV với các trò chơi về sự sáng tạo, kỹ năng hoặc nghệ thuật”*
– SV nữ K46 ngành Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
- *“Tổ chức các hoạt động vui chơi, ca hát vào cuối tuần để SV có thể giải trí sau một tuần học”* – SV nữ K46 ngành Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
- *“Trường hãy thường xuyên tổ chức văn nghệ cho SV để tạo không gian làm việc nhóm và cơ hội để SV giao lưu với nhau”* – SV nam K46 ngành Quản trị nhà hàng & dịch vụ ăn uống
- *“Tổ chức sân chơi lành mạnh, thể dục thể thao cho các khối lớp”* – SV nam K46 ngành Quản trị khách sạn

Trong số các biến quan sát đưa ra thì phương án “Tự chữa lành” được đánh giá ở mức cao (giá trị trung bình 3.91). Một SV có cung cấp thêm những chia sẻ cụ thể về sự lựa chọn này trong bản khảo sát của mình: *“Bản thân mỗi SV đều có những áp lực riêng khó nói, đôi lúc cũng muốn từ bỏ tất cả nhưng rồi em cũng ngăn nó lại, im lặng và tự chữa lành. [...] Riêng bản thân em thường chọn tự mình vượt qua vì đó là vấn đề của bản thân nên mình tự định hướng cho mình, dù đúng hay sai ít ra bản thân không tự làm khó mình”* (SV nam K45 ngành Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống). Tham khảo bổ sung các ý kiến cá nhân của SV cung cấp thì việc tự chữa lành thường đi kèm với những hoạt động mà SV tự lên kế hoạch cho chính bản thân mình như: ăn uống đầy đủ, suy nghĩ tích cực, luyện tập thể thao, tham gia workshop, ngủ nghỉ sinh hoạt đúng giờ, nghe nhạc thư giãn, đọc sách...

5. Kết luận và kiến nghị

Việc chăm sóc SKTT cho SV là điều cần thiết trong bối cảnh ngày càng nhiều những yếu tố có khả năng tác động tiêu cực đến đời sống của SV. Kết quả nghiên cứu chỉ ra một số thực trạng về mức độ tự đánh giá tình trạng SKTT của SV nhóm ngành nhà hàng khách sạn đang theo học tại Trường hiện nay, cũng như đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến SKTT, các cách ứng phó với những vấn đề tiêu cực và mức độ sẵn sàng tham gia vào các hoạt động chăm sóc SKTT. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm chăm sóc hiệu quả hơn nữa SKTT cho đối tượng SV ngành nhà hàng khách sạn nói riêng và SV toàn Trường nói chung.

Về phía nhà trường, một số yếu tố bảo vệ SKTT được các tổ chức khuyến nghị nâng cao như môi trường gia đình gắn kết, mạng lưới xã hội và bạn bè tốt, giáo viên hỗ trợ và làm gương

noi theo, gia đình có nền tảng kinh tế - xã hội tốt cũng như sự sẵn có của các dịch vụ hỗ trợ (UNICEF Vietnam, 2021). Do đó, nhà trường cần có các chương trình và hoạt động góp phần nâng cao nhận thức về SKTT của SV. Việc nâng cao nhận thức về SKTT là điều cần thiết, giúp hạn chế các tình trạng nghiêm trọng và ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống của SV (UNICEF Vietnam, 2021). Đó có thể là những buổi tư vấn tâm lý, workshop thực hiện những hoạt động có ảnh hưởng tích cực đến SKTT hoặc những buổi gặp gỡ giải đáp thắc mắc, giúp SV giảm bớt những áp lực khó khăn trong học tập. Nhà trường cũng có thể tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động, cuộc thi, buổi giao lưu về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao để SV có cơ hội được giải trí, thể hiện bản thân và gặp gỡ, giao lưu với nhiều người.

Về phía giảng viên, việc tổ chức các buổi học với không khí thoải mái, vui vẻ là điều cũng cần được quan tâm. Bên cạnh việc truyền thụ kiến thức và kỹ năng, giảng viên cũng cần chú ý đến các hoạt động tương tác giữa người dạy và người học cũng như giữa những người học với nhau. Hoạt động đánh giá của giảng viên cũng cần được tính toán kỹ lưỡng nhằm đảm bảo chất lượng của việc học nhưng cũng không tạo ra áp lực nặng nề cho SV. Giảng viên cũng có thể chú ý, quan tâm đến một số trường hợp SV có biểu hiện đặc biệt về SKTT trong lớp để có hướng tiếp cận và tư vấn kịp thời.

Về phía sinh viên thì bản thân mỗi bạn cần chủ động trang bị cho mình kiến thức và kỹ năng liên quan đến việc chăm sóc SKTT cũng như giải quyết các vấn đề tiêu cực về SKTT. Đặc biệt là với bản thân SV cần tích cực xây dựng lối sống khoa học để có sức khỏe tốt, tạo nền tảng cho SKTT phát triển hiệu quả. Việc tham gia các hoạt động do nhà trường và các đơn vị bên ngoài tổ chức cũng là điều kiện thích hợp giúp các bạn cải thiện SKTT của bản thân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Boers, E., Afzali, M. H., Newton, N. & Conrod, P. (2019). Association of Screen Time and Depression in Adolescence. *JAMA Pediatr*, 173(9), 853-859.
- [2]. Campbell, F., Blank, L., Cantrell, A., Baxter, S., Blackmore, C., Dixon, J. & Goyder, E. (2022). Factors that influence mental health of university and college students in the UK: a systematic review. *BMC Public Health*, 22(1778).
- [3]. Hefner, J. & Eisenberg, D. (2009). Social Support and Mental Health Among College Students. *American Journal of Orthopsychiatry*, 79(4), 491-499.
- [4]. Huỳnh Văn Sơn, Đỗ Tất Thiên, Bùi Hồng Quân, Giang Thiên Vũ, Nguyễn Thị Xuân Yên, Nguyễn Thanh Huân & Nguyễn Chung Hải. (2022). Giải pháp chăm sóc sức khỏe tinh thần cho sinh viên sau dịch COVID-19: tiếp cận ở góc độ quản trị trường học. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh*, 19(7), 1002-1014.
- [5]. Nguyễn Đình Thọ. (2013). *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*. Trường Đại học Kinh tế TP HCM: Nhà xuất bản Tài chính.
- [6]. Nguyễn Thị Hải, Trần Thị Mỹ, Lại Thị Hà, Trần Công Huyền Trang, Trần Thị Vân, Hứa Thị Lệ Oanh, Phạm Thị Nga, Đỗ Thị Thùy Minh, Nguyễn Thị Thanh Huyền & Phạm Trần Vĩnh Phú. (2022). Thực trạng sức khỏe tâm thần của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Đông Á trong thời kỳ giãn cách xã hội do COVID-19. *Tạp chí Khoa học Đại học Đông Á*, 1(3), 28-39.

- [7]. Pedrelli, P., Nyer, M., Yeung, A., Zulauf, C. & Wilens, T. (2015). College Students: Mental Health Problems and Treatment Considerations. *Acad Psychiatry*, 39(5), 503-511.
- [8]. Phạm Tiến Sỹ. (2022). Một số vấn đề sức khỏe tâm thần của sinh viên trong thời gian giãn cách xã hội do dịch bệnh COVID-19. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, 21(2022), 1-10.
- [9]. Tôn Thất Minh Thông, Vũ Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Phụng, Trương Thị Tâm Anh, Trần Lê Thủy Tiên, Phan Thị Nhu Mỹ, Nguyễn Ngọc Bảo Châu, Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh & Nguyễn Phước Cát Tường. (2022). Sức khỏe tâm thần của sinh viên Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư Phạm, Đại học Huế*, 2(62), 163-173.
- [10]. UNICEF Vietnam. (2021). Báo cáo tóm tắt: Sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội của trẻ em và thanh niên tại một số tỉnh và thành phố ở Việt Nam. Truy xuất tại: <https://www.unicef.org/vietnam/media/1016/file/B%C3%A1o%20t%C3%A1o%20t%C3%B3m%20t%E1%BA%Aft.pdf>
- [11]. VanderLind, R. (2017). Effects of Mental Health on Student Learning. *TLAR*, 22(2), 39-57.
- [12]. WHO. (2022). World mental health report: transforming mental health for all. Retrieved from: <https://www.who.int/publications/i/item/9789240049338>

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CHATBOT AI ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Bùi Thị Thanh Phụng

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Xu hướng sử dụng AI nói chung và chatbot AI nói riêng đang ngày càng phổ biến trong sinh viên hiện nay. Khảo sát trên 240 sinh viên khoa Quản trị kinh doanh đã cho thấy gần 80% sinh viên có cài đặt và sử dụng các ứng dụng chatbot AI trên điện thoại. Sinh viên đã sử dụng Chatbot AI trong hầu hết các hoạt động học tập như: làm bài tập về nhà, làm tiểu luận, làm bài tập nhóm, trả lời câu hỏi của giảng viên... Việc sử dụng Chatbot AI đã mang lại những hiệu quả nhất định như hỗ trợ sinh viên tìm thông tin nhanh chóng, gợi mở cho sinh viên nhiều ý tưởng mới lạ. Nhưng việc phụ thuộc vào Chatbot AI lại khiến sinh viên ngại suy nghĩ, chậm tư duy cái mới. Từ đó tăng mức độ phụ thuộc vào ứng dụng, giảm khả năng tư duy sáng tạo. Bài viết có nghiên cứu tới thực trạng sử dụng Chatbot AI và đề xuất một số giải pháp để giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên sử dụng Chatbot AI phù hợp và hiệu quả hơn.

Từ khóa: tin học ứng dụng, ngành nhà hàng khách sạn, công nghệ thông tin

Đặt vấn đề

Chatbot là một mô hình tương tác giữa người và máy tính và thông qua một chương trình AI (Bansal và Khan, 2018). Mô hình Chatbot đã được ứng dụng trong việc chăm sóc khách hàng từ nhiều năm nay. Tuy nhiên, với sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo AI cùng sự ra đời của Chat GPT (viết tắt của Chat Generative Pre-training Transformer- một ứng dụng Chatbot có sử dụng AI của Open AI) đã tạo nên cơn sốt trong việc ứng dụng Chatbot AI vào các lĩnh vực khác. Với đặc trưng là nhạy cảm với xu hướng, thích sử dụng cái mới của giới trẻ (Philip Kotler, 2016), sinh viên khoa Quản trị kinh doanh đang ngày càng sử dụng Chatbot AI rộng rãi hơn. Nhà trường cùng giảng viên cần nắm được tình hình sử dụng Chatbot AI, từ đó đưa ra những giải pháp để sử dụng Chatbot AI hiệu quả và phù hợp hơn cho sinh viên của mình.

1. Khái niệm và tình hình phát triển của các ứng dụng Chatbot AI

1.1. Khái niệm Chatbot AI

Chatbot là một chương trình máy tính cho phép con người tương tác với công nghệ bằng nhiều phương thức nhập liệu như giọng nói, văn bản, cử chỉ và chạm. Chatbot được xây dựng dựa trên nền tảng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI, artificial intelligence), học máy (machine learning), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (natural language processing) và dữ liệu lớn (big data).

Chatbot mô phỏng cuộc trò chuyện với người dùng qua một giao diện trò chuyện hoặc bằng âm thanh (như Siri, Google Assistant...). Nó có thể thay thế con người trả lời các tin nhắn, thắc

mắc của người dùng thông qua bộ câu hỏi đã được cài đặt sẵn hoặc trí thông minh của robot, tương tự như con người đang trò chuyện với nhau.

Được biết đến với nhiều tên khác nhau như bot đàm thoại AI, trợ lý AI, trợ lý ảo thông minh, trợ lý khách hàng ảo, trợ lý kỹ thuật số và hơn thế nữa, chatbot đang ngày càng phổ biến.

Chatbot AI được trang bị thêm công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ máy học (machine learning) giúp Chatbot có khả năng tự học từ những cuộc trò chuyện thực tế với người dùng để trở nên thông minh hơn theo thời gian. Công nghệ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) giúp Chatbot AI hiểu ý định trong câu nói của người dùng và đưa ra những phản hồi chính xác. Người dùng không phải nhập những câu dập khuôn ‘máy móc’ để giao tiếp với Chatbot mà hoàn toàn có thể diễn tả ý định theo cách của riêng mình. Nhờ xác định các từ khóa, các biến trong câu nói của người dùng mà Chatbot AI hiểu và đối đáp linh hoạt với người dùng.

1.2 Những lợi ích của Chatbot AI mang lại cho người sử dụng

Theo thống kê, tới tháng 3 năm 2023 đã có tới hơn 150 ứng dụng Chatbot được đăng tải trên App store. Bên cạnh đó, số lượng các ứng dụng Chatbot mới lại không ngừng tăng lên trong những tháng gần đây. Mặc dù mức độ hoàn thiện của các Chatbot AI là không hoàn toàn giống nhau nhưng các Chatbot AI hoàn thiện nhất có thể hỗ trợ người dùng những lĩnh vực sau:

1.2.1 Thay thế công cụ tìm kiếm truyền thống

Thay vì sử dụng các công cụ tìm kiếm truyền thống như Google hoặc Bing, người dùng có thể sử dụng các Chatbot AI để đặt câu hỏi. Sau đó, thay vì phải đọc kết quả tìm kiếm từ nhiều nguồn thì khách hàng sẽ có một câu trả lời duy nhất từ các Chatbot AI.

Hiện nay, các kết quả do Chatbot AI đưa ra chưa thực sự thuyết phục người dùng. Tuy nhiên với sự đầu tư hoàn thiện về mặt kỹ thuật của các Chatbot AI hàng đầu, sẽ dẫn tới xu thế thay đổi phần lớn những công cụ tìm kiếm truyền thống.

1.2.2. Cung cấp những bài viết hoàn thiện với chất lượng cao

Một số Chatbot AI chất lượng cao có thể tạo nên những bài viết hoàn chỉnh với chất lượng cao theo yêu cầu của người dùng. Cách thức hoạt động rất đơn giản: người dùng chỉ cần đưa ra yêu cầu (bằng giọng nói hoặc văn bản), các ứng dụng Chatbot AI sẽ chọn lọc thông tin trong cơ sở dữ liệu từ đó đưa ra những câu trả lời mới mà không phải sao chép hoàn toàn một nguồn tài liệu nào.

Với tính năng này, nhiều doanh nghiệp đã sử dụng trong việc lên ý tưởng, viết nội dung cho các chiến dịch truyền thông, viết email tới khách hàng, cung cấp nội dung lên website.

1.2.3. Hiểu và phản hồi với nhiều loại ngôn ngữ khác nhau

Thay vì sử dụng Google hoặc Bing, người dùng có thể tận dụng khả năng của Chat GPT để hiểu, phản hồi các đầu vào ngôn ngữ khác nhau và nhận được đáp án phù hợp

Bởi vì chatbot AI có khả năng giải thích những vấn đề phức tạp bằng nhiều giọng điệu hoặc phong cách biểu đạt khác nhau nên việc đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn về thông tin thích hợp trở nên đơn giản.

1.2.3. Đưa ra nhiều phương án trả lời cho các câu hỏi

Nhiều doanh nghiệp đang tìm cách tích hợp công cụ Chat GPT do AI hỗ trợ vào quy trình làm việc nhằm đưa ra giải pháp nhanh chóng, thông minh hơn cho mỗi quan tâm chung, cũng như cải thiện trải nghiệm của khách hàng.

Chatbot AI hỗ trợ doanh nghiệp hiểu, từ đó giải quyết hiệu quả khó khăn của người tiêu dùng bằng thông qua quét Internet để tìm câu hỏi cụ thể của người dùng và cung cấp tổng quan ngắn gọn về thông tin liên quan.

1.2.4. Phối hợp với các công cụ AI khác để tạo ra những tác phẩm nghệ thuật

Chatbot AI điển hình là chat GPT có khả năng tạo ra những tác phẩm nghệ thuật khi kết hợp với các ứng dụng nghệ thuật AI (AI Art Generator) khác như Mid Journey, DALL-E 2, Fotor, Nightcafe...

Sau khi người dùng viết lời nhắc, họ có thể nhập lời nhắc đó vào Chat GPT. Dựa trên gợi ý đó, mô hình sẽ tạo ra một chuỗi cụm từ, câu và đoạn văn được liên kết với nhau. Những kết quả đầu ra văn bản do AI tạo nên này có thể được sử dụng để truyền cảm hứng và hướng dẫn cho dự án nghệ thuật AI.

Mặc dù ít phổ biến hơn nhưng Chat GPT cũng có thể làm thơ, thậm chí sáng tác nhạc. Nó tuân theo quy trình tương tự như con người thực hiện. Trước tiên bắt đầu bằng việc tạo lời bài hát, sau đó, các trình tạo văn bản thành nhạc như Music LM biến chúng thành một bài nhạc hoàn chỉnh.

1.2.5 Làm trợ lý ảo cho người dùng và doanh nghiệp

Chatbot AI có thể đóng vai trò như một trợ lý ảo, giúp cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức thực hiện công việc hàng ngày bao gồm đặt lịch hẹn, gửi email, tạo báo cáo và quản lý tài khoản mạng xã hội.

Đây có thể là một cách tuyệt vời để tối ưu quy trình làm việc, tự động hóa những hoạt động lặp đi lặp lại và giải phóng thời gian cho nhân sự để tập trung vào nhiệm vụ quan trọng hơn như đổi mới và nghiên cứu.

1.3. Thực trạng tổ chức các hoạt động của giảng viên, sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập tại khoa Quản trị kinh doanh

Với phương thức đào tạo trực tiếp có kết hợp trực tuyến như hiện nay, giảng viên sẽ có một số phương pháp tổ chức các hoạt động tại lớp học như sau:

- **Pháp vấn, đặt câu hỏi.** Giảng viên sẽ đưa ra câu hỏi với nhiều mức độ khác nhau từ dễ tới khó. Giảng viên dành thời gian cho sinh viên suy nghĩ và tìm câu trả lời. Thời gian này tùy thuộc vào mức độ của câu hỏi từ 30 giây tới 3 phút. Sau thời gian suy nghĩ, sinh viên xung phong trả lời hoặc được chỉ định để trả lời câu hỏi của giảng viên.
- **Làm bài tập nhóm tại lớp.** Giảng viên chia lớp thành những nhóm nhỏ từ 3-7 sinh viên. Giảng viên phổ biến yêu cầu của bài tập và hướng dẫn sinh viên thảo luận theo nhóm. Sau một

khoảng thời gian nhất định (từ 5 -20 phút) một hoặc một vài sinh viên sẽ đại diện nhóm trình bày kết quả cho giảng viên và cả lớp đánh giá.

- Làm bài tập cá nhân tại nhà. Cuối mỗi buổi học, giảng viên sẽ ra yêu cầu cho sinh viên về nhà trả lời một số câu hỏi. Sinh viên chuẩn bị ở nhà tới buổi tiếp theo sẽ mang tới lớp để giảng viên chấm và đánh giá.
- Làm bài thuyết trình hoặc bài tập lớn. Tùy theo đặc thù môn học, giảng viên sẽ giao các bài tập lớn hoặc bài thuyết trình cho một hoặc một vài nhóm sinh viên chuẩn bị trong thời gian một hoặc một vài tuần. Nhóm sinh viên chuẩn bị xong có thể nộp lại bài hoặc tổ chức thuyết trình trước lớp.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá thực trạng sử dụng các ứng dụng Chatbot AI hiện nay đối với sinh viên khoa Quản trị kinh doanh. Tác giả đã tiến hành khảo sát tình hình sử dụng Chatbot AI của SV ngay khi sinh viên đang trong thời gian học. Các thang đo trong bài viết được sử dụng để thiết kế bảng câu hỏi cho việc khảo sát, được thể hiện qua các phát biểu được hỏi với thang đo Likert 5 với các mức độ tương ứng từ “1 – Hoàn toàn không đồng ý” cho đến “5 – Hoàn toàn đồng ý”.

Nghiên cứu được thực hiện với kích cỡ mẫu là 240 SV thuộc các lớp của khoa Quản trị kinh doanh các khóa K45, K46 và K47. Các câu hỏi khảo sát được thực hiện dưới hình thức trực tuyến thông qua công cụ Google Form nhằm tạo sự thuận tiện cho SV trong việc tham gia khảo sát.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Hiểu biết của sinh viên về các Chatbot AI

SV được hỏi về mức độ hiểu biết về chatbot AI và nguồn thông tin cung cấp cho SV về Chatbot AI.

Nhìn chung sinh viên khoa QTKD biết tới Chatbot AI khá nhiều (gần 80%). Tuy nhiên tỉ lệ 22% sinh viên được hỏi chưa biết tới Chatbot AI cũng là một tỉ lệ cần lưu ý. Chatbot AI điển hình là chat GPT đã gây ra cơn sốt trên toàn thế giới. Thông tin về Chatbot này đã được đề cập trong nhiều phương tiện truyền thông như báo chí, truyền hình, các nền tảng mạng xã hội...Việc quan tâm tới những ứng dụng mới, cập nhật những tin tức mới của xã hội cũng là một trong những yêu cầu cần thiết cho những cử nhân QTKD. 20% SV được hỏi vẫn chưa biết tới những thông tin này chứng tỏ việc cập nhật các tin tức xã hội của SV còn yếu.

SV biết về Chatbot AI qua nhiều nguồn khác nhau, nhưng chủ yếu là nguồn Tiktok (52%), facebook (42,5%) và bạn bè giới thiệu (53,2%). Đây sẽ là những kênh truyền thông chủ yếu cho sinh viên về những lợi ích và tác hại của Chatbot AI.

3.2. Thực trạng sử dụng ứng dụng Chatbot AI trong học tập của sinh viên khoa QTKD

Tỉ lệ sinh viên cài đặt các app Chatbot AI chỉ chiếm 26%, có nhiều lý do khiến sinh viên chưa sử dụng ứng dụng Chatbot AI trong học tập và cuộc sống.

Những lý do khiến sinh viên chưa cài đặt Chatbot AI chủ yếu là cảm thấy chưa cần thiết (56%) và không muốn bị phụ thuộc vào ứng dụng Chatbot (37.2%). Ngoài ra còn có các lý do khác như khó khăn về cài đặt (26.1%) và lo lắng về bảo mật thông tin (23.9%).

Có thể thấy, với tỉ lệ sinh viên mặc dù biết tới Chatbot AI nhưng chưa cài các ứng dụng này cao (78%). Như vậy SV khoa QTKD trường Cao đẳng Công thương Tp.HCM nhận thức tốt về các rủi ro mà các ứng dụng này mang lại. SV chưa muốn bị phụ thuộc và cảm thấy chưa cần thiết để sử dụng các ứng dụng là tín hiệu đáng mừng. Điều này khiến các bạn không quá bị lệ thuộc vào ứng dụng khi học tập và rèn luyện được khả năng tư duy sáng tạo độc lập.

Khảo sát đối với 64 sinh viên có cài đặt ứng dụng Chatbot AI trong điện thoại về mức độ sử dụng và hiệu quả khi sử dụng Chatbot AI trong các hoạt động dạy học của GV trên thang đo 5 cấp độ thu được kết quả như bảng 1 và bảng 2.

Bảng 1. Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ thường xuyên sử dụng Chatbot AI của SV trong các hoạt động dạy học của GV

STT	Biến quan sát	Giá trị trung bình
1	Làm bài tập về nhà	1.9
2	Làm bài tiểu luận	1.5
3	Làm bài thuyết trình	1.7
4	Trả lời câu hỏi của GV dành cho cá nhân trên lớp	1.8
5	Trả lời câu hỏi của GV dành cho nhóm trên lớp	1.9

Bảng 2. Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ hữu ích khi sử dụng Chatbot AI của SV trong các hoạt động dạy học của GV

STT	Biến quan sát	Giá trị trung bình
1	Làm bài tập về nhà	2.3
2	Làm bài tiểu luận	2.0
3	Làm bài thuyết trình	2.1
4	Trả lời câu hỏi của GV dành cho cá nhân trên lớp	2.2
5	Trả lời câu hỏi của GV dành cho nhóm trên lớp	2.3

Với giá trị trung bình đều dưới 2.5, có thể thấy mức độ SV sử dụng Chatbot AI trong các hoạt động học tập là chưa nhiều. Đây là tín hiệu đáng mừng khi chưa phụ thuộc quá nhiều vào

Chatbot AI. Hai hoạt động được sử dụng Chatbot AI nhiều nhất là làm bài tập về nhà và thảo luận nhóm trên lớp, GV cần chú ý trong các hoạt động này để kiểm tra tính chính xác của kết quả bài tập đã giao. Hướng SV tới việc sử dụng các Chatbot AI đúng cách.

64 SV cài đặt và sử dụng Chatbot AI đánh giá về mức độ hữu ích của Chatbot trên thang đo 5 cấp độ, cho thấy Chatbot có hỗ trợ SV ở mức độ trung bình. Như vậy SV không quá thấy bị phụ thuộc vào các ứng dụng này trong quá trình làm việc. Đồng thời SV cũng đánh giá được mức độ chính xác của các câu trả lời mà Chatbot đưa ra chưa cao nên chưa hỗ trợ SV tốt.

3.3. Xu hướng sử dụng ứng dụng Chatbot AI trong học tập của sinh viên khoa QTKD

Để dự báo xu hướng sử dụng các ứng dụng Chatbot AI trong sinh viên, tác giả đã đặt câu hỏi có nên cài đặt các ứng dụng Chatbot AI trong hai nhóm SV đã hoặc chưa cài đặt ứng dụng Chatbot AI trên điện thoại thu được kết quả như sau:

Kết quả khảo sát ở nhóm SV chưa cài đặt Chatbot AI cho thấy, nhóm này đánh giá khả năng cài đặt Chatbot AI ở mức 3.3 – trên mức trung bình. Khả năng cài đặt ứng dụng Chatbot AI là cao đối với nhóm chưa cài đặt.

Khảo sát ở nhóm SV đã cài đặt Chatbot AI, cho thấy 50% số SV được hỏi thấy nên cài đặt ứng dụng. Từ kết quả khảo sát có thể dự đoán số lượng SV cài đặt Chatbot AI sẽ tăng nhanh trong thời gian tới do khả năng lan truyền từ bạn bè rất cao.

4. Ý kiến đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các Chatbot AI đối với sinh viên của khoa Quản trị kinh doanh

4.1. Về phía nhà trường

- Nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến việc sử dụng các công cụ hiện đại trong việc học tập của sinh viên và đánh giá của giảng viên.
- Nhà trường cần trang bị thêm cho giảng viên những kiến thức về các ứng dụng công nghệ trong quá trình dạy và học để giảng viên có thể bắt kịp xu hướng và hướng dẫn sinh viên sử dụng các ứng dụng đúng mục đích nhằm phát huy tác dụng của các công nghệ mới.
- Nhà trường cần trang bị các ứng dụng có bản quyền nhằm phát hiện các bài làm lạm dụng AI của sinh viên từ đó hướng sinh viên sử dụng các Chatbot AI hiệu quả nhưng không quá phụ thuộc

4.2. Về phía giảng viên

- Giảng viên giảng dạy cần cập nhật nhiều thông tin về các công nghệ mới nhằm phục vụ việc giảng dạy hiệu quả cao.
- Giảng viên cần đưa ra những câu hỏi và bài tập có sự tư duy và sáng tạo cao từ đó khiến sinh viên chỉ có thể sử dụng các ứng dụng Chatbot AI như một kênh tham khảo chứ không thể sao chép hoàn toàn từ Chatbot AI.
- Giảng viên cần định hướng sinh viên cách sử dụng các Chatbot AI hiệu quả. Chỉ sử dụng các Chatbot AI như một kênh tham khảo, SV cần biết đọc và chất lọc thông tin từ nhiều nguồn để có câu trả lời chính xác đúng yêu cầu của GV.

- Trong thời gian chờ đợi nhà trường trang bị những phần mềm bản quyền để kiểm tra nguồn thông tin bài làm của SV, GV có thể sử dụng một số ứng dụng kiểm tra miễn phí.

4.3. Về phía sinh viên

- Việc phát triển của các ứng dụng AI là xu hướng tất yếu vì vậy sinh viên cần cập nhật những công nghệ mới để ứng dụng trong học tập và công việc tương lai.
- SV cần nhận thức rõ ràng về những ưu và nhược điểm của Chatbot AI từ đó sử dụng đúng cách và hiệu quả
- Song song với việc hiểu biết và ứng dụng các ứng dụng công nghệ vào học tập và đời sống, SV cũng cần tích cực trau dồi khả năng tư duy sáng tạo của bản thân. Không được phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ.

Kết luận

Xu hướng công nghệ AI đang len lỏi vào tất cả các lĩnh vực của nhân loại. Việc nâng cấp và cải thiện các ứng dụng Chatbot AI đang được nhiều công ty lớn trên thế giới tập trung. SV ngành QTKD chắc chắn sẽ không thể đứng ngoài xu hướng này. Vấn đề quan trọng là cần hiểu, biết và nhận thức rõ những ưu và nhược điểm của các ứng dụng AI để sử dụng hiệu quả. Bài nghiên cứu đã tìm hiểu thực trạng sử dụng Chatbot AI trong học tập của SV khoa QTKD. Tác giả cũng đề xuất một số giải pháp nhằm định hướng sử dụng các Chatbot AI mang lại nhiều lợi ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Adamopoulou, E., & Moussiades, L. (2020). Chatbots: History, technology, and applications. Machine Learning with Applications, 2, 100006.
- [2]. Philip Kotler (2016), Marketing 4.0, NXB Lao động
- [3]. Bansal, H., & Khan, R. (2018). A review paper on human computer interaction. International Journals of Advanced Research in Computer Science and Software Engineering, 8, pages 53-56.
- [4]. Chen, Q., Gong, Y., Lu, Y., & Tang, J. (2022). Classifying and measuring the service quality of AI chatbot in frontline service. Journal of Business Research, 145, pages 552-568.
- [5]. Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS quarterly, pages 319-340.
- [6]. Lester, J., Branting, K., & Mott, B. (2004). Conversational agents. The practical handbook of internet computing, pages 220-240.

CẢI THIỆN KỸ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRONG MÔN VIẾT 1 THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO NHIỆM VỤ THỰC TẾ

Phạm Văn Mạnh

Khoa Ngoại Ngữ, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Lĩnh vực giảng dạy ngôn ngữ đã trải qua nhiều biến chuyển và nhiều xu thế khác nhau, hình thành nên rất nhiều cách tiếp cận và phương pháp giảng dạy khác nhau. Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế “Task-based language teaching methodology” (TBLT) đã và đang thu hút rất nhiều sự quan tâm của các giảng viên đang giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Mục tiêu chính của bài nghiên cứu này là giới thiệu khái quát về phương pháp TBLT, các ưu điểm và khả năng áp dụng của phương pháp này trong việc giảng dạy môn Viết 1 nhằm cải thiện kỹ năng viết đoạn văn tiếng Anh cho sinh viên. Tác giả đã thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm để khảo sát, kiểm tra và so sánh hai nhóm đối tượng là 312 sinh viên của sáu lớp Viết 1 đang học trong năm học 2023-2024. Tác giả đã tiến hành lấy ba lớp làm lớp thực nghiệm và ba lớp còn lại là lớp đối chứng. Sau đó, dữ liệu được phân tích bằng cách sử dụng các phương pháp định lượng để chỉ ra kết quả các bài kiểm tra trước và kiểm tra sau của sinh viên. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng kỹ năng viết đoạn văn tiếng Anh của sinh viên được phát triển và cải thiện hơn khi sử dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế.

Từ khóa: Phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế, đoạn văn, Viết 1

IMPROVING STUDENTS’ PARAGRAPH WRITING SKILL IN WRITING 1 THROUGH TASK-BASED LANGUAGE TEACHING METHODOLOGY

Abstract

The field of language teaching has undergone many shifts and trends with various approaches and methods invented. Recently, “Task-based language teaching methodology” (TBLT) has been attracting a lot of attention from lecturers teaching at vocational education institutions. The main aim of this study is to provide an overview of TBLT, highlighting its advantages and possibility to apply this methodology in teaching “Writing 1” to improve students’ paragraph writing skill. The researcher made an experimental research design to survey, investigate and compare between two groups with 312 students of six “Writing 1” classes in the academic year 2023-2024. The researcher has taken three classes as an experimental class and three classes as a control class. To collect the necessary data for this study, the experiment was employed as the main data collecting tool. Then, the data was analyzed using quantitative approaches which showed the students’ pre-test and post-test

results. The research demonstrated that the students' paragraph writing skill was developed and improved significantly by using task-based language teaching methodology.

Keywords: Task-based language teaching methodology, paragraph, Writing 1

Đặt vấn đề

Trong việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam hiện nay, kỹ năng viết là một trong bốn kỹ năng quan trọng mà sinh viên cần phải nắm vững. Kỹ năng viết rất quan trọng và là phương tiện để thể hiện bản thân của sinh viên trong quá trình học tiếng Anh trong thời kì hội nhập. Kỹ năng viết tốt sẽ giúp sinh viên có thể truyền đạt thông điệp của mình một cách rõ ràng và dễ dàng hơn đến người khác so với giao tiếp thông thường. Tuy nhiên, đây cũng là kỹ năng khó nhất đối với sinh viên. Theo Hamp và Heasley (2006) nói rằng trong bốn kỹ năng quan trọng của quá trình học ngôn ngữ, khả năng viết thành thạo là kỹ năng cuối cùng cả người bản ngữ và người học ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ cần phải đạt được. Ngoài ra, mỗi đối tượng người học lại có những ý tưởng, trình độ ngôn ngữ, mục tiêu và hiểu biết về các chủ đề khác nhau. Do đó, việc dạy kỹ năng viết là một thách thức lớn đối với giảng viên ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Vì thế, giảng viên phải luôn chú trọng đến phát triển kỹ năng viết cho sinh viên để nâng cao trình độ cho họ. Trong bài viết này là một giảng viên tiếng Anh, tác giả muốn giới thiệu việc sử dụng phương pháp giảng dạy viết thông qua phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế để giúp nâng cao khả năng viết đoạn văn tiếng Anh cho sinh viên ngành tiếng Anh. Cụ thể, bài viết này tác giả tập trung nghiên cứu, xác định được tính khả thi của việc áp dụng phương pháp TBLT trong việc hỗ trợ quá trình giảng dạy và kiểm tra đánh giá môn Viết 1 cũng như đề xuất những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học kỹ năng viết cho sinh viên tại Khoa ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh.

1. Cơ sở lý thuyết nghiên cứu

Hiện nay tìm kiếm một phương pháp mới giảng dạy môn viết để nâng cao chất lượng giáo dục tại các trường Cao đẳng, Đại học ở Việt Nam đang là điều hết sức khó khăn đối với các trường và các giảng viên trực tiếp đứng lớp. Theo Reid (1995) và Ferris (2005) có hai phương pháp chính yếu thường được các giảng viên cao đẳng, đại học áp dụng, đó là phương pháp giảng dạy theo sản phẩm (*product approach*) và phương pháp giảng dạy theo quá trình (*process approach*). Hai phương pháp giảng dạy kỹ năng viết trên là hai phương pháp hướng dẫn người học tiếp cận kỹ năng và thực hành kỹ năng viết bài hoàn toàn khác nhau và cả hai đều có những ưu điểm và nhược điểm do đó việc áp dụng phương pháp giảng dạy kỹ năng viết nào phụ thuộc vào từng đối tượng người học cũng như thể loại của bài viết đó. Phương pháp giảng dạy kỹ năng viết theo sản phẩm, giảng viên thường chú trọng vào độ chính xác và cấu trúc ngôn từ hoàn hảo đòi hỏi trong bài viết của sinh viên. Giảng viên thường rất ít chú ý đến phong cách viết của sinh viên và chỉ đánh giá dựa trên bề mặt ngữ pháp, văn phạm hay cấu trúc mà ở đó mà sinh viên tạo ra bài viết với ngôn ngữ, cấu trúc giống với bài mẫu được giảng viên cung cấp. Do đó, sinh viên chỉ đơn thuần bắt chước những câu trong bài mẫu và từ đó chuyển bài mẫu

thành bài viết của mình. Đồng thời, giảng viên cũng như sinh viên không mất nhiều thời gian để đạt được bài viết của mình. Mặt khác, theo các nhà nghiên cứu giảng dạy, giảng viên sử dụng phương pháp dạy viết theo quá trình gặp nhiều khó khăn trong quá trình dạy viết. Một trong những khó khăn là phương pháp này tốn nhiều thời gian vì sinh viên viết nháp nhiều hơn một lần trước khi hoàn thành bài viết hoàn chỉnh. Do đó, với thời lượng giảng dạy trên lớp còn hạn chế, nhiều giảng viên không thể hoàn thành việc dạy của mình trong một hay hai buổi học viết trên một tuần. Hơn nữa, giảng viên có thể cần phải dành nhiều thời gian để đọc và sửa các bản viết nháp của sinh viên, điều này tạo nên khối lượng công việc khá lớn đối với giảng viên. Ngoài ra, những bài viết của đường hướng dạy viết quá trình, sinh viên mắc khá nhiều lỗi về mặt ngữ pháp, từ ngữ, cấu trúc. Để khắc phục những hạn chế của cả hai phương pháp trên trong phạm vi bài nghiên cứu này, tác giả xin giới thiệu và đề xuất phương pháp TBLT vào việc giảng dạy môn Viết 1 và hi vọng nó sẽ có hiệu quả hơn và có thể áp dụng thực tiễn tốt hơn trong tương lai.

Task-based Language Teaching Methodology là phương pháp lấy người học làm trung tâm, được bắt nguồn từ phương pháp giao tiếp (*Communicative Approach*) nhưng đã được phát triển với nhiều nét riêng biệt. Những hoạt động trong phương pháp này được thiết kế dựa trên nhu cầu cuộc sống thực tế của người học và nó tập trung vào việc sử dụng ngôn ngữ thực và chiến lược ngôn ngữ học để hoàn thành những nhiệm vụ học tập có ý nghĩa và tương tác lẫn nhau. Ngoài ra, TBLT cũng cung cấp cho người học những yếu tố ngôn ngữ cần thiết để sử dụng trong cuộc sống của mình. TBLT tập trung vào giao tiếp và tương tác, sử dụng ngôn ngữ thích hợp vào đúng thời điểm. Khi sử dụng TBLT, giảng viên phải yêu cầu sinh viên thực hiện các nhiệm vụ trùng lặp với các tình huống trong thực tế. Phương pháp này đặc biệt là một khó khăn và thách thức đối với những sinh viên đã quen với một lớp học truyền thống, chẳng hạn như tập trung vào phân tích, thực hành và ghi nhớ các thì và các mẫu câu trong tiếng Anh và xem đó là cách tiếp cận tốt nhất. Ngược lại, nếu sinh viên phân tích ra thì kiến thức lý thuyết của các thì hay mẫu câu đó nếu chỉ ghi nhớ lý thuyết mà không vận dụng trong thực tế thì cũng không thể giúp được gì. Thay vào đó, nếu sinh viên sử dụng chúng trong các ngữ cảnh thực tế thì sẽ thiết thực và hiệu quả hơn. Để đạt được điều này, sinh viên cần thực hành, mắc lỗi, sửa chữa, lặp lại và thực hiện một “*task*” trong một tình huống cụ thể là cách tốt để học đối với một ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

Theo Willis (1996) “*tasks*” là các hoạt động mà ở đó ngôn ngữ đích được người học sử dụng với mục tiêu giao tiếp nhằm đạt được một kết quả nhất định. Điều đó có nghĩa là “*tasks*” có thể là bất cứ việc gì, từ việc giải bài tập cho đến các công việc khác. Lê Văn Canh (2004) nói rằng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế là phương pháp có những ưu điểm rất rõ rệt như sau:

- Nhấn mạnh vào việc học để giao tiếp thông qua sự tương tác với nhau qua việc sử dụng ngôn ngữ đích. Qua đó, cung cấp cho người học một cách hiểu ngôn ngữ mới, đó là ngôn ngữ chỉ là công cụ chứ không phải là mục tiêu cụ thể tối thượng.
- Giới thiệu các ngôn ngữ bản xứ đích thực vào các tình huống học tập để chuyển việc dạy ngôn ngữ vốn là truyền đạt kiến thức trừu tượng thành những ứng dụng thế giới thực.

- Cung cấp các cơ hội cho người học không chỉ tập trung vào bản thân ngôn ngữ mà còn tập trung vào quá trình học để đáp ứng nhu cầu trước mắt của người học.
- Tăng cường khai thác những kinh nghiệm của các cá nhân như một thành tố quan trọng đối với việc học và cố gắng kết hợp việc học ở trên lớp với việc sử dụng ngôn ngữ ở ngoài lớp để tạo nên những lớp học thú vị, sáng tạo.

Theo Willis (1996), có 3 giai đoạn trong khung cấu trúc của phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế như sau:

Giai đoạn *Pre-Task* (trước khi thực hiện tasks):

Giảng viên giới thiệu chủ đề (*topic*) một cách đầy đủ và rõ ràng, sử dụng hình ảnh, posters, video... để tạo sự thu hút và động viên đến sinh viên.

Giai đoạn *Task Cycle* (thực hiện tasks):

Sử dụng ngôn ngữ đích nhằm thực hiện “*tasks*”, tạo nên các hoạt động nhóm, hoạt động cặp đôi và đưa ra các bài tập nhằm cung cấp, bổ sung thông tin cho nhau, tăng cường dần các hoạt động như hoạch định, báo cáo, trình bày. Sau đó, chọn một số cặp hoặc nhóm để báo cáo với cả lớp về “*tasks*” đã thực hiện.

Giai đoạn *Post-Task* (sau khi thực hiện tasks, còn gọi là *Language Focus*):

Giảng viên hướng dẫn và điều khiển việc báo cáo của các nhóm được chọn cũng như việc trao đổi ý kiến của cả lớp. Các kỹ thuật giảng dạy của phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế không khác nhiều so với các kỹ thuật giảng dạy thông thường, song cần chú ý về thứ tự và vấn đề cốt lõi của các hoạt động, yêu cầu sinh viên phải hoạt động nhiều hơn, phải sử dụng ngôn ngữ mà họ có được, giảm phần can thiệp áp đặt trực tiếp của giảng viên.

2. Thực trạng việc giảng dạy và học tập môn Viết 1 tại Khoa Ngoại Ngữ

Hiện nay tại Khoa ngoại ngữ, các giảng viên được phân công giảng dạy môn Viết 1 đều là những giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong việc giảng dạy kỹ năng viết, đồng thời tất cả các giảng viên đều đã từng tham gia các khóa luyện thi kỹ năng viết cho các bài thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Trong quá trình giảng dạy, để tạo động lực và thu hút sinh viên tham gia các hoạt động học tập của môn học, các giảng viên luôn cố gắng phát triển tài liệu giảng dạy phù hợp để tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp cận với các hoạt động viết đa dạng và phong phú. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, nhóm giảng viên gặp không ít trở ngại khiến cho hiệu quả giảng dạy chưa được như mong muốn. Thêm vào đó, một số nội dung trong giáo trình giảng dạy môn Viết 1 cũng chưa thật sự hấp dẫn để lôi cuốn sinh viên tham gia học tập. Một vấn đề cũng không kém phần ảnh hưởng đến các lớp học viết là sự hạn chế về vốn từ vựng và ngữ pháp của sinh viên cũng khiến cho giảng viên phải mất nhiều thời gian cho việc giải thích cách sử dụng của các cấu trúc từ vựng, ngữ pháp cần thiết theo yêu cầu của các bài viết, từ đó gây ảnh hưởng đến quỹ thời gian vốn dành cho việc dạy và thực hành kỹ năng viết. Hơn nữa, ý thức tự giác của một số sinh viên vẫn chưa cao, cùng với bản chất giờ học kỹ năng viết thường là giờ học mang tính “tĩnh” và có phần buồn tẻ hơn so với các môn khác nên sinh viên dễ nảy sinh tâm lý chán nản và không hoàn thành các bài viết được giao. Cùng với đó, kỹ năng làm việc cặp đôi và làm

nhóm của sinh viên còn hạn chế khiến cho việc viết bài và chữa bài theo cặp hoặc theo nhóm chưa thật sự phát huy được hiệu quả.

Hiện tại, môn học Viết 1 đang được bố trí ở học kỳ II, thuộc khối kiến thức chuyên ngành cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo chuyên ngành tiếng Anh thương mại với chương trình môn học được thiết kế có dung lượng 3 tín chỉ, sinh viên sẽ hoàn thành môn Viết 1 trong 45 tiết. Về tính chất, đây là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành và trên hết sau khi học xong môn học này sinh viên có thể viết được một đoạn văn ngắn về một chủ đề cụ thể theo đúng bố cục, văn phong. Do thời gian phân bổ cho giờ học trên lớp hạn hẹp, các giảng viên trực tiếp phụ trách môn Viết 1 luôn phải đối mặt với những khó khăn về việc truyền thụ kiến thức, tổ chức các hoạt động học tập và đánh giá một cách hiệu quả quá trình học tập của sinh viên. Làm thế nào để giúp sinh viên phát triển các kỹ năng viết tốt nhất cũng như giúp giảng viên quản lý quá trình dạy và học một cách hiệu quả hơn luôn là vấn đề cấp thiết và cấp bách.

3. Phương pháp nghiên cứu và kết quả

3.1 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này là nghiên cứu định lượng và các mẫu bao gồm 06 lớp Viết 1 được tác giả trực tiếp giảng dạy tại Trường Cao đẳng Công Thương Tp.HCM, 03 lớp được chọn làm nhóm thực nghiệm, và 03 lớp còn lại là nhóm đối chứng. Cả 06 lớp đều phải trải qua một bài kiểm tra trước và một kiểm tra sau trong một học kỳ. Bài nghiên cứu dựa trên đối tượng là 312 sinh viên đang theo học môn Viết 1 của 06 lớp khác nhau tại trường. Có 156 sinh viên trong nhóm lớp đối chứng và 156 sinh viên trong nhóm lớp thực nghiệm được bố trí học trong học năm học 2023-2024. Để đánh giá hiệu quả học tập của phương pháp TBLT trong việc hỗ trợ dạy viết đoạn văn tiếng Anh, tác giả đã tiến hành ra một bài kiểm tra trước để đánh giá trình độ của sinh viên ở hai nhóm sau khi hai nhóm lớp này học với tác giả được một tháng bằng phương pháp giảng dạy viết theo sản phẩm.

Bài kiểm tra trước mục đích là để kiểm tra và so sánh kết quả điểm số của hai nhóm lớp xem có sự khác biệt đáng kể về trình độ giữa hai nhóm lớp hay không và nếu có bất kỳ sự khác biệt đáng kể nào vào cuối khóa học trong nhóm thực nghiệm cho bài kiểm tra sau chúng tỏ rằng đó là do áp dụng phương pháp học tập có kết hợp phương pháp TBLT. Bài kiểm tra sau là bài kiểm tra cũng dành cho cả hai nhóm lớp sau khi học xong khóa học và bài kiểm tra này được thiết kế bởi tác giả theo 5 tiêu chí chấm điểm của một đoạn văn như sau: Tính nhất quán (*Unity*), sự mạch lạc (*Coherence*), việc sắp xếp thông tin (*Ordering*), tính liên kết của thông tin (*Transition*), và cách sử dụng các liên từ (*Conjunctions*). Về thiết kế bài kiểm tra sau, tác giả sau khi thiết kế bài kiểm tra sau đã gửi các tiêu chí chấm bài kiểm tra sau cho các giảng viên giảng dạy môn Viết 1 cùng lên ý tưởng và thiết kế dàn ý của một đoạn văn và sinh viên được hướng dẫn phát triển nó thành một đoạn văn tiếng Anh hoàn chỉnh. Các giảng viên giảng dạy trong môn Viết 1 đều đã thống nhất về giá trị của bài kiểm tra sau có thể đo lường được khả năng viết đoạn văn của sinh viên theo các tiêu chí đáp ứng chuẩn đầu ra trong chương trình môn học. Mục đích bản chất của bài kiểm tra sau là để so sánh điểm số với bài kiểm tra trước thực nghiệm để xem liệu sự can thiệp của phương pháp TBLT có giúp sinh viên đạt được kết quả tốt hơn hay không so với kết quả ban đầu của bài kiểm tra trước.

3.2. Kết quả nghiên cứu

3.2.1. Kết quả phân tích bài kiểm tra trước thực nghiệm

Trước khi thực nghiệm, chúng ta có thể thấy rằng không có sự khác biệt đáng kể về điểm số trung bình giữa hai nhóm lớp. Kết quả chi tiết của bài kiểm tra trước của cả hai nhóm khi chưa áp dụng phương pháp TBLT vào trong việc giảng dạy môn Viết 1 được thể hiện ở *Bảng 1* và *Bảng 2*.

Bảng 1: Điểm số bài kiểm tra trước của nhóm đối chứng

STT	Yêu cầu đoạn văn	Điểm số										Tổng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Tính nhất quán	21	36	24	24	-	36	15	-	-	-	156
2	Sự mạch lạc	33	24	36	12	27	24	-	-	-	-	156
3	Việc sắp xếp ý	-	36	36	63	-	12	-	9	-	-	156
4	Tính liên kết	36	-	60	15	21	-	24	-	-	-	156
5	Sử dụng các từ nối	24	-	36	45	15	12	12	12	-	-	156

Bảng 2: Điểm số bài kiểm tra trước của nhóm thực nghiệm

STT	Yêu cầu đoạn văn	Điểm số										Tổng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Tính nhất quán	-	36	27	36	21	24	12	-	-	-	156
2	Sự mạch lạc	24	15	36	21	12	24	-	-	-	-	156
3	Việc sắp xếp ý	12	36	27	36	12	21	-	12	-	-	156
4	Tính liên kết	12	36	36	12	54	-	12	-	-	-	156
5	Sử dụng các từ nối	-	36	57	27	36	-	-	-	-	-	156

Theo *Bảng 1*, có thể thấy rằng điểm số bài kiểm tra trước của nhóm đối chứng, hầu hết điểm số của các tiêu chí đoạn văn của sinh viên trong nhóm này dao động từ 1 điểm đến đến 7 điểm. Chỉ có 1 số ít sinh viên có điểm 8 trong hai tiêu chí là sắp xếp các ý tưởng có khoa học và sử dụng các từ nối hiệu quả. Có thể thấy rằng không có bất cứ sinh viên nào trong nhóm này đạt được 9 điểm và 10 điểm của tất cả các tiêu chí khi viết đoạn văn. Tương tự, nhìn vào *Bảng*

2 có thể thấy rằng điểm số của nhóm thực nghiệm cho các tiêu chí của đoạn văn của bài kiểm tra trước này cũng dao động từ 1 điểm đến 7 điểm, chỉ có 12 bài của sinh viên đạt được 8 điểm cho tiêu chí là sắp xếp các ý tưởng có khoa học và cũng không có sinh viên nào đạt 9 điểm và 10 điểm. Theo đó, điểm trung bình của các tiêu chí của nhóm đối chứng là từ 3,31 cho đến 4,10. Tương tự, điểm số trung bình của từng tiêu chí của nhóm thực nghiệm cũng dao động từ 3,16 đến 4,04. Như vậy có thể kết luận rằng điểm số trung bình của cả nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trong bài kiểm tra trước gần như giống nhau và không có sự chênh lệch nhiều khi kết thúc một tháng học tập với phương pháp viết theo sản phẩm. Cụ thể, trung bình điểm số 5 tiêu chí của nhóm đối chứng là 3,67 và trung bình điểm số 5 tiêu chí của nhóm thực nghiệm 3,62 tức là chỉ chênh lệch nhau 0,05 là không đáng kể. Bên cạnh đó, theo quan sát có thể thấy trong cả hai nhóm, phần lớn sinh viên chỉ đạt điểm dưới 5 trong bài kiểm tra trước và không có ai điểm 9 hoặc điểm 10 từ cả hai nhóm trong bài kiểm tra trước.

3.2.2. Kết quả phân tích bài kiểm tra sau thực nghiệm

Sau khi tác giả chấm điểm kỹ lưỡng các bài kiểm tra trước thực nghiệm của sinh viên của cả hai nhóm lớp. Theo đó, tác giả nhận ra rằng nhu cầu và kiến thức của sinh viên cần phải được cải thiện thêm để các tiêu chí của đoạn văn được nâng cao hơn nữa đặc biệt là hai tiêu chí “sự mạch lạc” và “tính liên kết”. Vì vậy, tác giả đã tiến hành thực hiện áp dụng các “tasks” để giảng dạy theo phương pháp TBLT cho sinh viên nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng vẫn học theo phương pháp viết đoạn văn theo sản phẩm mà tác giả đang áp dụng. Các “tasks” trong phương pháp TBLT được thiết kế gắn liền với nhu cầu thực tế của sinh viên. Sau khi phương pháp này được áp dụng, kết quả bài kiểm tra sau là sản phẩm cần thiết để xem xét phương pháp TBLT này liệu có cải thiện được kỹ năng viết đoạn văn của sinh viên trong nhóm thực nghiệm hay không.

Bảng 3: Điểm số bài kiểm tra sau của nhóm đối chứng

STT	Yêu cầu đoạn văn	Điểm số										Tổng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Tính nhất quán	12	12	36	15	24	36	24	-	-	-	156
2	Sự mạch lạc	12	24	30	24	30	12	24	-	-	-	156
3	Việc sắp xếp ý	12	36	12	36	24	12	24	-	-	-	156
4	Tính liên kết	12	24	24	12	36	12	36	-	-	-	156
5	Sử dụng các từ nối	-	18	48	36	24	6	12	12	-	-	156

Bảng 4: Điểm số bài kiểm tra sau của nhóm thực nghiệm

STT	Yêu cầu đoạn văn	Điểm số										Tổng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Tính nhất quán	-	12	36	24	-	48	36	3	-	-	156
2	Sự mạch lạc	12	24	12	24	15	33	18	18	-	-	156
3	Việc sắp xếp ý	-	36	12	48	24	21	3	9	3	-	156
4	Tính liên kết	12	12	24	12	36	24	24	12	-	-	156
5	Sử dụng các từ nối	-	24	48	9	21	3	48	3	-	-	156

Theo *Bảng 3* và *Bảng 4*, có thể thấy rằng trung bình điểm số của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trong bài kiểm tra sau đều có xu hướng tăng lên và có sự cải thiện đáng kể sau khi học xong môn Viết 1. Ở nhóm đối chứng, điểm số trung bình các tiêu chí là 4,09 (tăng 0,42) so với bài kiểm tra trước. Mặt khác, ở nhóm thực nghiệm điểm số được cải thiện nhiều hơn nhóm đối chứng (tăng 1,03 điểm) khi so sánh với điểm trung bình của bài kiểm tra trước, tức là 4,65 cho bài kiểm tra sau và 3,62 cho bài kiểm tra trước. Nói cách khác, sự khác biệt và chênh lệch giữa bài kiểm tra trước và kiểm tra sau đối với nhóm đối chứng chỉ là 0,42 nhưng có một sự cải thiện đáng kể về điểm số trung bình của nhóm thực nghiệm trong bài kiểm tra sau. Thậm chí điểm số trung bình 5 tiêu chí của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng là 0,56 mặc dù bài kiểm tra trước là nhỏ hơn 0,05 điểm.

4. Ý kiến đề xuất nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Viết 1 theo phương pháp TBLT

4.1 Về phía giảng viên

Giảng viên cần lưu ý một số các yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế như sau:

- Sử dụng tiếng Anh càng nhiều càng tốt và chỉ sử dụng tiếng Việt để giải thích nhiệm vụ và bài tập khi bắt buộc phải làm.
- Tạo một không khí học tập thoải mái nhất có thể trong giai đoạn “*Pre-Task*”.
- Cung cấp các từ khóa (*key words*) hoặc các gợi ý chung nhất để sinh viên sử dụng.
- Sử dụng các phương tiện khác nhau trong giai đoạn “*Pre-Task*” như bài đọc âm thanh (*audio texts*), các đoạn phim ngắn (*video clips*), các hoạt động phát triển ý tưởng (*brainstorming activities*), các bài tập nhỏ (*drills*), các hình ảnh (*images*); các trang web (*websites*).
- Đảm bảo “*tasks*” phải là quá trình mang tính thúc đẩy sinh viên tham gia và phát huy chiến lược và chiến thuật của bản thân.
- Theo dõi chặt chẽ quá trình sinh viên thực hiện “*tasks*”, tập trung vào các vấn đề ngữ pháp và ngữ nghĩa quan trọng nhất sau khi thực hiện “*tasks*”.

- Chọn và sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ.
- Chuẩn bị cho sinh viên triển khai “tasks” thành công.
- Tăng cường nhận thức của sinh viên về việc ứng dụng ngôn ngữ một cách sinh động và phong phú vào thực tiễn cuộc sống và công việc, đây là vai trò chính yếu của giảng viên trong suốt giai đoạn “Task Cycle”.

Kế hoạch giảng dạy minh họa

Dưới đây là việc áp dụng phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế để dạy viết đoạn văn có tên là “*Công việc yêu thích nhất sau khi tốt nghiệp*” với mục tiêu là thúc đẩy và lôi cuốn sinh viên chuyên ngành hướng họ đến việc sử dụng tiếng Anh thông qua kỹ năng làm việc nhóm và tăng cường cá nhân trao đổi học hỏi lẫn nhau trong thời gian là 90 phút.

Giai đoạn Pre-Task (trong 10 phút): Giảng viên yêu cầu sinh viên nhắc lại một số từ vựng cụm từ cơ bản như *công việc, văn phòng, công ty, doanh nghiệp, giám đốc, đánh máy, gấp gờ, trao đổi, dụng cụ văn phòng...* để đặt các loại câu và sử dụng chúng liên quan đến bài viết sau này.

Giai đoạn Task Cycle (trong 60 phút): Giảng viên yêu cầu sinh viên chia thành các nhóm nhỏ nghe hoặc xem một bài về công việc “*nhân viên kinh doanh*” có một số từ, cụm từ quen thuộc và sinh viên phải ghi chép lại chúng.

- **Task 1 – Giải quyết vấn đề (trong 20 phút):**

Giảng viên yêu cầu mỗi nhóm thảo luận các câu vừa nghe hoặc vừa xem phán đoán và tạo mẫu câu với các từ ngữ đã cho để xây dựng nên một câu chuyện riêng của họ. Sau đó, mỗi nhóm chọn 1 sinh viên tìm trong từ điển các từ ngữ phù hợp đồng nghĩa hoặc trái nghĩa và tập hợp các sinh viên còn lại xây dựng nội dung. Sau đó, viết các câu để tạo thành câu chuyện nhỏ và sử dụng các từ ngữ mới để mở rộng câu chuyện của họ. Mỗi nhóm cử 1 sinh viên đại diện nhóm lên thuyết trình.

- **Task 2 – Trình bày, thảo luận và so sánh (trong 30 phút):**

Giảng viên khuyến khích người thuyết trình của mỗi nhóm trình bày câu chuyện trước lớp và các nhóm còn lại cùng nhau thảo luận và so sánh câu chuyện của nhóm khác.

- **Task 3 – Xem hoặc nghe lại và phân tích, thảo luận một đoạn video (trong 10 phút):**

Giảng viên chiếu một đoạn video về công việc thường nhật của một “*nhân viên kinh doanh*” đoạn video có lời bình chứa tất cả các từ ngữ đã giới thiệu lúc đầu. Tiếp theo, sinh viên so sánh nội dung của đoạn video với câu chuyện mà họ vừa soạn ra và xác định các từ ngữ quen thuộc trong video vừa xem.

Giai đoạn Post-Task (trong 20 phút):

- **Task 4 – Củng cố bài:** Giảng viên đưa ra một số câu hỏi liên quan đến nội dung video vừa xem.
- **Task 5 – Chia sẻ trải nghiệm cá nhân về công việc mong muốn hoặc yêu thích:** Sinh viên được yêu cầu suy nghĩ và chia sẻ về công việc họ yêu thích đã đang có hoặc mong

muốn có được trong tương lai bằng thuật ngữ của chính bản thân dựa trên những gì mà họ đã thảo luận.

4.2 Về phía sinh viên

Cần tích cực làm việc nhóm và rèn luyện kỹ năng tự học để đáp ứng được các yêu cầu trong quá trình tham gia thảo luận.

Các cặp đôi và các nhóm nên phân công nhiệm vụ cho các thành viên đồng đều, hợp lý nhằm nâng cao khả năng phối hợp tốt giữa các thành viên và đáp ứng đúng tiến độ của nội dung chương trình.

Cần xây dựng kế hoạch hoạt động của từng nhóm và kế hoạch học tập của từng cặp đôi và từng cá nhân cho phù hợp.

Nỗ lực sử dụng tiếng Anh cho dù chỉ là cụm từ trong mọi hoạt động nhằm hình thành thói quen sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, tăng khả năng sử dụng từ và nói lưu loát.

Kết luận

Việc giảng dạy môn Viết nói chung và môn Viết 1 cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh thương mại nói riêng có thể sẽ ngày càng cần thiết và quan trọng cho sinh viên phát triển ngôn ngữ một cách toàn diện. Để dạy các môn viết thành công giảng viên cần tìm kiếm và mạnh dạn thử nghiệm các phương pháp giảng dạy tiên tiến, một trong số này là phương pháp dạy học theo nhiệm vụ thực tế. Thông qua phương pháp này “*tasks*” trong lĩnh vực kinh doanh và thương mại có thể được đưa vào lớp học ngay từ các buổi học đầu tiên để giúp cho sinh viên thu hẹp khoảng cách giữa lớp học và công việc thực tế sau này. Ngoài ra, có kỹ năng viết tốt sẽ giúp cho sinh viên có cơ hội để thành công hơn trong học tập. Hầu hết các bài thi ở các trường cao đẳng và đại học căn cứ vào năng lực viết của sinh viên để đánh giá trình độ của họ. Do đó, thành thạo kỹ năng Viết giúp cho sinh viên có thể viết dễ dàng các bài luận hay bài báo cáo sau này. Bản chất của phương pháp TBLT là linh hoạt, và giảng viên có thể kết hợp cả hai khía cạnh hình thái cấu tạo từ ngữ cũng như ngữ nghĩa trong cùng một bài học. “*Tasks*” mang tính sư phạm cũng tạo ra một cộng đồng học tập trong lớp học, nơi sinh viên có thể học hỏi lẫn nhau và tương tác với giảng viên. Tác giả hy vọng bài viết này sẽ hữu ích đối với giảng viên trong việc nâng cao kỹ năng viết cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh thương mại. Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể là việc xây dựng các tư liệu, giáo trình nội bộ để tích cực hỗ trợ giảng viên áp dụng phương pháp TBLT trong giảng dạy môn Viết 1 và các môn viết trong khung chương trình đào tạo và xa hơn có thể ứng dụng phương pháp này vào giảng dạy các kỹ năng khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Ferris, D.R. & Hedgcock, J.S. (2005). *Teaching ESL composition: Purpose, process and practice. 2nd edition.* Mahwah. NJ: Lawrence Erlbaum.
- [2]. Hamp-Lyons, L. & Heasley, B. (2006). *Study Writing* (2nd Ed.). Cambridge: Cambridge University Press.
- [3]. Hyland, K. (2002). *Teaching and Researching Writing.* Essex: Longman.
- [4]. Hyland, K. (2003a). *Second Language Writing.* Cambridge: Cambridge University Press.
- [5]. Kroll, B. (2001). *Considerations for teaching an ESL/ EFL writing and going just beyond.* In M. Celce-Murcia (Ed.).
- [6]. L.V.Canh (2004). *Understanding Foreign Language Teaching Methodology.* Ha Noi: Vietnam National University Publisher.
- [7]. N.V.Hung (2014). *Phương pháp dạy học Task-Based Language Teaching: những vấn đề lý luận cơ bản,*
- [8]. Reid, J. (ed) (1995). *Learning styles in the ESL / EFL classroom.* New York: Heinle&Heinle.
- [9]. Williams, M. (2013). *What's the best way to teach languages?* The Guardian – Teacher Network
- [10]. Willis, J. (1996). *A Framework for Task-Based Learning.* Harlow: Longman.

LỰA CHỌN BÀI TẬP NÂNG CAO KẾT QUẢ MÔN HỌC BÓNG CHUYỀN CHO SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

Nguyễn Thành Quân

Khoa GDTC – QP, Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong thể dục thể thao, bài viết đã lựa chọn được 03 test và 18 bài tập bổ trợ nhằm nâng cao kết quả môn học Bóng chuyền cho sinh viên Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh. Thông qua ứng dụng và đánh giá hiệu quả các bài tập đã lựa chọn cho thấy nhóm thực nghiệm có trình độ môn học bóng chuyền tốt hơn nhóm đối chứng với $t_{\text{tính}} > t_{\text{bảng}}$ ở ngưỡng xác suất $P < 0.05$. Như vậy các bài tập đã mang lại hiệu quả cao trong giảng dạy môn Bóng chuyền cho sinh viên Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Bài tập, nâng cao hiệu quả giảng dạy, bóng chuyền, sinh viên, Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

SELECTING EXERCISES TO IMPROVE VOLLEYBALL COURSE EFFECTIVENESS FOR STUDENTS AT HO CHI MINH CITY INDUSTRY AND TRADE COLLEGE

Abstract

Using scientific research methods in sport, the article has selected 03 test and 18 supplementary exercises to evaluate the effectiveness of course in volleyball for students of Ho Chi Minh city college of Industry and Trade. By applying and evaluating the selected exercises, the experimental group demonstrated significantly better of elective in volleyball proficiency compared to the control group with a significance level of $P < 0.05$. Thus, the chosen exercises proved to be highly effective in enhancing the teaching in volleyball for students of Ho Chi Minh city college of Industry and Trade.

Keywords: Exercise, enhancing teaching effectiveness, volleyball, students, Ho Chi Minh Industry and Trade College.

1. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao

công nghệ... Không chỉ đào tạo về con người mà nhà trường còn hướng tới mỗi sinh viên Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh không những giỏi về chuyên môn kỹ thuật bên cạnh đó phải có nền tảng thể lực tốt. Nhà Trường đã thực hiện tốt chương trình giáo dục thể chất (GDTC) theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trong nhiều năm qua góp phần tăng cường sức khỏe, phát triển chất cho sinh viên (SV). Trong chương trình GDTC, nhà trường giảng dạy các môn như: Aerobic, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Cầu lông...

Qua thực tế giảng dạy và quan sát các lớp học môn Bóng chuyền tại Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM, cho thấy nhiều em SV còn hạn chế về các kỹ thuật động tác và mắc những lỗi sai cơ bản dẫn tới không hoàn thành chỉ tiêu của môn học. Để khắc phục và hoàn thiện được những nhược điểm đó, dưới sự đóng góp ý kiến rất nhiệt tình của các giảng viên dạy môn bóng chuyền trong Bộ môn Giáo dục thể chất, bài viết tiến hành nghiên cứu: “Lựa chọn bài tập nâng cao kết quả học môn Bóng chuyền cho sinh viên Trường Cao đẳng Công Thương thành Phố Hồ Chí Minh”.

Trong quá trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp thực nghiệm sự phạm và phương pháp toán thống kê.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Lựa chọn test đánh giá kết quả môn học Bóng chuyền

Qua tổng hợp và phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn, thông qua các tài liệu chuyên môn, bài viết đã tổng hợp được 07 test để đánh giá kết quả học tập môn Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh. Bài viết tiến hành phỏng vấn 30 giảng viên, huấn luyện viên đang giảng dạy và huấn luyện bóng chuyền tại một số trường cao đẳng, đại học ở TP. HCM. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn các test đánh giá kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM (n=30)

TT	TEST	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			Tổng điểm	Tỉ lệ %
		Thường xuyên	Ít	Không		
1	Chuyền bóng cao tay vào ô vuông 1x1m trên tường 10 quả quy ra điểm	15	9	6	54	60.0
2	Chuyền bóng cao tay qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	26	4	0	82	91.1
3	Chạy rẽ quạt (giây)	17	10	3	61	67.8

4	Đệm bóng qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	27	2	1	83	92.2
5	Phát bóng thấp tay chính diện qua lưới vào ô 4.5m cuối sân 10 quả quy ra điểm (Nữ). Phát bóng cao tay chính diện qua lưới vào ô 3m cuối sân 10 quả quy ra điểm (Nam).	28	1	1	85	94.4
6	Phát bóng cao tay vào vị trí trên tường 10 quả quy ra điểm	18	5	7	59	65.6
7	Di chuyển phối hợp ngang và dọc theo tín hiệu của giảng viên (90 giây/lần)	20	2	8	62	68.9

Qua kết quả bảng 1 cho thấy, các giảng viên và huấn luyện viên đã lựa chọn được 03 test đạt tỉ lệ 80% trở lên và được ứng dụng kiểm tra cho đối tượng nghiên cứu là: Chuyển bóng cao tay qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm; Đệm bóng qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm; Phát bóng thấp tay chính diện qua lưới vào ô 4.5m cuối sân 10 quả quy ra điểm (Nữ), Phát bóng cao tay chính diện qua lưới vào ô 3m cuối sân 10 quả quy ra điểm (Nam).

2.2. Lựa chọn bài tập nâng cao kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Thông qua quá trình giảng dạy cũng như tham khảo một số tài liệu chuyên môn, bài viết tổng hợp được 26 bài tập nâng cao hiệu quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh. Để đảm bảo tính khả thi, bài viết tiến hành phỏng vấn 30 giảng viên, huấn luyện viên đang giảng dạy và huấn luyện bóng chuyền tại một số trường cao đẳng, đại học ở TP. HCM. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn bài tập nâng cao kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM (n=30)

NỘI DUNG	MỨC ĐỘ SỬ DỤNG			Tổng điểm	Tỉ lệ %
	Thường xuyên	Ít	Không		
BÀI TẬP KỸ THUẬT					
Bài tập 1: Di chuyển ngang bằng bước trượt theo tín hiệu giáo viên 30 giây (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 30 giây).	25	4	1	79	87.8

Bài tập 2: Di chuyển dọc (lên xuống) bằng bước chạy theo tín hiệu giáo viên 30 giây (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa lần 30 giây).	26	2	2	80	88.9
Bài tập 3: Di chuyển phối hợp (ngang và dọc) theo tín hiệu của giáo viên (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 30 giây).	19	4	7	61	67.8
Bài tập 4: Mô phỏng kỹ thuật chuyển bóng cao tay theo hiệu lệnh – phối hợp di chuyển sang trái, phải, trước và sau 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	28	2	0	86	95.6
Bài tập 5: Một người tung bóng và một người chuyển bóng (cách nhau ở cự ly 3 – 4m) 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	26	3	1	81	90.0
Bài tập 6: Hai người chuyển bóng qua lại cho nhau (cách nhau ở cự ly 3 – 4m) 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa lần 1 phút).	24	6	0	78	86.7
Bài tập 7: Chuyển bóng cao tay ở vị trí số 3 sang vị trí số 4 và số 2, mỗi vị trí 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa lần 1 phút)	16	8	6	56	62.2
Bài tập 8: Hai người chuyển bóng qua lại trên lưới cho nhau 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	27	3	0	84	93.3
Bài tập 9: Tập tư thế chuẩn bị và cách khóa tay khi đệm bóng 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	20	2	8	62	68.9
Bài tập 10: Mô phỏng kỹ thuật đệm bóng theo hiệu lệnh (phối hợp toàn thân) 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa lần 1 phút).	28	1	1	85	94.4
Bài tập 11: Một người tung bóng và một người đệm bóng (cách nhau ở cự ly 3 –	24	6	0	78	86.7

4m) 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).					
Bài tập 12: Hai người đệm bóng qua lại trên lưới cho nhau 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	22	8	0	74	82.2
Bài tập 13: Đệm bóng ở vị trí số 1, số 5 và số 5 lên vị trí số 3, mỗi vị trí 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	17	3	10	54	60.0
Bài tập 14: Tập tư thế chuẩn bị và cách vung tay khi phát bóng (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút). Nữ phát bóng thấp tay; Nam phát bóng cao tay.	23	6	1	75	83.3
Bài tập 15: Mô phỏng kỹ thuật phát bóng (phối hợp toàn thân) 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút). Nữ phát bóng thấp tay; Nam phát bóng cao tay.	29	1	0	88	97.8
Bài tập 16: Đứng 2/3 sân phát bóng qua lưới 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	20	5	5	65	72.2
Bài tập 17: Đứng ở vị trí phát bóng để phát bóng qua lưới (đối với những SV đã phát bóng qua lưới ở 2/3 sân) 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút)	29	1	0	88	97.8
Bài tập 18: Chia sân thành hai ô quy định phát bóng vào từng ô 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút)	24	1	5	73	81.1
Bài tập 19: Phát bóng vào vị trí số 1, số 6 và số 5, mỗi vị trí 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	22	6	2	72	80.0
Bài tập 20: Phối hợp một người phát bóng – một người bắt bước một – một người chuyền hai 1 phút (3 lần, nghỉ ngơi giữa các lần 1 phút).	15	3	12	48	53.3
BÀI TẬP THỂ LỰC					

Bài tập 21: Chạy 30m xuất phát cao (2 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút)	16	5	9	53	58.9
Bài tập 22: Di chuyển tiến, lùi, sang trái, sang phải 30 giây (2 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	22	7	1	73	81.1
Bài tập 23: Đứng lên ngồi xuống nhanh 30 giây (3 lần, nghỉ ngơi giữa các lần 1 phút).	24	5	1	77	85.6
Bài tập 24: Bật nhảy đổi chân ở bậc cao 30 giây (3 lần, nghỉ ngơi giữa các lần 1 phút).	22	6	2	72	80.0
Bài tập 25: Bật bậc tại chỗ 60 giây (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút).	16	7	7	55	61.1
Bài tập 26: Chạy 9-3-6-3-9 (3 lần, nghỉ ngơi tích cực giữa các lần 1 phút)	21	9	0	72	80.0

Qua kết quả phỏng vấn ở bảng 2 cho thấy, bài viết đã thống kê và lựa chọn được 18 bài tập có tỉ lệ 80% trở lên để ứng dụng cho đối tượng nghiên cứu trong quá trình thực nghiệm.

2.3. Ứng dụng bài tập nâng cao kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

2.3.1. Tổ chức thực nghiệm

- Phương pháp thực nghiệm: Thực nghiệm so sánh song song
- Thời gian thực nghiệm: Thực nghiệm được tiến hành trong 08 tuần học kỳ 2 năm học 2022 – 2023 (tương đương 08 giáo án), vào thời gian tập chính khóa của trường, thời gian tập 35 – 45 phút/buổi.

- Đối tượng thực nghiệm: Gồm 231 SV tham gia học tập môn Bóng chuyền và được chia thành 2 nhóm:

- + Nhóm thực nghiệm: Gồm 114 SV (44 nam và 70 nữ). Nhóm này áp dụng các bài tập đã lựa chọn, các bài tập này được coi là các bài tập chính, sắp xếp khoa học trong chương trình giảng dạy và trong từng giáo án của môn học được ứng dụng vào nhóm thực nghiệm.

- + Nhóm đối chứng: Gồm 117 SV (47 nam và 70 nữ). Nhóm này được tập luyện các bài tập đã được áp dụng trong chương trình môn học và trong các giáo án giảng dạy của môn học được áp dụng tại trường.

2.3.2. Kết quả ứng dụng các bài tập nâng cao kết quả học tập môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Trước thực nghiệm, bài viết sử dụng 03 test đã lựa chọn để kiểm tra và so sánh sự khác biệt

kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM của nhóm thực nghiệm và đối chứng. Kết quả được trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. So sánh kết quả môn học Bóng chuyền của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm

TT	Test/Đối tượng	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm		Sự khác biệt thống kê	
		$\bar{\chi}_1$	σ	$\bar{\chi}_2$	σ		
Nam		(n=47)		(n=44)		$t_{tính}$	p
1	Chuyền bóng cao tay qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	6.02	1.13	6.05	0.93	0.11	>0.05
2	Đệm bóng qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	5.74	0.82	5.77	0.94	0.15	>0.05
3	Phát bóng cao tay chính diện qua lưới vào ô 3m cuối sân 10 quả quy ra điểm	5.49	1.18	5.52	1.44	0.12	>0.05
Nữ		(n=70)		(n=70)		$t_{tính}$	p
1	Chuyền bóng cao tay qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	6.09	0.93	6.14	0.94	0.36	>0.05
2	Đệm bóng qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	6.03	0.80	6.10	0.94	0.48	>0.05
3	Phát bóng thấp tay chính diện qua lưới vào ô 4.5m cuối sân 10 quả quy ra điểm	5.50	1.17	5.56	1.19	0.28	>0.05

Qua bảng 3, thấy rằng kết quả môn học Bóng chuyền của SV hai nhóm thực nghiệm và đối chứng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0.05$. Như vậy trước thực nghiệm, kết quả môn học Bóng chuyền của SV hai nhóm thực nghiệm và đối chứng tương đương nhau, tức là sự phân nhóm hoàn toàn khách quan.

Sau thực nghiệm, bài viết tiếp tục sử dụng 03 test đã lựa chọn để kiểm tra kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM của nhóm thực nghiệm và đối chứng. Kết quả kiểm tra được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. So sánh kết quả môn học Bóng chuyền của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng sau thực nghiệm

TT	Test/Đối tượng	Nhóm đối chứng		Nhóm thực nghiệm		Sự khác biệt thống kê	
		$\bar{\chi}_1$	σ	$\bar{\chi}_2$	σ		
Nam		(n=47)		(n=44)		tính	p
1	Chuyền bóng cao tay qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	7.28	1.79	8.14	1.32	2.59	<0.05
2	Đệm bóng qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	7.15	0.97	8.09	0.91	4.75	<0.05
3	Phát bóng cao tay chính diện qua lưới vào ô 3m cuối sân 10 quả quy ra điểm	6.23	1.52	8.00	1.20	6.12	<0.05
Nữ		(n=70)		(n=70)		tính	p
1	Chuyền bóng cao tay qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	7.16	1.32	7.84	0.71	3.80	<0.05
2	Đệm bóng qua lại trên lưới 10 quả quy ra điểm	7.30	1.05	8.21	0.95	5.39	<0.05
3	Phát bóng thấp tay chính diện qua lưới vào ô 4.5m cuối sân 10 quả quy ra điểm	7.26	1.29	8.14	0.88	4.72	<0.05

Kết quả bảng 4 cho thấy: Sau 08 tuần thực nghiệm, kết quả kiểm tra của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng đã có sự khác biệt đáng kể, nhóm thực nghiệm có kết quả kiểm tra tốt hơn nhóm đối chứng với $p < 0.05$. Điều này cho thấy các bài tập mà bài viết lựa chọn bước đầu có tác dụng tốt cho việc nâng cao hiệu quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM và cũng chứng tỏ rằng các bài tập mà bài viết lựa chọn được bước đầu phù hợp hơn so với các bài tập thường được sử dụng tại trường.

3. Kết luận

Thông qua nghiên cứu đã lựa chọn được 03 test đánh giá kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM và 18 bài tập nhằm nâng cao kết quả môn học Bóng chuyền cho SV Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Kết quả quá trình thực

nghiệm đã chứng minh tính hiệu quả của các bài tập này trong việc nâng cao kết quả môn học Bóng chuyền cho đối tượng nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Aulic I.V (1982), *Đánh giá trình độ tập luyện thể thao*, NXB TDTT Hà Nội.
- [2]. Đinh Văn Lãm (2006), *Giáo trình bóng chuyền*, NXB Thể dục Thể thao.
- [3]. Trần Đức Phấn (2001), *Nghiên cứu ứng dụng hệ thống BT nhằm phát triển năng lực linh hoạt chuyên môn cho VĐV Bóng chuyền 14 - 16 tuổi*, Luận án Tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện KHTDTT, Hà Nội, tr. 67 - 71
- [4]. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tôn (2000), *Lí luận và phương pháp thể dục thể thao*, NXB Thể dục thể thao.
- [5]. Nguyễn Đức Văn (2015), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.

CƠ CHẾ TRUYỀN TIN NHẮN DỰA TRÊN VIỆC PHÁT HIỆN CỘNG ĐỒNG QUAN TÂM TRÊN MẠNG XÃ HỘI DI ĐỘNG

Nguyễn Thị Lan Phương

Khoa Điện – Điện tử, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Việc lưu trữ-chuyển tiếp tin nhắn của nút là một cách liên lạc khoảng cách ngắn trong mạng xã hội di động và hiệu suất truyền tải là yếu tố chính ảnh hưởng đến trải nghiệm tương tác của người dùng. Nếu người dùng có thể truyền tải thông điệp theo sở thích hoặc cộng đồng. Hiệu suất truyền tải có thể được cải thiện. Đối với truyền thông khoảng cách ngắn trong mạng xã hội di động, nghiên cứu hiện tại chủ yếu là truyền tải dựa trên sở thích hoặc dựa trên cộng đồng. Để giúp người dùng có trải nghiệm tương tác tốt hơn, chúng tôi đã đề xuất InCom'T (Interest Community based Transmission - Truyền tải dựa trên cộng đồng theo sở thích) kết hợp sở thích của người dùng với cộng đồng. Chúng tôi đo lường giá trị sở thích của một nút trong mạng xã hội di động và cộng đồng được chia theo giá trị sở thích của nó để xác định giá trị sở thích của toàn bộ cộng đồng. Sau đó, cộng đồng chuyển tiếp và nút chuyển tiếp được chọn theo giá trị quan tâm để thực hiện việc truyền tin nhắn. Các kết quả mô phỏng cho thấy rằng cơ chế này có thể đạt được tỷ lệ truyền thành công cao hơn với chi phí truyền tải và độ trễ trung bình thấp.

Từ khóa: Phát hiện Cộng đồng quan tâm, Mạng xã hội di động

MESSAGE TRANSMISSION SCHEME BASED ON THE DETECTION OF INTEREST COMMUNITY IN MOBILE SOCIAL NETWORKS

Abstract

The storage-carrying-forwarding of messages of the node is a way of short-distance communication in the mobile social networks, and the transmission performance is the key factor that affects the user interaction experience. If the user can transmit the message according to the interest or the community, the transmission performance can be improved. For the short-distance communication in the mobile social networks, the existing research is mainly either interest-based or community-based transmission. In order to make users to have a better interactive experience, we proposed InCom'T (Interest Community based Transmission) which combines the user interest with the community. We measure the interest value of a node in the mobile social networks, and the community is divided according to its interest value to determine the whole community interest value. Then the relay community and the relay node are selected by the interest value to realize the transmission of the message. The simulation results show that the scheme can get a higher transmission success rate with low transmission overhead and low average delay.

Keywords: Interest community Detection, Mobile Social Networks (MSNs)

1. Giới thiệu

Với sự xuất hiện và phát triển nhanh chóng của các thiết bị di động thông minh, các công nghệ liên lạc khoảng cách ngắn như Bluetooth, WiFi, v.v., hỗ trợ phân phối tin nhắn để người dùng truy cập Internet mọi lúc, mọi nơi [1-3]. Thiết bị thông minh mà con người mang theo được coi là một nút, các nút khác nhau đang hình thành mạng xã hội thông qua việc liên hệ với nhau. Do công nghệ Bluetooth và khoảng cách giao tiếp WiFi bị hạn chế, điều này cản trở tính di động của nút để thiết lập Mạng xã hội di động (MSN) [5], việc truyền tin nhắn của nút được thực hiện thông qua trạng thái chuyển tiếp.

Kết nối đầu cuối giữa các nút di động (tức là thiết bị hoặc người dùng) trong mạng xã hội di động có thể bị ngắt kết nối do chuyển động nhanh và người cung cấp thông tin không thể trao đổi trực tiếp; đồng thời, mỗi nút có một ưu tiên cho một nội dung cụ thể. Việc truyền tin nhắn trong mạng xã hội di động được quản lý bởi các thiết bị di động và mỗi nút chỉ biết mối quan tâm của nút mà chúng liên hệ. Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình gửi tin nhắn đến nút đích, nút nguồn phải mang các bản sao của tin nhắn và di chuyển. Nếu nút nguồn gửi các bản sao tin nhắn đến từng nút nó gặp, có thể giảm độ trễ, nhưng những bản sao này sẽ sớm đầy bộ nhớ mạng và không thể áp dụng trực tiếp cho các mạng xã hội di động bị hạn chế về tài nguyên.

Việc sử dụng các mối quan hệ xã hội giữa người dùng và các thuộc tính xã hội của người dùng (chẳng hạn như sở thích) có thể cải thiện hiệu suất truyền tải một cách hiệu quả. Các nút có thuộc tính xã hội tuân theo thực tế là một nút đi đến một số địa điểm có khả năng gặp được nút có cùng mối quan tâm chung cao hơn nút đó. Mọi người sẽ ở bên nhau vì những mối quan tâm chung, chẳng hạn như đồng nghiệp làm việc ở nơi làm việc, bạn bè tụ tập trong một bữa tiệc, v.v. [6].

Các nghiên cứu về truyền tải tin nhắn trên mạng xã hội di động chủ yếu dựa trên sự quan tâm của một nút duy nhất hoặc được thiết kế dựa trên cộng đồng. Nếu không coi lợi ích chung của cộng đồng là điều kiện lựa chọn chuyển tiếp trong quá trình truyền tin nhắn thì độ tin cậy liên lạc của mạng xã hội di động sẽ thấp hơn và mục đích truyền tin nhắn cũng thiếu sự đảm bảo. Đồng thời tiêu tốn nhiều tài nguyên mạng nhưng lại không đạt được hiệu suất truyền dẫn như mong đợi [7]. Để giảm độ trễ truyền tải một cách hiệu quả hơn và cải thiện hiệu suất, bài viết này đề xuất InComT (Interest Community based Transmission strategy - Chiến lược truyền tải dựa trên cộng đồng) dựa trên cộng đồng quan tâm, mối quan hệ xã hội và thông tin lịch sử liên hệ. Thông qua việc đo lường mức độ quan tâm của các nút, có thể đo lường sâu hơn về tổng thể các cộng đồng, sau đó tìm kiếm các cộng đồng chuyển tiếp và cộng đồng đích để truyền tải tin nhắn. Người dùng chỉ nhận được nội dung họ quan tâm và chuyển tiếp tin nhắn của cùng một nút quan tâm. Không chỉ tiết kiệm bộ đệm cho các thiết bị di động thông minh có nguồn tài nguyên hạn chế mà còn tạo ra chi phí thấp đồng thời cải thiện hiệu suất truyền dẫn.

2. Công việc liên quan

2.1 Thuật toán phát hiện cộng đồng

Có rất nhiều nghiên cứu về phát hiện cộng đồng trên mạng xã hội di động, có thể chia thành phát hiện cộng đồng toàn cầu và phát hiện cộng đồng địa phương. Phát hiện cộng đồng toàn cầu cần làm việc ngoại tuyến, đòi hỏi nguồn lực sẵn có cao hơn. Và tất cả các cộng đồng trong mạng cần được quản lý tập trung cũng như mỗi nút phải biết rõ toàn bộ cấu trúc liên kết mạng. Mỗi liên kết giữa những người trong cộng đồng nội bộ chặt chẽ hơn so với các mối liên kết giữa những người ngoài cộng đồng nội bộ [8]. Nguyễn và cộng sự [9] đã nghiên cứu cách phát hiện các cấu trúc cộng đồng chong chéo trong các mạng động, tập trung vào việc cập nhật thích ứng các cấu trúc cộng đồng cho các ứng dụng di động.

Mặc dù phương pháp phát hiện cộng đồng trên giải quyết được vấn đề phát hiện cộng đồng chong chéo ở một mức độ nhất định nhưng vẫn còn một số hạn chế đối với các mạng xã hội di động kiểu động. Thứ nhất, nó cần thu được thông tin của toàn bộ cấu trúc mạng và các hiểu biết trước đó liên quan đến cộng đồng; Khi đó, việc tìm kiếm và tính toán toàn cầu sẽ làm giảm đáng kể tốc độ của thuật toán và việc sử dụng tài nguyên mạng.

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, các nhà nghiên cứu đã đề xuất phương pháp phát hiện cộng đồng địa phương trên mạng xã hội di động. Nó dựa trên cấu trúc liên kết cục bộ của mạng để mô tả cấu trúc cộng đồng cục bộ hoặc toàn bộ mạng. So với cộng đồng toàn cầu, phương pháp phát hiện cộng đồng địa phương không cần hiểu thông tin về cấu trúc mạng hoàn chỉnh và kiến thức tiên nghiệm, do đó chi phí tính toán giảm đáng kể đối với các mạng xã hội lớn và biến động. Đặc điểm cộng đồng này đặc biệt rõ ràng trong các mạng xã hội quy mô lớn, đang trở thành điểm nóng của nghiên cứu phát hiện cộng đồng trên mạng xã hội di động hiện nay.

Các thuật toán phát hiện cộng đồng cục bộ ở trên đã loại bỏ một số hạn chế của việc phát hiện cộng đồng toàn cầu, những thiếu sót vẫn còn tồn tại. Nó không thể thể hiện tốt các thuộc tính xã hội của các nút mạng và các mối quan hệ xã hội. Vì vậy, bài viết này nhằm giải quyết những vấn đề do những thiếu sót này gây ra.

2.2 Chiến lược truyền tin nhắn

Việc truyền dữ liệu có khả năng chịu được độ trễ trong các mạng xã hội di động và coi nhà cung cấp dịch vụ trong mạng là một nút. Mỗi nút có thuộc tính xã hội riêng, nút giao tiếp với nhau thông qua thiết bị di động trong phạm vi ngắn để truyền tin nhắn. Đồng thời, vấn đề bảo mật trong mạng cảm biến không dây cũng là một trong những điểm nóng trong lĩnh vực mạng ad hoc di động (11-15). Trong bài viết này, các vấn đề bảo mật trong quá trình truyền tải mạng xã hội di động hiện tại không được xem xét.

Chiến lược truyền tải tin nhắn cổ điển bao gồm định tuyến Epidemic [16], PROPHET [17] và Spray and Wait (18). Định tuyến Epidemic phân phối tin nhắn đến nút trong cùng mạng con được kết nối (được gọi là sóng mang) và truyền tin nhắn đến nút đích cuối cùng thông qua liên hệ của sóng mang với các nút khác trong mạng con được kết nối. Giả định rằng các nút di chuyển ngẫu nhiên, để cân bằng mối quan hệ giữa số lượng nút chuyển tiếp và xác suất truyền, các tác giả trong [17] lập luận rằng các nút thực thường được di chuyển theo khả năng dự đoán và suy ra tính di động theo một khoảng thời gian lặp đi lặp lại hành vi. Dựa trên giả định này, một giao thức ngầm xác suất dựa trên lịch sử gặp gỡ và tính truyền tải được đề xuất, để tối đa

hóa xác suất tin nhắn được gửi đến nút quốc gia đích. Định tuyến Spray and Wait tương tự như Epidemic, nhưng việc sao chép bị hạn chế đối với mỗi dữ liệu chuyển tiếp để giảm chi phí chuyển tiếp.

Trong mạng xã hội di động, nút có một số thuộc tính xã hội (chẳng hạn như sự quan tâm). Trong bài viết này sẽ sử dụng sở thích của người dùng làm yếu tố phát hiện cộng đồng, những người dùng có cùng sự quan tâm hoặc sự quan tâm tương tự sẽ được chia thành cùng một cộng đồng. Sự quan tâm của cộng đồng được đo lường bằng cách đo lường sự quan tâm của các nút và tiện ích mở rộng cục bộ được sử dụng để đo lường mức độ tương tự của từng nút và các nút phù hợp trong cùng một khu vực địa lý. Nếu sự giống nhau về sự quan tâm vượt quá một ngưỡng thì hãy chia họ vào cùng một cộng đồng. Lựa chọn các cộng đồng từ các nút có cùng sự quan tâm để xác định sự giống nhau của cộng đồng và sự gần gũi nhất với cộng đồng mục tiêu. Học hỏi từ ý tưởng được đề xuất trong cộng đồng để đề xuất các nút chuyển tiếp ứng viên cho nhà cung cấp dịch vụ. Chọn nút ứng viên có độ tương tự lớn nhất với nút đích làm nút chuyển tiếp tối ưu và thực hiện chuyển tiếp hop-to-hop giữa các cộng đồng nội bộ và liên cộng đồng. Cuối cùng, thực hiện mô phỏng và phân tích.

3. Phát hiện cộng đồng dựa trên sự quan tâm

3.1 Mô hình mạng

Trong các mạng xã hội di động, người dùng có xu hướng giao tiếp với nhau theo sự quan tâm hay sở thích và họ sẽ tập hợp lại với những người cùng sự quan tâm để tạo thành một cộng đồng. Liên kết giữa các nút trong các cộng đồng khác nhau thưa thớt hơn và trong cùng một cộng đồng sẽ chặt chẽ hơn. Do đó, trong thiết kế thuật toán định tuyến chỉ cần xem xét nút cộng đồng ở đâu và các liên hệ thường xuyên giữa các nút trong cộng đồng mà không cần phải xem xét từng nút. Trong bài báo này, mô hình mạng có các giả định sau:

- Các nút hợp tác với nhau, không có hành vi sai trái giữa các nút;
- Một nút có thể có nhiều sự quan tâm và mỗi nút được phép tồn tại trong nhiều cộng đồng;
- Mỗi nút có bảng sự quan tâm riêng để tính toán sự quan tâm tương tự với các nút khác và sau đó được chia thành các cộng đồng;
- Việc gửi tin nhắn bao gồm hai giai đoạn; truyền tải tin nhắn liên cộng đồng.

3.2 Chiến lược phát hiện cộng đồng

Giả sử rằng có n chủ đề quan tâm trong mạng, liệu nút i có quan tâm đến chủ đề j hay không $Int_{i,j}$ có thể được biểu thị bằng

$$Int_{i,j} = \begin{cases} 0, & \text{nút } i \text{ không quan tâm đến chủ đề thứ } j \\ 1, & \text{nút } i \text{ quan tâm đến chủ đề thứ } j \end{cases} \quad j \in [1, n]$$

Trọng số quan tâm của nút i đối với chủ đề j được biểu thị bằng

$$weg_{i,j} \in [0,1], \quad j \in [1, n]$$

Do đó, lấy người dùng i làm ví dụ, bảng sở thích của người dùng được hiển thị trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng quan tâm của người dùng i

Số thứ tự quan tâm P_i	$P_i^{(1)}$	$P_i^{(2)}$	...	$P_i^{(j)}$	...	$P_i^{(n)}$
Sự quan tâm	$Int_{i,1}$	$Int_{i,2}$		$Int_{i,j}$		$Int_{i,n}$
Trọng số	$weg_{i,1}$	2		$weg_{i,j}$		$weg_{i,n}$

Khi khởi tạo, trọng số quan tâm của mỗi người dùng trong bảng quan tâm cho các mức quan tâm khác nhau được chuẩn hóa theo công thức $weg_{i,j} = weg_{i,j} / (\sum_{i=1}^n weg_{i,j})$. Mục đích là để đảm bảo tính đầy đủ của các trọng số sao cho tổng trọng số của mỗi người dùng là một. Sau đó, tùy theo mức độ quan tâm theo thứ tự giảm dần. Trọng số của mỗi quan tâm lớn nhất được coi là mối quan tâm chính của người dùng. Khi hai người dùng gặp nhau sẽ trao đổi bảng quan tâm với nhau và có thể biết được thông tin sở thích của nhau. Đồng thời, so sánh số thứ tự quan tâm của hai người quan tâm chính, $P_i^{(k)}$ đại diện cho số thứ tự của chủ đề thứ k trong bảng quan tâm của người dùng i. Ví dụ: $P_i^{(1)}$ là số lượng quan tâm với chủ đề đầu tiên của i, tức là số lượng quan tâm của người dùng i là mối quan tâm chính. Nếu mối quan tâm chính giữa người dùng i và j là như nhau. Tức là $P_i^{(1)} = P_j^{(1)}$, sau đó tính độ tương đồng về sự quan tâm của chúng theo phương trình sau

$$Sim_{ij} = \frac{\sum_{k=1}^n [(In_{i,k} \cdot weg_{i,k})(In_{j,k} \cdot weg_{j,k})]}{\sqrt{\sum_{k=1}^n weg_{i,k}^2} \cdot \sqrt{\sum_{k=1}^n weg_{j,k}^2}}$$

Đặt ngưỡng $thr_{sim} = 0,5$ cho mức độ tương đồng về sở thích dựa trên giá trị trải nghiệm. Nếu $Sim_{i,j} \geq thr_{sim}$ thì cho biết người dùng i có cùng sở thích với người dùng j, sau đó chia họ thành một cộng đồng. Thuật toán chi tiết được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Thuật toán phát hiện cộng đồng quan tâm

Input: N, thr_{sim} , n

Output: $C_1, C_2, \dots, C_b$;

1. $m = b = 0, C_m = \emptyset$

2. $white(P_i^{(1)} = P_j^{(1)})$, then

3. calculate Sim_{ij}

4. if $Sim_{ij} \geq 0.5$, then

5. $C_m = C_m \cup \{I,j\}, i = C_m$

6. update the interest table

7. end if

-
8. $b = m + 1, m++$
 9. end white
 10. for every community C_a ,
 11. if $C_a = \emptyset, a \in [1, m]$, then
 12. delete $C_a, b--$
 13. end if
 14. end for
 15. return $C_1, C_2, \dots, C_b$
-

4. Chiến lược truyền tin nhắn của InComT

4.1 Truyền tin nhắn liên cộng đồng

Trước khi truyền tin nhắn liên cộng đồng, trước tiên xác định khoảng cách địa lý giữa hai nút i và j là $Geo_{i,j}$. Theo GPS trong thiết bị thông minh để có được vị trí của từng nút (có tọa độ hai chiều). Giả sử vị trí của các nút i và j được biểu thị bằng $L_i = (X_i, Y_i)$ và $L_j = (X_j, Y_j)$, thì khoảng cách địa lý của chúng có thể tính được bằng phương trình dưới đây

$$Geo_{i,j} = \sqrt{(Y_j - Y_i)^2 + (X_j - X_i)^2}$$

Giả sử tin nhắn được tạo bởi nút nguồn S trong cộng đồng nguồn C_s và nút đích d nằm trong cộng đồng C_d . Việc gửi tin nhắn trong liên cộng đồng dựa trên mối quan tâm chính của tin nhắn trong việc lựa chọn cộng đồng chuyển tiếp. Do tin nhắn tồn tại trong một cộng đồng nên mối quan tâm chính của tin nhắn là nhất quán với cộng đồng của nó. Mối quan tâm chính của cộng đồng đích là I_d , vì có sự chồng chéo giữa các cộng đồng trong bài viết này. Vì vậy, chúng ta chọn cộng đồng từ các nút chồng chéo, có mối quan tâm chính giống với I_d và khoảng cách địa lý gần nhất với cộng đồng đích làm cộng đồng chuyển tiếp để truyền tin nhắn giữa các cộng đồng. Thuật toán gửi tin nhắn trong cộng đồng được thể hiện trong **bảng 3** bên dưới.

Bảng 3. Thuật toán truyền tin trong cộng đồng

-
- Input: $C_1, C_2, \dots, C_b, I_s, I_d$
- Output: relay community $C_{R_1}, \dots, C_{R_m}$
1. if $C_s \neq C_d$, then
 2. if $\exists$ overlapping communities $C_{01} \dots C_{0i} \dots C_{0k}$, then
 3. for every overlapping node in C_{0i}
 4. while ($I_{0i} \neq I_d$)
 5. calculate the $Geo_{i,d}$
-

-
6. end while
 7. rank the $Geo_{i,d}$ with descending
 8. choose the minimum value of $Geo_{i,d}$
 9. end for
 10. end if
 11. end if
 12. return $C_{R_1}, \dots, C_{R_m}$
-

4.2 Truyền tin nhắn trong cộng đồng

Việc truyền tin nhắn trong cộng đồng xảy ra khi tin nhắn đã được gửi đến cộng đồng đích nhưng chưa đến nút đích. Chiến lược truyền tin nhắn trong cộng đồng là nếu nút lân cận của nút nguồn không phải là nút đích thì hãy tính độ tương đồng về sự quan tâm giữa nút lân cận j của s và nút đích d . Khi độ tương đồng của chúng lớn hơn giá trị ngưỡng 0,5, nút j được đề xuất cho s làm nút chuyển tiếp ứng cử viên. Cuối cùng, nút s chọn từ tập các nút ứng cử viên mà có điểm tương đồng lớn nhất làm nút chuyển tiếp tối ưu. Quá trình được lặp lại cho đến khi gặp nút đích và tin nhắn được gửi thành công. Thuật toán chi tiết được thể hiện trong **bảng 4** dưới đây.

Bảng 4. Thuật toán truyền tin nhắn trong cộng đồng

-
- Input: s, d
Output: R
1. while ($d \notin N(s)$) then
 2. for every node $j \in N(s)$
 3. calculate $SInt_{j,d}$
 4. if ($SInt_{j,d} \geq 0.5$), then
 5. add j to candidate(s)
 6. end if
 7. end for
 8. if (candidate(s) $\neq \emptyset$) then
 9. rank the candidate(s) with descending
 10. choose the first node i as really node from candidate(s)
 11. $R = R \cup \{i\}$
-

-
12. deliver msg from node s to node i , $s \leftarrow i$
 13. end if
 14. end while
 15. return R
-

5. Đánh giá hiệu suất

5.1 Thiết lập thí nghiệm

Trong bài viết này, việc đánh giá hiệu suất của InComT được thực hiện bằng cách sử dụng nền tảng ONE (Opportunistic Network Evaluation) [20], các thuật toán được so sánh lần lượt là Định tuyến Epidemic, Định tuyến FirstContact và Định tuyến Spray and Wait. Với sự thay đổi của thời gian tồn tại (TTL), tiến hành so sánh thuật toán được đề xuất với các thuật toán cổ điển về các thông số như tỷ lệ gửi tin trung bình, chi phí gửi tin trung bình và độ trễ gửi tin trung bình. Các thông số mô phỏng được tóm tắt trong **bảng 5**.

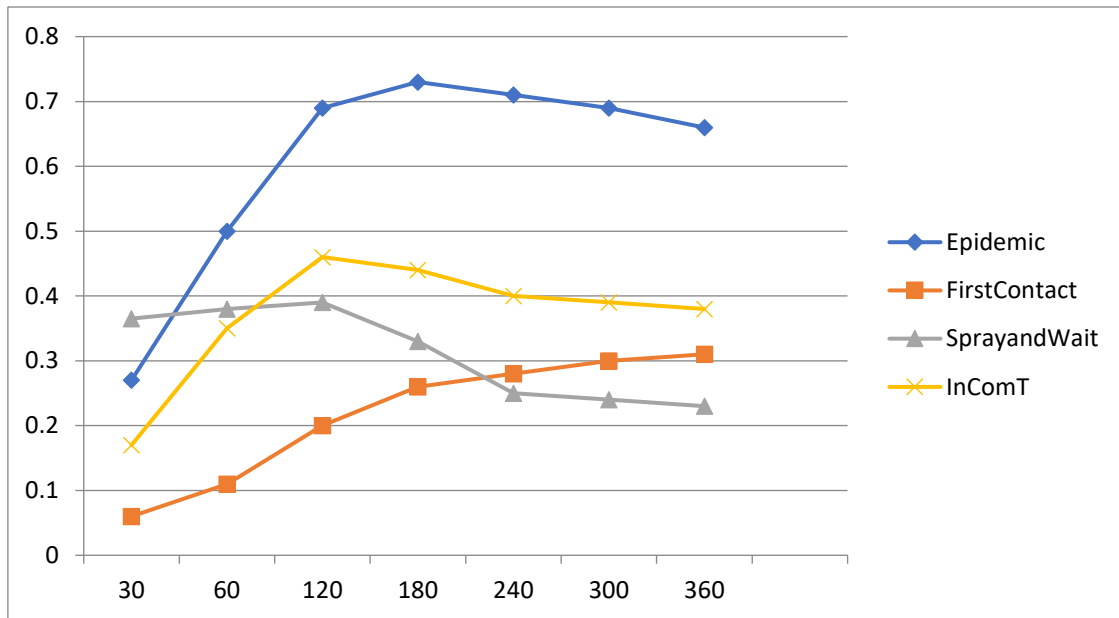
Bảng 5. Các thông số mô phỏng

Thông số	Giá trị
Diện tích mô phỏng /m ²	4500*3400
Thời gian kết thúc /s	43200
Số nút	76
Tốc độ truyền /kbps	250
Khoảng thời gian cập nhật /s	0.1
Phạm vi truyền /m	10
Đệm /M	5
Mô hình chuyển động	Shortest Path Map Based Movement
Kích thước tin nhắn /K	50
Tốc độ di chuyển /(m/s)	0.5 – 1.0
Thời gian tồn tại TTL /(min)	30 60 120 180 240 300 360

5.2 Kết quả mô phỏng

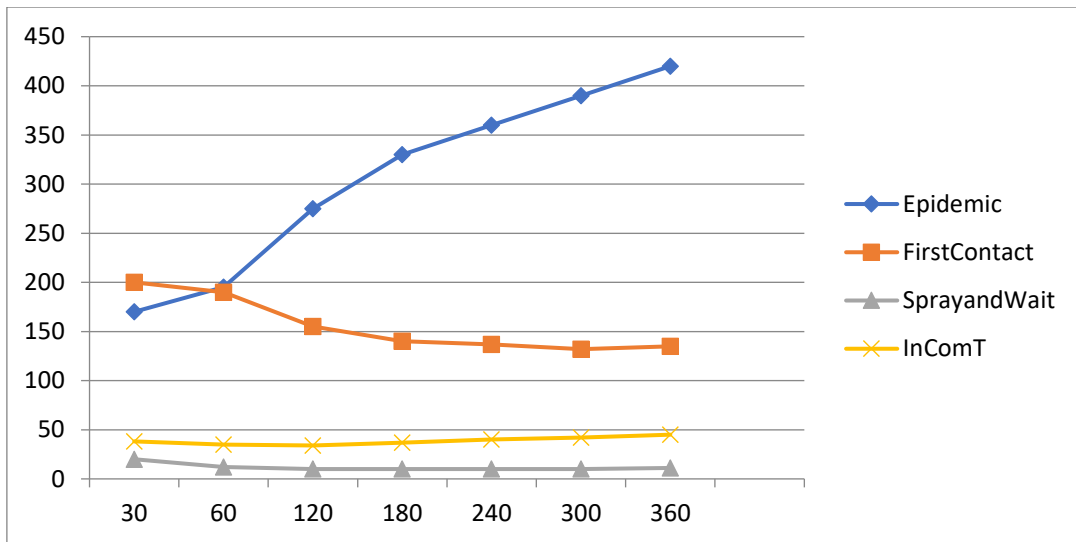
Tỷ lệ gửi tin nhắn: Tỷ lệ gửi tin nhắn là tỷ lệ giữa số lượng tin nhắn được truyền đến đích thành công trên tổng số tin nhắn được tạo. Hình 1 bên dưới là biểu đồ so sánh tỷ lệ gửi tin nhắn

trung bình. Tỷ lệ gửi tin của InComT tăng ở mức $TTL < 120$, sau đó tăng chậm lại khi $TTL > 120$, điều này cho thấy rằng nó có thể có tỷ lệ gửi tin tốt hơn khi thời gian tồn tại của tin nhắn được đặt trong 120 phút. Định tuyến Epidemic có tỷ lệ gửi tin thành công cao nhất, nhưng số lượng lớn bản sao trong mạng dẫn đến tắc nghẽn mạng, nên với TTL tăng thì tỷ lệ gửi tin bắt đầu giảm ở mức $TTL > 200$. Khi $TTL > 240$ thì tỷ lệ gửi tin của định tuyến SprayandWait và định tuyến Firstcontact là ổn định.



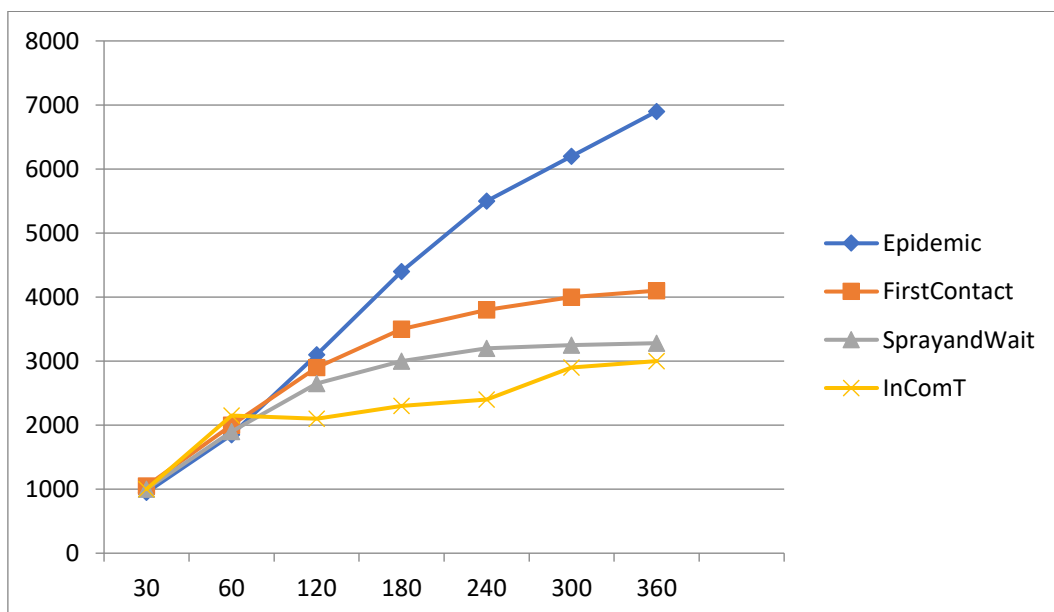
Hình.1. Thời gian tồn tại của tin nhắn (phút) và tỷ lệ gửi tin

Chi phí gửi tin nhắn: Chi phí gửi tin nhắn là tỷ lệ giữa số lượng tin nhắn được chuyển tiếp nhưng không được truyền thành công trên tổng số lần truyền. Kết quả mô phỏng trong **hình 2** cho thấy InComT gần nhất với thuật toán Sprayand Wait về chi phí gửi tin nhắn. Điều này là do mức độ quan tâm của tin nhắn được sắp xếp trước khi tin nhắn được chuyển tiếp trong hệ thống được đề xuất và giảm số lần ngưng chuyển tiếp bằng cách chọn cùng mức độ quan tâm của người dùng để truyền. Ngoài ra, định tuyến Epidemic gây ra chi phí cao nhất do không có chiến lược kiểm soát bản sao.



Hình 2. Thời gian tồn tại của tin nhắn TTL (Phút) và chi phí gửi tin

Độ trễ gửi tin nhắn: *Hình 3* bên dưới phản ánh sự thay đổi của độ trễ gửi tin theo thời gian tồn tại của tin ngày càng tăng. Độ trễ của mỗi thuật toán ngày càng tăng khi TTL tăng. Thuật toán đề xuất có độ trễ thấp nhất và độ thay đổi nhỏ khi tăng TTL. Tuy nhiên, ba thuật toán còn lại có độ trễ cao hơn InComT. Bởi InComT chia những người dùng có cùng mối quan tâm thành một cộng đồng mà ba thuật toán còn lại không có, quá trình truyền tin nhắn được chuyển tiếp bởi những người dùng có cùng mối quan tâm này và có thể giảm thời gian chờ đợi một cách hiệu quả cho người dùng mang và chuyển tiếp tin nhắn.



Hình 3. Thời gian tồn tại của tin nhắn TTL (Phút) và độ trễ truyền tin

6. Kết luận

Bài viết đã đề xuất việc truyền tin nhắn dựa trên Cộng đồng quan tâm trong mạng xã hội di động MSN, cụ thể là InComT, để nâng cao hiệu quả chuyển tiếp tin nhắn. Đầu tiên là đo

lượng mức độ quan tâm của người dùng và phát hiện cộng đồng dựa trên sự quan tâm để có thể gửi tin nhắn dựa trên cộng đồng con. Mục đích là làm cho người dùng có mục tiêu hơn trong việc chọn lọc các nút chuyển tiếp và cộng đồng chuyển tiếp, từ đó cải thiện hiệu suất truyền tải. Kết quả mô phỏng cho thấy tỷ lệ gửi tin trong InComT được cải thiện so với thuật toán Firstcontact và thuật toán SprayandWait, chi phí gửi tin và độ trễ gửi tin thì giảm rõ ràng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Xiao, Y., Rayi, V., Sun, B., Du, X., Hu, F., Galloway, M. (2007): *A survey of key management schemes in wireless sensor networks*. J. Comput. Commun. 30(11-12), 2314-2341
- [2]. Du, X., Xiao, Y., Guizani, M., Chen, H.H. (2007): *An effective key management scheme for heterogeneous sensor networks ad hoc networks*. Elsevier 5(1), 24-34
- [3]. Du, X., Guizani, M., Xiao, Y., Chen, H.H. (2009): *A routing-driven elliptic curve cryptography based key management scheme for heterogeneous sensor networks*. IEEE Trans. Wirel. Commun. 8(3), 1223-1229
- [4]. Index, Cisco Visual Networking. *Global Mobile Data Traffic Forecast Update 2015-2020* White Paper, February 2016. www.cisco.com/go/offices
- [5]. Hu, X., Chu, T.H.S., Leung, V.C.M., et al. (2015): *A survey on mobile social networks: applications, platforms, system architectures, and future research directions*. IEEE Commun. Surv. Tutor. 17. 1557-1581
- [6]. Vastardis, N., Yang, K. (2013): *Mobile social networks: architectures, social properties, and key research challenges*. IEEE Commun. Surv. Tutor. 15, 1355-1371
- [7]. Zhu, Y., Xu, B., Shi, X., et al. (2013): *A survey of social based routing in delay tolerant networks: positive and negative social effects*. IEEE Commun. Surv. Tutor. 15, 387-401
- [8]. Newman, M.E.J. (2004): *Fast algorithm for detecting community structure in networks*. Phys. Rev. E 69, 066133
- [9]. Nguyen, N.P., Dinh, T.N., Tokala, S., et al. (2011): *Overlapping communities in dynamic networks: their detection and mobile applications*. In: *Proceedings of the 17th Annual International Conference on Mobile Computing and Networking*, pp. 85-96. ACM
- [10]. Wei, K., Liang, X., Xu, K. (2014): *A survey of social-aware routing protocols in delay tolerant networks: applications, taxonomy and design-related issues*. IEEE Commun. Surv. Tutor. 16, 556-578
- [11]. Du, X., Chen, H.H. (2008): *Security in wireless sensor networks*. IEEE Wirel. Commun. Mag. 15 (4), 60-66
- [12]. Du, X., Guizani, M., Xiao, Y., Chen, H.H. (2008): *Secure and efficient time synchronization in heterogeneous sensor networks*. IEEE Trans. Veh. Technol. 57(4), 2387-2394
- [13]. Du, X., Xiao, Y., Chen, H.H., Wu, Q. (2006): *Secure cell relay routing protocol for sensor networks*. Wirel Commun. Mob. Comput. 6(3), 375-391
- [14]. Hei, X., Du, X., Wu, J., Hu, F. (December 2010): *Defending resource depletion attacks on implantable medical devices*. In: *Proceedings of IEEE GLOBECOM 2010*. Miami, Florida, USA.

- [15]. Hei, X., Du, X. (April 2011): *Biometric-based two-level secure access control for implantable medical devices during emergency*. In: Proceedings of IEEE INFOCOM 2011, Shanghai, China.
- [16]. Vahdat, A., Becker, D. (2000): Epidemic routing for partially connected ad hoc networks
- [17]. Lindgren, A., Doria, A., Schelén, O. (2004): *Probabilistic routing in intermittently connected networks*. In: Dini, P., Lorenz, P., de Souza, J.N. (eds.) SAPIR 2004. LNCS, vol. 3126, pp. 239-254, Springer. Heidelberg. https://doi.org/10.1007/978-3-540-27767-5_24.
- [18]. Mtibaa, A., May, M., Diot, C., et al. (2010): *Peoplerank: social opportunistic forwarding*. In: Infocom Proceedings IEEE, pp. 1-5.
- [19]. Hui, P., Crowcroft, J., Yoneki, E. (2011): Bubble-rap: *social-based forwarding in delay-tolerant networks*. IEEE Trans. Mob. Comput. 10(11), 1576-1589.
- [20]. Keränen, A., Ott, J. Kärkkäinen, T. (2009): *The one simulator for din protocol evaluation*. In: *Proceedings of the 2nd International Conference on Simulation Tools and Techniques*, p. 55. ICST (Institute for Computer Sciences, Social-Informatics and Telecommunications Engineering)

ĐIỀU CHẾ ĐỘ RỘNG XUNG_PWM VỚI VI MẠCH TL494

Đào Thành Sung

Khoa Điện – Điện tử, Trường Cao Đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

PWM - điều chế độ rộng xung là kỹ thuật quan trọng trong kỹ thuật điều khiển trong lĩnh vực điện tử cũng như tự động hóa. Ứng dụng của PWM là kiểm soát độ rộng xung trong chu kỳ xung từ đó có thể điều chỉnh biên độ hoặc công suất của đầu ra. Điều này đã mở ra nhiều ứng dụng hữu ích như: điều khiển tốc độ động cơ, điều khiển vị trí động cơ Servo, điều khiển đèn LED, biến tần... Có rất nhiều vi mạch tạo xung PWM như: N555, SG3525, TL494, UC3843, Microcontroller: Arm, Pic, Atmega, Arduino, ... Mỗi loại vi mạch đều có những ưu điểm riêng của nó, trong đó vi mạch TL494 cũng không ngoại lệ. TL494 dễ sử dụng, không cần phải lập trình. Ngoài điều chế xung PWM, nó còn có thể tạo xung push-pull được dùng trong một số ứng dụng điều khiển đối nghịch (đẩy-kéo).

Từ khóa: Điều chế độ rộng xung; biến tần; giáo dục; điện; điện tử

PWM- Pulse Width Modulation with TL494

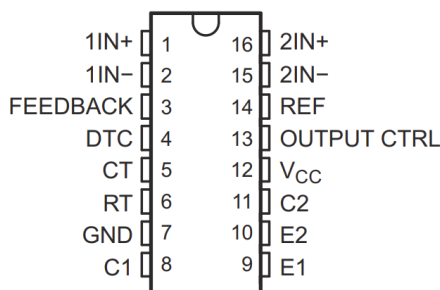
Abstract

PWM - **P**ulse **W**idth **M**odulation is an important technique in control engineering in the field of electronics as well as automation. The application of PWM is to control the pulse width during the pulse cycle from which the amplitude or power of the output can be adjusted. This has opened up many useful applications such as: motor speed control, Servo motor position control, LED light control, inverter.... There are many PWM pulse generating microchips such as: N555, SG3525, TL494, UC3843, Microcontroller: Arm, Pic, Atmegem, Arduino, etc. Each type of microchip has its own advantages, including the TL494. TL494 is easy to use, no programming required. In addition to PWM pulse modulation, it can also generate push-pull pulses used in some opposing (push-pull) control applications.

Keywords: PWM (Pulse Width Modulation), Inverter, Education, Electrical, Electronics

1. Giới thiệu

TL494 là vi mạch tạo xung điều khiển PWM (**P**ulse **W**idth **M**odulation) được sản xuất bởi công ty Texas Instruments, với khả năng điều khiển PWM mạnh mẽ và đa dạng, loại IC này được sử dụng rộng rãi trong các mạch điện tử, đặc biệt trong các mạch nguồn chuyển đổi.



Hình 1: Sơ đồ chân IC TL494

Bảng 1: Chức năng các chân của IC TL494

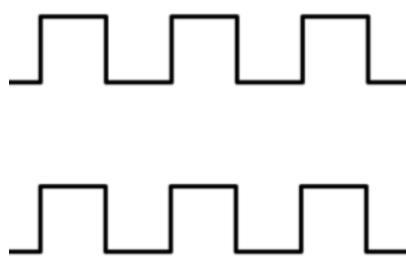
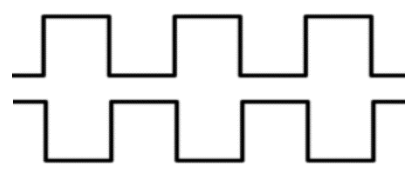
Chân	Kí hiệu chân	Chức năng chân	Chân	Kí hiệu chân	Chức năng chân
1	+1IN	Ngõ vào không đảo của bộ khuếch đại 1	9	E1	Ngõ ra 1 (Emitter)
2	-1IN	Ngõ vào đảo của bộ khuếch đại 1	10	E2	Ngõ ra 2 (Emitter)
3	FEEDBACK	Chân hồi tiếp	11	C2	Ngõ ra 2 (Collector)
4	DTC	Chân điều khiển Dead-time	12	V _{CC}	Chân cấp nguồn dương cho IC
5	CT	Gắn tụ điện ngoài để đặt tần số	13	OUTPUT CTRL	Chân chọn chế độ ngõ ra
6	RT	Gắn điện trở ngoài để đặt tần số	14	REF	Chân điện áp tham chiếu (5V)
7	GND	Chân cấp nguồn âm cho IC (nối mass)	15	-2IN	Ngõ vào đảo của bộ khuếch đại 2
8	C1	Ngõ ra 1 (Collector)	16	+2IN	Ngõ vào không đảo của bộ khuếch đại 2

❖ Thông số kỹ thuật:

- Điện áp nguồn cung cấp: 7V đến 40V
- Điện áp ngõ ra Collector: 40V
- Dòng điện ngõ ra Collector: 200mA
- Tần số dao động f_{osc} : 300kHz

❖ *Tính năng chính:*

- Có 2 đầu ra PWM
- Bộ dao động với tần số cố định
- Tích hợp bộ điều khiển PWM
- Ngõ ra có thể lựa chọn kiểu Single-ended hoặc Push-Pull

	Kiểu ngõ ra single-ended
	Kiểu ngõ ra Push-pull

Hình 2: Kiểu xung ngõ ra của IC TL494

❖ *Vì mạch TL494 thường được ứng dụng trong:*

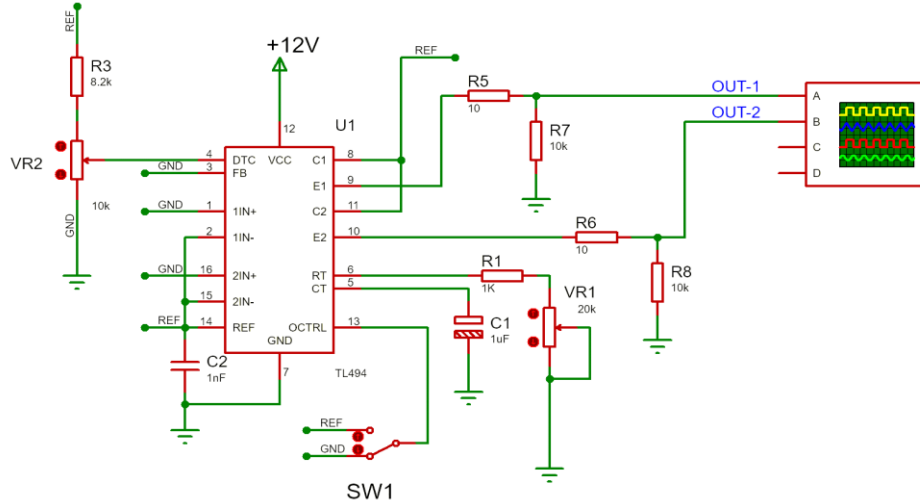
- Bộ nguồn máy tính để bàn
- Lò vi sóng
- Xe đạp điện
- Máy giặt
- Các dạng nguồn chuyển đổi: AC/DC, DC/DC, DC/AC

- Biên tần năng lượng mặt trời...

2. Mạch ứng dụng tạo xung của IC TL494

2.1. Mạch tạo xung điều khiển PWM và xung push-pull

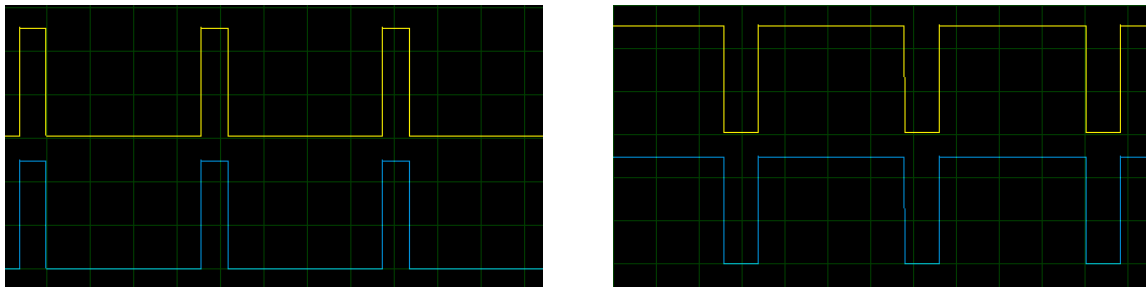
TL494 PULSE - WIDTH - MODULATION CONTROL CIRCUIT



Hình 3: Mạch tạo xung PWM và push-pull từ TL494

Việc điều khiển xung ngõ ra dạng single-ended hay push-pull được điều khiển bởi chân 13 OCTRL (Output Control)

Khi SW1 (chân 13) vị trí GND thì 2 ngõ ra của TL494 tạo xung PWM giống nhau (Single-ended), có thể thay đổi tần số từ biến trở VR1 và thay đổi độ rộng xung từ biến trở VR2.



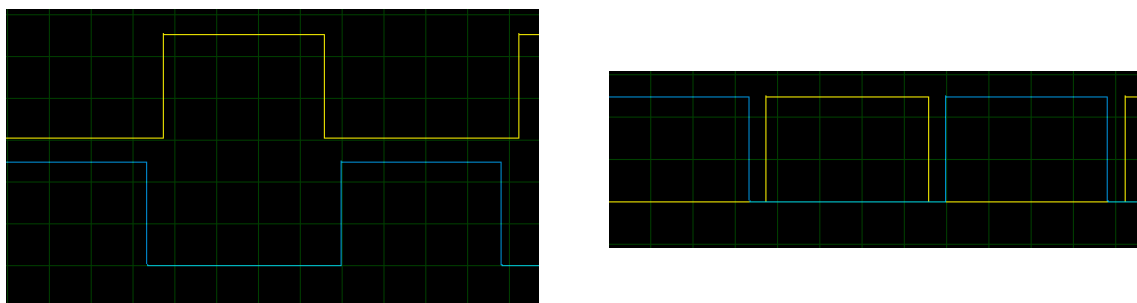
Hình 4: Dạng xung PWM

Tần số của xung ngõ ra PWM ở chế độ single-ended được xác định bởi biểu thức:

$$f_{osc} = \frac{1}{R_T \cdot C_T}$$

Khi SW1 (chân 13) ở vị trí REF (5V) thì 2 ngõ ra của TL494 tạo ra dạng xung push-pull đối nghịch nhau, có thể điều chỉnh tần số ở biến trở VR1 và điều chỉnh Dead-time ở biến trở VR2

TL494 kiểm soát tốt thời gian Dead-time, gọi là thời gian chết điều này rất quan trọng đối với điều khiển kiểu đối nghịch nhằm tránh hiện tượng trùng dẫn.



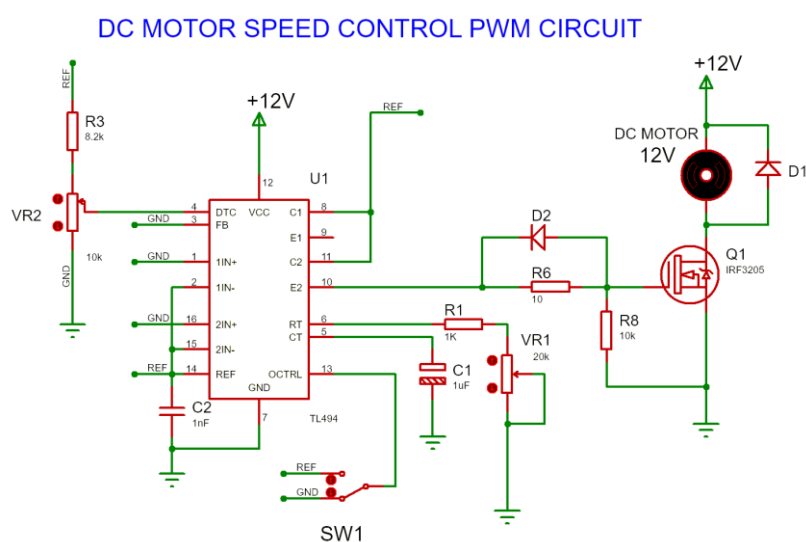
Hình 5: Dạng xung push-pull

Tần số của xung ngõ ra ở chế độ push-pull được xác định bởi biểu thức:

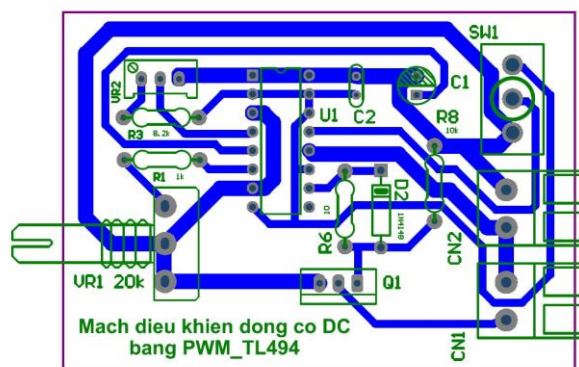
$$f_{osc} = \frac{1}{2R_T \cdot C_T}$$

Trong đó: R_T và C_T là điện trở và tụ điện gắn ở chân số 6 và chân số 5 của IC

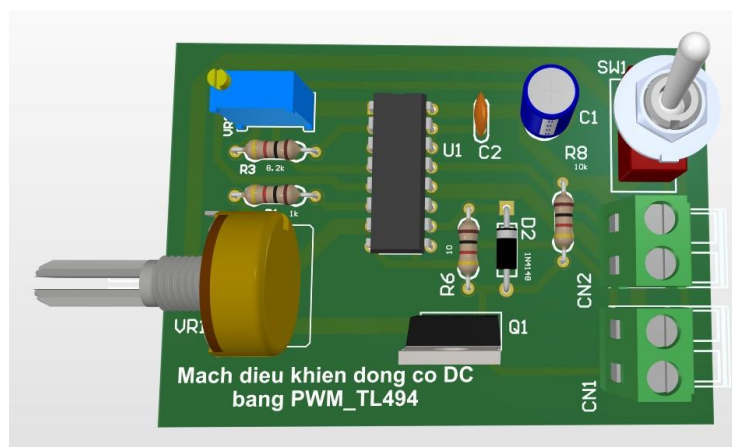
2.2. Mạch ứng dụng điều khiển tốc độ động cơ DC bằng xung PWM



a. Sơ đồ nguyên lý



b. Sơ đồ mạch in

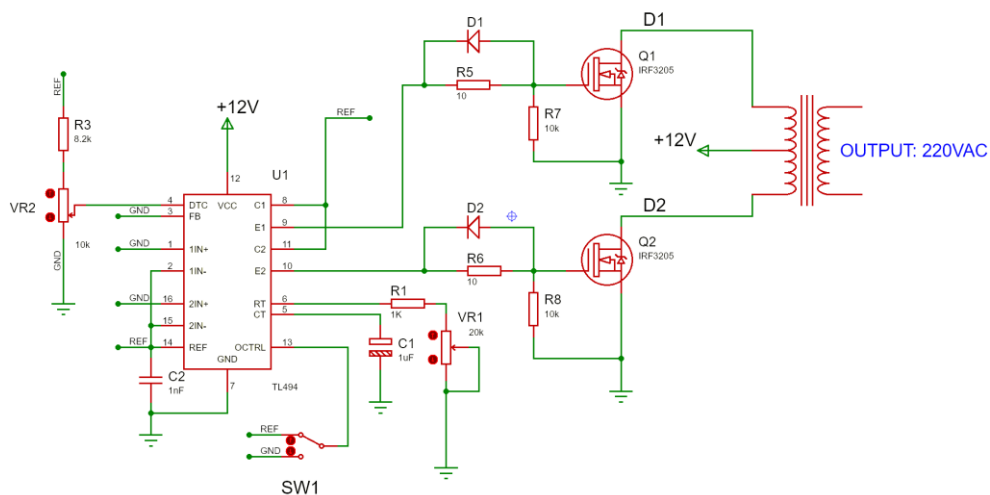


c. Sơ đồ hình 3D

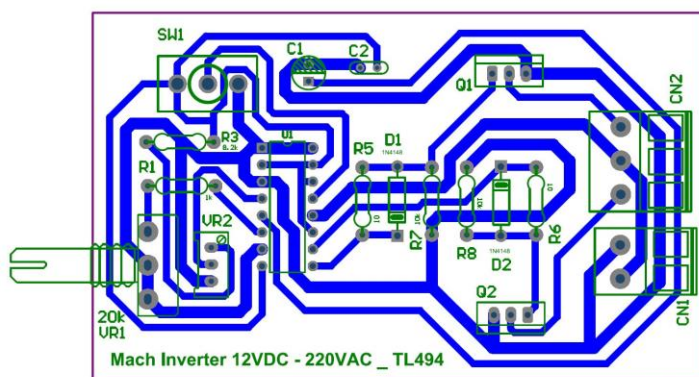
Hình 6: Mạch điều khiển động cơ DC bằng PWM

3. Mạch inverter 12VDC → 220VAC điều khiển bằng xung push-pull

12VDC TO 220VAC INVERTER CIRCUIT



a. Sơ đồ nguyên lý



b. Sơ đồ mạch in



c. Sơ đồ hình 3D

Hình 7: Mạch inverter 12VDC sang 220VAC bằng xung push-pull

4. Kết luận

TL494 là một vi mạch rất đa năng trong việc tạo xung PWM cũng như xung push-pull, 2 dạng xung này được ứng dụng rất phổ biến trong kỹ thuật điều khiển hiện nay, tạo ra ra vô số các ứng dụng thực tế. So với các loại vi mạch khác TL494 có nhiều ưu điểm và mạnh mẽ trong việc kiểm soát Dead-time của xung push-pull, chính vì vậy mà TL494 được sử dụng rất phổ biến hiện nay thay thế cho dòng vi mạch Timer 555 trong các ứng dụng đòi hỏi phức tạp và chính xác hơn.

Bài viết mang tính chất giới thiệu đến người đọc về vi mạch tạo xung PWM TL494, giúp cho người đọc có cái nhìn bao quát hơn về các vi mạch tạo xung điều khiển PWM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Texas Instruments. (2022) . TL494 Pulse-Width-Modulation Control Circuits. Datasheet.
- [2]. Время обновления: (2023-12-20). The Ultimate Guide to TL494 Current-Mode PWM Controller IC
- [3]. Swagatam (2020-01-10). TL494 datasheet, pinout, application circuits

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CẦU LÔNG GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM THEO MÔ HÌNH CÂU LẠC BỘ

Lương Anh Kiệt

Khoa GDTC-QP, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Nhà nước luôn thể hiện mức độ đặc biệt quan tâm đến phong trào thể dục thể thao (TDTT) quần chúng thông qua những hướng dẫn cụ thể từ “Luật TDTT”, “Quy định về đánh giá phong trào TDTT quần chúng”, “quy định về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở”. Phát triển phong trào TDTT tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần nâng cao về chất, thường xuyên và lâu dài. Sức khỏe thể chất, tinh thần, xã hội của sinh viên và giảng viên là một trong những yếu tố góp phần cho sự phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo của các cơ sở. Tại trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM, Cầu lông vừa là môn giáo dục thể chất (GDTC) được giảng dạy chính thức cho sinh viên, đồng thời cũng là môn được lựa chọn để tập luyện nhiều nhất của giảng viên, cán bộ, nhân viên, nhằm phục vụ cho việc rèn luyện, vui chơi giải trí nhằm tái tạo sức lao động, nâng cao thể chất và tinh thần. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ tốt cho học tập, lao động. Nghiên cứu thực trạng, phát triển phong trào cầu lông giảng viên, nhằm tìm ra giải pháp tối ưu để phát triển phong trào cầu lông giảng viên là cần thiết, đây cũng là căn cứ để xây dựng đề án thành lập các CLB thể thao khác tại trường.

Từ khóa: Thể dục Thể thao, Giáo dục Thể chất, Câu lạc bộ.

THE SOLUTIONS TO DEVELOP BADMINTON MOVEMENT OF HITC LECTURERS ACCORDING TO THE CLUB FORMALITY

Abstract

The state always pays special attention to the sports movement development. That is shown through documents such as: “The Law on Physical Training and Sports” [4], “Regulations on assessment of mass sports movements” [3], “regulations Sample of organization and activities of grassroots sports clubs” [5]. The physical, mental, and social health of students and lecturers is one of the factors contributing to the development of the school's education and training career. Badminton is an officially taught Physical Education subject, and is also one of the most chosen subjects for practice by lecturers, officials and staff, to serve for training and entertainment to regenerate labor and improve physical and mental health. Thereby, contributing to improving the quality of human resources, serving education and labor well. Researching the current situation and developing the lecturers's badminton movement at Ho Chi Minh City Industry and Trade College (HITC), in order to find the optimal solution to

develop the badminton teaching movement, which is also the basis for writing a proposal to establish other sports clubs at the school.

Keywords: Sports, Physical Education, Club

Đặt vấn đề

Phong trào cầu lông giảng viên (giảng viên, cán bộ, viên chức) tại trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM từng được đánh giá rất cao, trong hệ thống giáo dục đào tạo, các trường cao đẳng đại học, khi đã từng tham gia các Giải Cầu lông giảng viên khu vực và toàn quốc và đạt rất nhiều giải. Ngoài việc sở hữu những vận động viên mạnh, trình độ kỹ năng giảng viên GDTC chuyên Cầu lông cũng được đánh giá cao, là lực lượng nòng cốt để dẫn dắt và phát triển phong trào cầu lông giảng viên, cán bộ, nhân viên tại cơ sở.

Những năm gần đây, thành tích cầu lông giảng viên – cán bộ - nhân viên có chiều hướng giảm sút về cả qui mô lẫn chất lượng. Cụ thể là từ năm 2010 đến nay, số huy chương cầu lông giảng viên giải cấp khu vực, và các cấp chỉ đạt vốn vẹn 2 huy chương đồng đôi nam (2017, 2018).

Trong bối cảnh được sự đánh giá cao của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về chuyên môn của đội ngũ giảng viên Giáo dục thể chất chuyên cầu lông trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Tổng cục cũng đã đặt ra câu hỏi, vì sao với một đội ngũ giảng viên chuyên ngành chất lượng, sở hữu những vận động viên mạnh, hoạt động phong trào cầu lông giảng viên tại trường lại có chiều hướng giảm sút.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, đó là, hàng năm trường đều có tham gia ít nhất một giải cầu lông thuộc Công đoàn Khối Doanh nghiệp Thương mại trực thuộc trung ương (hoặc thêm nữa là giải cầu lông Liên đoàn Lao động, bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Bộ LĐ-TB & XH) tổ chức, và giải toàn quốc do Bộ LĐ-TB & XH tổ chức 3 năm một lần, đồng thời, nhằm phát triển phong trào cầu lông, gây dựng lực lượng trẻ để phong trào được duy trì và phát triển lâu dài.

Tham luận “**Giải pháp phát triển phong trào cầu lông giảng viên trường Cao đẳng Công thương TP.HCM theo mô hình câu lạc bộ**”, qua đó có thể tìm ra thực trạng và giải pháp nhằm xây dựng lại phong trào cầu lông giảng viên của trường trở lại lớn mạnh. Từ đó tạo hình mẫu, phát triển các câu lạc bộ giảng viên ở những môn khác, cũng như xây dựng và phát triển hệ thống câu lạc bộ thể thao cho sinh viên sắp tới.

1. Thực trạng cầu lông giảng viên trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM qua các giai đoạn

1.1. Tổng quan về môn cầu lông

Cầu lông hay vũ cầu là môn thể thao dùng vợt thi đấu giữa 2 vận động viên (đấu đơn) hoặc 2 cặp (đấu đôi) trên 2 nửa của sân cầu hình chữ nhật được chia ra bằng tấm lưới ở giữa. Người chơi ghi điểm bằng cách đưa quả cầu qua lưới bằng vợt và chạm đất ở trong phần sân của đối phương. Mỗi bên chỉ có 1 lần chạm cầu duy nhất để đưa cầu sang sân bên kia. Lượt cầu kết thúc

khi quả cầu chạm đất, hoặc có lỗi do trọng tài chính hoặc trọng tài biên bắt vào bất cứ thời điểm nào trong lượt cầu đang đánh.

Môn cầu lông chính là một trong những môn thể thao cực kỳ thu hút vì bộ môn này không kén đối tượng chơi. Bất kể giới tính là gì, độ tuổi bao nhiêu, ai có thể cầm nổi cây vợt đều có thể chơi được cầu lông (biên độ tuổi của người tham gia môn chơi rất dài). Những trận thi đấu cầu lông đầy kịch tính cho dù là phong trào hay chuyên nghiệp, trong nước hay trên thế giới cũng được rất nhiều người quan tâm theo dõi

Môn cầu lông là một môn thể thao được sự ưa thích của rất nhiều giảng viên tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM, ngoài việc tự mình tham gia tập luyện, rất nhiều giảng viên của trường còn cho con em của mình đi học tại các câu lạc bộ. Chứng tỏ sức hút mạnh mẽ và sự phát triển rộng khắp của môn cầu lông trong nhà trường.

Phong trào tập luyện và thi đấu cầu lông tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM được hình thành và phát triển rất sớm. Tuy nhiên, xét về thành tích thi môn chơi cầu lông tại trường trải qua 3 giai đoạn. Trước năm 2005, hình thành và phát triển; từ 2005 – 2010 giai đoạn có nhiều thành tích; từ 2010 đến nay, giai đoạn phát triển tự phát.

1.2. Những tiêu chí đánh giá phong trào TDTT

Để đánh giá phong trào thể dục, thể thao quần chúng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, áp dụng tiêu chí tỷ lệ số người tập trên tổng số nhân viên toàn trường. Tỷ lệ % = (Tổng số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên/ tổng số người lao động) x 100 (%). Người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên là người tập luyện mỗi tuần ít nhất 3 lần; mỗi lần tập luyện ít nhất 30 phút.

Bảng 1: Tỷ lệ tham gia tập luyện, thi đấu Cầu lông qua các giai đoạn hình thành và phát triển cầu lông giảng viên trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Thời gian	Giai đoạn	Tham gia	Tổng số nhân viên trung bình	Tỷ lệ (%)
Trước 2005	Giai đoạn hình thành và phát triển	20 người	150	13%
2005-2010	Giai đoạn gặt hái nhiều thành tích	35 người	200	17.5%
2010 đến nay	Giai đoạn phát triển tự phát	14 người	300	4,7%

So sánh từng giai đoạn thì số người tham gia tập luyện thường xuyên trong giai đoạn hiện nay chiếm tỷ lệ thấp nhất

Để làm rõ hơn những yếu tố cấu thành phong trào cầu lông tại trường, có thể tham khảo thêm một số tiêu chí: [3]

Bảng 2: Những tiêu chí đánh giá phong trào Cầu lông giảng viên tại trường

Tiêu chí đánh giá	Thời gian		
	Trước 2005	2005-2010	2010 đến nay
Số cộng tác viên TDTT, chuyên viên môn cầu lông	Chưa có	Có 2 Giảng viên chuyên ngành Cầu lông	Có 2 Giảng viên chuyên ngành Cầu lông
Tiêu chí số câu lạc bộ thể thao, CLB Cầu lông	Chưa có (hoạt động theo hội nhóm)	Chưa có (hoạt động theo đội tuyển, hội nhóm)	Chưa có (hoạt động theo hội nhóm tự phát)
Tiêu chí số công trình thể thao, sân cầu lông	Chưa có (tập luyện tại các sân ngoài trời, khuôn viên trường)	Chưa có (tập luyện tại các sân, nhà tập tư nhân)	Có 2 sân (nhà tập cầu lông của trường)
Tiêu chí số giải thể thao tham gia hàng năm	01-02 giải hội thao các trường ĐH, CĐ, TP.HCM,	01-03 giải các trường ĐH-CĐ T.PCM, Liên đoàn lao động, Giải Bộ Công Thương	01-02 giải Liên đoàn lao động, Giải Công đoàn khối bộ Công thương tại TP. HCM, hoặc giải Tổng cục GDNN

1.3. Thực trạng công tác phong trào cầu lông Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Giai đoạn hình thành và phát triển trước 2005

Giai đoạn này số người thường xuyên dùng môn cầu lông để rèn luyện, vui chơi, giải trí bắt đầu tăng và rất được sự quan tâm cũng như tham gia tập luyện của Ban giám hiệu.

Cũng có thể thấy, mặc dù tổ chức hội và thường xuyên tập luyện, thi đấu giao hữu với các trường bạn, tuy nhiên thành tích mang lại khi tham gia các giải đấu ít và không cao.

Giai đoạn gặt hái nhiều thành tích 2005-2010

Năm 2004, trường tuyển dụng 2 giảng viên Giáo dục Thể chất chuyên ngành cầu lông, có chuyên môn sâu và có thành tích tốt môn cầu lông. Đây chính là tiền đề để phát triển phong trào trong những năm tiếp theo.

Năm 2005, đội tuyển cầu lông giảng viên được thành lập và thường xuyên tập luyện, sinh hoạt hội nhóm, giao lưu với hội cầu lông giảng viên các trường như Đại học Ngân Hàng, Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật, Trung học Hàng Hải...

Đội tuyển cầu lông giảng viên thường xuyên tập luyện, kéo theo một lượng lớn giảng viên trẻ tham gia phong trào, điều này giải thích vì sao gian đoạn này, Cầu lông Cao đẳng Công Thương TP.HCM phát triển rộng rãi và đạt được nhiều thành tích.

Sở dĩ giai đoạn này không phát triển cầu lông theo mô hình câu lạc bộ vì trường chưa có nhà tập luyện và thi đấu cầu lông, phải hoạt động tại các cơ sở TDTT tư nhân với số lượng sân bãi hạn chế. Vì vậy, lập đội tuyển và sinh hoạt theo phương thức hội nhóm là phù hợp.

Giai đoạn 2005 đến 2010, số huy chương giảng viên đạt được tại các giải cầu lông giảng viên các trường trung cấp, cao đẳng, đại học đảm bảo cả về lượng lẫn chất.

Bảng 3: Bảng thành tích “giải cầu lông giảng viên Hội Thể Thao các trường ĐH, CĐ, trung học chuyên nghiệp, khu vực phía Nam”, giải thưởng niên, giai đoạn 2005-2009, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đăng cai.

Năm	Huy chương – nội dung			Tổng (Huy chương)
	Vàng	Bạc	Đồng	
2005	đơn nam, đôi nam, đồng đội (6 HC)	đôi nữ, đơn nam	Đôi nam nữ	11
2006	đơn nam, đôi nam, đồng đội (6 HC)	đôi nữ, đơn nam	đôi nam nữ, đơn nữ	12
2007	đơn nam, đôi nam, đồng đội (6 HC)	đôi nữ, đơn nam		10
2008	đơn nam, đôi nam, đồng đội (6 HC)	đôi nữ, đơn nam	đôi nam nữ	11
2009	đôi nam	đôi nữ, đơn nam, đồng đội (6 HC)	đơn nam	10

Theo bảng 1 có thể thấy, trong 5 năm từ 2005 đến hết năm 2009, trường Cao đẳng Công Thương đã liên tiếp đạt 4 lần huy chương vàng đồng đội, 1 bộ gồm 6 huy chương. Và một lần đạt huy chương bạc nội dung đồng đội.

Nội dung đôi nam 5 năm liên đạt huy chương vàng (Nguyễn Thanh Bình – Lương Anh Kiệt), cũng chứng tỏ đẳng cấp cao nhất của cầu lông giảng viên thuộc về nội dung đôi nam.

Cũng hai vận động viên nói trên, ở nội dung đơn nam, đạt 4 lần huy chương vàng và 5 huy chương bạc, trong vòng 2005-2009 cho thấy mức độ thi đấu, trình độ ổn định của nội dung này.

Có thể thấy, đội cầu lông trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM tham gia giải và đạt HCV gần hết các bộ huy chương ở các nội dung mà giải tổ chức.

Giai đoạn phát triển tự phát, 2010 cho đến nay

Từ cuối 2009, số người chơi giảm, có nhiều nguyên do. Trong đó nguyên do thuộc về lứa tuổi cũng có thể nói là nguyên nhân chính, số giảng viên là gạo cội của phong trào lần lượt về hưu, trong khi đó lực lượng mới thì chưa được hình thành.

Hơn nữa, do áp lực từ khối lượng công tác gia tăng trong giai đoạn nhà trường chuyển đổi từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ, đội tuyển cầu lông không còn được duy trì. Giai đoạn này, giảng viên tự mình sinh hoạt với các hội nhóm ngoài trường. Vì vậy, có thể xem đây là giai đoạn phát triển tự phát.

Mặc dù đã có nhà tập cầu lông của trường, tuy nhiên vẫn chưa có người đứng ra khởi xướng, tổ chức câu lạc bộ cầu lông giảng viên.

Vào tháng 05, năm 2023, nhằm tham gia phong trào TDDT, do Công đoàn Khối cơ sở Bộ Công Thương tại TP. HCM tổ chức, đội tuyển cầu lông giảng viên đã được tập hợp, bao gồm 6 nam, 2 nữ vận động viên, tham gia “Giải Cầu lông Hội Thao truyền thống 2023”. Đây cũng là cơ hội để đề tài tiến hành tổ chức thực nghiệm tập luyện đội tuyển, theo hình thức hội nhóm. Kết quả là sau 6 buổi tập luyện ghép cặp trong 3 tuần trước giải đấu (đội tuyển tham gia 4 cặp đấu, 2 đôi nam, và 2 đôi nam nữ) cặp đôi Nguyễn Thanh Bình và Lương Anh Kiệt, bất ngờ giành được huy chương Vàng nội dung đôi nam tại giải. Điều này chứng tỏ hiệu quả của quá trình cùng nhau tập trung tập luyện.

Tuy nhiên, trong quá trình tập luyện cũng phát sinh nhiều vấn đề như: không chủ động được sân bãi tại trường, liên hệ để thuê sân bên ngoài cũng gặp khó (vì có nhiều nhóm tập đặt sân cố định), không sắp xếp được giờ để tập trung đầy đủ các VĐV trong đội tuyển...

Tóm lại: Sau khi trình bày về thực trạng Cầu lông giảng viên trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, cũng có thể thấy rõ. Khi có đầy đủ các yếu tố: Có đội nhóm (đội tuyển), có người mạnh dẫn dắt, thường xuyên cùng nhau tập luyện, giao hữu, thi đấu, thì thành tích thi đấu các giải mới được nâng cao cả về chất lẫn về lượng, phong trào mới phát triển rộng rãi và lâu dài. Thành lập Câu lạc bộ cầu lông giảng viên, sẽ đáp ứng được những yêu cầu nêu trên.

2. Một số vấn đề về thành lập Câu lạc bộ

2.1. Chức năng và nhiệm vụ Câu lạc bộ thể dục thể thao

Căn cứ Điều 2 Thông tư 18/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở như sau:

- Vị trí:

+ Câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở là tổ chức tự nguyện, được thành lập tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang, trường học, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là cơ quan);

+ Câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở chịu sự quản lý nhà nước về thể dục, thể thao của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã);

+ Câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở được đề nghị làm con dấu để giao dịch và mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Chức năng:

Tuyên truyền, vận động những người có cùng sở thích để tự nguyện tổ chức, phổ biến, hướng dẫn hoạt động thể dục, thể thao nhằm thoả mãn nhu cầu rèn luyện thân thể, vui chơi giải

trí, nâng cao sức khỏe, cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần và nâng cao thành tích thể thao cho người tập.

- Nhiệm vụ của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở:
- + Vận động những người có cùng sở thích, tự nguyện tham gia hoạt động thể dục, thể thao;
- + Tổ chức thường xuyên tập luyện thể dục, thể thao nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc; tăng cường sự hợp tác, giao lưu, nâng cao sự hiểu biết về thể dục, thể thao cho người tập;
- + Tổ chức, tham gia các giải thể thao quần chúng, các hoạt động văn hoá, thể thao ở địa phương, đơn vị;
- + Tuyên truyền, giáo dục, vận động để hội viên chấp hành pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước;
- + Quản lý và phát triển hội viên;
- + Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- + Xây dựng quy chế hoạt động, trình cấp ra quyết định thành lập phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2.2. Nguồn thu của câu lạc bộ

Căn cứ Điều 5 Thông tư 18/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch quy định hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở:

- Câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở hoạt động theo hình thức tự quản, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Tài chính của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở gồm:
- + Thu từ đóng góp của hội viên, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân;
- + Chi cho các hoạt động của câu lạc bộ được các hội viên thống nhất và công khai.
- Hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở dựa trên chương trình, kế hoạch đã được xây dựng.

2.3. Tổ chức của câu lạc bộ

Tổ chức của câu lạc bộ thể dục thể thao bao gồm (Điều 4 Thông tư 18/2011/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch):

- Ban chủ nhiệm gồm: Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm do hội viên bầu hoặc chỉ định.
- Hội viên câu lạc bộ.
- Tên gọi của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở phải phù hợp với nội dung hoạt động và truyền thống của dân tộc.

3. Kết quả khảo sát

Để giải quyết nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát 61 giảng viên, cán bộ, nhân viên trường (20% toàn trường), để xác định về nhu cầu thành lập câu lạc bộ và một số vấn đề có liên quan, làm rõ quan điểm đối với những vấn đề được đề cập, cũng như thu thập những ý kiến riêng khác, nhằm bổ sung những ý còn thiếu của tham luận. Bảng 4, sẽ trình bày những vấn đề nổi bật đã được khảo sát.

Bảng 4: Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên về việc thành lập câu lạc bộ Cầu lông tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

TT	Câu hỏi	Lựa chọn (n=61), (%)		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
1	Giảng viên, Cán bộ, Nhân viên của trường có nhu cầu thường xuyên, liên tục tham gia các hoạt động TDTT ngoài giờ, giúp tái tạo sức lao động, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần.	53 (87%)	2 (3%)	6 (10%)
2	Thành lập CLB Cầu lông giảng viên, sẽ góp phần nâng cao thành tích, mở rộng, kích thích phong trào cầu lông HITC	51 (83%)	6 (10%)	13 (13%)
3	Khoa GDTC-QP cần kết hợp Công đoàn trường nhằm chủ trì, định hướng, quản lý các hoạt động của CLB TDTT Giảng viên nhằm nâng cao chất lượng phong trào.	23 (37%)	18 (30%)	20 (33%)
4	Cần tìm kiếm một khoản kinh phí chi cho CLB nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của CLB, từ nguồn hỗ trợ từ chính quyền, hay nguồn xã hội hóa TDTT.	46 (76%)	8 (13%)	7 (11%)
5	Đội ngũ Cán sự thể thao, HLV phụ trách huấn luyện tại câu lạc bộ cầu lông sẽ nâng cao chất lượng phong trào và thu hút thêm nữa các đối tượng tham gia hoạt động TDTT giảng viên.	47 (77%)	8 (13%)	6 (10%)
6	Thường xuyên tập huấn chuyên môn, tổ chức các hoạt động ý nghĩa, thiết thực kích thích phong trào cho các thành viên CLB.	44 (72%)	9 (15%)	8 (13%)
7	Thời gian sinh hoạt CLB phù hợp, cũng là một yếu tố thu hút lượng Giảng viên và nhân viên tham gia CLB.	43 (70%)	7 (12%)	11 (18%)

TT	Câu hỏi	Lựa chọn (n=61), (%)		
		Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
8	Các hoạt động TDDT luôn cần sự quản lý, tham vấn của khoa GDTC-QP để cải tiến, nâng cao hiệu xuất, chất lượng phong trào TDDT.	45 (73%)	7 (13%)	9 (15%)

Theo bảng 4 ta có thể thấy:

Nhiều giảng viên (87%) cho rằng có nhu cầu trường thường xuyên, liên tục tham gia các hoạt động TDDT ngoài giờ, giúp tái tạo sức lao động, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần. Việc Thành lập CLB Cầu lông giảng viên, sẽ góp phần nâng cao thành tích, mở rộng, kích thích phong trào cầu lông (83% ý kiến đồng ý).

Cần tìm kiếm một khoản kinh phí chi cho CLB nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của CLB, từ nguồn hỗ trợ từ chính quyền, hay nguồn xã hội hóa TDDT) (76%).

Các hoạt động TDDT luôn cần sự quản lý, tham vấn của khoa GDTC-QP để cải tiến, nâng cao hiệu xuất, chất lượng phong trào TDDT, có 73% ý kiến đồng ý. Cũng như có 77% ý kiến cho rằng, Cán sự thể thao, huấn luyện viên phụ trách huấn luyện tại câu lạc bộ cầu lông sẽ nâng cao chất lượng phong trào và thu hút các đối tượng tham gia hoạt động TDDT giảng viên.

Có nhiều ý kiến khác, cho rằng: 1. Công đoàn trường sẽ không là bộ phận chủ trì hoạt động câu lạc bộ mà thay vào đó có thể cấp một phần kinh phí như là hoạt động thường xuyên của công đoàn; 2. Giờ sinh hoạt phù hợp cho hội viên là giảng viên, cán bộ viên chức là khung giờ 11g30-13g00 và 16g30-18g00 hàng ngày, ngoại trừ thứ 7, chủ nhật; 3. Cần duy trì hoạt động CLB dài hạn để góp phần gây dựng lực lượng lớn mạnh và tạo điều kiện phát hiện nhiều nhân tố mới, trẻ.

Để củng cố những lập luận và kết quả điều tra nêu trên, tháng 6 năm 2023, khoa GDTC-QP tiếp tục khảo sát lấy ý kiến giảng viên để xác định nhu cầu gia nhập câu lạc bộ TDDT của giảng viên – cán bộ - nhân viên (tham gia ít nhất 30 phút/buổi, 3 buổi/tuần), nhằm xây dựng, đề xuất đề án thành lập CLB TDDT trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM, giáo viên, cán bộ và giảng viên có thể chọn tham gia cùng lúc nhiều CLB môn khác nhau.

Bảng 5: Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên về nhu cầu gia nhập CLB TDDT môn cụ thể (n=100), mỗi người có thể chọn tham gia cùng lúc nhiều CLB ở nhiều môn khác nhau.

TT	Nhu cầu gia nhập các câu lạc bộ thể thao của Giảng viên Cán bộ Nhân viên trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM	Đồng ý tham gia (ít nhất 30 phút/buổi, 3 buổi/tuần)	
		(n=100)	(%)
1	CLB Cầu lông	58	58 %

2	CLB Bóng đá	43	43 %
3	CLB Bóng bàn	34	34 %
5	CLB Aerobic	30	30 %
4	CLB Bóng chuyền	27	27 %
6	CLB Taekwondo, Judo, Vovinam, Karatedo	8, 17, 7, 8	8%, %17%, 7%, 8 %

Từ bảng 5 ta có kết luận:

Nhu cầu gia nhập các câu lạc bộ TDTT của Giảng viên Cán bộ Nhân viên trường, cao nhất là CLB Cầu lông 58% (n=100), tiếp theo là môn Bóng đá (43%), và cuối cùng là CLB các môn Võ và Vật (Taekwondo (8%), Judo (17%), Vovinam (7%), Karatedo (8%)).

Tuy nhiên, có thể kết hợp nhu cầu các môn võ với nhau để hình thành CLB Võ-Vật, nâng cao hiệu quả phong trào của các môn Võ, Vật, góp phần đa dạng hóa các hoạt động CLB.

4. Đề xuất nhằm nâng cao chất lượng phong trào Cầu lông giảng viên

4.1. Đối với việc thành lập câu lạc bộ cầu lông giảng viên

- Cần phát triển đề tài thành một đề án, nhằm giúp ban giám hiệu có cái nhìn tổng quan về việc xây dựng và phát triển “Câu lạc bộ Cầu lông trường CĐ Công Thương TP.HCM”.

- Câu lạc bộ cầu lông giảng viên cần được sự phê duyệt của ban giám hiệu trong thành lập và hoạt động, khoa GDTC-QP đơn vị quản lý, sự hỗ trợ của Công đoàn trường là bước khởi đầu mạnh mẽ để phong trào thành lập và phát triển.

- Cần cung cấp đủ điều kiện để như nhà tập, sân bãi, dụng cụ để tạo môi trường thuận lợi cho cầu lông giảng viên trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM được hoạt động thường xuyên, liên tục, nâng dần chất lượng.

- Cần tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ, giảng viên chuyên Cầu lông trong tập huấn cho hội viên, tăng chất lượng chuyên môn, cũng như trong các hoạt động khác, nhằm phát triển CLB.

4.2. Mở rộng qui mô phát triển câu lạc bộ

- Sau khi CLB đã hoạt động ổn định, có thể mở rộng mô hình CLB giảng viên sang các môn khác như Bóng đá, Bóng chuyền, Võ vật, Bóng rổ. Qua đó, có thể dựa trên mô hình để thành lập CLB Sinh viên.

- Cần khảo sát và xây dựng đề án phát triển CLB TDTT cho các môn đủ điều kiện khác để có cái nhìn toàn cảnh về sự hình thành và phát triển các câu lạc bộ giảng viên và sinh viên nói chung.

Kết luận

Việc thành lập câu lạc bộ cầu lông giảng viên trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM không những giúp tái lập phong trào cầu lông, cải thiện thành tích chuyên môn, nâng tầm chất

lượng đời sống văn hóa, tinh thần cho giảng viên, mà còn tạo được môi trường để giảng viên GDTC phát triển chuyên môn và nghiệp vụ TDTT, góp phần vào mục tiêu chung theo “Chiến lược phát triển TDTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” của TDTT quần chúng trong cơ sở GDNN.

Khảo sát, lấy ý kiến giảng viên về việc thành lập câu lạc bộ cũng khẳng định được sự đồng thuận của giảng viên trong việc tạo môi trường thường xuyên, liên tục cho các hoạt động ngoài giờ làm việc, giúp tái tạo sức lao động, nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần. Cũng như tạo được tiền đề xây dựng định hướng được để xây dựng đề án phát triển các câu lạc bộ TDTT tiếp theo trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bành Mỹ Lệ - Hậu Chính Khánh, 2000, *Cầu lông*, NXB TDTT, Hà Nội
- [2]. Nguyễn Toán, 1993, *Lý Luận Và Phương Pháp Thể Dục Thể Thao*, NXB Thể Dục Thể Thao, Hà Nội
- [3]. Bộ Văn hóa Thể thao và Du Lịch, Thông tư 01/2019/TT-BVHTTDL, *Quy định về đánh giá phong trào TDTT quần chúng*, Hà Nội, 2019.
- [4]. Quốc hội, Luật số: 77/2006/QH11, *Luật Thể dục Thể thao* (ban hành 2006, điều chỉnh 2018), Hà Nội, 2018.
- [5]. Bộ Văn hóa Thể thao và Du Lịch, Thông tư Số: 18/2011/TT-BVHTTDL, quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở, Hà Nội, 2011.
- [6]. www.hitu.edu.vn, trang web giới thiệu trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM.

SẤY THĂNG HOA CÔNG NGHỆ SẤY HIỆN ĐẠI

Nguyễn Thị Thảo Loan

Khoa Công nghệ Hóa học và thực phẩm, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Tóm tắt

Sấy thăng hoa (hay còn gọi là sấy đông khô) là một kỹ thuật sấy hiện đại và phổ biến trong công nghiệp thực phẩm. Kỹ thuật này có thể giữ được chất lượng của nông sản như màu, mùi, vị và các chất sinh học có giá trị. Sấy thăng hoa được áp dụng cho nhiều loại nông sản khác nhau, từ rau, củ, quả đến thịt và hải sản. So với các kỹ thuật sấy khác như sấy nhiệt nóng, sấy nhiệt lạnh, sấy năng lượng tự nhiên hay sấy phun, sấy thăng hoa có ưu điểm là hiệu quả kinh tế cao, dễ dàng vận hành và tiết kiệm thời gian.

Từ khóa: sấy thăng hoa, thực phẩm, công nghệ sấy

SUBLIMATION DRYING MODERN DRYING TECHNOLOGY

Abstract

Freeze-drying (or lyophilization) is a modern and popular drying technique in the food industry. This technique can preserve the quality of agricultural products such as color, aroma, taste and valuable bioactive compounds. Freeze-drying is applied for various types of agricultural products, from vegetables, tubers, fruits to meat and seafood. Compared to other drying techniques such as hot air drying, cold air drying, natural energy drying or spray drying, freeze-drying has the advantages of high economic efficiency, easy operation and time saving.

Keywords: sublimation drying, food, drying technology

Đặt vấn đề

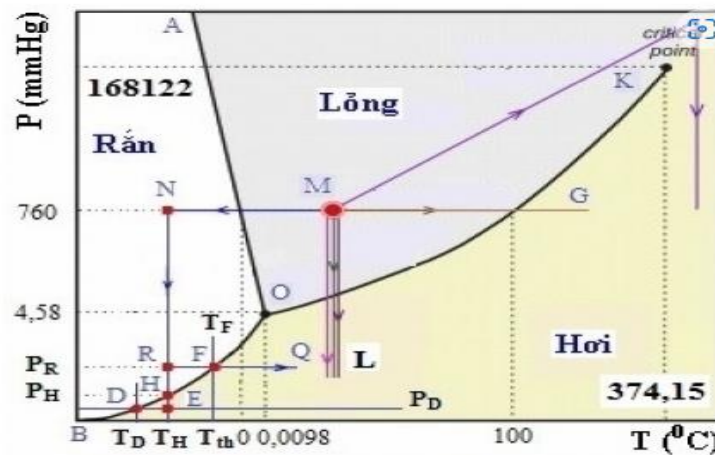
Việt Nam có lịch sử sản xuất nông nghiệp lâu đời và quan trọng trong nền kinh tế quốc gia. Tuy nhiên, hiệu quả của ngành nông nghiệp vẫn còn nhiều hạn chế đặc biệt là lĩnh vực khoa học trong các công đoạn thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản. Điều này làm giảm đi giá trị của các sản phẩm nông nghiệp khi bán ra thị trường. Một trong những biện pháp để khắc phục tình trạng này là sử dụng phương pháp sấy để xử lý nông sản. Sấy có thể giúp kéo dài thời gian bảo quản, tiết kiệm chi phí vận chuyển, nâng cao chất lượng cũng như giá cả của sản phẩm. Sấy thăng hoa (sấy đông khô) là một trong những phương pháp sấy hiện đại, được ứng dụng rộng rãi trong chế biến và bảo quản nông sản nhằm giúp sản phẩm giữ được màu sắc, mùi, vị cũng như là các hoạt chất sinh học quý có trong sản phẩm. Sấy thăng hoa được ứng dụng nhiều trong chế biến và bảo quản các nông sản như: rau, củ, quả, các sản phẩm thịt và thủy hải sản.

1. Định nghĩa sấy thăng hoa

Sấy thăng hoa (Freeze drying) là quá trình làm khô sản phẩm đã được cấp đông trong điều kiện chân không. Ở điều kiện này, khi gia nhiệt thì nước sẽ thăng hoa chuyển trực tiếp từ dạng rắn sang dạng khí. Điều này giúp cho sản phẩm sau khi tách ẩm vẫn giữ nguyên hình dạng, màu sắc, dinh dưỡng.

2. Cơ sở khoa học quá trình sấy thăng hoa

Phân tích quá trình chuyển pha của nước giữa lỏng – rắn – hơi được mô tả ở Hình 2.1



Hình 2.1: Biểu đồ biến đổi pha của nước
(Nguồn: Nguyễn Tấn Dũng, 2016)

Ở điều kiện áp suất $P_M = \text{const}$, khi cấp nhiệt vào làm nhiệt độ của nước tăng từ T_M đến T_G , thì trạng thái của nước diễn ra theo $M - G$, tại M nước ở trạng thái lỏng, tại G nước ở trạng thái hơi. Hiện tượng này thường xảy ra trong các quá trình sấy vật liệu ẩm.

Trường hợp nếu làm giảm áp suất $P_M < 760 \text{ mmHg}$, quá trình diễn ra theo đường $M - L$. Hiện tượng này thường xuất hiện trong quá trình sấy chân không.

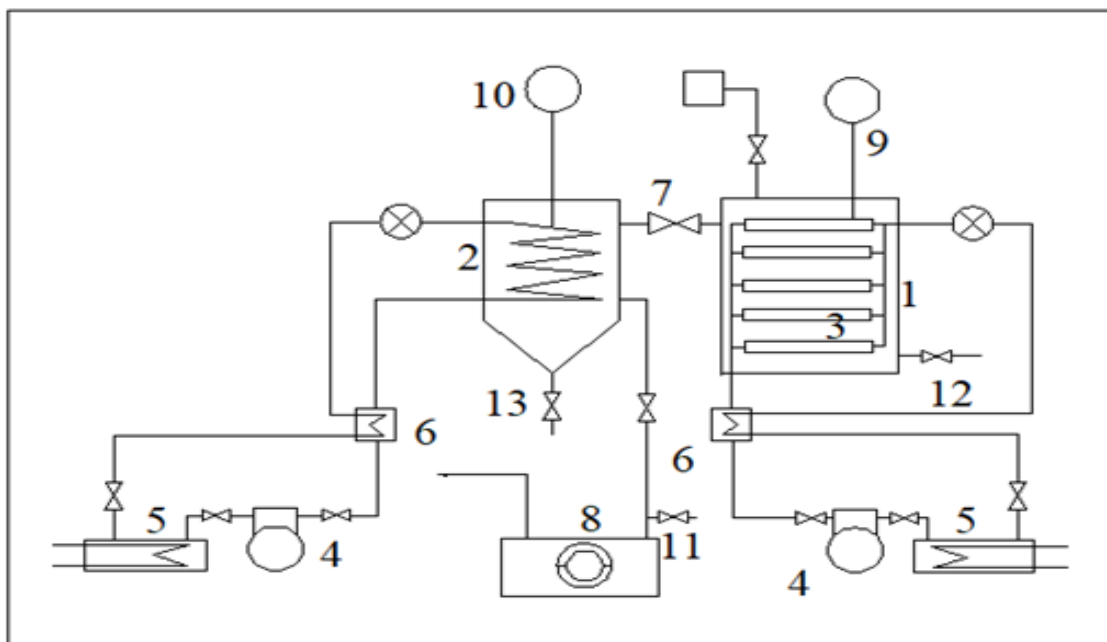
Ở điều kiện áp suất $P_M = \text{const}$, khi lấy nhiệt ra làm giảm nhiệt độ của nước từ T_M xuống $T_N = T_R = T_H$ thì trạng thái pha của nước diễn ra theo $M - N$, tại M nước ở trạng thái lỏng, tại N nước ở trạng thái rắn hay nước đá. Hiện tượng này thường xảy ra trong quá trình làm lạnh đông.

Ở điều kiện áp suất $P_R = \text{const} < P_0 = 4,58 \text{ mmHg}$, tại R nước ở trạng thái rắn và có nhiệt độ là $T_H = T_R$. Ứng với mỗi giá trị nhiệt độ nước đá là T_H , sẽ có một giá trị áp suất thăng hoa tương ứng là P_H (điểm H) và ngược lại. Vì vậy, nếu đặt nước đá trong môi trường có áp suất là P_R , với $P_H < P_R < 4,58 \text{ mmHg}$, tương ứng sẽ có nhiệt độ thăng hoa của nước đá là $T_{th} = T_F > T_H$. Khi đó nước đá chưa thể thăng hoa ngay (điểm R) mà nó phải thực hiện một giai đoạn truyền nhiệt (đoạn RF), để nâng nhiệt độ $T_R = T_H$ lên đến T_F (tương ứng với $P_R = P_F$), lúc đó nước đá mới bắt đầu thăng hoa. Diễn biến của quá trình đi theo đường $R - Q$ và cần một lượng nhiệt

cấp vào $Q = G_{nd}C_{nd}(T_F - T_H)$, trong đó G_{nd} , C_{nd} là khối lượng và nhiệt dung riêng của nước đá, do đó tiêu tốn năng lượng và thời gian để nâng nhiệt trước khi thăng hoa. Nếu đặt nước đá trong môi trường có áp suất là P_D , với $P_D \leq P_H < 4,58 \text{ mmHg}$, tương ứng sẽ có nhiệt độ thăng hoa của nước đá là $T_D \leq T_H$, khi đó nước đá sẽ thăng hoa ngay tại điểm H (điểm thăng hoa thực tế là E) và động lực của quá trình thăng hoa chính là $\Delta T = T_H - T_D$ vì thế mà rút ngắn thời gian thăng hoa và nếu có nhiệt cấp vào nó sẽ làm tăng động lực thăng hoa nước đá. Các hiện tượng này thường xảy ra trong quá trình sấy thăng hoa.

3. Cấu tạo thiết bị sấy thăng hoa [3]

Sơ đồ hệ thống sấy thăng hoa sử dụng trong công nghiệp thực phẩm được mô tả ở Hình 2.2. Ở đây, vật liệu sấy được làm lạnh đến nhiệt độ thích hợp trong các kho lạnh sâu, thường là từ $(-10 \div -15^{\circ}\text{C})$ được đưa vào bình thăng hoa (1). Bình thăng hoa một mặt được nối với bơm chân không (10) qua bình ngưng – đóng băng (5). Bình ngưng – đóng băng (5) được làm lạnh bởi một máy lạnh amoniac gồm máy nén (9), giàn ngưng (7), bình tách lỏng (6) và bình chứa amoniac (8). Nhờ bình ngưng – đóng băng (5) mà ẩm thoát ra từ vật liệu sấy được tách ra dưới dạng băng để máy hút chân không (10) làm việc với không khí khô. Điều đó không những tạo ra cho bơm chân không làm việc nhẹ nhàng mà theo tính toán trong thực tế thì chi phí điện năng cho cả hệ thống sẽ giảm. Mặt khác, bình thăng hoa (1) được nối với hệ thống cung cấp nước nóng từ bình chứa (4) làm nguồn gia nhiệt cho vật liệu sấy. Như vậy, thiết bị chính của một hệ thống sấy thăng hoa gồm bình thăng hoa (1), bình ngưng – đóng băng (5), bơm chân không (10) và máy lạnh với các thiết bị: bình tách lỏng (6), giàn ngưng (7), bình chứa tác nhân lạnh (8) và máy nén (9).

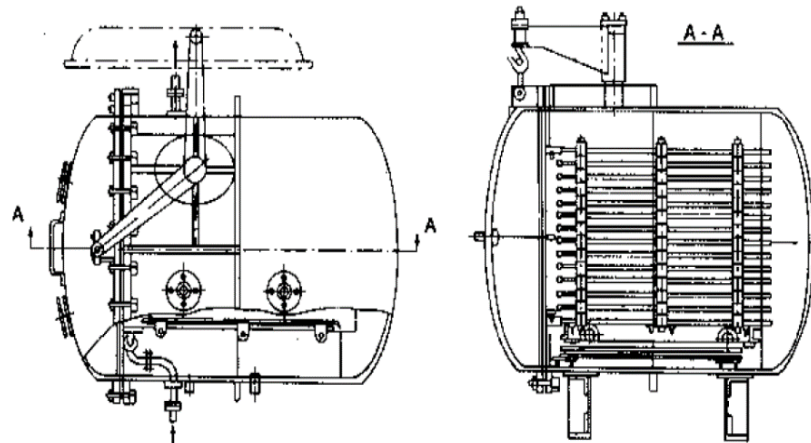


Hình 3.1: Sơ đồ hệ thống sấy thăng hoa

- | | | | |
|-----------------------|------------------------|----------------------|------------|
| 1. Buồng thăng
hoa | 2. Buồng ngưng tụ | 3. Khay sấy | 4. Máy nén |
| 5. Giàn nóng | 6. Thiết bị ngưng tụ | 7. Đường nối 2 buồng | 8. Bể chứa |
| 9. Nhiệt kế | 10. Máy hút chân không | 11,12,13. Van | |

(Nguồn: Trần Văn Phú, 2008)

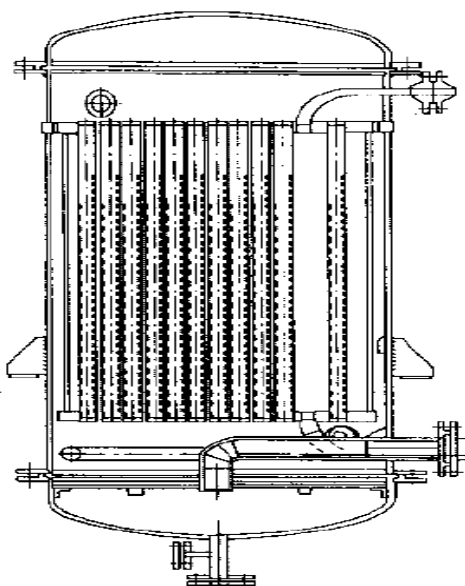
Bình thăng hoa: bình là một hình trụ nằm ngang. Một đáy được hàn liền với hình trụ còn đáy kia là một chỏm cầu được găng với thân hình trụ bằng bulông để đưa vật liệu sấy vào, ra. Đỉnh bình thăng hoa có một mặt bích để nối với bơm chân không qua bình ngưng - đóng băng. Phía trong bình thăng hoa bố trí các hộp kim loại xen kẽ nhau, trên đó các là các khay chứa vật liệu sấy, trong các hộp là nước nóng chuyển động. Do nhiệt độ trong bình thăng hoa rất thấp và có mật độ chân không rất lớn nên truyền nhiệt giữa các thành hộp chứa nước nóng với vật liệu sấy chủ yếu xảy ra nhờ bức xạ nhiệt (Trần Văn Phú, 2008).



Hình 1: Cấu tạo bình thăng hoa

(Nguồn: Trần Văn Phú, 2008)

Bình ngưng - đóng băng (Hình 3.2) là một thiết bị trao đổi nhiệt dạng ống. Nó là một hình trụ đứng, trong đó bố trí các ống có đường kính 51/57 mm được gắn kết với nhau và với hình trụ nhờ hai mặt sàng. Hỗn hợp hơi nước và không khí được bơm chân không hút từ bình thăng hoa qua một lưới phân phối phía dưới đi vào trong các ống. Amoniac dựa vào trên mặt sàng và chứa đầy không gian giữa các ống. Ở đây, hỗn hợp hơi nước ngưng tụ lại bám vào thành trong của ống, còn không khí khô qua bơm chân không (10) để thải ra môi trường. Ngược lại, amoniac lỏng nhận nhiệt của hỗn hợp hơi nước - không khí để bay hơi và qua bình tách lỏng (6) về máy nén (9) của máy lạnh (Trần Văn Phú, 2008).



Hình 3.2: Cấu tạo bình ngưng - đóng băng
(Nguồn: Trần Văn Phú, 2008)

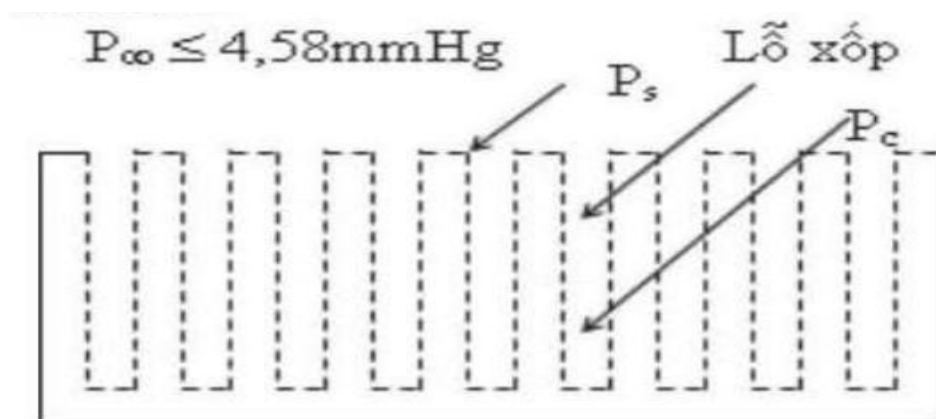
4 Cơ chế thăng hoa của nước kết tinh trong vật liệu ẩm

4.1 Nước đá thăng hoa

Đối với nước đá quá trình thăng hoa rất đơn giản: đặt nước đá trong môi trường có áp suất nhỏ hơn 4,58 mmHg thì nó lập tức thực hiện quá trình thăng hoa. Ban đầu các lớp nước ở bề mặt nước đá thăng hoa trước vì áp suất riêng phần trên bề mặt nước đá cân bằng áp suất môi trường xung quanh, còn áp suất các lớp bên trong lớn hơn. Khi lớp bề mặt thăng hoa hết thì lúc này các lớp nước kế tiếp đóng vai trò làm các lớp bề mặt, áp suất riêng phần của các lớp này giảm so với ban đầu và cân bằng với môi trường xung quanh, lúc đó các lớp nước đá này thực hiện quá trình thăng hoa, quá trình tiếp tục như thế cho đến khi nước đá thăng hoa hết.

4.2 Nước kết tinh trong vật liệu ẩm thăng hoa

Giả sử vật liệu ẩm lạnh đông để nước kết tinh được mô tả bằng mô hình vật thể như Hình 4.1



Hình 4.1: Mô hình vật liệu ẩm đóng băng
(Nguồn: Nguyễn Tấn Dũng, 2016)

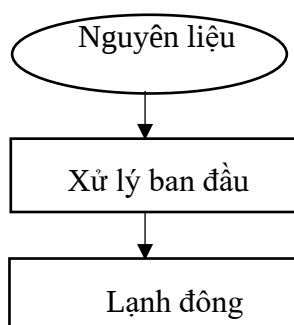
Cấu trúc khô của vật liệu ẩm bao gồm các lỗ xốp như Hình 2.5, khi nước liên kết với vật liệu ẩm sẽ lấp đầy các lỗ xốp mao dẫn này. Vì vậy, khi chúng kết tinh các lỗ xốp này đầy nước đá, nhưng nước ở đây không phải là nước nguyên chất mà nước chứa nhiều chất tan, ở dưới dạng dung dịch nên điểm kết tinh của chúng không phải 0°C mà dưới 0°C . Thông thường điểm kết tinh của nước trong vật liệu ẩm nằm trong khoảng $(-2,5 \div -0,5^{\circ}\text{C})$. Khi đặt vật liệu ẩm này trong môi trường có áp suất dưới 4,58 mmHg, áp suất riêng của nước đá tại lớp bề mặt vật liệu ẩm là $P_s = P_{\infty} \leq 4,58 \text{ mmHg}$ nên nước kết tinh tại các lớp bề mặt thẳng hoa trước, còn áp suất riêng phần của nước kết tinh tại các lớp bên trong $P_c > 4,58 \text{ mmHg} > P_{\infty}$ và chúng chưa thẳng hoa. Vì thế, trong quá trình thẳng hoa nếu điều khiển quá trình không khéo, nhiệt độ môi trường lớn dẫn đến nhiệt độ vật liệu vượt qua điểm kết tinh sẽ dẫn đến hiện tượng tan chảy nước kết tinh ở các lớp bên trong, chuyển pha rắn thành pha lỏng. Kết quả, nó phá vỡ quá trình thẳng hoa và tiến hành quá trình bốc hơi (thường gọi là sấy chân không nhiệt độ thấp).

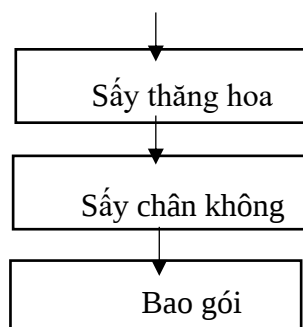
Như vậy, có thể thấy rằng, để quá trình thẳng hoa được thực hiện tốt thì cần phải tính toán chọn áp suất môi trường thẳng hoa phù hợp với nhiệt độ thẳng hoa của vật liệu ẩm, đồng thời phải chọn nhiệt độ môi trường thích hợp để quá trình tan chảy nước kết tinh không xảy ra.

5. Quá trình tách ẩm bằng phương pháp sấy thẳng hoa

5.1 Quy trình sấy thẳng hoa

Khác với phương pháp sấy thông thường, sấy thẳng hoa (Hình 2.1) diễn ra theo M – N – R – Q là một trong những phương pháp được tiến hành trên hệ thống thiết bị khá phức tạp, gồm hai giai đoạn chính theo sơ đồ quy trình công nghệ mô tả ở Hình 5.1.





Hình 5.1: Quy trình sấy thăng hoa

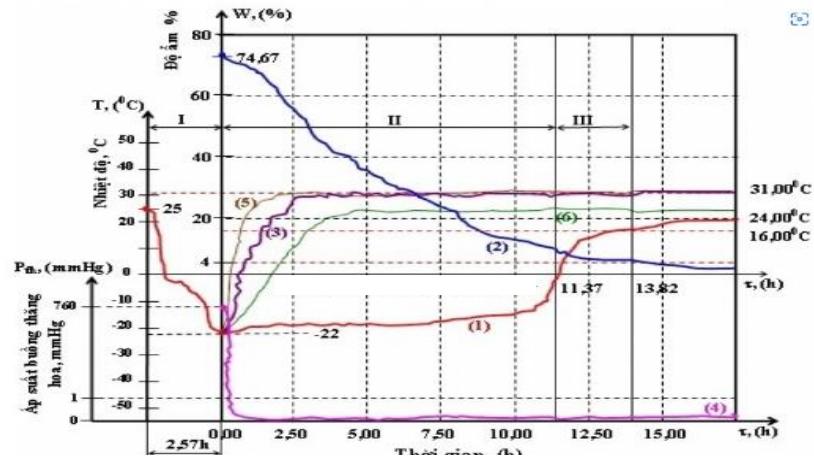
5.2 Đồ thị động học của quá trình sấy thăng hoa

Để hiểu rõ các quá trình tĩnh, động học của từng giai đoạn trong sấy thăng hoa, xem xét Hình 5.2 đồ thị làm việc của buồng sấy thăng hoa sử dụng nguồn nhiệt bức xạ từ các tấm kim loại. Đồ thị này được khảo sát và xây dựng một cách khái quát chung trên cơ sở đo lường thực nghiệm của quá trình sấy thăng hoa thực phẩm.

5.2.1. Giai đoạn làm lạnh đông

Là giai đoạn lạnh đông vật liệu sấy. Nguyên liệu sau khi chuẩn bị xong được tiến hành lạnh đông để ẩm trong vật liệu sấy kết tinh. Kết thúc giai đoạn này khi nhiệt độ vật liệu sấy đạt tới nhiệt độ lạnh đông thích hợp để ẩm trong vật liệu sấy kết tinh hoàn toàn trước sấy thăng hoa

Trong giai đoạn này, sản phẩm được làm lạnh đông từ nhiệt độ của sản phẩm từ (20-25°C) xuống đến nhiệt độ từ (-35 ÷ -30°C), ở nhiệt độ này nước trong thực phẩm đóng băng gần như hoàn toàn. Cần chú ý, ứng mỗi loại thực phẩm khác nhau sẽ có nhiệt độ lạnh đông khác nhau, nhưng phải đảm bảo cho sự kết tinh của nước bên trong sản phẩm phải đạt 100%, có những loại sản phẩm nhiệt độ cuối cùng của giai đoạn lạnh đông chỉ ở khoảng từ (-22 ÷ -20°C) thì nước đã kết tinh hoàn toàn rồi. Hình 2.7 cho thấy rõ, đường (3) là nhiệt độ của thực phẩm sấy, đồng thời trong giai đoạn này áp suất trong buồng sấy thăng hoa (đường (6)) cũng như buồng lạnh đông sản phẩm hầu như không thay đổi, bằng áp suất khí quyển, thực tế nó có xê dịch một chút, xem như không đáng kể, bởi vì quá trình làm lạnh nhiệt độ không khí giảm dẫn đến áp suất giảm (thể tích buồng sấy thăng hoa không thay đổi và kín), ở giai đoạn này lượng ẩm thoát ra rất ít, chủ yếu là sự bay hơi và thăng hoa nước trên bề mặt thực phẩm. Sự thoát ẩm là do sự chênh lệch áp suất riêng phần của hơi nước trong môi trường sấy thăng hoa và lớp không khí sát bề mặt thực phẩm. Ngoài ra, sự chênh lệch nhiệt độ thực phẩm lạnh đông với nhiệt độ môi trường lạnh đông cũng là nguyên nhân làm bay hơi ẩm để có xu hướng đạt trạng thái cân bằng nhiệt.



Hình 5.2: Đồ thị làm việc của buồng sấy thăng hoa
(Nguồn: Nguyễn Tấn Dũng, 2008)

5.2.2. Giai đoạn thăng hoa

Giai đoạn thăng hoa được tiến hành trong môi trường có nhiệt độ và áp suất thấp, dưới điểm ba thể O ($0,0098^{\circ}\text{C}$; $4,58 \text{ mmHg}$) đối với nước đá, còn dưới điểm $4,58 \text{ mmHg}$ đối với ẩm kết tinh trong vật liệu sấy. Để sản phẩm sau khi sấy có chất lượng tốt thì kết thúc giai đoạn này ẩm kết tinh đã thăng hoa hết, độ ẩm sản phẩm đạt yêu cầu và nhiệt độ sản phẩm vượt qua nhiệt độ kết tinh của ẩm trong sản phẩm (T_{kt}), khi đó ẩm còn lại trong sản phẩm rất ít, chủ yếu là ẩm liên kết và chỉ tồn tại ở pha lỏng.

Trong giai đoạn này, bơm hút chân không bắt đầu làm việc, áp suất buồng sấy hạ rất nhanh tạo môi trường sấy là môi trường chân không, áp suất biến thiên hầu như không đổi $P_m = 0,001 \div 1 \text{ mmHg}$, xem đường (6). Do sự chênh lệch áp suất riêng phần hơi nước ở sản phẩm P_n , và áp suất hơi nước trong môi trường sấy P_{nm} quá lớn, đồng thời dòng nhiệt bức xạ từ các tấm kim loại phát ra để đốt nóng làm cho sự chênh lệch nhiệt độ giữa môi trường sấy và sản phẩm khá lớn. Kết quả giai đoạn này, nước trong sản phẩm lạnh động bắt đầu thăng hoa mãnh liệt, độ ẩm giảm rất nhanh và gần như tuyến tính (xem đường (5)). Vì thế, giai đoạn sấy thăng hoa có thể xem là giai đoạn sấy đẳng tốc, phần lượng nhiệt bức xạ mà sản phẩm sấy nhận được trong giai đoạn này dùng để biến thành nhiệt ẩn thăng hoa; do đó, nhiệt độ sản phẩm sấy hầu như không thay đổi, xem đường (3). Thực tế thì nhiệt độ thì nhiệt độ sản phẩm sấy có tăng dần từ $-30 \div 25^{\circ}\text{C}$ đến $0,0098^{\circ}\text{C}$ (chính xác là T_k nhiệt độ kết tinh của ẩm trong sản phẩm), tại đây kết thúc giai đoạn thăng hoa.

Trong giai đoạn thăng hoa nhiệt độ ở lõi ra buồng thăng hoa hầu như không thay đổi, xem đường (4) hình 5.2, dẫn đến nhiệt độ ở thiết bị ngưng tụ – đóng băng cũng hầu như không thay đổi trong suốt quá trình thăng hoa.

Nhiệt độ tấm gia nhiệt và nhiệt độ môi trường giữa các tấm gia nhiệt hầu như không thay đổi trong suốt quá trình thăng hoa và sấy nhiệt, xem đường (1) và (2) hình 2.7. Trong công nghệ sấy thăng hoa này nhiệt độ tấm gia nhiệt phải duy trì trong khoảng từ $(0 \div 45^{\circ}\text{C})$, tương ứng nhiệt độ môi trường sấy dao động từ $(0 \pm 40^{\circ}\text{C})$ tùy thuộc vào yêu cầu công nghệ.

Để sản phẩm đạt chất lượng tốt thì kết thúc giai đoạn này độ ẩm sản phẩm đạt độ ẩm yêu cầu. Như vậy, quá trình sấy thăng hoa sẽ không có giai đoạn 3.

Cuối quá trình thăng hoa, nhiệt độ thực phẩm sấy đạt với T_a ($^{\circ}\text{C}$), áp suất môi trường sấy chân không không thay đổi, dao động trong khoảng từ $(0,001 \div 1)$ mmHg, nhưng áp suất riêng phần của ẩm còn lại trong sản phẩm lớn hơn 4,58 mmHg (áp suất của điểm ba). Vì vậy, ẩm trong sản phẩm trở về trạng thái lỏng.

Do áp suất môi trường sấy là áp suất chân không $(0,001 \div 1)$ mmHg và nó được duy trì bởi bơm chân không và sản phẩm sấy vẫn tiếp tục gia nhiệt bằng bức xạ nhiệt nên ẩm không ngừng biến đổi pha từ dạng lỏng sang dạng hơi rồi khuếch tán, bay hơi vào môi trường sấy trước khi đi về bình ngưng tụ - đóng băng. Như vậy, giai đoạn làm bay hơi lượng ẩm còn lại chính là giai đoạn sấy chân không nhiệt độ thấp, động lực của quá trình bay hơi khuếch tán vẫn là sự chênh lệch áp suất riêng phần của hơi nước và nhiệt độ giữa sản phẩm và môi trường sấy.

Kết thúc giai đoạn này khi độ ẩm sản phẩm đạt yêu cầu hoặc nhiệt độ giữa các tấm gia nhiệt bức xạ, nhiệt độ môi trường sấy và nhiệt độ sản phẩm bằng nhau, xem hình 2.7 thì sẽ thấy đường (1), (2) và (3) giao nhau tại một điểm. Tại điểm này sẽ xảy ra sự cân bằng nhiệt và cân bằng ẩm, lượng ẩm trong sản phẩm không thể bốc hơi được nữa, độ ẩm sản phẩm đạt tới độ ẩm cân bằng, xem đường (5).

Quá trình dịch chuyển ẩm trong sấy thăng hoa khác với quá trình dịch chuyển ẩm trong các loại sấy khác làm việc ở áp suất khí quyển ($P = 760$ mmHg = 1 at). Khi thăng hoa, các phân tử nước không va chạm nhau bởi vì môi trường chân không không tồn tại trường lực đàn hồi của không khí, các phân tử nước tương tác với nhau bởi lực đẩy ra xa nên không thể va chạm, điều này được chứng minh trong thuyết chuyển động các hạt vật chất trong môi trường chân không của Plank R, nhờ đó mà sấy thăng hoa có một ưu điểm rất lớn là bảo toàn được chất lượng sinh học của sản phẩm sấy.

Một ưu điểm nữa là trong môi trường chân không các sản phẩm sấy không bị oxy hóa. Nhược điểm lớn nhất của hệ thống sấy thăng hoa là chi phí sấy 1 kg sản phẩm rất cao, hệ thống phức tạp, phải dùng đồng thời bơm chân không và máy lạnh; do đó, vận hành phức tạp và đòi hỏi công nhân có trình độ kỹ thuật cao.

5.2.3. Sấy chân không (nếu có):

Sấy chân không nhiệt độ thấp chỉ xảy ra khi kết thúc giai đoạn sấy thăng hoa mà độ ẩm sản phẩm vẫn chưa đạt yêu cầu, lúc này tiến hành giai đoạn sấy chân không nhiệt độ thấp làm bay hơi lượng ẩm còn lại của sản phẩm. Cho đến khi độ ẩm sản phẩm đạt tới độ ẩm yêu cầu (dưới 6%) thì quá trình sấy kết thúc, như vậy sẽ không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Sản phẩm sau khi sấy cho vào túi PA, ghép mí chân không kín rồi bảo quản ở nhiệt độ thường.

Như vậy, sấy thăng hoa gồm hai giai đoạn chính quyết định đến chất lượng sản phẩm, đó là giai đoạn lạnh đông và giai đoạn sấy thăng hoa. Vì vậy, việc nghiên cứu quá trình lạnh đông, xác định nhiệt độ lạnh đông thích hợp là vô cùng quan trọng trong nghiên cứu công nghệ sấy thăng hoa.

6. Tính ưu việt của sản phẩm sấy thăng hoa

Thực tế chứng minh, sản phẩm sấy thăng hoa có tính chất ưu việt hơn so với các loại sản phẩm làm ra bằng công nghệ thông thường khác.

Sản phẩm của công nghệ lạnh đông, đa phần chỉ ở dạng bán thành phẩm và phải được bảo quản ở môi trường thích hợp có nhiệt độ ($-22 \div -18^{\circ}\text{C}$); trong thời gian bảo quản thường xảy ra cân bằng nhiệt, các biến đổi bên trong sản phẩm xảy ra theo chiều hướng tiến tới trạng thái cân bằng, các tinh thể đá kết hợp lại với nhau có kích thước ngày càng lớn hơn, làm phá vỡ cấu trúc tế bào. Khi tan giá để sử dụng làm thất thoát dịch tế bào, thành phần dinh dưỡng, vitamin, hoạt chất sinh học và khoáng chất,.. Bên cạnh đó, màu sắc, mùi và vị tự nhiên sẽ thay đổi, cấu trúc sản phẩm mềm không còn rắn chắc. Đối với một số sản phẩm khi các tinh thể đá tăng kích thước sẽ làm thay đổi cấu trúc protein, ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm. Khi thời gian bảo quản các sản phẩm lạnh đông kéo dài trong hai tháng thì chi phí tăng lên 4,5 lần so với lạnh đông ban đầu, làm tăng nhanh chi phí bảo quản, làm giảm nhanh chất lượng của sản phẩm và gây khó khăn trong thương mại và xuất khẩu.

Sản phẩm công nghệ sấy thông thường, đa phần sản phẩm làm ra thường kém chất lượng. Suman (2003) cho rằng, nguyên nhân là do quá trình sấy tách ẩm được tiến hành ở nhiệt độ cao, sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với tác nhân sấy, không khí nên xảy ra các quá trình nhiệt phân, thủy phân và oxy hóa. Vì lẽ đó, sản phẩm làm ra bằng công nghệ này ít được ưa chuộng trên thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Sản phẩm của công nghệ sấy thăng hoa, quá trình sấy tiến hành ở nhiệt độ thấp và áp suất thấp, nhiệt độ của vật liệu sấy dưới điểm kết tinh (T_{kt}), áp suất môi trường sấy dưới 4,58 mmHg, ẩm của vật liệu sấy chủ yếu được tách ra ở giai đoạn sấy thăng hoa. Vì thế, sản phẩm sau khi sấy thăng hoa gần như giữ được tất cả các tính chất tự nhiên ban đầu của chúng. Theo Greenfield (1994) và Stawczyk (2004), thành phần protein của sản phẩm sấy thăng hoa không bị thủy phân và gần như không bị biến tính; các thành phần glucide, lipid của chúng không bị thủy phân, nhiệt phân, không bị hồ hóa và oxy hóa; các vitamin, hoạt chất sinh học và enzyme không bị phá hủy, không bị mất hoạt tính, được bảo toàn; màu sắc và mùi vị của sản phẩm gần như không bị phá hủy, không thay đổi. Sản phẩm ít bị cọ rút và nứt nẻ bề mặt, tạo được độ xốp, khả năng hoàn ẩm của sản phẩm rất tốt, độ ẩm của sản phẩm dưới 6% và chế độ bảo quản đơn giản.

Theo Taylor (1993), sản phẩm sau khi sấy thăng hoa cho vào túi PA rồi ghép mí chân không và bảo quản ở nhiệt độ phòng 25°C , thời gian bảo quản có thể kéo dài lên đến 3 năm mà không tổn chi phí bảo quản, chất lượng của chúng vẫn không thay đổi.

Qua phân tích trên, rõ ràng sản phẩm của công nghệ sấy thăng hoa có nhiều tính ưu việt hơn so với các công nghệ bảo quản khác.

Các nước tiên tiến trên thế giới đã sử dụng phổ biến công nghệ này trong bảo quản các sản phẩm thực phẩm. Còn ở một số nước thì hướng ứng dụng công nghệ này ít được quan tâm bởi vì chi phí năng lượng cao. Nhưng đó chỉ là một lý do, lý do chính là công nghệ quá phức tạp, vốn đầu tư lớn, các nghiên cứu ứng dụng rất ít do không có trang thiết bị thực hiện. Ngoài ra, đội ngũ kỹ thuật vẫn chưa được đào tạo, dẫn đến việc ứng dụng công nghệ này trong sản xuất gặp nhiều khó khăn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Tấn Dũng. (2016). Kỹ thuật và công nghệ sấy thăng hoa, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [2]. Phan Thị Việt Hà, Lê Văn Thuận và Nguyễn Thị Hồng Tình. (2022). NGHIÊN cứu đề xuất quy trình sản xuất bột chanh dây, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân* 1(50):(2022) 71-79.
- [3]. Trần Văn Phú (2008). Kỹ thuật sấy, Nhà xuất bản Giáo dục.
- [4]. Trần Thị Nguyệt, Phạm Thị Hà Vân và Nguyễn Châu Anh (2021). Nghiên cứu quy trình sản xuất bột bí đao uống liền bằng phương pháp sấy thăng hoa, *Biological Science*, DOI:10.34238/tnu-jst.4681
- [5]. Alicia, A. C. I., Maribel, J. F., Denis, C. L., Galo, R. U. G, and Guadalupe, L. S. (2019). Effect of the Freeze-Drying Process on the Physicochemical and Microbiological Properties of Mexican Kefir Grains, *Processes*, 2019, 7(3): 127, <https://doi.org/10.3390/pr7030127>.
- [6]. Marilú, A. S. E., Charfedinne, A. , Timothy, F. , María, M. C., and Nuria .N. (2019). The Impact of Freeze-Drying Conditions on the Physico-Chemical Properties and Bioactive Compounds of a Freeze-Dried Orange Puree, *Foods* 2020, 9(1), 32, <https://doi.org/10.3390/foods9010032>.
- [7]. Zichao Chen, Jingjing E, Rongze Ma, Jingya Zhang, Caiqing Yao, Ruixue Wang, Qiaoling Zhang, Ying Yang, Jing Li, Junguo Wang. (2022). The effect of aspartic acid on the freeze-drying survival rate of *Lactobacillus plantarum* LIP-1 and its inherent mechanism, *Food Science and technology*, Volume 155, 1 February 2022, 112929, <https://doi.org/10.1016/j.lwt.2021.112929>.

NGHIÊN CỨU BỘ ĐIỀU KHIỂN XE HYBRID BẰNG MATLAB/SIMULINK

Lê Văn Miên

Khoa Cơ khí Động lực, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Ngày nay, các nhà sản xuất ô tô ngày càng có xu hướng phát triển các loại xe hybrid do tiêu thụ nhiên liệu và lượng phát thải khí xả ngày càng tăng. Việc tối ưu hóa chế độ hoạt động của xe hybrid phụ thuộc vào nhiều thành phần như động cơ đốt trong (ICE), mô tơ kéo (MG2), mô tơ/máy phát điện (MG1), ắc quy và thiết bị phân chia công suất. Nghiên cứu này tập trung vào các chiến thuật điều khiển dòng năng lượng trong hệ thống HEV kiểu hỗn hợp. Mô hình hệ thống điều khiển đã được xây dựng bằng phần mềm Matlab/Simulink và kết quả mô phỏng chứng minh sự tối ưu hoạt động của từng bộ phận trong hệ thống điều khiển, mức tiêu hao nhiên liệu của ICE giảm lần lượt 54,79 % và 53,09% trong hai chu trình thử tiêu biểu NEDC, FTP-75 và lượng phát thải của ba thành phần chính trong khí xả là CO, HC, NO_x giảm lần lượt theo chu trình thử NEDC là 0,39%, 0,26%, 0,93% và theo chu trình thử FTP-75 là 4,4%, 4,9%, 3,7%.

Từ khóa: xe điện hybrid (HEV), động cơ đốt trong (ICE), mô tơ kéo (MG2), mô tơ/máy phát điện (MG1)

RESEARCHING HYBRID VEHICLE CONTROLLER BY USING MATLAB/SIMULINK

Abstract

Nowadays, automotive manufacturers are increasingly leading the development of hybrid vehicles due to growing energy consumption and increased emissions. The optimization of hybrid vehicle operation mode depends on many components, such as an internal combustion engine (ICE), traction motor (MG2), motors and generators (MG1), a battery, and a power-split device [1]. This study focuses on control strategies of power flow in a power-split HEV system. The control system model had been built with the MATLAB/Simulink package, and the simulation results showed optimal operation of each component in the control system. Fuel consumption of ICE decreased by 54,79% and 53,09% in two typical driving cycle tests (NEDC and FTP-75), and emissions of the three main components in the exhaust gas CO, HC, NO_x decreased by 0,39%, 0,26%, and 0,93%, respectively, according to the NEDC, and by 4,4%, 4,9%, and 3,7%, according to the FTP-75 driving cycle test.

Keywords: hybrid electric vehicle (HEV), internal combustion engine (ICE), traction motor (MG2), motor/generator (MG1)

Đặt vấn đề

Trong số tất cả các chiến lược quản lý năng lượng, tối ưu hóa toàn diện là chiến thuật điều khiển tốt nhất để đáp ứng tất cả các yêu cầu về điều khiển. Tuy nhiên, nó bị ảnh hưởng bởi chu trình lái thử gây tiêu tốn thời gian lớn và khó đưa vào vận hành trên thực tế. Do đó, các phương pháp về điểm hoạt động không đổi của động cơ và đường cong tối ưu của động cơ là thực tế hơn. Khi xe khởi động hoặc chuyển động với vận tốc thấp, mô tơ sẽ thực hiện kéo trong trường hợp xe chạy không tải. Và khi nó chuyển động với vận tốc cao hơn, vùng làm việc của động cơ đốt trong được kiểm soát ở vùng hiệu suất cao, do đó, tiêu hao nhiên liệu của động cơ sẽ tốt hơn cho dù trong bất kỳ chu trình lái thử nào để kiểm tra [2].

1. Mô hình truyền động các hệ thống trên xe HEV

1.1. Trạng thái sạc của ắc quy (SOC): [3]

Trạng thái sạc (SOC) được định nghĩa là tỷ số giữa lượng điện còn lại tại một thời điểm nhất định t trong ắc quy ($Q(t)$) và dung lượng danh định của ắc quy (Q_0 tính bằng Ah).

$$SOC(t) = \frac{Q(t_0) - Q(t)}{Q_0} \cdot 100$$

(1)

Cuối cùng, SOC biểu thị bằng phần trăm được tính toán bởi công thức (2) như là một hàm của dòng ắc quy i_{batt} (A).

$$SOC(t) = SOC(t_0) - \frac{100}{3600} \cdot \int_{t_0}^t \frac{i_{batt}(t)}{Q_0} dt$$

(2)

1.2. Bộ phân chia công suất với hệ bánh răng hành tinh: [4]

Tốc độ quay của bánh răng bao (ω_r), bánh răng mặt trời (ω_s), và cần dẫn (ω_c) thỏa mãn mối quan hệ sau:

$$\omega_s \cdot R_s + \omega_r \cdot R_r = \omega_c \cdot (R_s + R_r)$$

(3)

Trong đó: R_s và R_r là bán kính của bánh răng mặt trời và bánh răng bao. Với tỷ số truyền vi sai (r_{final}) và tỷ số (i) giữa bánh răng bao và bánh răng mặt trời, phương trình (3) được viết lại như sau:

$$\frac{i}{r_{final}} \cdot \omega_w + \omega_{MG1} = \omega_{ICE} \cdot (1 + i)$$

(4)

Trong đó: ω_w , ω_{MG1} và ω_{ICE} lần lượt là tốc độ của bánh xe, tốc độ của mô tơ/máy phát điện và tốc độ của động cơ đốt trong.

Theo phương trình (4), mối quan hệ giữa tốc độ động cơ đốt trong và tốc độ bánh xe được xác định không chỉ bởi yếu tố tỷ số truyền i mà còn phụ thuộc vào tốc độ của mô tơ/máy phát điện.

Tốc độ của mô tơ kéo và tốc độ bánh xe có mối quan hệ:

$$\omega_{MG2} = \frac{1}{r_{final}} \cdot \omega_w \quad (5)$$

Tốc độ của mô tơ/máy phát điện được xác định bởi:

$$\omega_{MG1} = \omega_{ICE} \cdot (1 + i) - \frac{i}{r_{final}} \cdot \omega_w \quad (6)$$

Trục dẫn động được nối với bánh răng bao thông qua bộ giảm tốc cuối cùng với tỷ số truyền (r_{final}). Do đó, tổng mô men kéo tại bánh xe được xác định bởi:

$$T_d = \frac{1}{r_{final}} \cdot (T_r + T_{MG2}) = \frac{1}{r_{final}} \cdot \left(T_{MG2} \cdot \frac{i}{i+1} \cdot T_{ICE} \right) \quad (7)$$

Trong đó: T_d , T_r , T_{MG2} và T_{ICE} lần lượt là mô men kéo tại bánh xe, bánh răng bao, mô tơ kéo và động cơ đốt trong.

1.3. Tính tiêu hao nhiên liệu của động cơ đốt trong: [4]

Lượng tiêu hao nhiên liệu của động cơ có thể được mô phỏng như là một hàm số của mô men và tốc độ góc của động cơ:

$$\dot{m}_f = f(T_{ICE}, \omega_{ICE}) \quad (8)$$

1.4. Động lực học của xe: [5]

Phương trình động lực học của xe theo hướng chuyển động có thể được biểu diễn bởi:

$$m \cdot \dot{V}_x = F_x - C_a \cdot V_x^2 - R_x - m \cdot g \cdot \sin(\theta) \quad (9)$$

Trong đó: m , g , V_x , C_a , R_x , F_x và θ lần lượt là khối lượng của xe, gia tốc trọng trường, vận tốc xe, hệ số cản khí động học, lực dọc xe do cản lăn, lực dọc bánh xe và độ dốc mặt đường.

1.5. Động lực học bánh xe: [6]

Động lực học của bánh xe được xác định bởi:

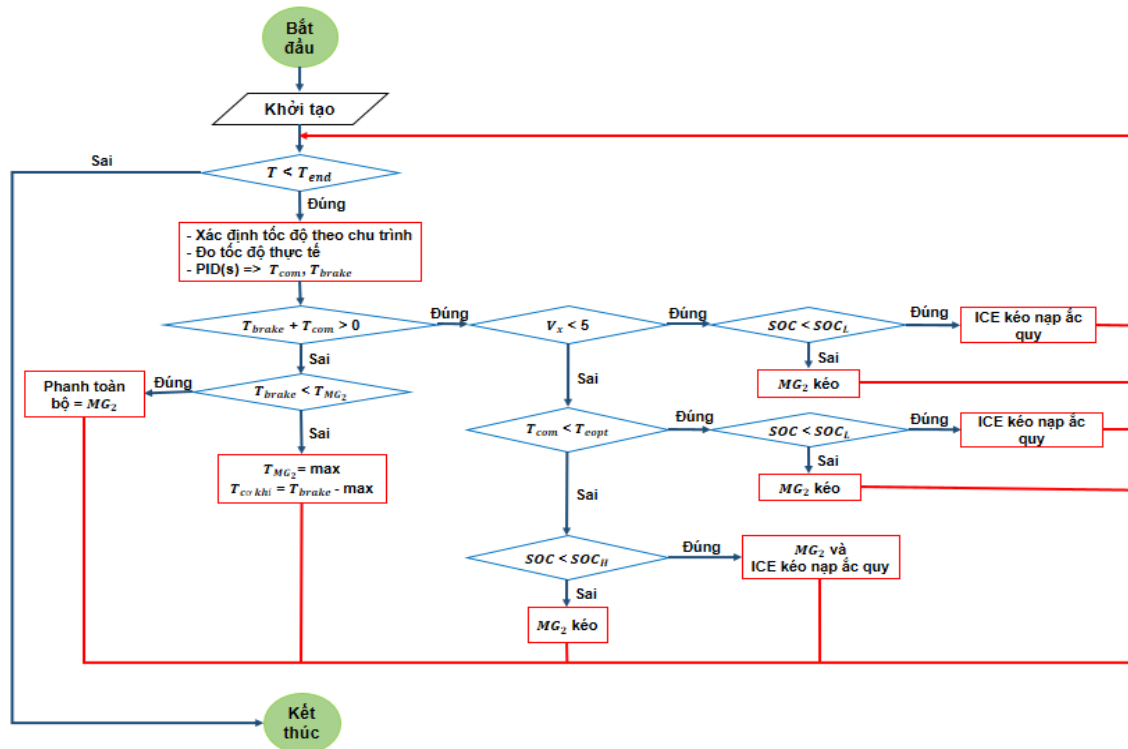
$$I_w \cdot \dot{\omega}_w = T_d - T_{brake} - r_w \cdot F_x \quad (10)$$

Trong đó: I_w , T_{brake} và r_w lần lượt là mô men quán tính của bánh xe, mô men phanh yêu cầu của bánh xe trước và bán kính bánh xe.

2. Nghiên cứu bộ điều khiển mômen kéo và mômen phanh

Theo đồ thị đặc tính tiêu hao nhiên liệu, vùng hoạt động tối ưu của ICE ở dải tốc độ 1500 - 3500 vòng/phút và mô men đầu ra từ 60 đến 100 N.m. Tương tự như vậy, MG1 và MG2 nên

được điều khiển để hoạt động ở mô men dưới 150 N.m. Vùng tối ưu cho quá trình phóng và sạc của ắc quy ở mức SOC trung bình khoảng từ 0,5 đến 0,7. [7]



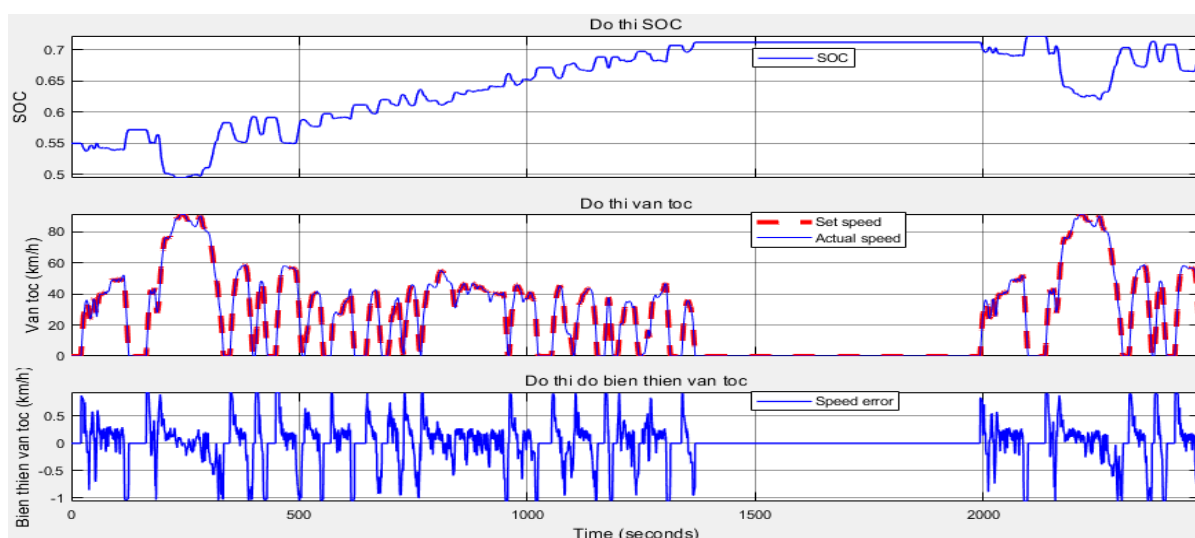
Hình 1. Sơ đồ chiến thuật điều khiển mô men kéo và mô men phanh

Dựa vào hình 1, nguyên lý hoạt động của bộ điều khiển Controller đó là xác định tốc độ xe theo chu trình lái thử và đo tốc độ thực tế để điều khiển mô men kéo và mô men phanh dựa trên việc điều khiển ổn định trạng thái sạc của ắc quy trong giới hạn hoạt động tối ưu, $SOC_L < SOC < SOC_H$. Với $SOC_L = 0,5$; $SOC_H = 0,7$.

- Điều khiển mô men phanh: nếu $T_{brake} < T_{MG2}$ thì mô men phanh được điều khiển toàn bộ thông qua mô tơ kéo MG2. Ngược lại, T_{MG2} đạt giá trị lớn nhất và $T_{cơ_khi} = T_{brake} - max$.
- Điều khiển mô men kéo:
 - + Nếu $V_x < 5$ m/s và trạng thái sạc $SOC < SOC_L$ thì ICE kéo và nạp ắc quy. Ngược lại, $SOC > SOC_L$ thì MG2 kéo.
 - + Nếu $V_x > 5$ m/s và mô men kéo nhỏ hơn mô men tối ưu (T_{e-opt}) của ICE: $T_{com} < T_{e-opt}$ và thỏa mãn $SOC < SOC_L$ thì ICE kéo và nạp ắc quy. Ngược lại, $SOC > SOC_L$ thì MG2 kéo.
 - + Nếu $V_x > 5$ m/s và mô men kéo lớn hơn mô men tối ưu của ICE: $T_{com} > T_{e-opt}$ và thỏa mãn $SOC < SOC_H$ thì MG2 và ICE cùng thực hiện kéo và nạp ắc quy. Ngược lại, $SOC > SOC_H$ thì MG2 kéo.

Sau đó, tất cả các kết quả tính toán của bộ điều khiển được đưa về và tiếp tục thực hiện vòng lặp của giải thuật điều khiển cho đến khi giá trị $T > T_{end}$ sẽ kết thúc vòng lặp.

3. Kết quả nghiên cứu



Hình 2. Đồ thị trạng thái sạc và vận tốc của xe theo chu trình thử FTP-75

Hình 2 biểu diễn đồ thị trạng thái sạc SOC của ắc quy, đồ thị vận tốc xe mô phỏng và vận tốc xe mong muốn, đồ thị độ biến thiên vận tốc biểu diễn độ lệch giữa vận tốc thiết lập theo chu trình thử FTP-75 và vận tốc thực tế của xe đạt được (km/h). Các kết quả đạt được như sau:

- Đồ thị trạng thái sạc SOC của ắc quy: Trong khoảng thời gian từ 0 - 300 giây, xe thực hiện quá trình tăng tốc, lúc này mô tơ kéo sử dụng điện của ắc quy để đạt vận tốc tối đa theo chu trình thử nên lúc này trạng thái sạc của ắc quy giảm. Sau đó, xe di chuyển trong giai đoạn ổn định, lúc này tùy thuộc vào đặc tính của chu trình thử mà ICE được điều khiển để hoạt động, ICE và MG2 thực hiện quá trình kéo máy phát điện để sạc ắc quy, làm cho trạng thái sạc SOC của ắc quy tăng dần đến giới hạn trên ($SOC_H = 0.7$). Trạng thái sạc SOC của ắc quy luôn được điều khiển nằm trong vùng cho phép ($0.5 < SOC < 0.7$) và tuân theo vận tốc di chuyển của xe.

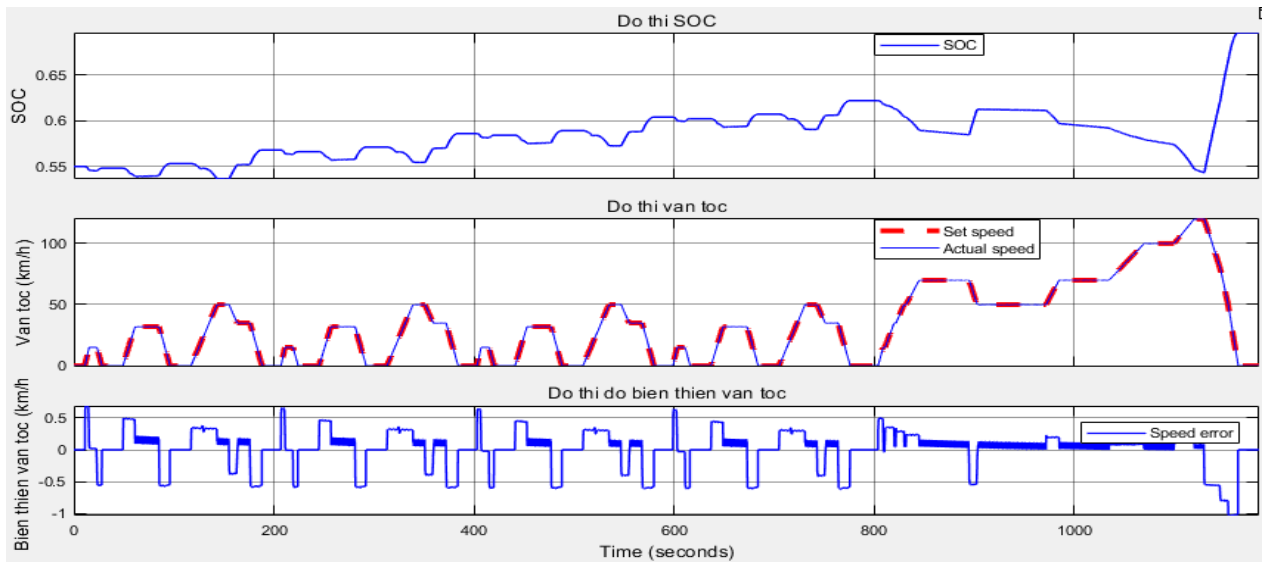
- Đồ thị vận tốc của xe theo chu trình thử:

- + Đường màu đỏ nét đứt: vận tốc thiết lập theo chu trình thử cho đường phố FTP-75 (km/h).

- + Đường màu xanh dương: vận tốc thực tế của xe đạt được (km/h).

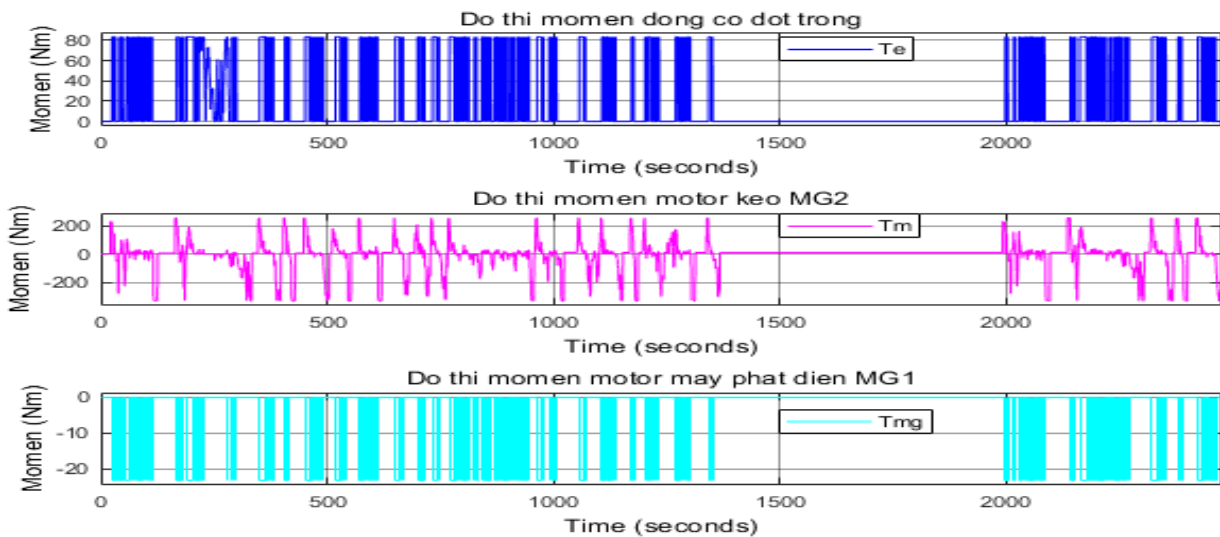
Cả hai đường màu đỏ nét đứt và đường màu xanh dương nét liền gần như trùng khớp nhau, điều đó chứng tỏ mô hình đã đáp ứng được vận tốc xe mong muốn một cách chính xác. Do đó, ta thấy được rằng bộ điều khiển đã hoạt động hiệu quả.

- Đồ thị độ biến thiên vận tốc: biểu diễn độ lệch giữa vận tốc thiết lập theo chu trình thử FTP-75 và vận tốc của xe đạt được (km/h). Đồ thị độ biến thiên vận tốc lớn hơn 0 km/h khi giá trị vận tốc thiết lập lớn hơn vận tốc của xe và ngược lại. Độ biến thiên giữa 2 đường biểu diễn vận tốc trong cả chu trình khoảng 1 km/h, chứng tỏ bộ điều khiển Controller hoạt động hiệu quả.



Hình 3. Đồ thị trạng thái sạc và vận tốc của xe theo chu trình thử NEDC

Hình 3 biểu diễn đồ thị trạng thái sạc SOC của ắc quy, đồ thị vận tốc của xe và đồ thị độ biến thiên vận tốc theo chu trình thử NEDC. Các kết quả đạt được của từng đồ thị đều nằm trong vùng hoạt động tối ưu giống như chu trình thử FTP-75 trong hình 3, chứng tỏ bộ điều khiển đã hoạt động hiệu quả cho cả 2 chu trình thử.



Hình 4. Đồ thị mô men của ICE, MG2 và MG1 theo chu trình thử FTP-75

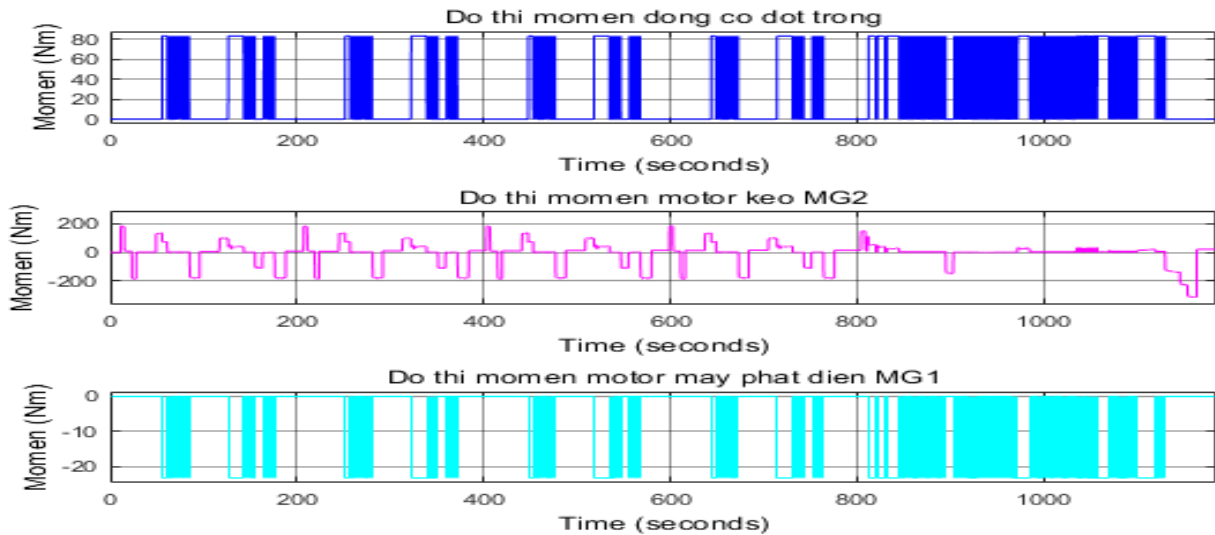
Hình 4 biểu diễn đồ thị mô men của động cơ đốt trong ICE, mô tơ kéo MG2 và mô tơ/máy phát điện MG1 theo chu trình thử FTP-75. Các kết quả được thể hiện như sau:

- Đường màu xanh dương thể hiện mô men của động cơ đốt trong T_{ICE} . Từ đồ thị ta thấy rằng mô men của động cơ đốt trong luôn duy trì trong mức từ 60 đến 100 N.m. Chứng tỏ rằng bộ điều khiển đã hoạt động chính xác và tối ưu.

- Đường màu hồng biểu diễn mô men của mô tơ kéo T_{MG2} . Mô men của MG2 đã hoạt động hiệu quả, mang cả 2 giá trị (-) và (+). Giá trị (+) thể hiện mô tơ kéo đã thực hiện quá trình kéo

để tạo động lực cho xe, giá trị (-) thể hiện mô tơ kéo thực hiện kéo máy phát để sạc lại cho ắc quy.

- Đường màu xanh lam biểu diễn mô men của mô tơ/máy phát điện T_{MG1} . Quá trình hoạt động của MG1 tương đối ít, nguyên nhân là do ở chu trình FTP-75, phanh tái sinh đã làm việc khá hiệu quả. Mô men âm thể hiện MG1 thực hiện quá trình nạp là chủ yếu.



Hình 5. Đồ thị mô men của ICE, MG2 và MG1 theo chu trình thử NEDC

Hình 5 biểu diễn đồ thị mô men của ICE, MG2 và MG1 theo chu trình thử NEDC. Các kết quả đạt được đều hoạt động hiệu quả giống như chu trình thử FTP-75 trong hình 5, mô men của các thành phần trong hệ thống đều hoạt động trong vùng tối ưu theo như yêu cầu đề ra.

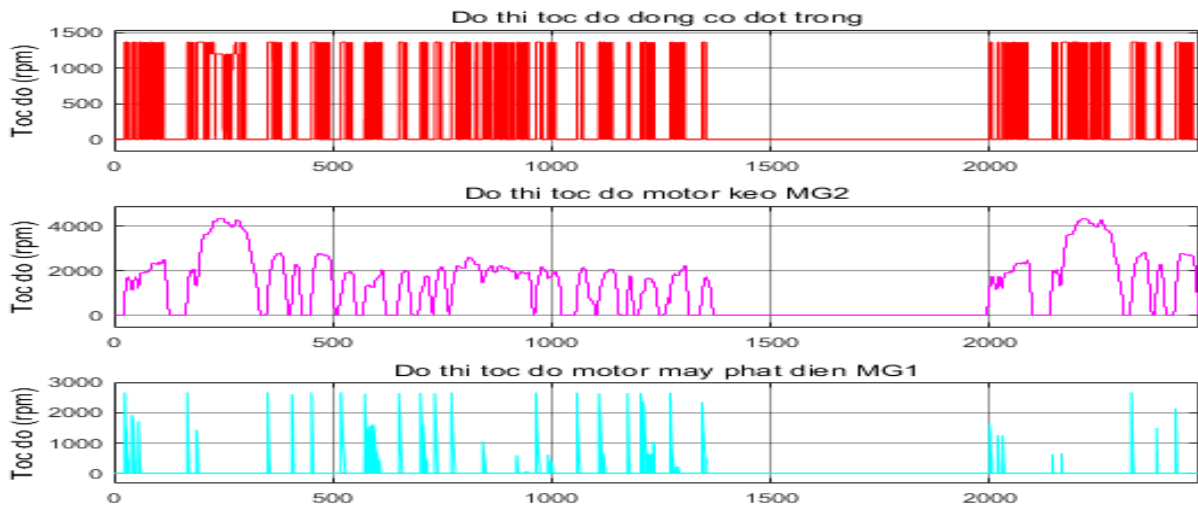
Hình 6 biểu diễn đồ thị tốc độ của động cơ đốt trong ICE, mô tơ kéo MG2 và mô tơ/máy phát điện MG1 theo chu trình thử FTP-75. Các kết quả được thể hiện như sau:

- Đường màu đỏ biểu diễn số vòng quay của động cơ đốt trong N_{ICE} . Từ đồ thị ta thấy rằng số vòng quay của ICE luôn duy trì trong mức 1500 vòng/phút. Chứng tỏ rằng động cơ đốt trong luôn được điều khiển hoạt động trong vùng tối ưu.

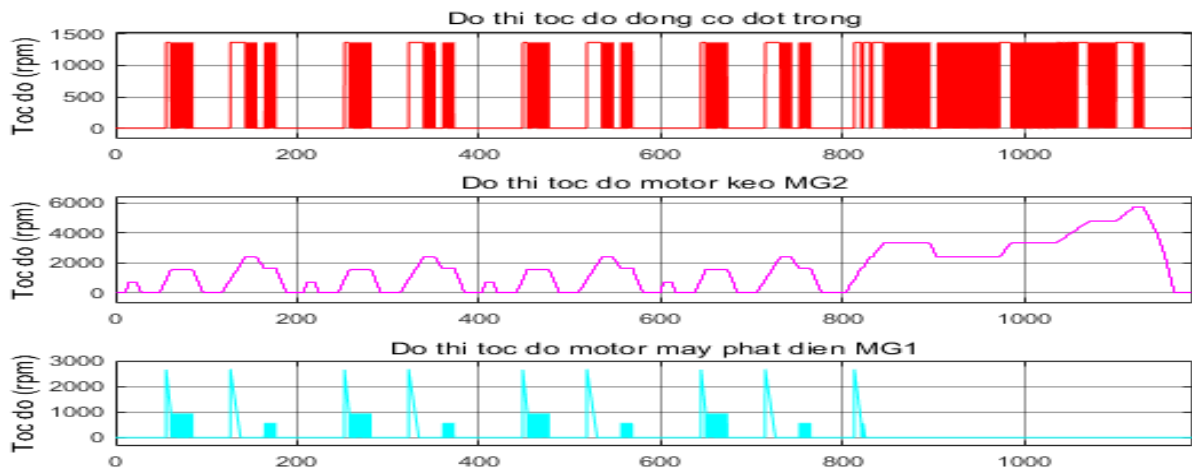
- Đường màu hồng biểu diễn số vòng quay của mô tơ kéo N_{MG2} . Số vòng quay của mô tơ kéo tỉ lệ vận tốc của xe, nguyên nhân là do mô tơ được nối trực tiếp đến bánh lái thông qua bộ giảm tốc.

- Đường màu xanh lam biểu diễn số vòng quay của mô tơ/máy phát điện N_{MG1} . Quá trình hoạt động của MG1 tương đối ít, tốc độ của MG1 được duy trì dưới 3000 vòng/phút để duy trì trạng thái sạc SOC của ắc quy và đảm bảo ít tổn thất năng lượng của xe.

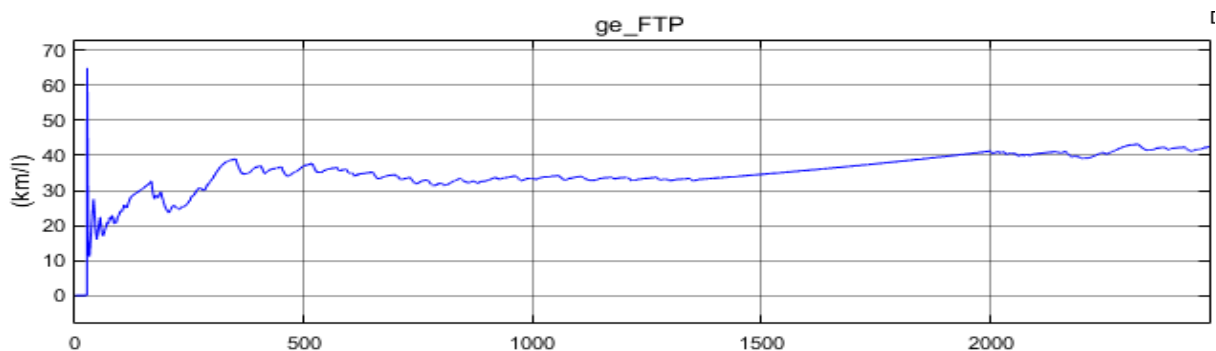
Hình 7 biểu diễn đồ thị tốc độ của động cơ đốt trong ICE, mô tơ kéo MG2 và mô tơ/máy phát điện MG1 theo chu trình thử NEDC. Các kết quả đạt được đều hoạt động hiệu quả giống như chu trình thử FTP-75 trong hình 7, tốc độ của các thành phần trong hệ thống đều hoạt động trong vùng tối ưu và được điều khiển chính xác.



Hình 6. Đồ thị tốc độ của ICE, MG2 và MG1 theo chu trình thử FTP-75

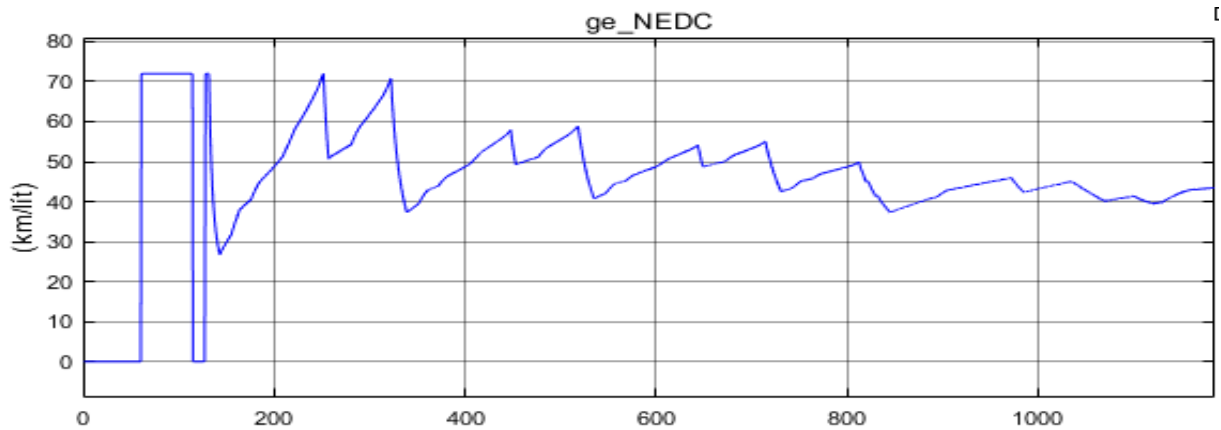


Hình 7. Đồ thị tốc độ của ICE, MG2 và MG1 theo chu trình thử NEDC



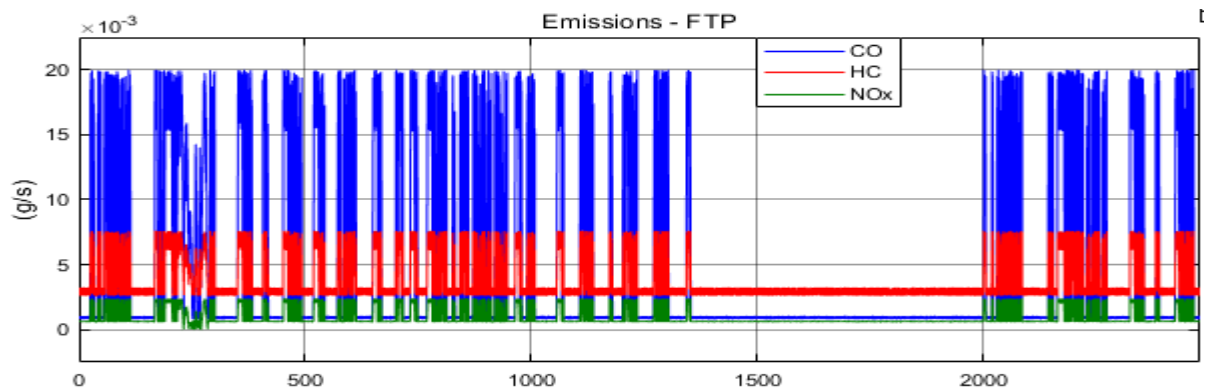
Hình 8. Tiêu hao nhiên liệu của ICE theo chu trình thử FTP-75

Hình 8 và hình 9 biểu diễn đồ thị tiêu hao nhiên liệu của ICE theo đơn vị km/lít lần lượt theo 2 chu trình thử FTP-75 và NEDC. Qua mô phỏng theo chu trình thử FTP-75, tính toán tiêu hao nhiên liệu trung bình đạt 42,46 km/lít xăng, tương đương 2,355 lít/100 km và theo chu trình thử NEDC tiêu hao nhiên liệu trung bình đạt 43,45 km/lít xăng, tương đương 2,301 lít/100 km.

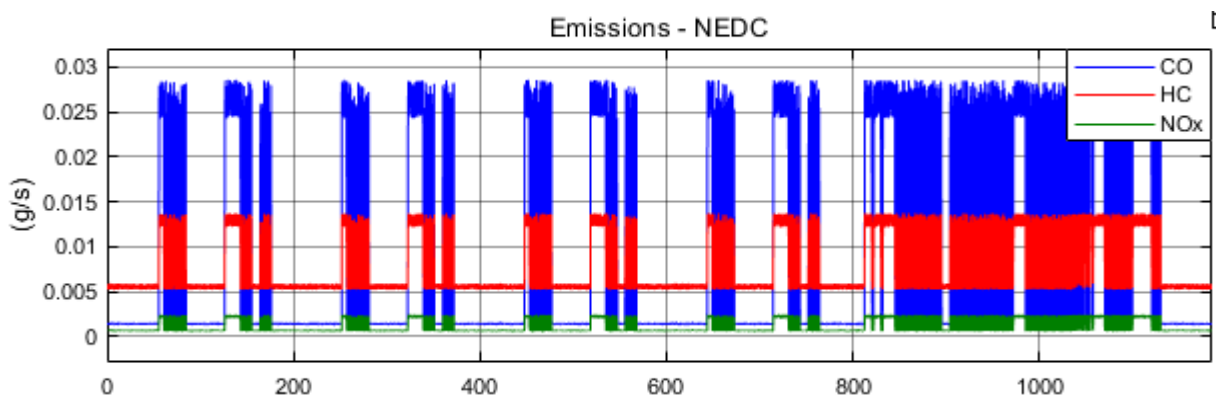


Hình 9. Tiêu hao nhiên liệu của ICE theo chu trình thử NEDC

Hình 10 và hình 11 biểu diễn đồ thị phát thải các thành phần khí xả chủ yếu của ICE là CO, HC và NO_x theo 2 chu trình thử FTP-75 và NEDC. Kết quả đánh giá được thể hiện trong Bảng 2.



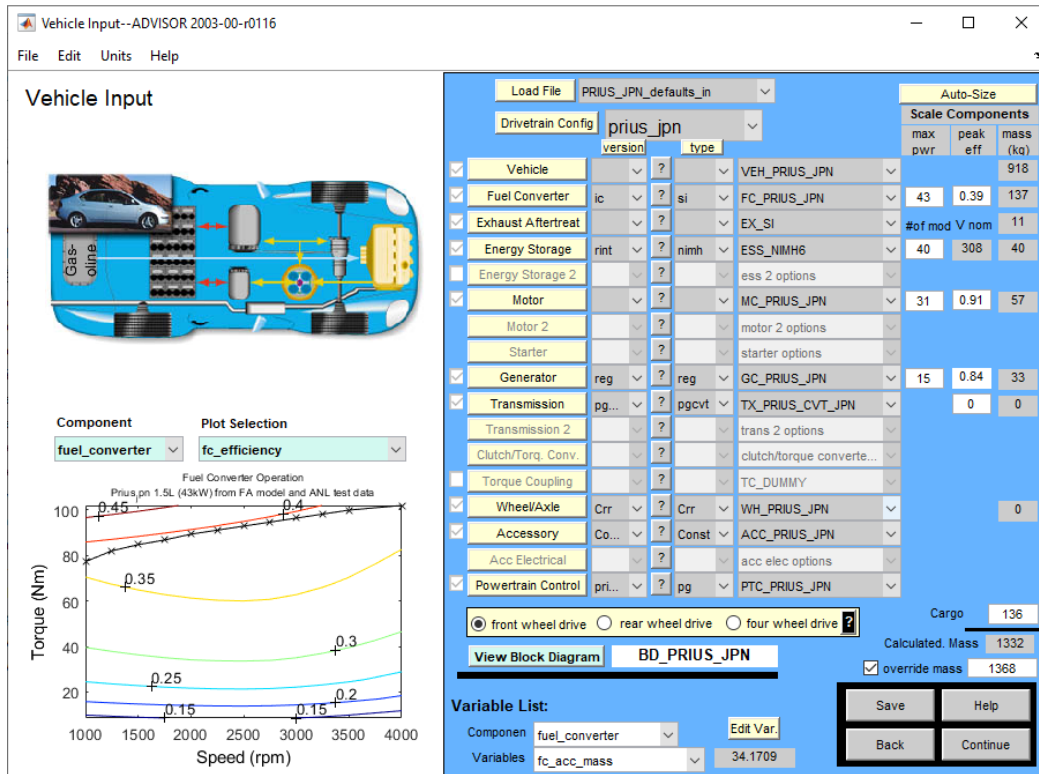
Hình 10. Đồ thị các thành phần khí xả theo chu trình FTP-75



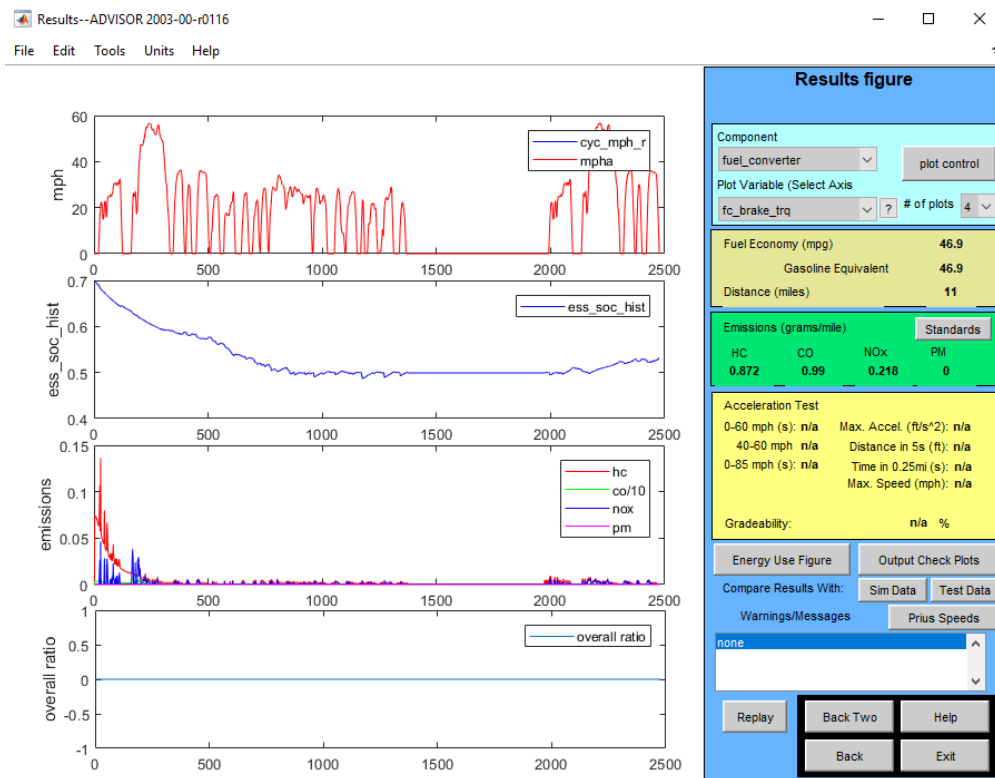
Hình 11. Đồ thị các thành phần khí xả theo chu trình NEDC

Để đánh giá hoạt động của bộ điều khiển Controller vừa thiết kế, các kết quả mô phỏng trên đã được so sánh với kết quả mô phỏng từ bộ điều khiển ADVISOR trong **Bảng 1** và **Bảng 2**. ADVISOR là một tập hợp các mô hình, dữ liệu và các tập tin mô tả các trạng thái mô phỏng được sử dụng bởi Matlab/Simulink. ADVISOR được thiết kế để phân tích nhanh về hiệu suất và tính tiết kiệm nhiên liệu trên các loại xe truyền thống, xe điện và hybrid [8]. Để lấy được dữ

liệu từ ADVISOR, ta phải cài đặt trước và gõ “advisor” trong khung “Command Window” của phần mềm Matlab, màn hình hiển thị như hình 12 dưới đây.



Hình 12. Màn hình ADVISOR hiển thị



Hình 13. Tiêu hao nhiên liệu và lượng khí xả của chu trình thử FTP-75 trên ADVISOR

Ta phải lựa chọn dòng xe, kiểu truyền động và thiết lập các thông số của dòng xe đó, chọn chu trình thử và chọn các loại đồ thị cần thiết... Hình 13 thể hiện các thông số tính toán mức tiêu hao nhiên liệu, lượng phát thải các thành phần trong khí xả của bộ điều khiển ADVISOR theo chu trình thử FTP-75. Tuy nhiên, cần phải chuyển đổi đơn vị mile/gram sang đơn vị lít/100km và grams/mile sang grams/km để dễ dàng cho việc tính toán và so sánh kết quả với bộ điều khiển Controller thiết kế. Cách làm tương tự để lấy dữ liệu so sánh đối với chu trình thử NEDC.

Bảng 1. Bảng so sánh tiêu hao nhiên liệu giữa các chu trình thử của bộ điều khiển Controller thiết kế với ADVISOR

Chu trình thử	Controller (Lít/100km)	ADVISOR (Lít/100km)	Kết quả (%)
NEDC	2,301	5,09	-54,79
FTP-75	2,355	5,02	-53,09

Từ bảng 1, ta thấy mô hình thực hiện với chiến thuật điều khiển mới đã đạt được hiệu quả tốt hơn theo các chu trình thử khác nhau. Mức tiêu hao nhiên liệu đã giảm lần lượt 54,79% và 53,09% theo 2 chu trình thử NEDC và FTP-75 khi so sánh giữa bộ điều khiển Controller và bộ điều khiển ADVISOR trong Matlab/Simulink.

Bảng 2. Bảng so sánh lượng phát thải khí xả giữa các chu trình thử của bộ điều khiển Controller thiết kế với ADVISOR

Thành phần khí xả	Chu trình NEDC (g/km)	ADVISOR (g/km)	Kết quả (%)	Chu trình FTP-75 (g/km)	ADVISOR (g/km)	Kết quả (%)
CO	0,769	0,772	-0,39	0,588	0,615	-4,4
HC	0,782	0,784	-0,26	0,515	0,542	-4,9
NO _x	0,107	0,108	-0,93	0,130	0,135	-3,7

Các kết quả được trình bày trong bảng 2, lượng phát thải của ba thành phần chính trong khí xả là CO, HC, NO_x giảm lần lượt theo chu trình thử NEDC là 0,39%, 0,26%, 0,93% và theo chu trình thử FTP-75 là 4,4%, 4,9%, 3,7% so với bộ điều khiển ADVISOR.

Kết luận

Bộ điều khiển mô men kéo và mô men phanh cho xe hybrid kiểu hỗn hợp đã được thực hiện và các kết quả thu được đã chứng minh bộ điều khiển đã hoạt động như mong đợi. Bộ điều khiển mới giúp tối ưu hiệu suất hoạt động của từng thành phần chính cấu thành xe lai trong việc

phân phối dòng công suất khi xe vận hành như: ICE, MG2, MG1 và ắc quy. Các chiến thuật điều khiển được xây dựng hợp lý và đặc biệt là tiêu hao nhiên liệu của ICE giảm đáng kể lần lượt 54,79% và 53,09% theo 2 chu trình thử NEDC và FTP-75 khi so sánh giữa bộ điều khiển Controller và bộ điều khiển ADVISOR trong Matlab/Simulink. Do đó, đề tài này đã đáp ứng được tính kinh tế, đây là một trong những yếu tố quan trọng, là chìa khóa thành công trong lĩnh vực nghiên cứu về dòng xe HEV. Ngoài ra, lượng phát thải của ba thành phần chính trong khí xả là CO, HC, NO_x giảm lần lượt theo chu trình thử NEDC là 0,39%, 0,26%, 0,93% và theo chu trình thử FTP-75 là 4,4%, 4,9%, 3,7%, chứng minh bộ điều khiển hoạt động hiệu quả, vừa giảm tiêu thụ nhiên liệu và giảm phát thải khí xả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chen, J.-S. and Q.-V. Huynh, “Model and control power-split hybrid electric vehicle with fuzzy logic”. *Journal of Engineering Technology and Education*, 2012.
- [2]. F.Schluter, P.Waltermann, “Hierarchical control structures for Hybrid vehicles – Modelling, simulation, and optimization”. *IFAC Advances in Automotive Control*, Ascona, Switzerland, 1995.
- [3]. Martin Hedon, “Modeling and simulation of a hybrid powertrain”. KTH Royal Institute of Technology, p. 24, 2018.
- [4]. Mehrdad Ehsani, Y. Gao, and A. Emadi, “Morden electric, hybrid electric, and fuel cell vehicles: Fundamentals, theory, and design”, 2nd ed 2010: CRC Press.
- [5]. Miller JM. “Hybrid Electric Vehicle Propulsion System Architectures of the e-CVT Type.” *IEEE Trans. on Power Electronic* 2006: 756-767.
- [6]. Guzzella L and Sciarretta A. *Vehicle Propulsion Systems*. 3rd ed. New York: Springer Heidelberg, 2013. p. 87-91.
- [7]. Huỳnh Quốc Việt. “Ứng dụng logic mờ trong điều khiển lực kéo trên xe lai kiểu hỗn hợp”. *Tạp Chí Khoa Học Giáo Dục Kỹ Thuật*, số 53, tháng 07/2019.
- [8]. Lý Vĩnh Đạt. “Ứng dụng máy tính trong mô phỏng động cơ đốt trong”. *NXB Đại học Quốc gia TP.HCM*.

ỨNG DỤNG CỦA ĐẠO HÀM HÀM SỐ MỘT BIẾN TRONG VIỆC GIẢNG DẠY CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Mai Thị Thanh Huệ

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Trong bài viết này, tác giả giới thiệu một số bài toán áp dụng đạo hàm của hàm một biến mà sinh viên cũng như giảng viên rất quan tâm, như bài toán mô hình chuyển động thẳng, vật thể rơi, bóng chuyển động, góc cắt cánh. Thông qua đó, bài viết này có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên dạy môn Toán Ứng Dụng A và sinh viên khối ngành kỹ thuật tại trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Toán ứng dụng A; đạo hàm hàm số một biến; ngành kỹ thuật

Đặt vấn đề

Toán học đã và đang được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực như vật lý, kỹ thuật, y học, sinh học, tự động hóa, cơ khí, điện công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin, kinh tế, tài chính.... Toán học là một công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc phân tích và giải quyết các bài toán đặt ra từ thực tiễn một cách logic và chính xác. Khi mô hình vật lý, kỹ thuật được thiết lập dưới dạng các mô hình toán học cụ thể thì việc vận dụng toán học để phân tích các mô hình vật lý, kỹ thuật cũng như kiểm nghiệm các kết quả đạt được luôn là vấn đề cấp thiết đối với các chuyên gia về kỹ thuật cũng như giảng viên, sinh viên.

Tại trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM, sinh viên khối ngành kỹ thuật được học một học phần Toán Ứng Dụng A với số tín chỉ là 3. Việc áp dụng đạo hàm vào các mô hình vật lý, kỹ thuật và đời sống là rất quan trọng và cần thiết đối với sinh viên khối ngành kỹ thuật.

1. Tốc độ thay đổi tức thời

Giả sử $f(x)$ khả vi tại $x = x_0$. Tốc độ thay đổi tức thời của $y = f(x)$ theo x tại x_0 là giá trị của đạo hàm của f tại x_0 . Tức là,

$$\text{TỐC ĐỘ THAY ĐỔI TỨC THỜI} = f'(x_0) = \left. \frac{df}{dx} \right|_{x=x_0}$$

1.1. Mô hình hóa trong chuyển động

1.1.1. Bài toán chuyển động thẳng

Một vật thể di chuyển theo một đường thẳng có vị trí theo thời gian là $s(t)$ có vận tốc $v(t) = \frac{ds}{dt}$ và gia tốc $a(t) = \frac{dv}{dt} = \frac{d^2s}{dt^2}$ nếu những đạo hàm này tồn tại. Tốc độ của vật thể là $|v(t)|$

Ví dụ 1.1 (Bài toán xác định vị trí, vận tốc và gia tốc của một vật chuyển động thẳng).

Giả sử rằng vị trí tại thời điểm t (đơn vị: giờ) của một vật thể chuyển động dọc theo một đường thẳng là

$$s(t) = 3t^3 - 40.5t^2 + 162t, \quad t \in [0; 8] \quad (\text{đơn vị: km})$$

Tìm vị trí ban đầu, vận tốc, gia tốc và mô tả chuyển động. Tính tổng quãng đường đi được.

Giải:

Vị trí ban đầu xảy ra tại thời điểm $t = 0$, do đó $S(0) = 0$

Vận tốc được xác định bằng cách tìm đạo hàm của hàm vị trí

$$\begin{aligned} v(t) &= s'(t) \\ &= 9t^2 - 81t + 162 \\ &= 9(t-3)(t-6) \end{aligned}$$

Khi $t = 3$ và $t = 6$, vận tốc v là 0, nghĩa là vật đứng yên tại những thời điểm này. Hơn nữa,

$$v(t) > 0 \quad \text{trên } [0; 3) : \text{xe đang đi tới}$$

$$v(t) < 0 \quad \text{trên } (3; 6) : \text{xe đang đi lui}$$

$$v(t) > 0 \quad \text{trên } (6; 8] : \text{xe đang đi tới}$$

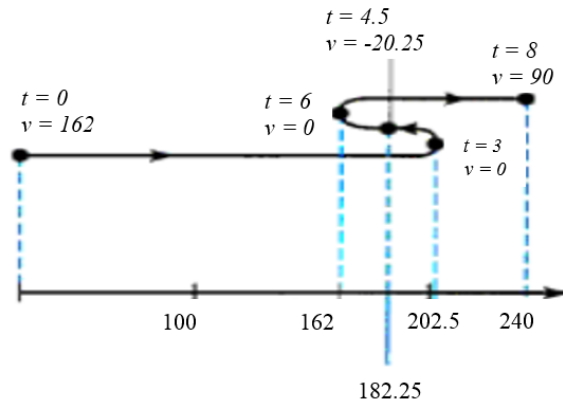
Với gia tốc,

$$\begin{aligned} a(t) &= s''(t) = v'(t) \\ &= 18t - 81 \\ &= 18(t - 4.5) \end{aligned}$$

Ta thấy

$$a(t) < 0 \quad \text{trên } [0; 4.5) : \text{vận tốc đang giảm, nghĩa là giảm tốc}$$

$$a(t) > 0 \quad \text{trên } (4.5; 8] : \text{vận tốc đang tăng, nghĩa là tăng tốc}$$



Tổng quãng đường đi được là

$$|s(3) - s(0)| + |s(6) - s(3)| + |s(8) - s(6)| = 202.5 + 40.5 + 78 = 321 \text{ (km)}$$

1.1.2. Bài toán vật thể rơi

Trong bài toán vật thể rơi, giả sử ta bỏ qua lực cản của không khí và khi đó vật thể được rơi tự do thẳng đứng dưới tác dụng của một lực duy nhất tác động lên vật đó chính là trọng lực, và do đó gia tốc của vật rơi chính là gia tốc trọng trường g có giá trị khoảng 32 ft/s^2 hoặc 9.8 m/s^2 .

Tại thời điểm t , độ cao của vật rơi tự do được cho bởi công thức:

$$h(t) = -\frac{1}{2}gt^2 + v_0t + s_0$$

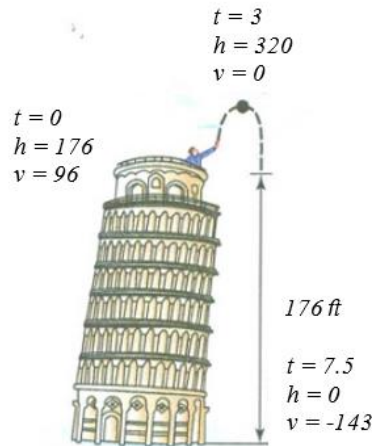
với s_0 và v_0 lần lượt là độ cao và vận tốc đầu của vật rơi tự do.

Ví dụ 1.2 (Bài toán xác định vị trí, vận tốc và gia tốc của một vật thể rơi).

Giả sử một người đứng trên nóc tòa tháp nghiêng Pisa (cao 176 ft) ném một quả bóng thẳng lên với vận tốc đầu 96 ft/s.

- Tìm độ cao, vận tốc và gia tốc của quả bóng tại thời điểm t .
- Khi nào quả bóng chạm đất và vận tốc chạm đất của nó là bao nhiêu?
- Tính tổng quãng đường mà quả bóng đi được?

Giải:



a. Thay các giá trị đã biết vào công thức tính độ cao của vật

$$\begin{aligned} h(t) &= -\frac{1}{2}(32)t^2 + 96t + 176 \\ &= -16t^2 + 96t + 176 \end{aligned}$$

Vận tốc tại thời điểm t là

$$v(t) = h'(t) = -32t + 96$$

Gia tốc là đạo hàm của vận tốc

$$a(t) = v'(t) = h''(t) = -32$$

b. Quả bóng chạm đất khi $h(t) = 0$, giải phương trình $-16t^2 + 96t + 176 = 0$

Ta tìm được $t \approx -1.47$ hoặc $t \approx 7.47$. Bỏ qua giá trị âm, ta thấy rằng quả bóng chạm đất khi $t \approx 7.47$ Vận tốc chạm đất là $v(7.47) \approx -143 \text{ ft/s}$

Dấu âm ở đây có nghĩa là quả bóng đang đi xuống tại thời điểm chạm đất.

c. Quả bóng đi lên một lúc rồi đi xuống. Ta cần tính khoảng cách mà nó đi lên cộng với khoảng cách mà nó rơi xuống. Điểm chuyển tiếp (điểm cao nhất) xảy ra khi vận tốc bằng 0. Giải phương trình

$$-32t + 96 = 0$$

ta tìm được $t = 3$. Tổng quãng đường quả bóng đi được là

$$|h(3) - h(0)| + |h(7.47) - h(3)| = |320 - 176| + |0 - 320| = 464 \text{ ft}$$

1.2. Mô hình hóa sử dụng qui tắc dây chuyền

Ví dụ 1.3. Một nghiên cứu về môi trường của một khu ngoại ô gợi ý rằng lượng CO trung bình hằng ngày trong không khí có thể được mô hình hóa bằng công thức $C(p) = \sqrt{0,5p^2 + 17}$

phần ngàn khi dân số là p ngàn. Có thể ước lượng là sau t năm kể từ bây giờ thì dân số trong khu ngoại ô sẽ là $p(t) = 3,1 + 0,1t^2$ ngàn. Hỏi sau 3 năm kể từ bây giờ thì tốc độ thay đổi của lượng CO theo thời gian sẽ là bao nhiêu?

Giải:

$$\frac{dC}{dt} = \frac{dC}{dp} \cdot \frac{dp}{dt} = \left[\frac{1}{2} (0,5p^2 + 17)^{-\frac{1}{2}} (0,5)(2p) \right] (0,2t)$$

$$\text{Khi } t = 3 \text{ thì } p(3) = 3,1 + 0,1(3)^2 = 4$$

$$\text{Nên } \left. \frac{dC}{dt} \right|_{t=3} = \left[\frac{1}{2} (0,5 \cdot 4^2 + 17)^{-\frac{1}{2}} (4) \right] (0,2) \cdot (3) = 0,24$$

Lượng CO sẽ thay đổi với tốc độ 0,24 phần ngàn một năm tại thời điểm sau 3 năm. Nó đang tăng vì dC/dt mang dấu dương.

2. Các tốc độ thay đổi có liên quan với nhau và ứng dụng

Nhiều vấn đề ứng dụng có chứa quan hệ hàm số $y = f(x)$, trong đó cả x và y đều là hàm của một biến khác, chẳng hạn như thời gian t . Đạo hàm của hàm ẩn cho phép chúng ta liên hệ giữa tốc độ thay đổi dy/dt và tốc độ dx/dt .

Mặc dù mỗi bài toán như vậy đều khác nhau, nhưng chúng ta có thể giải chúng theo cách sau đây:

Qui trình gồm các bước sau:

Bước 1: Vẽ hình (nếu cần thiết) và đặt biến cho những giá trị thay đổi. Chú ý là giá trị nào không thay đổi thì không được đặt biến.

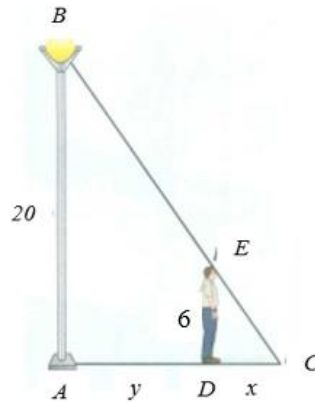
Bước 2: Tìm một công thức hay phương trình liên hệ giữa các biến.

Bước 3: Đạo hàm phương trình tìm được, thường thì chúng ta sẽ đạo hàm hàm ẩn theo thời gian.

Bước 4: Thay các giá trị số vào và giải để tìm tốc độ thay đổi được yêu cầu.

Ví dụ 2.1 (Bài toán bóng chuyển động). Một người cao 6 ft đang đi xa khỏi cây đèn đường cao 20 ft với tốc độ 7 ft/s. Độ dài của bóng người đó tăng với tốc độ bao nhiêu?

Giải:



Gọi x là chiều dài (theo ft) của bóng người và y là khoảng cách giữa người và đèn đường (như hình vẽ).

Gọi t là thời gian (theo giây)

Ta cần tìm $\frac{dx}{dt}$

Vì $\triangle ABC$ và $\triangle DEC$ đồng dạng, ta có

$$\frac{x+y}{20} = \frac{x}{6}$$

Biến đổi phương trình này thành $y = \frac{7}{3}x$, và đạo hàm cả hai vế theo t

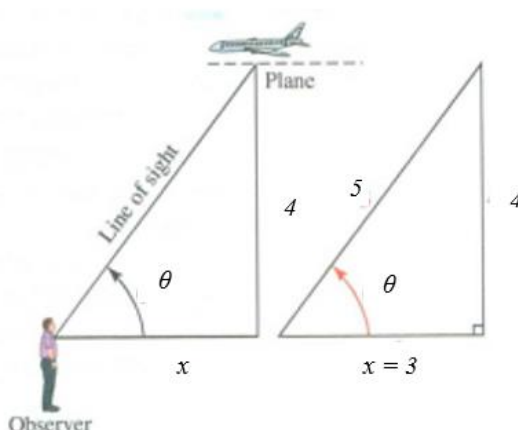
$$\frac{dy}{dt} = \frac{7}{3} \frac{dx}{dt}$$

mà $\frac{dy}{dt} = 7$ nên $7 = \frac{7}{3} \frac{dx}{dt}$, suy ra $\frac{dx}{dt} = 3$

Do đó chiều dài bóng người đang tăng với tốc độ 3 ft/s

Ví dụ 2.2 (Bài toán góc cất cánh). Mỗi ngày một chuyến bay từ Los Angeles bay ngay trên nhà tôi với độ cao là 4 dặm. Nếu tôi giả sử là máy bay đang bay với tốc độ không đổi là 400 dặm/giờ thì góc nhìn của tôi tới máy bay thay đổi theo thời gian với tốc độ bao nhiêu khi khoảng cách theo chiều ngang giữa vị trí của tôi và vị trí máy bay chính xác là 3 dặm.

Giải:



Gọi x là khoảng cách ngang giữa máy bay và người quan sát, như trong hình. Chiều cao của người quan sát được coi như không đáng kể so với độ cao của máy bay.

Góc quan sát θ có thể được tính bằng

$$\cot \theta = \frac{x}{4} \quad \text{hay} \quad \theta = \cot^{-1} \left(\frac{x}{4} \right)$$

Đạo hàm cả hai vế theo t để được

$$\frac{d\theta}{dt} = \frac{-1}{1 + \left(\frac{\pi}{4} \right)^2} \left(\frac{1}{4} \right) \frac{dx}{dt} = \frac{-4}{16 + x^2} \frac{dx}{dt}$$

Tại thời điểm mà $x = 3$, ta có $\frac{dx}{dt} = -400$ (giá trị âm vì khoảng cách đang giảm)

Do đó, góc nhìn đang thay đổi với tốc độ

$$\frac{d\theta}{dt} = \frac{-4}{16 + 3^2} (-400) = 600 \text{ rad/giờ}$$

Góc quan sát đang thay đổi với tốc độ 64 radian trên một giờ.

3. Kết luận

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả chỉ giới thiệu một số ít bài toán ứng dụng của đạo hàm hàm số một biến phù hợp với trình độ cao đẳng của sinh viên tại trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh trong rất nhiều bài toán ứng dụng trong vật lý, kỹ thuật và đời sống. Trong thời gian tới, tác giả sẽ cùng với các giảng viên trong bộ môn nghiên cứu đưa vào chương trình môn học Toán ứng dụng A dành cho sinh viên khối ngành kỹ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. K. Smith, M. Strauss and M. Toda-Calculus-6th National Edition-Kendall Hunt
- [2]. Đỗ Công Khanh, Nguyễn Minh Hằng, Ngô Thu Lương. ***Giải tích hàm một biến***. NXB Đại Học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh, 2018

NGHIÊN CỨU THỬ NGHIỆM HIỆU QUẢ XỬ LÝ NGUỒN NƯỚC NHIỄM AMONI BẰNG THỰC VẬT PHÙ DU QUY MÔ PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trần Thành Đạt

Trung tâm HTSV & QHDN, Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

Tóm tắt

Vấn đề ô nhiễm nguồn nước bề mặt từ nước thải sinh hoạt ở các miền quê nông thôn, rác thải từ chế biến thực phẩm các hộ dân, ao nuôi trồng thủy sản (ví dụ: ao nuôi cá da trơn, ...) hiện đang báo động đỏ, với những ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận. Hiện nay các nguồn thải từ ao nuôi này có quy mô nông hộ, rồi rác song lưu lượng khá lớn, tuy nhiên đa phần vẫn chưa có hệ thống xử lý đi kèm, thêm vào đó là vớt rác thực phẩm (đồ thừa của quá trình chế biến nguyên liệu từ hộ gia đình) vào kênh rạch, ao hồ diễn ra khá phổ biến ở các vùng nông thôn. Việc thử nghiệm mô hình xử lý nước ô nhiễm amoni bằng tảo (thực vật phù du) là cần thiết, để tài có những kết quả khách quan được ghi nhận. Kết quả thu được: Mô hình hấp thu NH_4^+ trong nước thải cho thấy tảo có thể hấp thu khá mạnh NH_4^+ trong nước, hiệu suất 80.4 % và hiệu suất 71.4% đối với TN (Nito tổng). Vì vậy, có thể sử dụng giải pháp này trong tự nhiên để hấp thu NH_4^+ phát sinh trong nuôi trồng thủy sản bằng các giải pháp sinh học. Kết quả của đề tài là các dẫn liệu có tính thực tiễn giúp cho việc định hướng và định hình các nghiên cứu tiếp theo cho nước thải ao nuôi trồng thủy sản bằng phương pháp sinh học tự nhiên thân thiện (hồ sinh học làm thoáng, cánh đồng trời...).

Từ khóa: Nước thải nuôi trồng thủy sản, nước ô nhiễm NH_4^+ , tảo, thực vật phù du, hồ sinh học.

Abstract:

The problem of surface water pollution from aquaculture ponds (for exemple: catfish ponds slippery...) is currently on red alert, with serious impacts on the quality of the receiving water. Currently, these sources of waste from farming ponds are small-scale and discrete, but the flow is quite large, but most of them still do not have an accompanying treatment system. The testing of a model of treating ammonium contaminated water with algae (plankton) has recorded objective results. The obtained results: Absorption model of NH_4^+ uptake in wastewater shows that algae can absorb quite strongly NH_4^+ in water, efficiency is 80.4% and efficiency is 71.4% for TN (Total Nitrogen). Therefore, this solution can be used in nature to absorb NH_4^+ generated in aquaculture by biological pond solutions. The results of the project are practical data to help guide and shape the next research for aquaculture pond wastewater using friendly natural biological methods (biological lake, irrigated fields, etc.)

Keywords: *Aquaculture wastewater, NH_4^+ polluted water, algae, phytoplankton, biological lake.*

1. Mở đầu

Nước thải từ việc nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy hải sản thực phẩm, nước thải sinh hoạt nông thôn thường có hàm lượng chất dinh dưỡng cao, trong đó nói đến amoni, nito tổng và phosphate vượt ngưỡng cho phép nhiều lần của môi trường tiếp nhận [1]. Nguồn chất thải này hiện nay vẫn chưa được xử lý triệt để và thải vào sông rạch, ao hồ trong khu vực, dẫn đến môi trường nước mặt xung quanh rất dễ bị ô nhiễm, dịch bệnh phát sinh, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, sức khỏe của người dân [3]

Riêng nước thải từ chế biến thực phẩm, ao nuôi thì với đặc tính nghề nuôi có tính chất nông hộ, nơi có nhiều diện tích, chất ô nhiễm phát sinh thuộc loại dễ phân hủy sinh học nên quy mô và biện pháp xử lý cần phải được cân nhắc và lựa chọn để tăng tính ứng dụng vào thực tiễn sản xuất [4]. Vì thế việc nghiên cứu giải pháp xử lý được chất thải từ quá trình nuôi sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển nghề nuôi một cách ổn định hạn chế được sự suy thoái môi trường.

Nắm bắt tình hình đó, đã đề xuất đề tài “Nghiên cứu thử nghiệm hiệu quả xử lý nguồn nước nhiễm Amoni bằng thực vật phù du quy mô phòng thí nghiệm” được thực hiện bước đầu để khảo sát hiệu quả hấp thu amoni của thực vật phù du, từ đó làm cơ sở đề xuất giải pháp xử lý nước bề mặt ao hồ, kênh rạch, nước thải ao nuôi cá da trơn bằng phương pháp sinh học tự nhiên nhằm tiết kiệm chi phí xử lý, nguyên liệu thân thiện môi trường và tận dụng nguồn dinh dưỡng này để phát triển các sản phẩm nông nghiệp khác.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Vật liệu

Nước thải nhân tạo có chứa chất ô nhiễm NH_4^+ và Nito tổng. Trên quy mô phòng thí nghiệm nghiên cứu sử dụng thực vật phù du (tảo *Chlorella* sp.) để hấp thu NH_4^+ bằng mô hình gồm 2 thùng: Thùng 1 (thùng mở nắp) để dưới ánh sáng tự nhiên để tảo phát triển bình thường; Thùng 2 (thùng đáy kín) không lấy ánh sáng nhằm không cho tảo phát triển; Cả 2 thùng đều được sục khí nhẹ để tạo sự xáo trộn cho tảo phát triển. Cấu trúc mô hình: mô hình được thiết lập trên 2 thùng kích thước là 60x40x60 cm, thể tích hữu ích là 140lít

2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Phương pháp thực nghiệm

Bổ sung NH_4Cl vào 2 thùng (2 mô hình) để được hàm lượng N- NH_4^+ là khoảng 6 mg/L. Tiếp tục bổ sung các muối vi lượng, dinh dưỡng để cho tảo phát triển. Sau khi chuẩn bị xong môi trường tiến hành bổ sung tảo *Chlorella* sp. vào các thùng trong mô hình với mật độ 3,05x10³ tb/L. Sau khi đã chuẩn bị xong môi trường và bổ sung tảo với điều kiện như nhau tiến hành thí nghiệm với cách thức ứng với mô hình bao gồm: Thùng 1 (thùng mở nắp) để dưới ánh sáng tự nhiên để tảo phát triển bình thường; Thùng 2 (thùng đáy kín) không cho tảo phát triển; Cả 2 thùng đều được sục khí nhẹ để tạo sự xáo trộn cho tảo phát triển.

2.2.2 Theo dõi mô hình thí nghiệm

Mô hình được tiến hành theo dõi liên tục trong 106 giờ với thời gian cụ thể như sau:

Bảng 1: Phân bố thời gian theo dõi mô hình

	Ngày 1			Ngày 2			Ngày 3			Ngày 4			Ngày 5		
Giờ trong ngày	7h00	12h00	17h00	7h00	12h00	17h00	7h00	12h00	17h00	7h00	12h00	17h00	7h00	12h00	17h00
Số giờ tích lũy	0	5	10	24	29	34	48	53	58	72	77	82	96	101	106

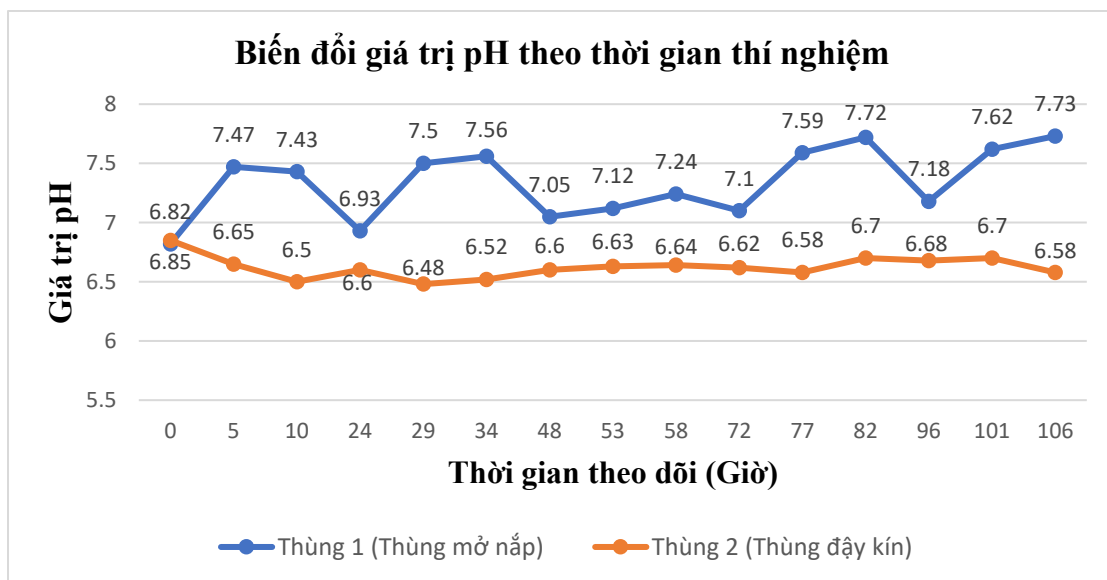
2.2.3 Các thông số môi trường được theo dõi

Để đánh giá sự thay đổi các thành phần dinh dưỡng, biến đổi môi trường và sự phát triển của tảo với 2 mô hình thí nghiệm ứng với 2 thùng với cách thức như trên, các thông số pH, NH_4^+ , TN, COD được theo dõi đúng theo thời gian được thể hiện tại bảng 1. Giá trị TSS chỉ được theo dõi vào thời gian buổi chiều hoặc trưa (ngày lấy và đo giá trị TSS 1 lần).

Các thông số môi trường của mẫu nước được phân tích tại Phòng thí nghiệm của Viện Thủy Lợi Miền Nam và phòng phân tích chuyên ngành của trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM, cụ thể là nhưng chỉ tiêu: pH, NH_4^+ , TN, COD, TSS.

3. Kết quả và thảo luận

3.1 Biến đổi giá trị pH

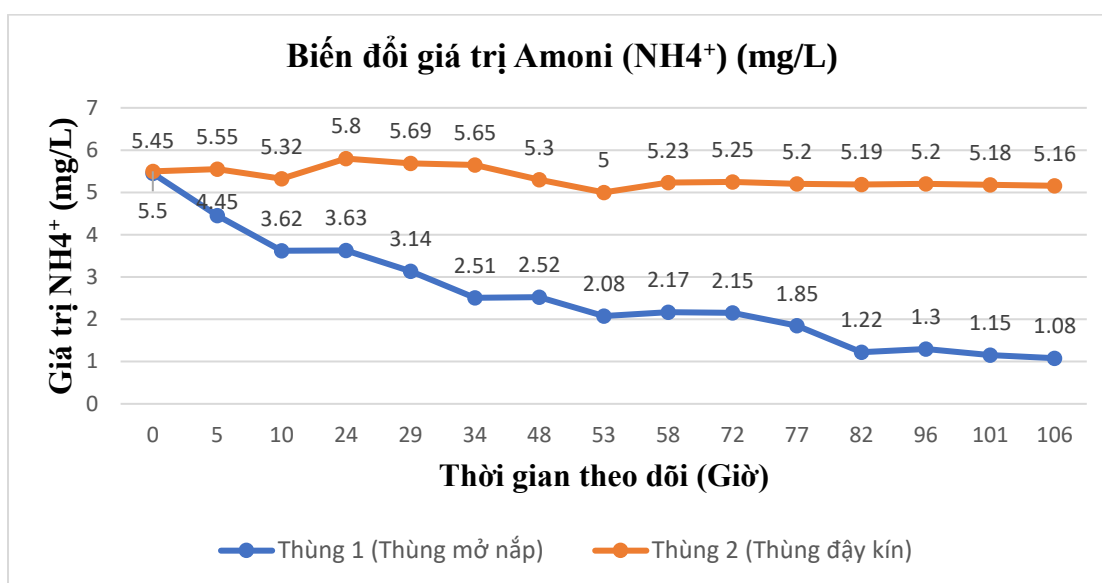


Hình 2: Biến đổi giá trị pH theo thời gian thí nghiệm

Từ hình cho thấy pH giữa mô hình mở nắp trong điều kiện chiếu sáng và mô hình đầy kín không được chiếu sáng có sự thay đổi và khác nhau rõ rệt. Tại thùng 1 (được chiếu sáng) giá trị pH luôn luôn cao hơn rất nhiều so với thùng 2 (không được chiếu sáng). Điều này được giải thích trong thùng 1 được chiếu sáng do thực vật phát triển mạnh là yếu tố làm cho giá trị pH tăng cao. Sự hoạt động quang hợp mạnh của thực vật cũng phản ánh được sự chuyển hóa các chất trong bể được chiếu sáng đang diễn ra theo hướng tổng hợp là rất rõ nét, phù hợp với bản chất sinh trưởng phát triển của thực vật của các nghiên cứu trước đây.

Ngược với quá trình quang hợp là quá trình hô hấp, nhất là khi vào ban đêm tảo lại hấp thụ oxy và thải CO₂, quá trình này diễn ra mãnh liệt gây ra tình trạng thiếu oxy và pH trong nước cũng giảm sau một đêm, vì vậy giá trị pH tại mẫu lấy buổi sáng (7h00 sáng) thường sẽ thấp hơn pH đo tại lúc 17h00 chiều hôm trước. Riêng thùng 2 (đầy kín) không có ánh sáng vì vậy tảo phát triển kém, ít tảo thì quá trình quang hợp và hô hấp xảy ra bên trong mô hình không có xảy ra nhiều, dẫn đến giá trị pH trong thùng 2 này không thay đổi rõ nét.

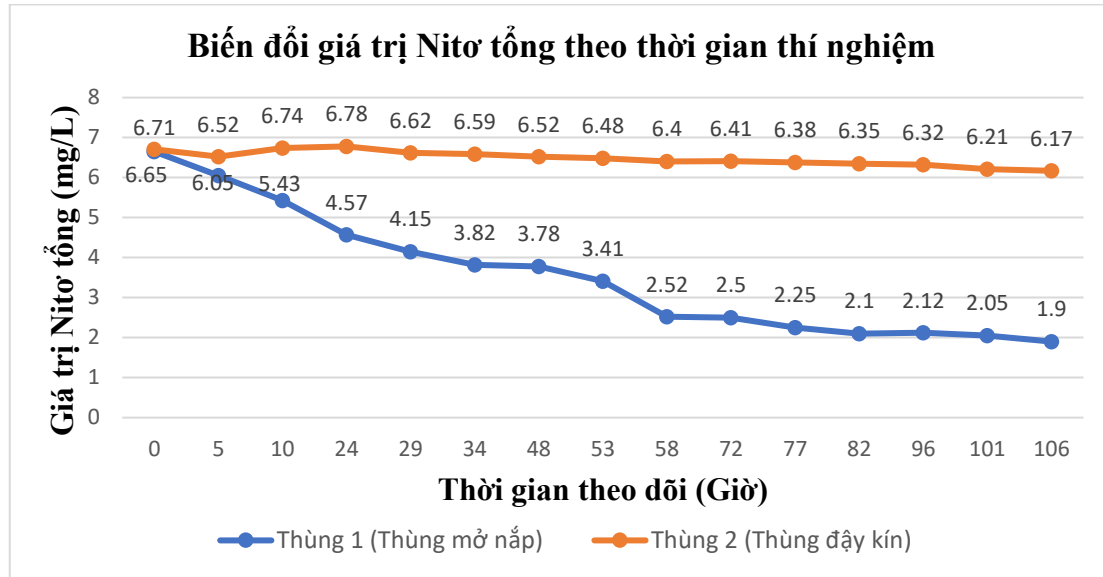
3.2 Biến đổi hàm lượng N- NH₄⁺



Hình 3: Biến đổi hàm lượng N-NH₄⁺ theo thời gian thí nghiệm

Từ hình cho thấy với cùng một hàm lượng NH₄⁺ đầu vào tuy nhiên tại thùng 1 được chiếu sáng giá trị NH₄⁺ giảm rất nhanh sau 4 ngày theo dõi hàm lượng NH₄⁺ từ 5,45 mg/L xuống còn 1,05 mg/L (đạt hiệu suất 80.7%), trong khi tại thùng 2 đầy kín không được chiếu sáng giá trị NH₄⁺ vẫn là khoảng 5 mg/L (5.50; 5.16 mg/L). Điều này khẳng định thực vật phù du, cụ thể ở đây là tảo có tác dụng rất hiệu quả trong việc hấp thụ NH₄⁺ trong nước. Như vậy có thể sử dụng đối tượng này để hấp thụ NH₄⁺ trong các nguồn nước thải thủy sản hay ao nuôi cá bằng hồ sinh học hoặc trên các mương dẫn trong vùng trồng nông nghiệp.

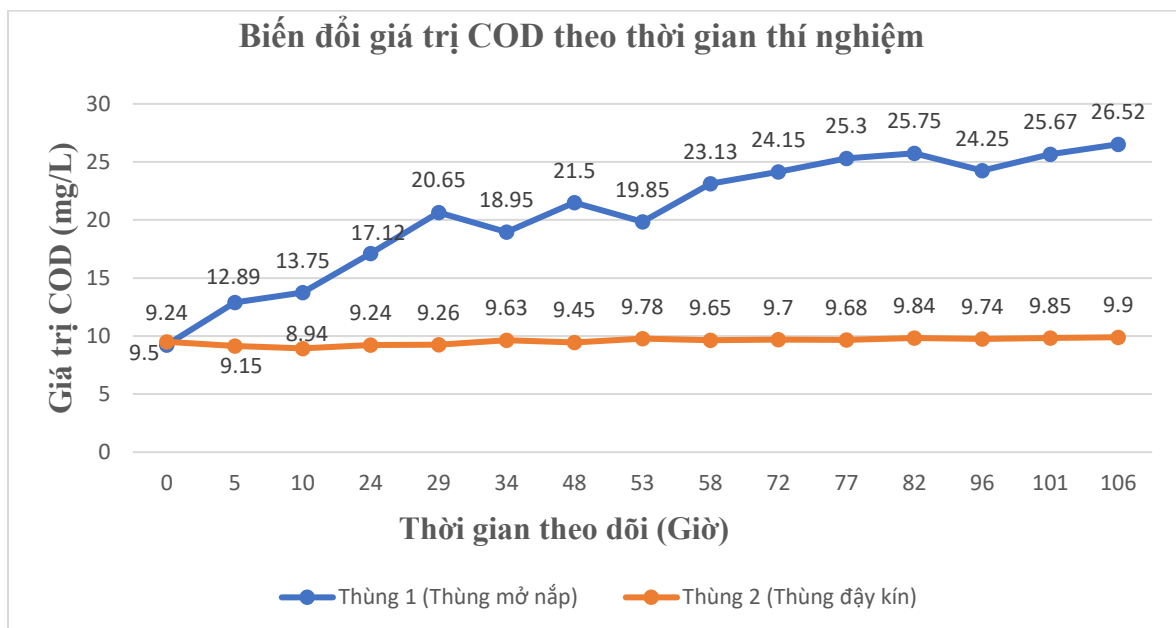
3.3 Biến đổi hàm lượng tổng Nitrogen hòa tan (TN)



Hình 4: Biến đổi hàm lượng TN theo thời gian thí nghiệm

Từ hình cho thấy tương tự hàm lượng NH_4^+ giá trị TN trong thùng 1 được chiếu sáng cũng giảm rất nhiều theo thời gian (từ 6.65 mg/L xuống 1.90 mg/L, đạt hiệu suất 71.4%) do tảo theo thời gian thí nghiệm thì càng phát triển mạnh. Riêng thùng 2 đậy kín thì hiệu quả xử lý giá trị TN vẫn không đáng kể, gần như không có. Điều này góp phần khẳng định thực vật phù du đã có tác dụng tách được nito ra khỏi nguồn nước và được cố định lại dưới sinh khối của thực vật phù du.

3.4 Biến đổi giá trị COD

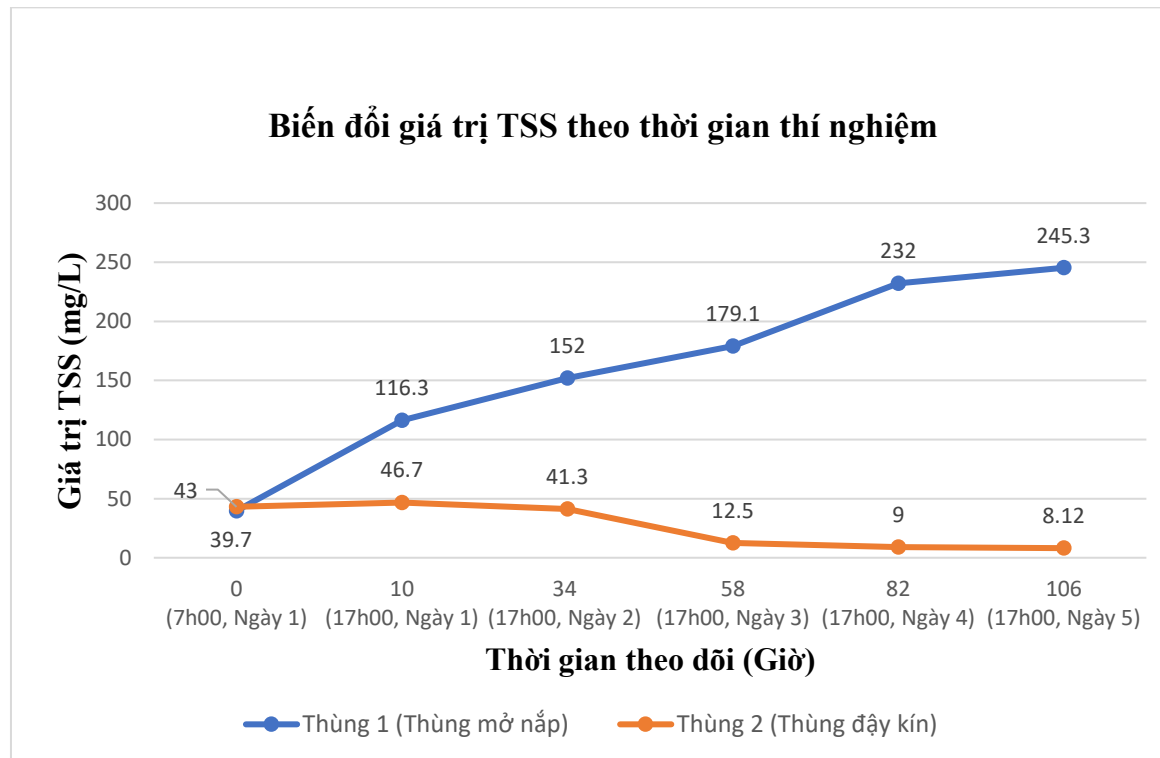


Hình 5: Biến đổi giá trị COD theo thời gian thí nghiệm

Từ hình cho thấy ở thùng 1 được chiếu sáng giá trị COD trong nước tăng khá nhanh theo thời gian. Sau 5 ngày giá trị COD trong nước lên đến 26.52 mg/L trong khi tại thùng 2 không được chiếu sáng giá trị COD hầu như không tăng mà đôi khi còn có xu thế giảm dần. Kết quả này phản ánh đúng yếu tố hoạt động của thực vật phù du trong mô hình khi quang hợp tăng sinh khối làm tăng hàm lượng chất hữu cơ trong nước.

3.5 Biến đổi giá trị TSS

Sau 5 ngày khảo sát, giá trị TSS có sự thay đổi lớn và khác biệt giữa 2 thùng trong mô hình.



Hình 6: Biến đổi giá trị TSS theo thời gian thí nghiệm

Giá trị TSS tại thùng 1 được chiếu sáng tăng lên rõ rệt, từ 39.7 mg/L lên 245.3 mg/L. Điều này có thể giải thích do tảo phát triển rất nhanh vì được hỗ trợ đầy đủ các điều kiện dinh dưỡng, ánh sáng tự nhiên và các chất khí hòa tan. Trong khi đó, tại thùng 2 (đậy kín) thì TSS không tăng mà xu hướng giảm dần xuống 8.12 mg/L (sau 5 ngày), vì ngày đầu tảo mới còn tồn tại trong nước, về sau không có đủ ánh sáng và môi trường nên tảo mới không có môi trường thuận lợi để phát triển và dần chết đi, vì thế TSS không tăng. Tảo mới bị chết đi và phân hủy thành bùn lắng xuống dưới, vì vậy TSS càng về sau càng giảm. Kết quả này phản ánh đúng yếu tố hoạt động của thực vật phù du trong mô hình khi quang hợp tăng sinh khối trong mô hình thí nghiệm.

4. Kết luận

Sau quá trình khảo sát và theo dõi mô hình, nhận thấy tảo *Chllorella* sp. có khả năng hấp thu amoni và nitơ tổng khá cao. Cụ thể NH_4^+ trong mô hình mở nắp và được chiếu sáng tự nhiên giảm rất nhanh sau 5 ngày theo dõi. Hàm lượng NH_4^+ từ 5,45 mg/L xuống còn 1,05 mg/L (đạt hiệu suất 80.4%), trong khi tải mô hình không được chiếu sáng giá trị NH_4^+ vẫn khoảng 5 mg/L. Giá trị TN trong bể được chiếu sáng cũng giảm rất nhiều (từ 6.65 mg/L xuống 1.90 mg/L, đạt hiệu suất 71.4%). Điều này góp phần khẳng định thực vật phù du đã có tác dụng rất hiệu quả trong việc hấp thu NH_4^+ trong nước, tác dụng tách được nitơ ra khỏi nguồn nước và được cố định lại dưới sinh khối của thực vật phù du. Ngoài ra cũng khảo sát và cho thấy rõ sự biến thiên một số thông số môi trường liên quan.

Như vậy có thể sử dụng đối tượng này để hấp thu NH_4^+ và nitơ tổng trong nước ao hồ bị nhiễm amoni, nước thải từ ao nuôi cá dứa trơn, thủy sản bằng hồ sinh học hoặc trên các ruộng dẫn trong vùng trồng nông nghiệp.

Nghiên cứu chỉ mới dừng lại ở khảo sát hiệu quả xử lý với mẫu nước thải giả định. Theo đó, hướng nghiên cứu tiếp theo sẽ đánh giá hiệu quả xử lý Amoni và khảo sát yếu tố ảnh hưởng có trong mẫu nước thải thực tế. Tuy nhiên, kết quả của đề tài là các dẫn liệu có tính thực tiễn giúp cho việc định hướng và định hình các nghiên cứu tiếp theo cho nước thải ao nuôi trồng thủy sản bằng phương pháp sinh học tự nhiên thân thiện (hồ sinh học làm thoáng, cánh đồng tước...).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Amit Gross a, Claude E. Boyd a,*, C.W. Wood b, Nitrogen transformations and balance in channel catfish ponds, a Department of Fisheries and Allied Aquacultures, Auburn University, Auburn, AL 36849-5419, USA b Department of Agronomy and Soils, Auburn University, Alabama 36849-5419, USA Received 29 March 2000; accepted 24 July 2000
- [2]. John A. Hargreaves a,1,*, Craig S. Tucker b, Defining loading limits of static ponds for catfish aquaculture, a Department of Wildlife and Fisheries, Mississippi State University, Box 9690, Mississippi State, MS 39762-9690, USA b Thad Cochran National Warmwater Aquaculture Center, Mississippi State University, P.O. Box 197, Stoneville, MS 38776, USA
- [3]. Cao van Phung¹, Nguyen be Phuc^{1,2}, Tran kim Hoang² and Bell R.W, TÁI CHẾ CHẤT THẢI AO CÁ ĐỂ CANH TÁC LÚA Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG, VIỆT NAM
- [4]. <http://www.krwa.net/lifeline/currentissue/0507reduce.pdf>
- [5]. <http://www.xipit.com/thuy-sinh/phat-trien-cham-soc/333-green-water-cao-luc>

IMPROVING GRID-CONNECTED ROOFTOP SOLAR PHOTOVOLTAIC PERFORMANCE

Nguyễn Văn Phước

Khoa Điện – Điện tử, Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Abstract—In this paper, a Perturb and Observe (P&O) algorithm for Maximum Power Point Tracker (MPPT) for a rooftop solar Photovoltaic (PV) grid-connected is presented. Since MPPT maximizes the power output from a PV system for a given set of conditions and therefore maximizes the array efficiency, thus an MPPT can minimize the overall system cost. Besides designing a P&O algorithm for MPP tracking to maximize the power extraction to the grid of a rooftop 5 kWp PV system, the other goal of this paper is to reduce power oscillation to enhance the power quality of the grid-tie PV inverter. Time-domain simulation results of the studied grid-connected 5-kWp rooftop solar PV system with different operating conditions are shown by using MATLAB/SIMULINK toolbox. Based on the simulation results, it can be concluded that the proposed P&O algorithm not only shown the better performance of the MPP tracking but also improve the damping characteristic of the studied system.

Keywords—Rooftop solar PV, Perturb and Observe, MPPT, Grid-connected.

INTRODUCTION

The photovoltaic (PV) system has become one kind of important renewable energy source. Solar energy has the advantages of the maximum reserve, inexhaustibleness, and is free from geographical restrictions. In which, rooftop solar PV power will grow in a short time such as in India, 40 GWp is to be complemented by rooftop solar PV power plants by the year 2022 [1]. For a small-scale rooftop PV system, a 5 kWp rooftop solar PV system with crystalline solar cells was studied helping to understand how crystalline solar cells perform under the weather conditions of Coimbatore, India [2].

For residential as well as commercial applications, the solar rooftop plant of 1 kWp, carbon dioxide discharges mitigated is 28 tonnes. Therefore, the development of this kind of system provides green energy for storage and also worthwhile development of the society [3]. However, based on a real photovoltaic project which measured energy data during a year shows that investment decisions on renewable distributed generation are significantly affected by technology costs, national financial conditions, and tariffs. The surplus of electrical energy generated by solar systems can be sold to the grid through the EXIM meter [4, 5]. For optimizing the capacity of solar (PV) and battery energy storage (BES) for grid-connected households to minimize the net present cost of electricity, two system configurations household with a solar PV and a BES were studied in [6].

Improving the efficiency of the PV panel and the inverter is not easy as it depends on the technology available, it may require better components, which can increase drastically the cost of the installation. To optimize the operation process and increase the efficiency of the PV system that included PV panels, boost inverter and a resistance load, two methods of Maximum Power Point Tracker (MPPT) in the global algorithm were suggested in [7]. The performance comparison between Sliding Mode Controller and Perturb and Observe (P&O) controller has been carried out to demonstrate the effectiveness of SMC to draw much energy and fast response against change in working conditions. However, in [8], an improved P&O method only perturbs and observes a single variable therefore the circuit is simplified. This design is applicable for most PV applications and is easily made into an IC.

The content of this paper includes: The introduction is presented in Section I. In Section II, the Studied system configuration is presented. The designed P&O controller for MPP tracking is shown in Section III. Simulation results are illustrated in Section IV and some conclusions are presented in Section V.

STUDIED SYSTEM CONFIGURATION

The proposed system configuration is introduced in Fig. 1 which is including a 5 kWp rooftop solar PV system connected to the power system through a Solar grid-tie inverter. For improving the voltage quality, a filter is proposed to connect at the Point of Common Coupling (PCC) bus. The utilized mathematical models of the studied system are described below.

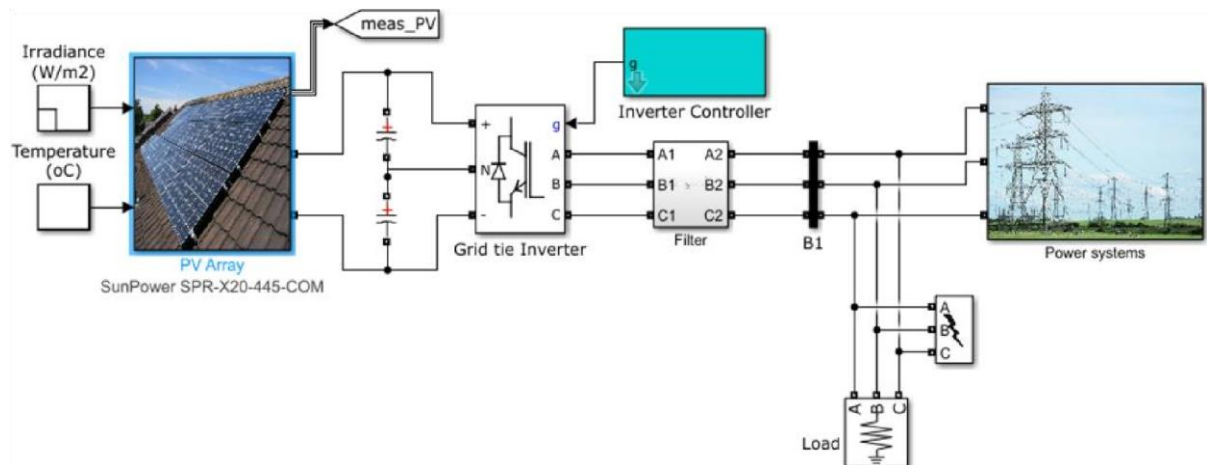


Fig.1. Block diagram of the studied system

PV system model

PV cell is a device that is made up of semiconductor materials such as silicon, gallium arsenide, and cadmium telluride... that converts sunlight directly into electricity. To obtain the required voltage and power, many modules are connected in parallel to form a PV array.

Fig. 2 shows an equivalent circuit diagram of a PV array including an equivalent shortcircuit current source I_{SC} in parallel with a diode and a shunt resistor R_{sh} , where N_s is the number of cells in series, N_p is the number of modules in parallel and R_s is a series resistance.

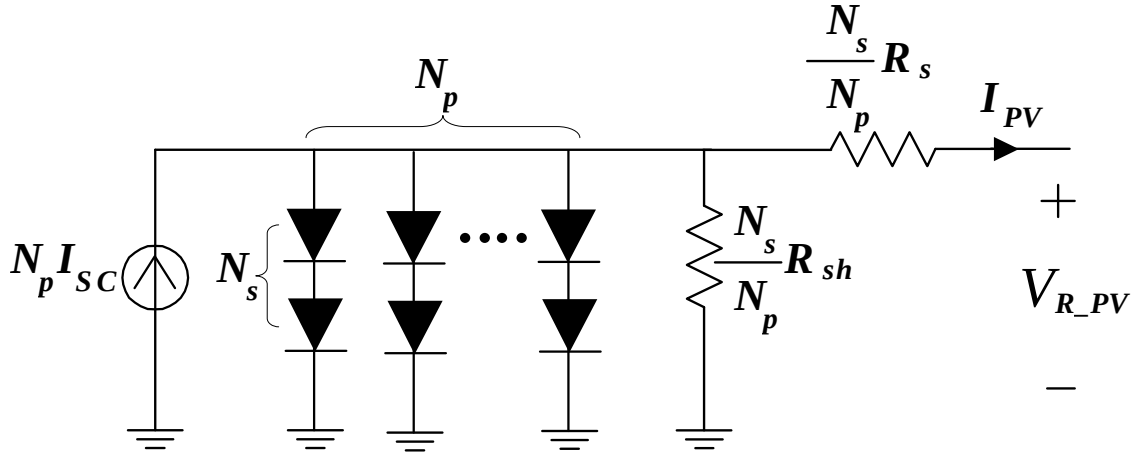


Fig.2. The equivalent circuit diagram of a PV array

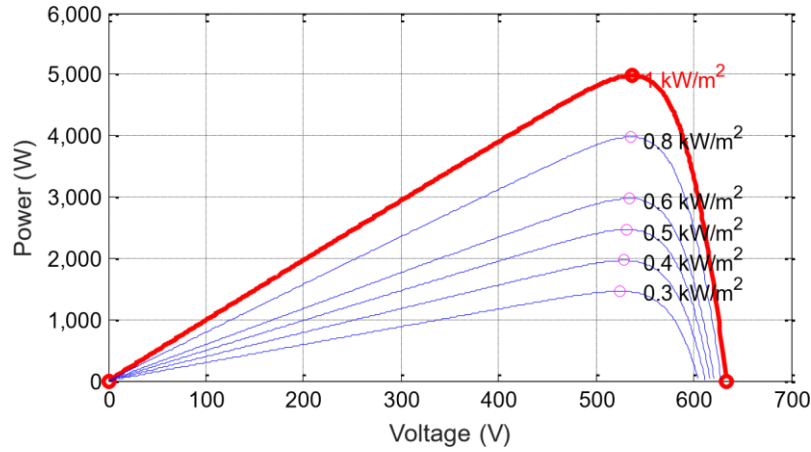


Fig.3. Irradiance effect on the P-V curve

The equivalent-circuit model of the PV array shown in Fig. 3 can be expressed by the following equations [2, 7, 8]:

$$I_{PV} = N_p I_{SC} - N_p I_D \left(e^{\frac{q}{AkT} \left(\frac{V_{R_PV}}{N_s} + \frac{R_s I_{PV}}{N_p} \right)} - 1 \right) - \frac{N_p}{R_{sh}} \left(\frac{V_{R_PV}}{N_s} + \frac{R_s I_{PV}}{N_p} \right) \quad (1)$$

V_{R_PV} is the output voltage of the PV array,

q is the charge of an electron ($q = -1.602 \times 10^{-19}$ C),

k is Boltzmann constant ($k = 1.38 \times 10^{-23}$ J/K),

T is the temperature in K,

A is the quality factor which is a constant,

I_D is the reverse saturation current of the diode,

I_{SC} is the short-circuit current under the solar radiation of 1000 W/m^2 .

TABLE 1. PV MODULE DATA

No.	Parameters	Values
1	Maximun Power (W)	444.86
2	Cell per module	128
3	Open circuit Voltage (V)	90.5
4	Voltage at Maximum Power Point (V)	76.7
5	Short-circuit Current (A)	6.21
6	Current at Maximum Power Point (A)	5.8

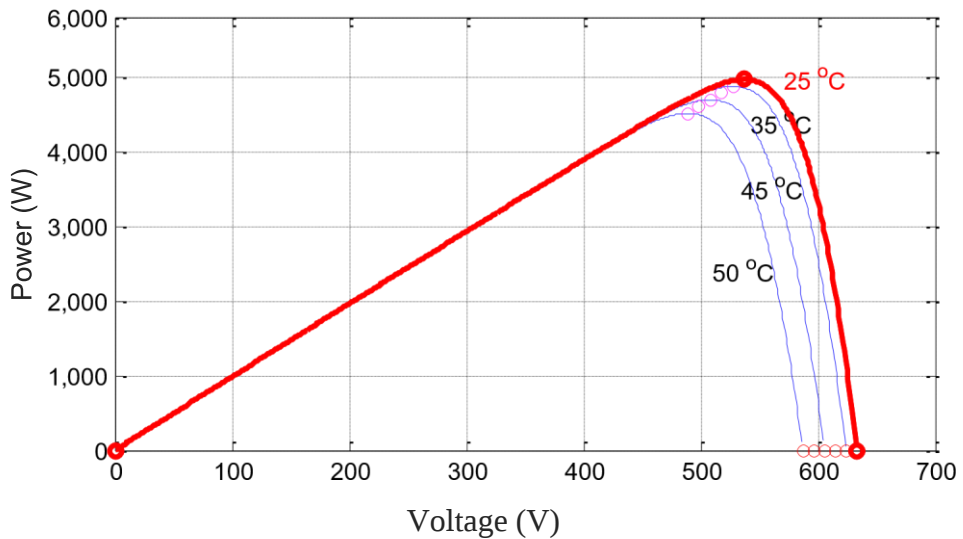


Fig.4. Temperature effect on the P-V curve

In this paper, a Sunpower SPR-X20-445-COM PV panel is selected with the rated parameters are listed in Table I as well as its P-V curves for a rated 5 kWp solar PV system affected by irradiance and temperature are shown in Fig. 3 and Fig. 4, respectively.

Power system model

For modeling the power system, the same Synchronous Generator (SG) model is developed in [9-11] is used. This model is taken into account the sub-transient effects and is established based on the following assumptions:

- ✦ The rotor has two windings on each axis, i.e., one field winding and one damper winding on the d -axis and two damper windings on the q -axis,
- ✦ The model is established on the dq -axis reference frame that is fixed on the rotor of the SG,
- ✦ The transients of stator windings and the effects of speed deviation in the statorwinding voltage equations are properly neglected.

PERTURB AND OBSERVE ALGORITHM DESIGN

In this paper, a P&O algorithm is proposed to design for tracking the MPP of the PV solar system as shown in Fig. 6. In this algorithm, a slight perturbation causes the power of the solar module to change. If the power increases due to the perturbation then the perturbation is continued in that direction [7, 8]. After the peak power is reached the power at the next instant decreases and hence after that, the perturbation reverses. When the steady-state is reached the algorithm oscillates around the peak point.

To keep the power variation small the perturbation size is kept very small. The advantages of this algorithm are simplicity and ease of implementation. However, P&O has limitations that reduce its MPPT efficiency. However, for optimizing the controller parameters, the results show that it has good tracking accuracy and efficiency of MPPT more than 99% under variable solar irradiation [8].

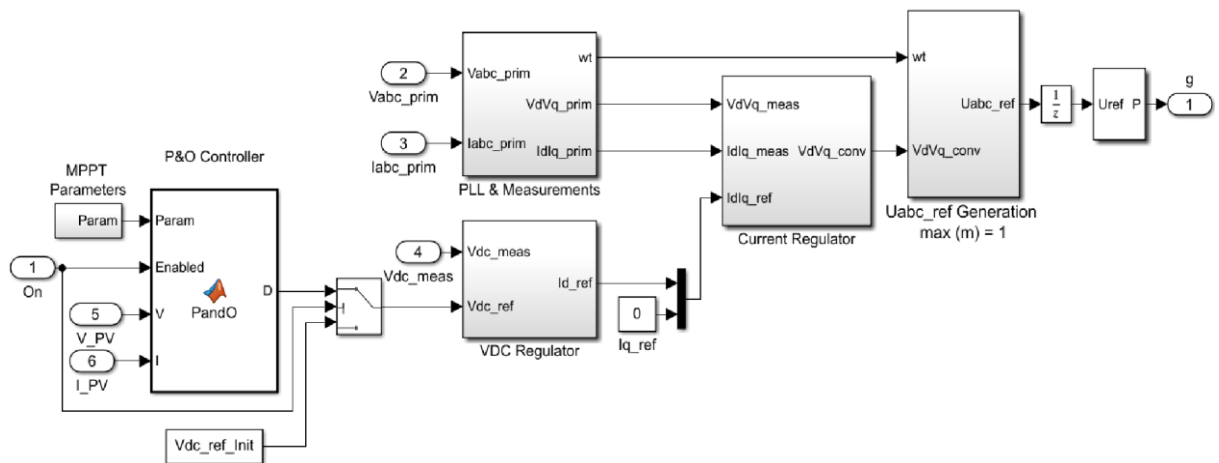


Fig. 5. The Matlab model of the proposed P&O

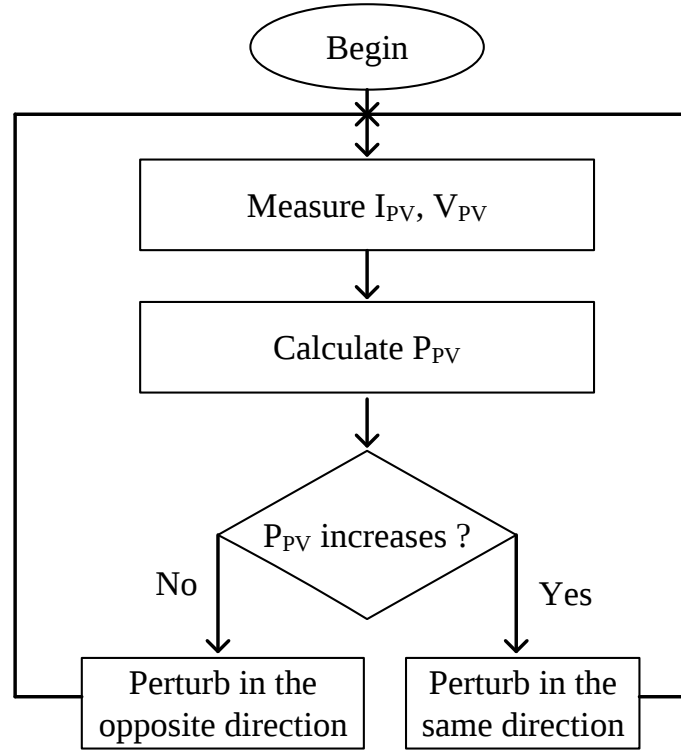


Fig.6. Flowchart of the P&O algorithm

SIMULATION RESULTS

This section will present simulation results of the nonlinear system model developed in Section II for comparing the contributed by the proposed P&O controller for tracking the MPP of the PV system as well as improving the dynamic stability of the studied system under different operating conditions. The simulation results in this section are carried out using MATLAB/SIMULINK toolbox [11, 12].

Fig. 8 to Fig. 10 show the comparative transient responses of the studied system between reference values (blue lines) and the measure values (green lines) of the current in d-axis, the voltage at DC-link, and the extracted power of solar PV system when the irradiation is given in Fig. 7.

It is observed from the comparative transient results that when irradiation condition is changed, thanks for the P&O controller, the responses of the solar PV system followed the reference values.

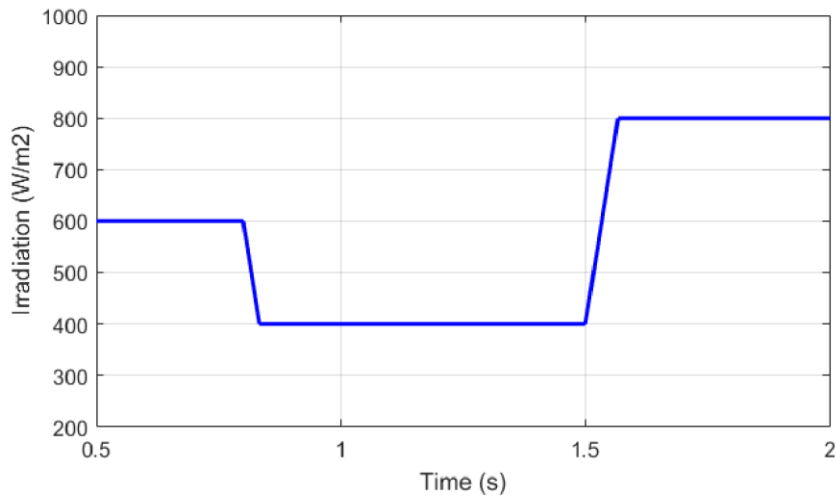


Fig.7. Irradiation in the PV system

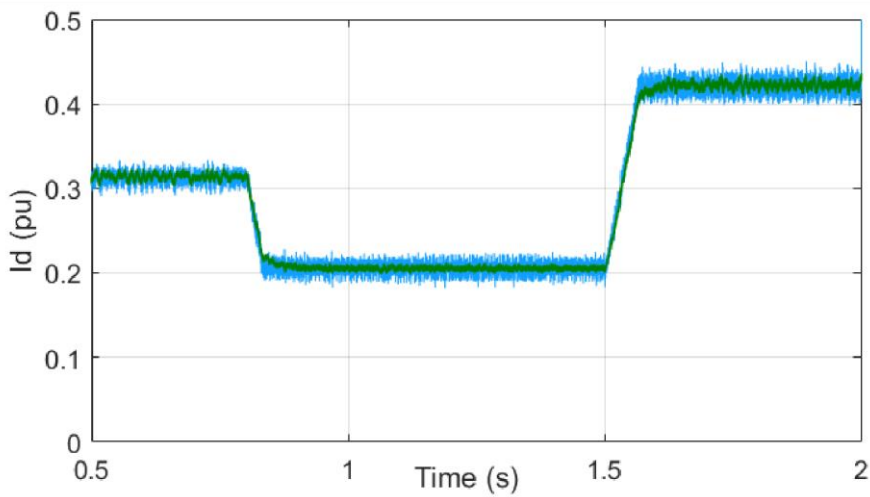


Fig.8. Current in d-axis of the PV system.

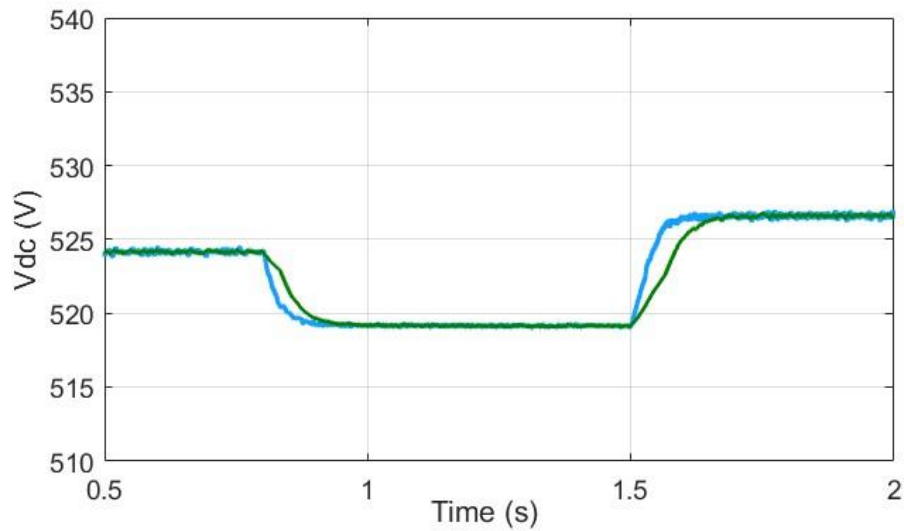


Fig.9. Voltage at DC-link of the PV system.

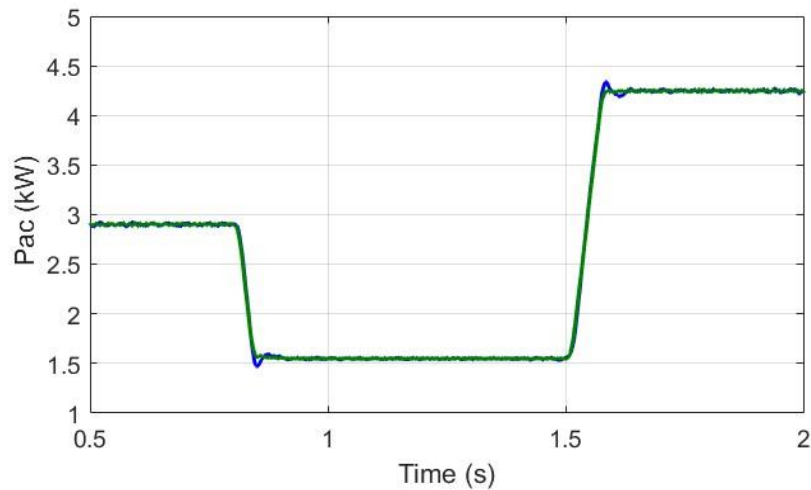


Fig.10. Active power of the output PV system

For more details, in Fig. 11 to Fig. 13, the comparative of mentioned above parameters are tested in the condition of irradiation is 800 W/m^2 when a three-phase short-circuit fault happened at the power grid at 2.4 s and lasting in 0.1 s. It is observed from the responses in this scenery that the oscillations of current, DC voltage and active power of the studied system are happened and still kept the reference values.

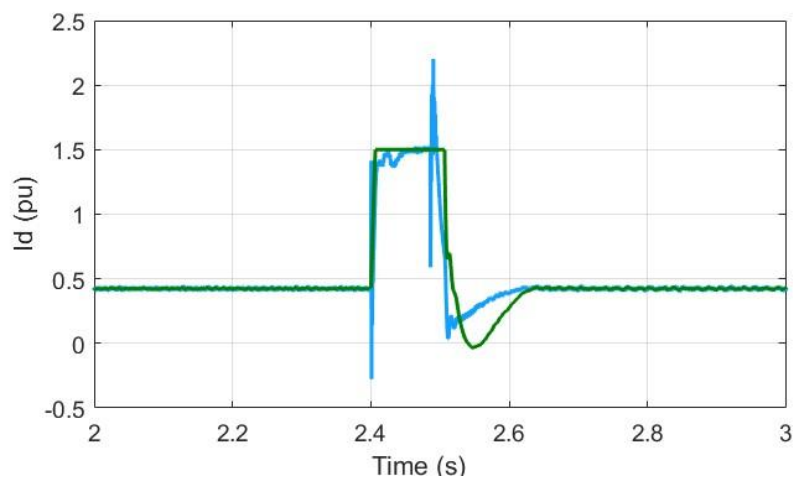


Fig.11. Current of solar PV system when a three-phase fault happened

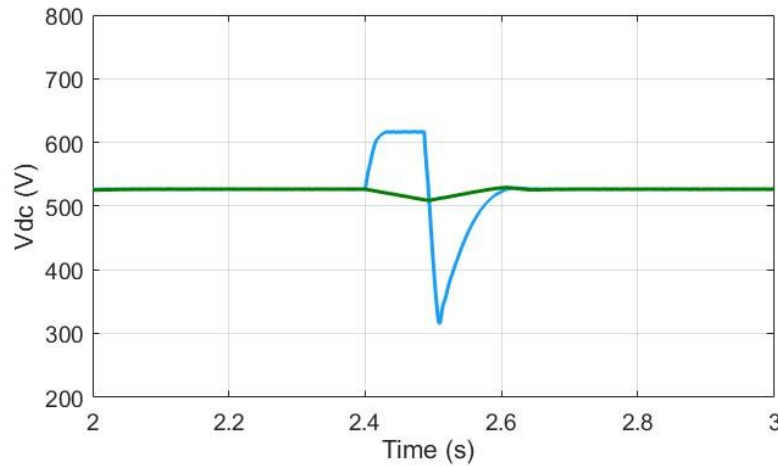


Fig.12. Voltage at DC link when a three-phase fault happened

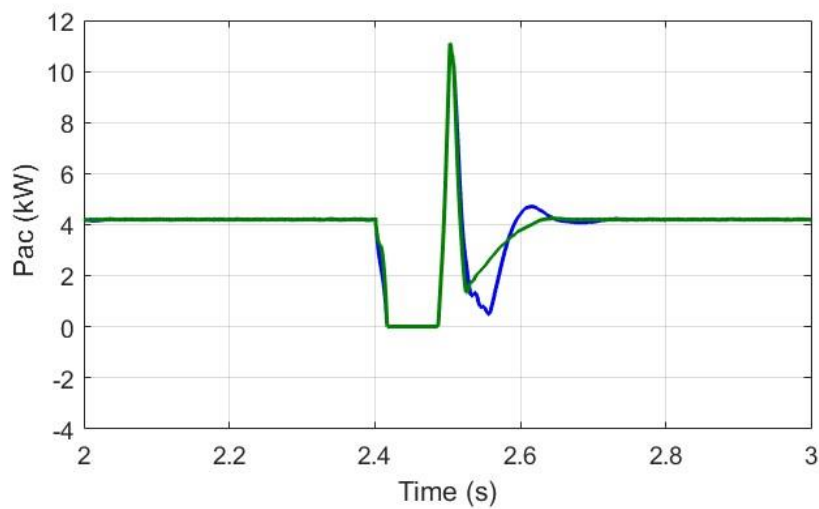


Fig.13. Active power of solar PV system when a three-phase fault happened

CONCLUSIONS

This paper has presented the comparative stability improvement of a grid-connected rooftop solar PV system. To supply the maximum power from the Solar PV system, a P&O controller is proposed for MPP tracking. Comparative time-domain simulation results of the studied system under different irradiation conditions and a three-phase short-circuit fault at the power system are been systematically performed to demonstrate the effectiveness of the proposed controller on tracking the MPP as well as suppressing inherent oscillations of the studied system. It can be concluded from the simulation results that the proposed P&O controller has better damping characteristics to improve the performance of the rooftop Solar PV energy system fed to the national power grid under severe operating conditions.

REFERENCES

- [1]. Y. Sharma, B. K. Saxena, and S. Mishra, "Techno-Economic Analysis of Rooftop Solar PV System by Variation in PV Module Capacity," *2019 2nd International Conference on Power and Embedded Drive Control (ICPEDC)*, pp. 355-360, 2019.
- [2]. K. Atluri, S. M. Hananya, and B. Navothna, "Performance of Rooftop Solar PV System with Crystalline Solar Cells," *2018 National Power Engineering Conference (NPEC)*, pp. 1-4, 2018.
- [3]. K. C. Rout and P. Kulkarni, "Design and Performance evaluation of Proposed 2 kW Solar PV Rooftop on Grid System in Odisha using PVsyst," *2020 IEEE International Students' Conference on Electrical, Electronics and Computer Science (SCEECS)*, pp. 1-6, 2020.
- [4]. G. Coria, F. Penizzotto, and R. Pringles, "Economic analysis of photovoltaic projects: The Argentinian renewable generation policy for residential sectors", *Renewable Energy*, 2018.
- [5]. J. Windarta, D. Denis, S. Saptadi, J. S. Silaen, and D. A. Satrio, "Implementation and Testing of Rooftop Solar Power Plant with OnGrid System 1215 Wp Household Scale," *2020 7th International Conference on Information Technology, Computer, and Electrical Engineering (ICITACEE)*, pp. 294-299, 2020.
- [6]. R. Khezri, A. Mahmoudi, and M. H. Haque, "Optimal Capacity of Solar PV and Battery Storage for Australian Grid-Connected Households," in *IEEE Transactions on Industry Applications*, vol. 56, no. 5, pp. 5319-5329, Sept.-Oct. 2020.
- [7]. H. Afghoul, D. Chikouche, F. Krim and A. Beddar, "A comparative study between sliding mode controller and P&O controller applied to MPPT," *2013 International Renewable and Sustainable Energy Conference (IRSEC)*, pp. 112-117, 2013.
- [8]. C. Wang, M. Chen, X. Zhang and M. Gao, "An analog MPPT controller without multiplier for PV applications based on simplified P&O method," *2017 IEEE Energy Conversion Congress and Exposition (ECCE)*, pp. 2296-2300, 2017.
- [9]. P. Kundur, *Power System Stability and Control*, New York: McGraw-Hill, 1994.
- [10]. X. Xu, R. M. Mathur, J. Jiang, G. J. Rogers, and P. Kundur, "Modeling of generators and their controls in power system simulations using singular perturbations," *IEEE Trans. Power Systems*, vol. 13, no. 1, pp. 109-114, Feb. 1998.
- [11]. L. Wang and D.-N. Truong, "Stability enhancement of a power system with a PMSG-based and a DFIG-based offshore wind farms using an SVC with an adaptive-network-based fuzzy inference system", *IEEE Transactions on Industrial Electronics*, vol. 60, no. 7, pp. 2799-2807, 2013.
- [12]. D. Truong, M. N. Thi, H. Le, V. Do, V. Ngo, and A. Hoang, "Dynamic Stability Improvement Issues with a Grid-Connected Microgrid System," *2019 International*

Conference on System Science and Engineering (ICSSE), Dong Hoi, Vietnam, pp. 214-218,
2019

THIẾT KẾ MÁY CẮT CHỈ THỪA TỰ ĐỘNG – MỘT GIẢI PHÁP KINH TẾ CHO CÁC CÔNG TY SẢN XUẤT CHỈ Ở VIỆT NAM

Tô Thị Mỹ Hồng; Nguyễn Chánh Tín

Khoa Cơ khí - Trường Cao Đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Thiết kế máy cắt chỉ thừa tự động nhằm đưa ra các giải pháp về nguyên lý tách và cắt phần chỉ thừa dài 150 mm của suốt chỉ có kích thước đường kính 20 mm, cao 15 mm, nhằm tạo ra sản phẩm suốt chỉ thành phẩm trong các nhà máy dệt may, cải tiến các hạn chế của máy tạo suốt chỉ hiện đang có. Đề tài được thực hiện nhằm giải phóng con người ra khỏi môi trường làm việc căng thẳng, mệt mỏi, nguy hiểm, hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật, đồng bộ hóa hệ thống sản xuất, tăng năng suất, giảm chi phí. Đây là một giải pháp hữu ích để nâng cao hiệu quả kinh tế của quá trình sản xuất suốt chỉ trong các nhà máy dệt may và sản xuất suốt chỉ.

Từ khóa: chỉ thừa, suốt chỉ.

Abstract: *The design of the automatic cutter is only intended to provide solutions to the principle of separation and cutting of just over 150 mm length of bobbins which have 20 mm diameter and 15 mm height in order to produce a finished product in textile factories, improvements to the rest of the now available machine. The topic is to release people from the stressful, fatigue, dangerous working environment, perfect the product according to technical requirements, synchronize the production system, increase productivity and reduce costs. This is a useful solution to improve the economic efficiency of the production process throughout the textile and garment manufacturing industry only.*

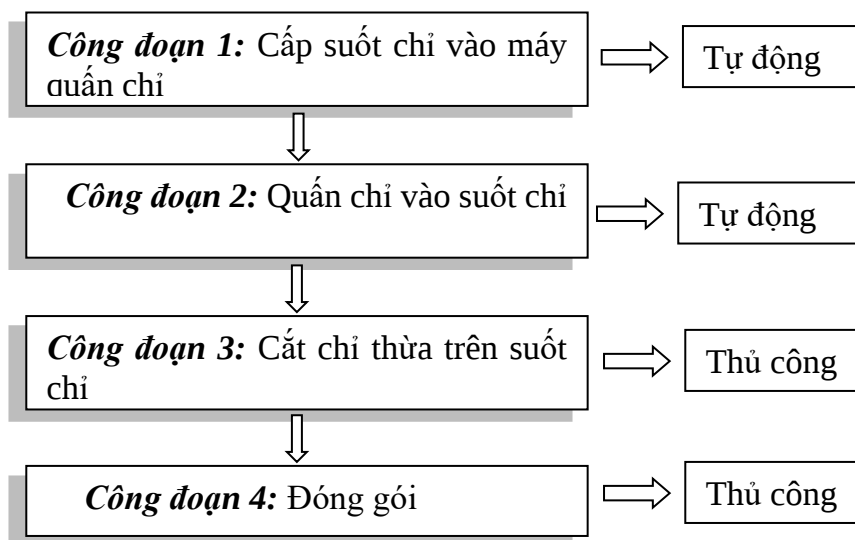
Keywords: *thread residual, bobbins.*

1. Đặt vấn đề

Bước sang thế kỷ 21, xu thế quốc tế hóa ngày càng phát triển mạnh mẽ, phân công lao động ngày càng sâu sắc, hầu hết các quốc gia đều mở cửa nền kinh tế để tận dụng triệt để hiệu quả lợi thế so sánh của nước mình. Việt Nam đang trong giai đoạn đầu của quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì ngành dệt may là một ngành đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong công cuộc xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh vai trò cung cấp hàng hóa cho thị trường trong nước, ngành dệt may hiện nay đã vươn ra các thị trường nước ngoài, ngày càng giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng và khả năng mở rộng xuất khẩu của ngành, Việt Nam hiện đứng thứ 6 trong số 153 nước xuất khẩu may thế giới, sau Trung Quốc, EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Bangladesh và Ấn Độ. Trong năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 28 tỷ USD, đóng góp 16% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả

nước. Những con số này cho thấy, ngành dệt may vẫn đang là một trong những ngành mũi nhọn có lợi thế về xuất khẩu của Việt Nam.

Hiện nay, nhu cầu về các ngành may mặc phát triển mạnh. Đặc biệt trong mảng này là Công Ty Dệt Phong Phú, rất có tiếng ở Việt Nam nói chung và thế giới nói riêng. Sản phẩm Công Ty Dệt phong phú rất đa dạng. Trong đó, **chỉ** là một sản phẩm quan trọng không thể thiếu trong các sản phẩm may mặc. Việc tạo ra **một suốt chỉ** hoàn chỉnh trải qua rất nhiều công đoạn, bao gồm: quấn chỉ vào suốt chỉ, cắt chỉ thừa trên suốt chỉ và đóng gói như hình 1.



Hình 1- Quy trình sản xuất suốt chỉ hiện nay ở công ty dệt may Phong Phú

Nhìn vào quy trình trên có thể thấy công đoạn quấn chỉ vào suốt chỉ ở công ty Dệt Phong Phú đã có máy tự động làm khâu này. Hai công đoạn còn lại là cắt chỉ thừa trên suốt chỉ và đóng gói thành phẩm còn làm bằng phương pháp thủ công. Thực tế khảo sát ở công ty Dệt Phong Phú cho thấy việc cắt chỉ thừa trên suốt chỉ cần một số lượng lớn công nhân thực hiện công việc này. Có thể thấy, việc này gây rất nhiều tốn kém, hiệu quả kinh tế thấp vì tốn rất nhiều thời gian, kinh phí và có thể có nhiều rủi ro xảy ra như cắt trúng tay, cắt không đạt yêu cầu, rơi rớt thành phế phẩm.... Vì vậy, nếu tự động hóa được công đoạn cắt chỉ thừa trên suốt chỉ sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao, vì có thể giảm được thời gian, chi phí chi trả cho công nhân, giúp tăng năng suất cho công ty, giải phóng con người ra khỏi không gian làm việc nguy hiểm, hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật và đồng bộ hóa hệ thống sản xuất, tăng năng suất, giảm chi phí...



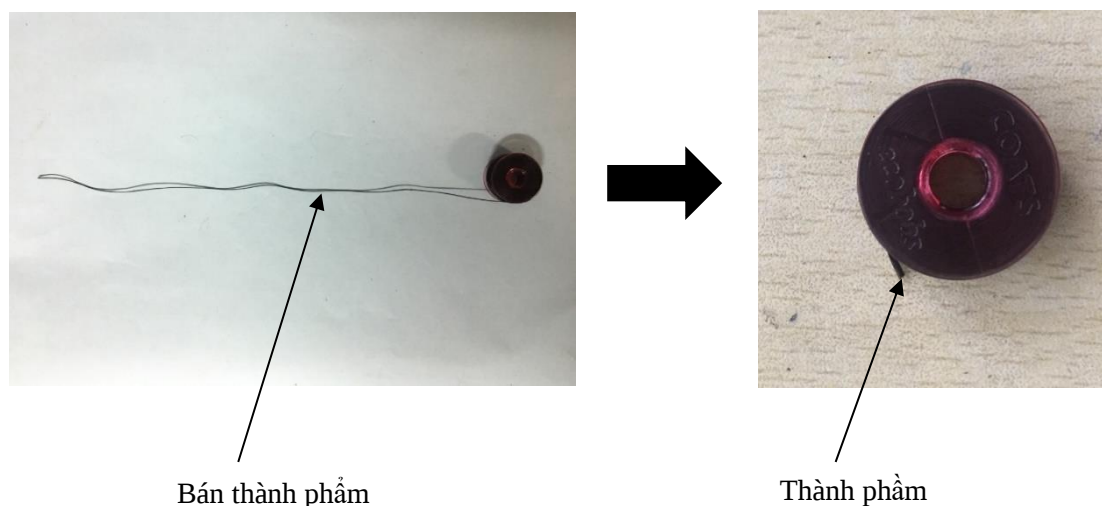
Hình 2- Công nhân đang cắt chỉ thừa ở công ty Dệt Phong Phú

2. Phương án đề xuất

Trong phần này, tác giả dựa vào đối tượng nghiên cứu là kích thước của suốt chỉ và chiều dài chỉ dư trên suốt chỉ hiện đang sản xuất trong công ty dệt Phong Phú để đưa ra các phương án thiết kế, sau đó lựa chọn phương án thiết kế tối ưu, từ đó tính toán, thiết kế máy cắt chỉ thừa trên suốt chỉ theo phương án đã chọn.

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là suốt chỉ may bao gồm: lõi và chỉ may, lõi có kích thước đường kính 22mm, cao 10mm, phần chỉ dư dài 150mm – 200mm như hình 3.

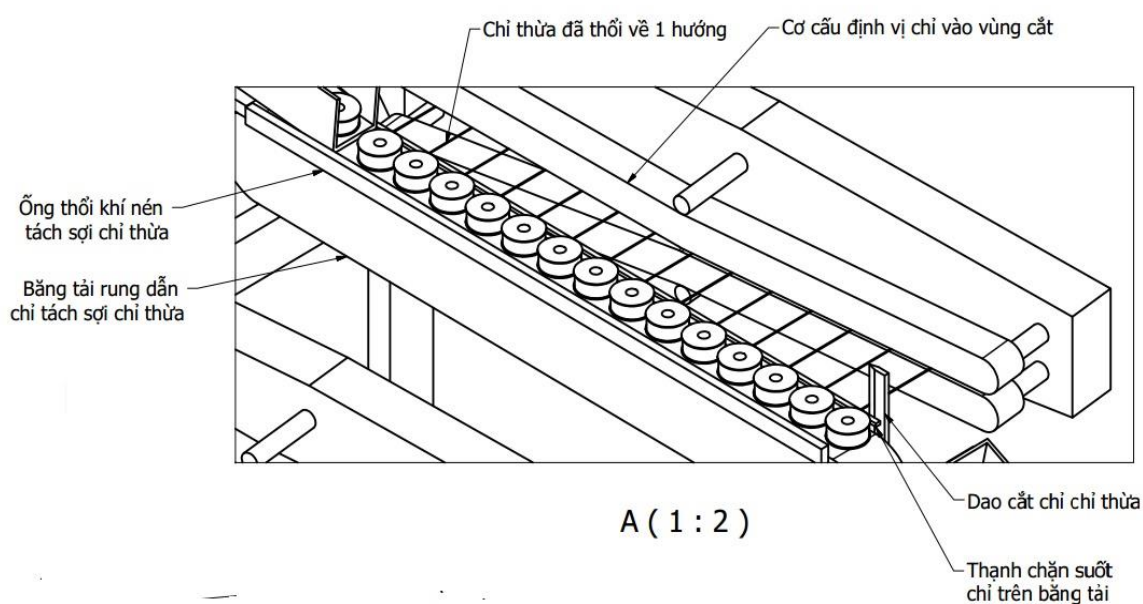


Hình 3- Suốt chỉ chưa được cắt chỉ dư và sau khi cắt chỉ dư

2.2. Các phương án thiết kế

2.2.1. Phương án 1

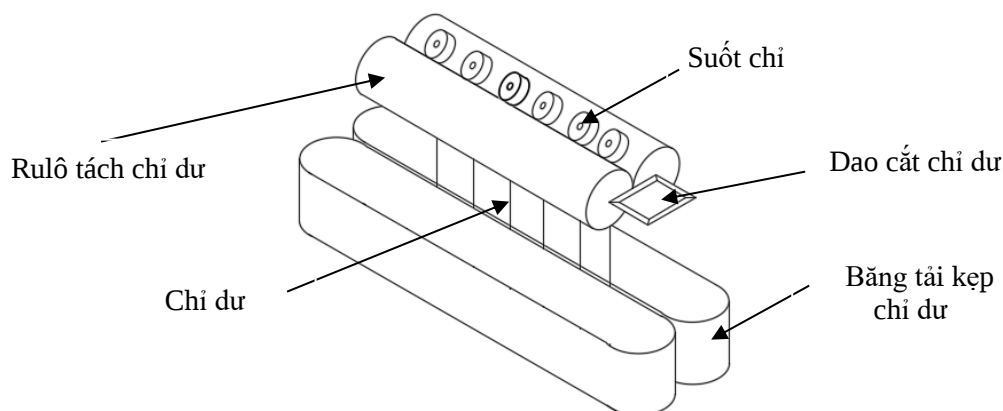
Đặt hàng loạt suốt chỉ trên máng dẫn, băng tải rung dẫn vận chuyển suốt chỉ. Đồng thời sử dụng ống thổi khí nén đặt bên trái để khí nén tách chỉ thừa ra khỏi suốt chỉ, lúc này chỉ thừa luôn được thổi về một hướng. Cơ cấu định vị, kẹp chặt chỉ thừa là 2 băng tải, để suốt chỉ không bị rớt khỏi băng tải, ta dùng thêm thanh chặn suốt chỉ. Khi suốt chỉ được băng tải vận chuyển đến cuối sẽ được dao cắt chỉ thừa.



Hình 4 – Phương án thiết kế 1

2.2.2. Phương án 2:

Đặt hàng loạt suốt chỉ trên hai ống rulô quay ngược chiều nhau, lúc này chỉ dư sẽ được lọt qua khe hở giữa hai ống rulô. Phía dưới đặt hai băng tải quay ngược chiều nhau có nhiệm vụ kẹp chỉ dư để kéo suốt chỉ về phía dao cắt chỉ và kéo căng chỉ dư để dao cắt chỉ dư một cách dễ dàng.

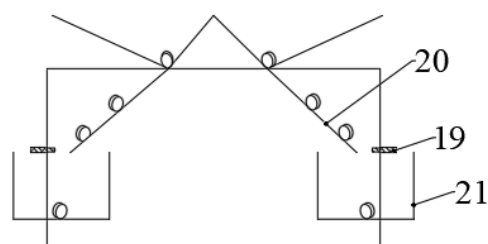
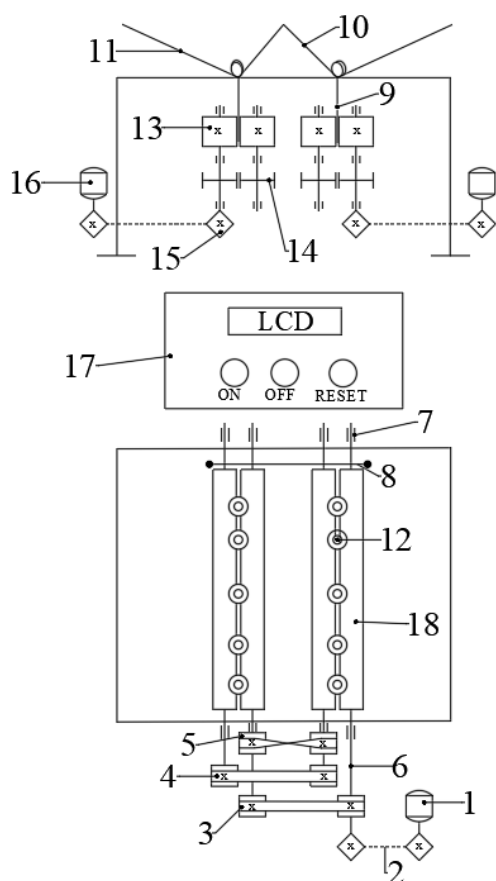


Hình 5 – Phương án thiết kế 2

Sau khi thực nghiệm và so sánh hai phương án thiết kế trên, có thể thấy phương án 2 có nhiều ưu điểm hơn như: cơ cấu tách chỉ đơn giản, gọn hơn, chỉ dư được định vị và kẹp chặt chính xác hơn, cơ cấu kẹp theo phương đứng tạo lực căng chỉ lớn hơn nên việc cắt chỉ cũng dễ dàng hơn. Qua việc thực nghiệm cũng cho thấy, việc cắt chỉ thừa bằng dao lam bị hạn chế vì dao mau mòn, nên cơ cấu cắt chỉ được thay thế bằng dây nhiệt mayso.

Với những phân tích trên, tác giả tiến hành thiết kế sơ đồ động của máy cắt chỉ thừa theo phương án thiết kế 2.

2.3. Sơ đồ động của máy thiết kế

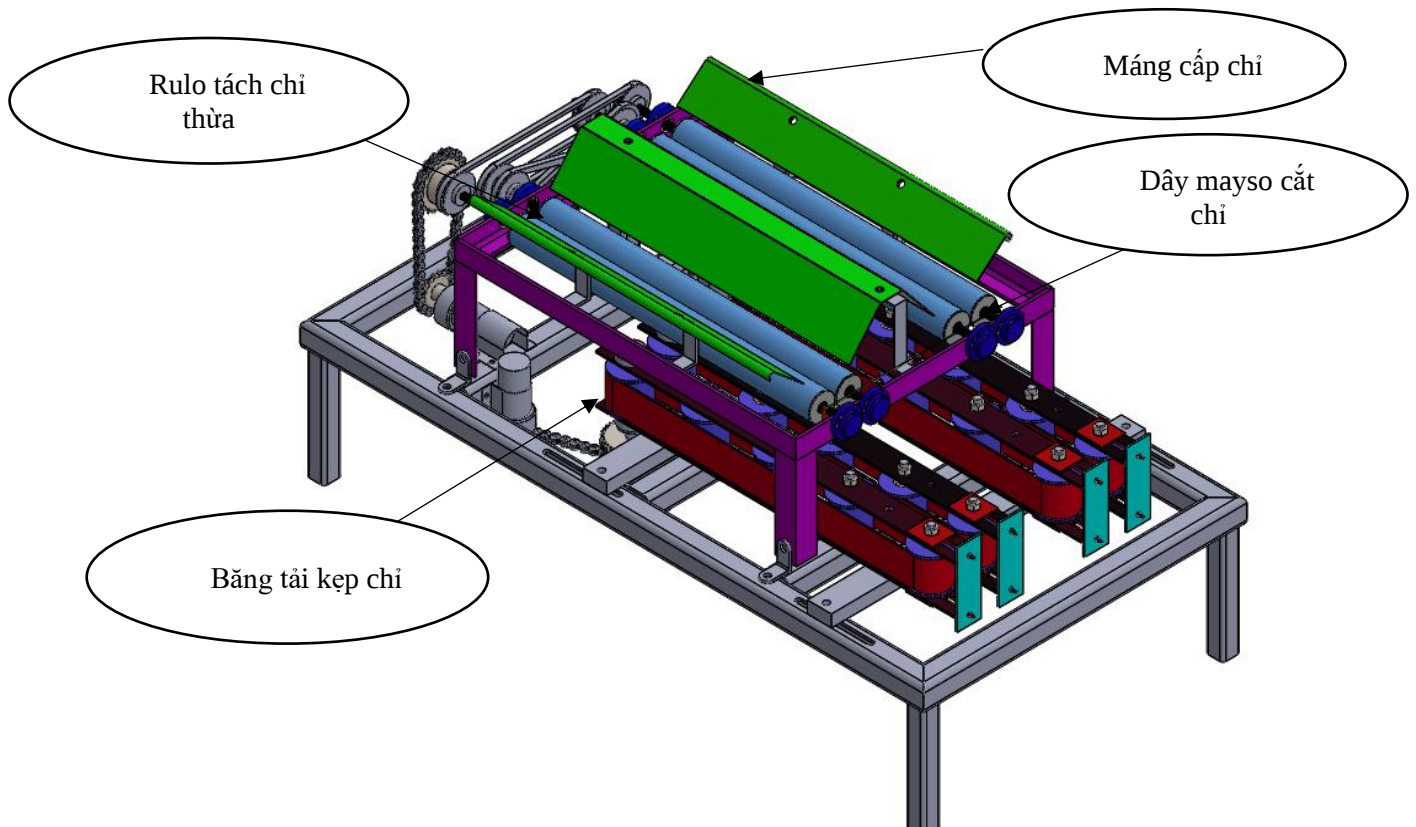


- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 1. Động cơ 1 | 11. Máng cấp chỉ |
| 2. Bộ truyền xích | 12. Suốt chỉ |
| 3. Bộ truyền đai răng | 13. Tang lắp băng tải |
| 4. Bộ truyền đai răng | 14. Bánh răng |
| 5. Bộ truyền đai răng | 15. Bộ truyền xích |
| 6. Trục gắn Rulo | 16. Động cơ 2 |
| 7. Ổ lăn | 17. Bộ Điều khiển |
| 8. Dây mayso nhiệt | 18. Rulo |
| 9. Chỉ dư | 19. Cảm biến quang |
| 10. Máng chắn | 20. Máng rót chỉ |
| | 21. Hộp chứa chỉ |

Hình 6- Sơ đồ động của máy cắt chỉ dư tự động

Khi nhấn nút ON, động cơ số 1 của rulo và động cơ số 2 của băng tải hoạt động. Máng cấp chỉ sẽ cấp chỉ xuống rulo số 18. Rulo số 18 quay ngược chiều nhau sẽ khiến cho sợi chỉ dư số 9 lòn xuống dưới. Ở dưới có băng tải lắp trên các trục tang số 13 ép sát vào nhau sẽ kéo sợi chỉ dư số 9 chạy đến chỗ cuối hành trình có cơ cấu cắt chỉ bằng dây nhiệt mayso số 8 đang ở đó. Chỉ sẽ bị cắt và suốt chỉ sẽ rơi vào máng rót chỉ số 20 ở ngay đó. Cảm biến đếm số lượng chỉ được cắt.

2.4. Mô hình 3D của máy thiết kế



Hình 7- Mô hình 3D máy thiết kế

3. Mô hình thử nghiệm phương án thiết kế



Hình 8 - Mô hình thử nghiệm

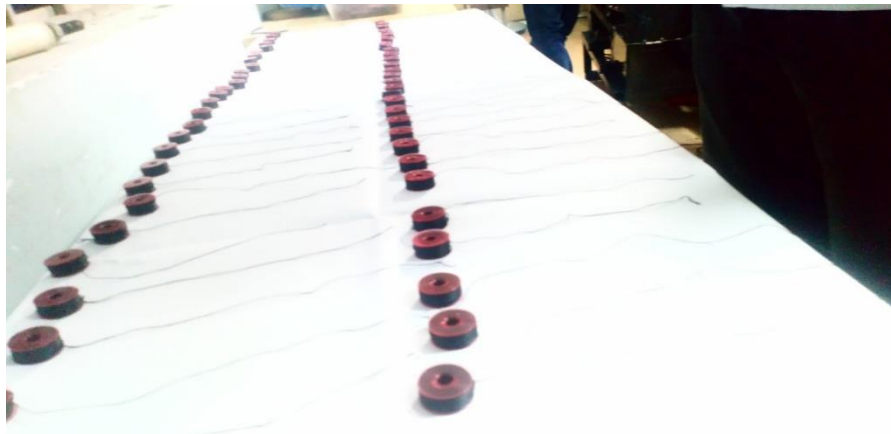
- Các chế độ hoạt động:

- + **Nút nguồn:** khi nhấn ON sẽ cấp nguồn cho máy hoạt động.
- + **Chế độ chạy ON:** ở chế độ này, khi nhấn nút ON, máy hoạt động.
- + **Chế độ OFF:** ở chế độ này, khi nhấn nút OFF, máy ngừng hoạt động.
- + **Chế độ RESET:** màn hình LCD hiển thị số lượng sẽ trả về giá trị 0.

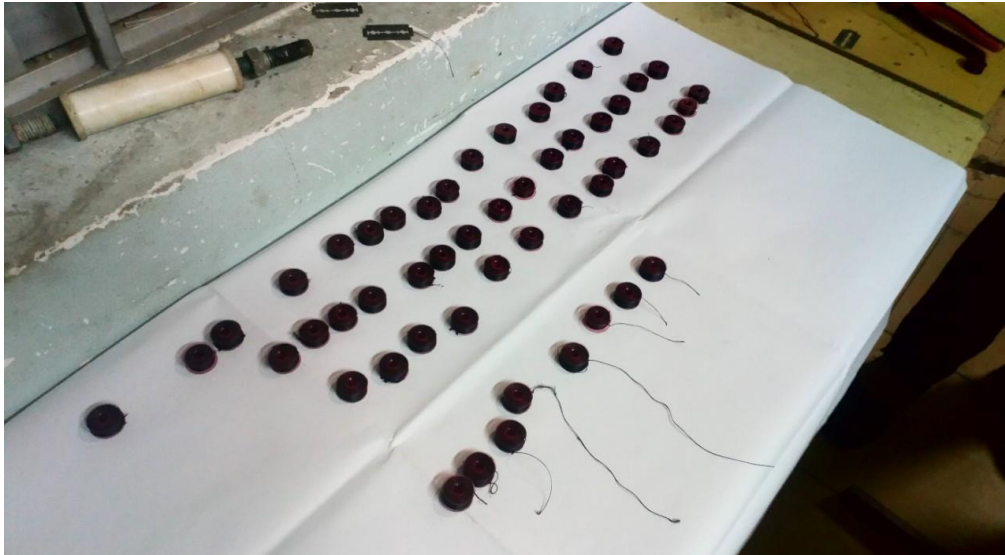
4. Đánh giá hiệu quả phương án thiết kế

4.1. Hiệu quả về khoa học công nghệ

Để kiểm nghiệm phương án thiết kế trên, nhóm đã thực hiện chạy mô hình thử nghiệm với 52 suốt chỉ:



Hình 9 - Suốt chỉ đã được chuẩn bị



Hình 10 - Kết quả sản phẩm thu được

Kết quả: Máy cắt được 44 suốt chỉ đạt yêu cầu. Còn 8 suốt chỉ bị lỗi chưa cắt được.

Kết quả đạt được năng suất: 84,6% chất lượng cắt chỉ.

Nguyên nhân: Cơ cấu kẹp chỉ dư chưa tối ưu.

Nhận xét: Với kết quả thực nghiệm trên, nhóm tác giả nhận thấy mặc dù mô hình thử nghiệm được chế tạo với chi phí rất thấp, tổng giá trị chế tạo mô hình thử nghiệm là 4 triệu đồng nhưng kết quả cắt chỉ đạt được trên 80%. Điều này cho thấy nguyên lý tách chỉ, kẹp chỉ và cắt chỉ thừa

của phương án thiết kế mà nhóm đưa ra đạt được yêu cầu. Như vậy, với phương án thiết kế này hoàn toàn có thể chế tạo được máy cắt chỉ thừa tự động với kết cấu đơn giản, công nghệ chế tạo cũng đơn giản và chi phí thấp.

4.2. Hiệu quả về kinh tế xã hội

Kết quả từ mô hình chạy thử nghiệm cho thấy thời gian trung bình cắt chỉ dư cho một suốt chỉ trên máy là 1,5 giây. Với kết quả này, nếu các thiết bị của máy được trang bị đầu tư tốt thì thời gian trung bình cắt chỉ dư của một suốt chỉ trên máy có thể đạt được là 1,2 giây. Trong khi đó, thời gian trung bình một công nhân ngồi cắt chỉ dư cho một suốt chỉ là 6 giây. Chúng tôi có bảng so sánh chất lượng cắt chỉ và năng suất giữa máy và nhân công như sau:

Thực hiện	Thời gian cắt 1 suốt chỉ (giây)	Chất lượng chỉ cắt (%)	Số lượng suốt chỉ cắt được trong 1 ngày gồm 8 tiếng làm việc (cái)
Máy	1,2	90	24.000
Nhân công	6	80	4800

Bảng 1 - Bảng so sánh chất lượng cắt chỉ và năng suất giữa máy và nhân công

Dựa vào bảng 1, có thể thấy năng suất của một máy cắt chỉ bằng 5 nhân công cắt chỉ bằng thủ công. Hơn nữa, việc chế tạo máy cắt chỉ thừa tự động cũng giúp đồng bộ quy trình sản xuất suốt chỉ hoàn toàn tự động, giúp giảm bớt thời gian thừa khi phải chuyển suốt chỉ từ khâu quấn chỉ sang khâu cắt chỉ thừa. Việc công nhân ngồi cắt chỉ lâu, làm công việc lặp đi lặp lại nhiều lần dễ dẫn đến tinh thần mệt mỏi, căng thẳng, có thể xảy ra tai nạn như cắt trúng vào tay... Qua việc phân tích trên, có thể nhận thấy việc sử dụng máy cắt chỉ thừa tự động có thể giúp quy trình sản xuất suốt chỉ của doanh nghiệp tăng hiệu quả kinh tế lên 5 lần.

5. Kết luận

Trong bài báo này, chúng tôi đã đề xuất một giải pháp thiết kế máy cắt chỉ thừa tự động đã được kiểm nghiệm các nguyên lý tách chỉ, kẹp chỉ, cắt chỉ thừa với năng suất đạt được của mô hình thử nghiệm là trên 80%. Với kết quả chạy thử của mô hình thử nghiệm cho thấy hoàn toàn có thể tin cậy để đầu tư áp dụng vào công đoạn cắt chỉ thừa, đồng bộ hóa quy trình sản xuất suốt chỉ ở các công ty dệt may.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trịnh Chất – Lê Văn Uyển - *Tính toán thiết kế Hệ dẫn động cơ khí, tập 1 và 2* - Nhà xuất bản Giáo dục, 2003.
- [2]. Nguyễn Hữu Lộc - *Cơ sở Thiết kế máy* - Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- [3]. Nguyễn Thanh Nam - *Phương Pháp Thiết Kế Kỹ Thuật* - Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.
- [4]. Nguyễn Trọng Hiệp - Nguyễn Văn Lâm - *Thiết Kế Chi Tiết Máy*, 2007
- [5]. Nguyễn Hồng Ngân – Nguyễn Danh Sơn - *Kỹ thuật nâng chuyển tập 2*, 2010

SÀI GÒN – NÉT ĐẸP CỦA MẢNH ĐẤT TÌNH NGƯỜI

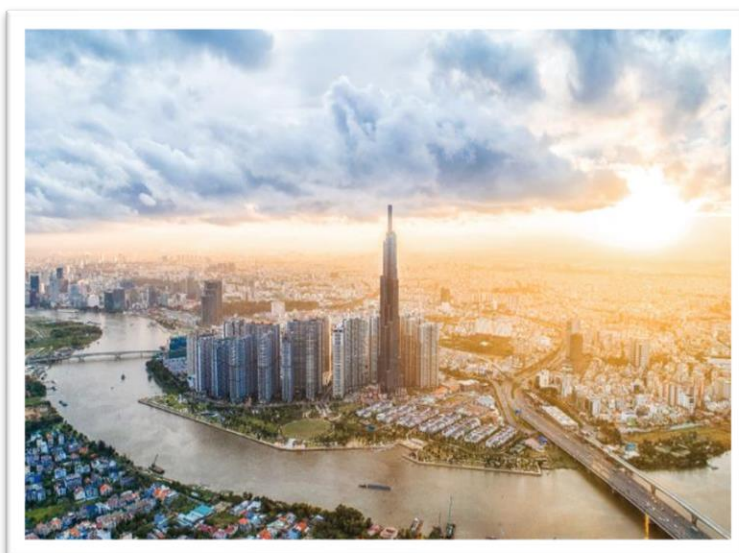
Phan Thị Minh Thảo

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Bạn bè nhớ nhau Sài Gòn cổ lên
Sài Gòn của tôi, Sài Gòn của bạn
Mẹ quê âu lo Sài Gòn cháu con
Bao nhiêu ân tình những ngày hoạn nạn
Sài Gòn đang ốm nhưng rồi sẽ vui
Đường em đến lớp sẽ là phố vui
Gánh xôi góc phố sẽ thơm mùa hè
Hàn huyên cà phê phố
Khi hết ngày chia ly
Mai này về lại phố
Em thương hơn Sài Gòn
Nhớ những ngày phố ốm
Tay bạn bè ấm hơn.

Nhà báo Trần Đức Hiển

Nhắc đến Sài Gòn, người ta thường hay nghĩ đến một thành phố nhộn nhịp, thành phố “Đất chật, người đông”. Biết bao nhiêu người con tinh lẻ mơ ước được đến Sài Gòn – Chôn phần hoa đô hội với nghìn vạn điều rực rỡ, hào nhoáng. Bởi theo suy nghĩ của không ít người, mảnh đất này là nơi biến giấc mơ thành hiện thực, một mảnh đất luôn dung nạp những người xa xứ. Thật vậy,



Sài Gòn mấy trăm năm nay đã giang tay đón nhận bà con tại mọi vùng miền tìm đến. Có thể nói khi đã rời quê vô Sài Gòn, hầu hết những người con từ phương xa đều tự tin và khẳng định

khả năng của mình ở vùng đất mới này, vùng đất giàu có về kinh tế và sang trọng về nghĩa tình. Ở Sài Gòn, dù là người vùng nào đến ở hay làm việc cũng sẽ không bao giờ cảm thấy lạc lõng, cô độc. Bởi vì, tại mảnh đất này ta sẽ dễ dàng gặp được người cùng vùng miền, giống cả văn



hoá lẫn tương đồng tập quán hay nếp nghĩ. Và chắc hẳn rằng đối với nhiều người, Sài Gòn là quê hương thứ hai, nơi không có cây khế, buồng cau, cây đa, giếng nước nhưng là mảnh đất khởi tạo sự nghiệp, nuôi dưỡng những ý chí mạnh mẽ, hay là nơi khởi nguồn cho cuộc sống lứa đôi giữa những con người xa lạ. Nơi này thân thiện, chân tình từ ly cà phê vỉa hè cho đến những cuộc nói chuyện của những người không quen biết, không khách sáo mà lại vô cùng thân quen tựa từ kiếp nào.

Tôi cũng là một người con tỉnh lẻ được mảnh đất tình người này đón nhận vào lòng thành phố để về đây học tập, làm việc, và sinh sống. 13 năm trôi qua, Sài Gòn trong tôi là cả bầu trời kỷ niệm và biết bao tình thương. Giữa mảnh đất bận rộn này

trong những ngày đầu đặt chân đến tôi cũng đã từng mệt nhọc, ngột ngạt vì sự ồn ã, xô bồ, cảnh đường xe tấp nập, cảnh xuyên tạc giữa người và người trong cuộc sống mưu sinh. Ngày ấy đối với tôi đường Sài Gòn chằng chịt và nhiều ngã rẽ, ngã ba, ngã tư, ngã năm. Rồi rẽ vào đâu đó trong những hẻm nhỏ sâu hun hút. Với biết bao con người tôi được tiếp xúc tại thành phố này tôi cảm nhận rằng mỗi ngã rẽ kia như tượng trưng cho số phận của mỗi con người và duyên số đưa đẩy họ đến vùng đất phồn hoa này.

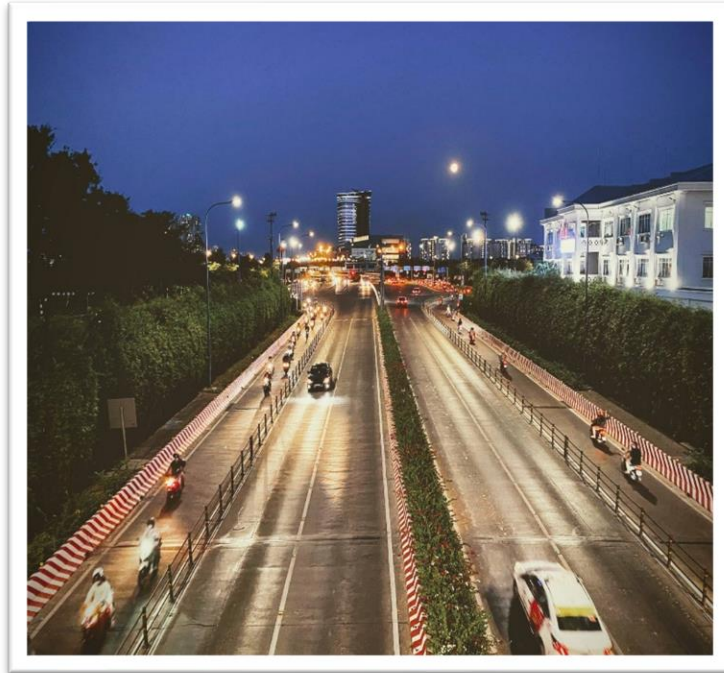
Rồi thời gian trôi qua tôi đã nhận ra rằng khi con người ta đã quá quen thuộc với mảnh đất hai mùa nắng mưa thì việc thích nghi với những cơn mưa rào rích bất chợt ập đến làm cho mọi thứ ẩm ương hay là mùa nắng chói chang thậm chí cháy da, cháy mặt thì trong tôi đã quá nỗi thân quen rồi!!! Sài Gòn trong tôi thật đẹp làm sao!

Tôi cũng không hiểu Sài Gòn là gì mà ở thì thương, xa thì nhớ, đồng hành càng lâu càng có nhiều hoài niệm. Có lẽ vì Sài Gòn chân thực lắm, dễ thương lắm, đằng sau sự xô bồ, nhộn nhịp đó là còn cả một Sài Gòn nhẹ nhàng và thắm đượm tình người. Giọng người Sài Gòn nhẹ nhàng, đầm thắm, ngọt ngào như mật. Tôi đã quen với nhịp sống và không biết tự bao giờ đã yêu si mê thành phố này với nhiều dư vị của cuộc sống. Mỗi sớm mai thức dậy ngắm nhìn thành phố đầy kiêu hãnh vươn mình và nhộn nhịp. Trên đường đi dạy, tôi thường dừng chân một góc phố nhỏ để thưởng thức vị thơm, đắng xen lẫn vị ngọt béo của ly cà phê sữa đá, vị giòn giòn của những ổ bánh mì rồi ngắm nhìn hoa xoay nổi bật trong gió, lung linh trong nắng, từ từ rơi nhẹ

khiến lòng người mê mẩn. Rồi những buổi chiều hoàng hôn tản mạn, rộn rã trên đường từ trường về nhà, với những câu chuyện đầy màu sắc, tôi đã nhận ra điều làm ta ấm lòng nhất ở mảnh đất “Không biết buồn” và “Không biết ngủ” này là những giao tiếp gần gũi, giản đơn, chân tình, dễ thương, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người xa lạ như tôi nói riêng và tất cả những người cùng đang hiện hữu trong lòng thành phố nói chung, không phân biệt đến từ đâu, dù chỉ cần người được giúp đỡ đáp lại bằng một nụ cười chào thân thiện.

Hôm rồi, anh em trong ban tình nguyện viên phòng chống và cứu trợ giai đoạn dịch Covid – 19 mới có cơ hội gặp mặt. Dịch Covid – 19 đã qua được ba năm, kinh tế của đất nước cũng đang trên đà ổn định và quay trở về quỹ đạo, bắt đầu mỗi người chúng tôi lại tiếp tục với cuộc sống bận rộn thường nhật gia đình – công việc ít có cơ hội gặp nhau. Vậy mà giờ đây khi ngồi lại với nhau, chúng tôi vẫn nhắc đến giai đoạn ấy, một giai đoạn không ai quên, giai đoạn về tình người Sài Gòn ấm áp. Nhớ lại những tháng cuối năm của năm 2019 lòng người tự nhiên chùn lại và vẫn buồn với những mất mát. Thời gian ấy, Sài Gòn dường như sống chậm hơn, cảnh ồn ào, náo nhiệt như

danh “Hòn ngọc Viễn Đông – thành phố không ngủ” không còn nữa. Những tuyến đường, những góc phố đông đúc trở nên vắng lặng không tiếng còi xe, không tiếng rao mời gọi, không tiếng cười nói, tiếng mua qua bán lại của phiên chợ vốn sầm uất tung bừng ... Thành phố hai mùa mưa nắng trước giờ vẫn bao dung, che chở biết bao người, giờ thành phố đã đổ bệnh. Lúc ấy tôi hiểu, không chỉ người ốm mà chính thành phố mang tên Bác cũng bị ốm rồi, thành phố đã và đang



phải chống chọi với sự bùng phát của đại dịch COVID-19. Mỗi ngày từ năm 2019 - 2021 từng con số như từng nhịp tim hồi hộp, bao nhiêu sự lo âu về gánh nặng trong công tác phòng chống dịch, bao nhiêu người nơm nớp lo vì tình trạng quá tải vì ai cũng hiểu thành phố này đang có hết sức để gồng gánh và không muốn bỏ rơi một ai. Những anh công an, dân phòng, bộ đội phải ngày đêm miệt mài kiểm soát, tuần tra để khoanh vùng chống dịch nhưng vẫn đảm bảo về lưu thông hàng hóa, đội ngũ y bác sĩ phải làm việc liên tục 24/24 dưới thời tiết nắng gắt, phải khoát trên mình những bộ quần áo và kính bảo hộ, phòng rộp cả da, thậm chí quên ăn, quên nghỉ... Nhiều tình thương lắm, nhiều nỗi lo và trăn trở lắm. Đất nước luôn đặt ưu tiên phòng chống

dịch lên hàng đầu, sức khỏe, tính mạng của người dân được đặt lên trên hết nên Chính phủ phải cân nhắc rất nhiều khi quyết định áp dụng giãn cách xã hội với đầu tàu kinh tế của đất nước. Thấu hiểu và đồng cảm với nỗi lo, trăn trở của nước nhà, người dân thành phố cũng đã chung tay và thực hiện đúng khuyến cáo. Nhưng phải làm sao để Sài Gòn giãn cách mà không xa cách? Bao nỗi niềm còn chất chứa, những người “Lấy phố làm nhà”, nhọc nhằn bám đường mưu sinh biết sẽ đi về đâu? Những khu chợ đóng cửa ngừng hoạt động, quán ăn phải tạm ngưng kinh doanh, một số công ty, xí nghiệp phải tạm dừng sản xuất... Hàng ngàn lao động phải rơi



vào cảnh thất nghiệp nhiều người bị cắt giảm biên chế lâm vào tình trạng không lương liên tục. Dịch bệnh kéo dài, họ càng lo lắng hơn về gánh nặng như tiền điện nước, tiền nhà hàng tháng chẳng biết giải quyết ra sao... không có chi phí trang trải cho cuộc sống. Cộng đồng mạng từng xót xa trước hình ảnh chú bảo vệ phải đi ăn xin vì thất nghiệp nay lại nghen ngào trước cảnh hai đứa trẻ thơ và gia đình phải lấy đường làm nhà chịu cảnh màn trời chiếu đất trong những ngày mưa như trút nước hay nắng như thiêu như đốt này vì không thể thanh toán tiền nhà trọ.

Người ta hay gọi Sài Gòn là thành phố hoa lệ vì đây là hoa cho người giàu và lệ cho người nghèo.

Ngày ấy, vì cách ly làm việc tại nhà, khiến cho tôi lại bồi hồi với nhiều suy nghĩ, nhất là những ngày trời Sài Gòn đổ mưa, tôi cảm nhận như thành phố đang khóc, khóc vì lo cho những con người đã xem đây là mái nhà và là quê hương Thành phố luôn ồn ào và nhộn nhịp, tôi không ngờ lại có lúc lại khoát lên mình sự im lặng đến sợ hãi, mưa đã hòa vào nước mắt của biết bao số phận khổ đau, lay lắt chưa biết ngày mai rồi sẽ ra sao.

Tôi còn nhớ mãi, trong giai đoạn ấy tôi và bà con khu phố, những người bạn đã theo tiếng gọi của Đất nước, của tình đồng bào, chung tay góp sức như chính tình cảm mà người Sài Gòn đã nung nấu lâu nay. Một bức tranh thật đẹp và ý nghĩa đã được vẽ lên bằng gam màu của tình thương và lòng nhân ái tôi vô cùng trân quý, hai chữ “Đồng bào” được vang lên vô cùng thiêng liêng và gần gũi như một sợi dây kết nối, tinh thần “Lá lành đùm lá rách” “Nường cơm sẻ áo”, người Sài Gòn đã đưa những cánh tay cứu giúp lẫn nhau, hỗ trợ những người kém may mắn hơn mình. Tinh thần ấy, niềm tin ấy đã lan tỏa khắp mọi ngõ ngách, mọi ngã đường. Tôi khâm phục những nhóm thiện nguyện, cũng như những cá nhân, tổ chức đã đứng ra kêu gọi đóng góp bằng nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau cả sức người và sức của chỉ cần có tấm lòng hảo tâm và tình nghĩa. Có lẽ những hình ảnh trao tặng nhau lương thực vào những vùng cách ly, những bếp

ăn đồ lửa với những suất cơm tình nghĩa miễn phí dù là chay hay là mặn, những gói mì, bánh bao, bánh giò cứu đói, siêu thị 0 đồng của những cá nhân hay đơn vị, cơ quan cấp phường như UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên và thậm chí có những nhà hàng dù buộc ngừng kinh doanh nhưng lại hỗ trợ hàng trăm suất cơm mỗi ngày cho những tuyến đầu chống dịch và bà con nghèo, hay khách sạn trong thời gian ngừng hoạt động lại cho những người không có chỗ ở lưu trú tạm thời, những hình ảnh ấy thật đẹp và quý giá biết bao. Cách đây vài hôm tôi cũng vô tình đọc được một bài viết về sự nhân ái và chân thành của người Sài Gòn trong giai đoạn dịch, câu chuyện kể về cụ Y, một cụ già bán vé số và hát rong để mưu sinh, dịch bệnh kéo đến ông không biết làm gì để có thể sống qua ngày và nuôi người vợ đang bệnh, khi được mạnh thường quân giúp đỡ ông đã khóc, nước mắt cứ rơi không ngừng. Giữa trời mưa lớn, ông vừa hát, vừa rót nước mắt nhưng khi ấy ông khóc, không phải nước mắt u buồn nữa mà ông khóc vì vui, vì giữa cái bóng tối tưởng chừng không có một chút tia hy vọng nào thì vẫn còn rất nhiều người thiện lành, chìa tay thấp lên hy vọng cho ông và vì ông biết ông không cô đơn giữa Sài Gòn hoa lệ này, giờ đây khi đất nước đã ổn định và chiến thắng trong công tác phòng chống dịch cụ Y vẫn kể lại câu chuyện ấy



cho con cháu nghe ngày về Sài Gòn căng mình chống dịch, sẽ luôn có những câu chuyện tử tế như vậy như lan tỏa hơi ấm khiến cuộc sống nhẹ nhõm đôi phần. Đâu đó ta dễ dàng nghe được chất giọng miền Nam vang lên mộc mạc bình dị “Mọi người cứ xếp hàng lần lượt, mỗi người cứ một hộp cơm và một chai nước, đừng chen lấn nhau nhé, rồi ai cũng sẽ có”... Giọng nói ấy lúc này như cánh tay nâng đỡ tất cả những khó khăn, vất vả của những số phận nghèo. Hay một tấm gương hiện nay đang cũng rất nổi tiếng trên mạng xã hội là anh Minh (biệt danh Minh rau)

sẵn sàng gửi tặng rau cho người nghèo, cố gắng giữ bình ổn giá theo phương châm "Kiếm tiền cả đời mà chữ đầu nhất thiết phải kiếm ngay lúc này đầu" được chia sẻ rộng rãi trên mạng vì nghĩa cử cao đẹp hay cô Thanh." Bao giờ Sài Gòn hết dịch, không còn cảnh đói thì tôi sẽ ngừng nấu cơm cho mọi người". Cực lắm, khổ lắm, nhưng với tính cách hào sảng, tương thân tương ái của mảnh đất này thì tất cả đều lan tỏa trở thành một nguồn sức mạnh to lớn để chung tay,



chung lòng. Sài Gòn là thế đấy, người ta vẫn nghĩ đến nhau như thế dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Giữa lòng thành phố, có lẽ vào thời điểm muôn trùng khó khăn thế này thì sự san sẻ tình thương được thể hiện rõ nét nhất. Tất cả mọi người đều tin tưởng rằng Sài Gòn thân thương với nhiều hoài niệm sẽ khỏi bệnh, sẽ vượt qua dịch bệnh bằng sự quan tâm, bằng cả sự tử tế, bằng cử chỉ yêu thương lẫn nhau.

Ngày ấy khi có dịp đi trên đường có thể ta chỉ có thể nghe tiếng lá rơi khi bị gió thổi xào xạc, những con phố đã không còn bóng người lặng lẽ, yên ắng. Những mảnh ghép của sự

hoa lệ vẫn rực sáng đèn như Landmark 81, Bitexco, bến Bạch Đằng như niềm tin mãnh liệt vào tương lai tươi sáng và tinh thần đoàn kết tương thân tương ái của mảnh đất Sài Thành. Tôi và mọi người lúc ấy đều lạc quan và tin rằng Sài Gòn sẽ mau khỏe thôi, hết dịch rồi, ta lại được mỉm cười vì Sài Gòn đi qua những ngày khó khăn, mà vẫn ấm tình người đến thế, để chúng ta lại được thấy Sài Gòn vui tươi như vẫn luôn từng.

Có lẽ rằng nếu nhìn nhận theo hướng tích cực giữa được và mất thì dịch bệnh dường như cũng khiến cho con người sống chậm lại, cảm nhận được sự vô thường và ranh giới của sự chia ly mong manh đến thế, để rồi đến khi mọi thứ trở về quỹ đạo chúng ta có lẽ biết quý trọng thời

gian bên gia đình hơn và nhận ra rằng sức khỏe là điều quan trọng nhất. Năm 2019 đến năm 2021 là kỳ nghỉ dài nhất mà người Sài Gòn từng trải qua dù không có bia, rượu, thức ăn ngon, âm nhạc và hoa Nhưng chúng ta có rất nhiều điều trân quý đến từ yêu thương và tử tế đang lan tỏa. Giờ đây đi trên đường tôi đã hết than phiền vì tiếng ồn, vì kẹt xe mà trái lại tôi biết “thèm” và biết “nhớ” tôi sợ một ngày nào đó lại không ngửi được mùi khói xe, nghe được tiếng còi xe vang lên rộn rã, tiếng trao đổi buôn bán nhộn nhịp và được thưởng thức vị đắng béo của ly café sữa. Vô tình bắt gặp một câu mà tác giả tác giả Lê Hồng Lâm đã viết: “Một thành phố oằn mình đón nhận và dung nạp từng đó con người, phải có “Muối” kết tinh

đâu đó chứ. Và tự nhiên, vì những hạt muối ấy, tôi lại muốn ôm Sài Gòn vào lòng”. Những tháng ngày này sẽ để lại cho mỗi người trong chúng ta những kỷ niệm không bao giờ quên. Tôi nghĩ rằng câu chuyện về tình người, về những năm tháng chúng ta đã bên nhau, hỗ trợ và cùng nhau góp sức chung lòng để vượt qua đại dịch này sẽ luôn là những câu chuyện ấm áp mà tôi sẽ lan tỏa cho những thế hệ sau. Giờ đây nếu theo dõi thông tin trên mạng, báo, đài chúng ta cũng dễ dàng bắt gặp những hành động chia sẻ yêu thương từ những mạnh thường quân như nhận nuôi những em bé đã mất người thân vì dịch hoặc những quỹ học bổng đến 18 tuổi cho các em, rồi chia sẻ cho nhau những bữa cơm cho người cơ nhỡ trên đường, những bệnh nhân đang nằm điều trị tại viện. Tình thương sẽ còn mãi đúng chất hào sảng của người Sài Gòn, bốn bề về đây thì đều chung một mái nhà, đều là anh em trong một giai đình tràn ngập sự thông cảm và sẻ chia. Nhóm của chúng tôi vẫn thế chỉ cần một người trong nhóm chia sẻ về một hoàn cảnh, một sự việc cần hỗ trợ chúng tôi sẵn sàng đồng hành cùng nhau, cho đi là luôn được nhận lại, chúng tôi nhận được niềm vui, niềm hạnh phúc và sự trân quý.



47 NĂM - GỬI TRỌN NIỀM TIN!

Trần Thị Ái Hương

Khoa Ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Tháng 10 về, vẫn những cơn mưa chiều bất chợt, vẫn những cơn gió mát nhẹ nhàng xuyên qua hàng cây ven đường, và tháng 10 vẫn là tháng luôn mang lại cho tôi nhiều cảm xúc yêu thương khó tả!

Tháng 10 về rạo rực lòng tôi – khi tôi hân hoan chào đón ngày Khai trường, ngày Thành lập trường, và cũng là tháng cho tôi cảm nhận được sự vô tận của cảm xúc – bởi đây là tháng mà tôi chính thức nhận công tác giảng dạy tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh – nơi tôi đã và đang gắn bó cả tuổi thanh xuân của mình.

Nắng vàng vẫn trải dài dưới gót chân, tôi vẫn đến trường như ngày nào, tôi luôn đến trường với niềm vui thích thú và tràn đầy năng lượng. Tháng 10 tại Trường Cao đẳng Công Thương này đây, tôi luôn có cơ hội tìm về những ký ức tân sinh viên ngây ngô vào ngày tựu trường của tôi năm nào, đến những năm tháng bắt đầu vào nghề giáo. Tôi của ngày hôm nay rất kiêu hãnh với nghề giáo mà mình đã chọn, tôi đã thực sự trưởng thành cùng với sự phát triển lớn mạnh của Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Trong không khí tưng bừng của buổi lễ Khai giảng và trao bằng cử nhân, kỹ sư cho sinh viên, tôi bỗng nghe tim mình rạo rực quá! Sức trẻ, những hoài bão bỗng trỗi dậy trong tôi như bao tân sinh viên đang ngồi đây. Với tôi, nghề giáo đã cho tôi tìm lại tôi, thấy lại mình, tìm lại được khoảnh khắc vỡ òa của tân sinh viên ngày tựu trường và phút giây kiêu hãnh khi nhận bằng tốt nghiệp ra trường năm nào một cách rõ ràng nhất. Tâm hồn tôi lúc này như đang đồng điệu với tâm hồn của các tân sinh viên Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến với nghề “kỹ sư tâm hồn”, tôi cảm nhận được những cung bậc cảm xúc trong tôi qua từng ngày, từng tháng, từng mùa, ... Dư âm tiếng ve gọi hè như khúc nhạc báo hiệu cho học trò kết thúc năm học, tốt nghiệp ra trường. Mùa thu, ngấm lá vàng rơi và mơ màng - như ngồi đếm bao mùa thi đã trôi qua, bao nhiêu năm tôi làm nghề giáo. Thời gian thấm thoát trôi - học sinh, sinh viên rồi đến giảng viên. Suy ngẫm lại chặng đường tôi đã đi qua; bỗng giật mình ...! Hành trang lúc ấy tôi mang theo chỉ là nguồn kiến thức cùng sách vở, giấy, bút và đến trường lớp cùng với bảng đen. Tôi đã đi, tôi đã đi qua hết nửa cuộc đời với bao buồn vui trong nghề dạy học. Khai giảng năm học mới trong bầu không khí vui tươi, hòa chung niềm vui với tập thể đồng nghiệp và các em sinh viên thân yêu, cảm xúc trong tôi bỗng ùa về; tôi muốn trải lòng mình về ngôi trường thân yêu, tri ân các thế hệ Ban lãnh đạo Nhà trường và đồng nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh và muốn nhắn gửi chút chân tình của tôi đến với các em sinh viên, đặc biệt là tân sinh viên.

Với tôi, Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh là người bạn đồng hành trong suốt con đường sự nghiệp. Gần 30 năm gắn bó với trường, với tôi là một khoảng thời gian khá dài để trưởng thành, để trải nghiệm qua những cung bậc cảm xúc của nghề, của giá trị thương hiệu tôi đang đeo trên ngực áo; làm sao tôi có thể quên được những tháng ngày dạy online với muôn vàn trần trở, những giờ offline với nhiều cảm hứng theo cùng bài giảng. Cao đẳng Công Thương thật sự là một nơi làm việc lý tưởng với bề dày hình thành và phát triển gần 50 năm. Nơi đây, tôi có rất nhiều đồng nghiệp quý mến, và tôi đã học hỏi thêm được rất nhiều kinh nghiệm và kiến thức quý giá từ họ.

Được đồng hành trên con đường phát triển của Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh khiến tiếng gọi Cao đẳng Công Thương trong tôi thiêng liêng hơn bao giờ hết, và tôi luôn tự nhủ phải cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp “trồng người” cao quý này. Hòa chung trong bầu không khí vui tươi và long trọng của buổi lễ Khai giảng năm học mới, lễ Kỷ niệm mừng ngày Thành lập trường và ngày Nhà giáo Việt Nam, tôi xin kính gửi đến quý Thầy giáo, Cô giáo hưu trí lời chúc sức khỏe, Ban lãnh đạo Nhà trường vẫn mãi là những người quản lý giỏi. Đồng nghiệp của tôi ơi hãy là những người “lái đò” vững chắc! Tôi xin gửi đến toàn thể đồng nghiệp của tôi một tâm hồn trong sáng, một trái tim biết yêu thương cùng với đạo đức, tâm hồn nghề giáo! Các em sinh viên ơi! Hãy là chính mình, đừng bao giờ từ bỏ ước mơ của bản thân trong những năm tháng làm sinh viên dưới mái trường Công Thương này nhé!

Các em sinh viên tuổi 18 thân mến! Những kỷ niệm ngày xưa ở trường trung học phổ thông giờ đã là ký ức của các em rồi. Rồi đây muôn vàn câu chuyện sẽ xâu chuỗi thành kỷ niệm nữa. Vạn vật không bao giờ đứng yên các em nhé và cuộc sống luôn luôn biến đổi không ngừng. Cuộc đời của các em còn cả một tương lai phía trước. Con đường học vấn chưa có điểm dừng lại cho các em, như Lê Nin đã nói “Học, học nữa, học mãi”. Dòng đời luôn hồi thúc, giục giã các em luôn vững tin tiếp tục con đường học vấn của mình với sức trẻ đầy nhiệt huyết, đam mê và nhiều mơ ước. Hãy đốt cháy hết đam mê của mình để trải nghiệm những giá trị thật của cuộc sống sinh viên thời hiện đại, hội nhập hướng đến một nghề nghiệp tương lai vững chắc các em nhé!

Cửa lớp cũ, cổng trường cũ sẽ chào đón bao thế hệ tiếp sau. Cổng trường mới, cửa lớp mới Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh sẽ chào đón các em. Các em hãy mạnh dạn ghi danh về đây để được chấp cánh ước mơ các em nhé. Ở đây, có cả những câu chuyện gian hàn vô cớ rất đáng yêu, và hơn thế nữa là những trải nghiệm của cuộc sống trưởng thành, độc lập, sáng tạo và đầy tự tin. Môi trường học có những cầu nối giữa lý thuyết và thực hành cùng với đội ngũ giảng viên đầy nhiệt huyết truyền lửa để tạo niềm tin vững chắc cho các em bước tiến đến với nghề tương lai.

Trong bầu không khí vui tươi và tinh thần quyết tâm của tập thể cán bộ, giảng viên Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã cho tôi một sức mạnh vô biên tiếp tục đi tiếp con đường mình đã chọn. Tôi xin cảm ơn Ban lãnh đạo Nhà trường cùng đội ngũ giảng viên đã cho tôi cơ hội cảm nhận sâu sắc được những cung bậc cảm xúc về thời xưa và nay trong môi trường giáo dục. 46 năm, 47 năm, rồi đến ... Tôi vẫn là chính tôi nhưng niềm kiêu hãnh trong tôi luôn tăng lên từng ngày.

Bốn mươi bảy năm, một chặng đường dài
Biết bao nỗ lực đội ngũ tôi yêu
Góp hết sức mình tạo nên thương hiệu
Lãnh đạo trường tôi quả thật là hay!
Bốn mươi bảy năm bề dày lịch sử
Cao đẳng Công Thương, gửi trọn niềm tin!

HẠNH PHÚC NƠI ĐÂU?

Nguyễn Thị Lê

Phòng Đào tạo thường xuyên, Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Cảm ơn cuộc sống đã nuôi nấng tôi ngọt nửa đời người!

Thật hạnh phúc biết bao khi biết mình đang được hạnh phúc!

Có câu nói: “Hạnh phúc là có việc gì đó để làm, có ai đó để yêu và có điều gì đó để hy vọng”.

Tôi đang có việc gì đó để làm, và thật hạnh phúc là những việc đó lại luôn có rất nhiều việc để làm. Từng ngày đến trường lại thấy yêu hơn cái nghề cao quý này. Mỗi lần bước lên bục giảng, nhìn thấy bao nhiêu ánh mắt trong veo chờ đợi, chờ đợi những điều khác biệt với cái cũ, chờ đợi những điều mới mẻ giúp họ trưởng thành và thêm yêu cuộc sống. Chính những chờ đợi khát khao đó của sinh viên khiến mình luôn trăn trở cho từng tiết học, từng buổi lên lớp, và có nghĩa là mình luôn có việc để làm.

Chuyển vị trí công tác với những mới lạ khiến mình tò mò và háo hức khám phá, và ở đó tôi luôn có được sự hứng khởi của từng ngày làm việc.

Tôi có thật nhiều ai đó để yêu thương, và điều hạnh phúc nhất khi những ai đó là cha mẹ, chồng con, anh chị em, bạn bè, đồng nghiệp thân thiết vẫn đủ đầy. Mỗi khi vui buồn tôi luôn có những người đồng hành để chia ngọt sẻ bùi.

Tôi có nhiều điều gì đó để hy vọng. Hy vọng nếu phải chọn lại, tôi được chọn mình là phụ nữ, là con của cha mẹ, là vợ của chồng, là mẹ của những đứa con yêu, là nơi sẻ chia của bạn bè, đồng nghiệp; tôi chọn môi trường làm việc trong giáo dục, chọn nghề dạy học để nhâm nhi hạnh phúc trong từng niềm vui, sự tiến bộ, trưởng thành của trò; tôi được chọn là chính tôi.

Thế thôi, và HẠNH PHÚC ngập tràn!

Hạnh phúc là khi ngọt nửa đời người vẫn mong chờ trở về nhà cha mẹ để được nghe cha nói về những điều của nhân tình thế thái, để hát hò ngâm thơ cho mẹ nghe. Tuổi thơ con luôn được chìm vào giấc ngủ với giọng ngâm thơ ngọt ngào của mẹ, nào là Quê hương của Giang Nam; núi đôi của Vũ Cao, và những lời thơ đó con yêu thích chừng nào! Bây giờ, mẹ không còn đủ sức để ngâm thơ nữa, có lần mẹ bảo con ngâm cho mẹ nghe, rồi con cũng ngâm nga được vài bài ngày xưa của mẹ. Nghe xong mẹ bảo con gái mẹ cũng hát hò ngâm nga được đấy chứ nhỉ, hai mẹ con vui đầu ôm nhau cười khúc khích.

Cảm ơn cuộc đời đã cho con những đứa con yêu! Để con cảm nhận được niềm hạnh phúc lớn lao khi thấy các con mình mỗi ngày mỗi khôn lớn. Mọi phiền muộn đều tan biến kể từ cái

ngày mà khi nửa đêm con thơ chợt tỉnh giấc, gọi mẹ, và thốt lên “con yêu mẹ!” rồi lại chìm vào giấc say.

Sau một ngày làm việc căng thẳng, chị gọi điện cho tôi, với mục đích được nghe giọng tôi nói, nghe tiếng tôi cười, nghe tôi tào lao. Chị nói: “mày cười đôi khi nghe kinh quá nhưng mà chị thích và muốn nghe, nghe mày cười sáng khoái chị xả được stress”- thế đấy, và cũng đủ cho tôi hạnh phúc âm ỉ!

Một buổi sáng, người bạn từ hồi ấu thơ gọi điện cho tôi, và bạn thổ lộ rằng bạn luôn nghĩ đến tôi như một động lực để vượt qua trước mỗi khó khăn của cuộc đời. Và một cảm giác lâng lâng, khi biết ai đó, dù đang ở thật xa, dù rất ít liên lạc với nhau, nhưng không những vẫn nhớ về mình với những tình cảm tốt đẹp mà mình còn có giá trị tinh thần giúp bạn vươn lên.

Một ngày, như đã xa, khi mình vừa bước chân ra khỏi trường đại học và tự nhủ không còn quyền nhận trợ giúp của cha mẹ nữa vì mình đã đủ trưởng thành để tự lập mưu sinh. Những ngày đầu khốn khó với quần quanh cơm áo gạo tiền, đã có lúc không còn một xu dính túi, đã có lúc phải ngửa tay xin ai đó 10 ngàn đồng, và đã có lúc ai đó hằn học ném tờ 10 ngàn đồng xuống trước mặt tôi. Từ hôm đó, tôi đã thề với lòng mình rằng phải thật cố gắng sống sao cho không bao giờ phải xin tiền như thế nữa. Và đến hôm nay, thật may mắn khi đó chỉ còn là kỉ niệm trong dĩ vãng của thập kỉ 90 xa xôi. Để rồi, ngập tràn trong tâm trí luôn thầm cảm ơn những tháng ngày lận đận lao đao, để bản lĩnh con người được tôi luyện, ý chí được hun đúc, được trải nghiệm rằng một miếng khi đói còn hơn rất nhiều một gói khi no, rằng trong khó khăn sẽ nhận ra người tri kỉ, và thấu hiểu rằng cái quan trọng không kém sự chia sẻ chính là thời khắc mà chúng ta chia sẻ với nhau.

Hạnh phúc, là có một ngày, tưởng như mới hôm qua, bạn chạy đến bên tôi và xối xả khóc. Hai đứa không nói với nhau câu nào vì đã tường tận lí do bạn khóc vì đâu. Sau một hồi, như đã xả được những uất ức muộn phiền, bạn ra về - bạn về, để lại cho tôi cảm xúc lâng lâng – lâng lâng vì bạn đã tìm đến bên tôi để khóc, để trút hết nỗi chất chứa trong lòng, cảm ơn bạn vì đã đến bên tôi như thế nhé!

Cũng một ngày xưa, khi bạn bè đồng trang lứa chưa vướng víu chuyện chồng con thường tụ tập ở phòng trọ để tán ngẫu. Một lần, vì muốn mình ngủ lại mà em đã đem giấu chìa khoá xe để mình không thể về, thế đấy - đủ cho mình nhớ mãi với ngập tràn yêu thương!

Mình đã đồng hành với gia đình Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh gần một phần tư thế kỉ, trọn vẹn tuổi thanh xuân mình gắn bó nơi này, rất nhiều thứ mình có được cũng xuất phát từ đây. Chỉ đơn giản khi nghĩ rằng suốt đợt dịch bệnh covid vừa qua Trường đã luôn đồng hành cùng từng thành viên trong gia đình ấy, và tôi biết nhiều người cũng hạnh phúc như tôi khi Trường chúng tôi không hề cắt giảm nhân sự hay thu nhập như sự cắt giảm của nhiều nơi khác, nhiều trường khác – cùng trải qua ngày tháng đó thôi, để thấy mình may mắn và để từ đó thêm trân quý, yêu thương và thấy mình phải có trách nhiệm trong lan toả những điều tốt đẹp, trong xây dựng và phát triển nhà trường!

Hạnh phúc là ở gia đình thứ hai này mình đã có thật nhiều mối quan hệ đồng nghiệp quý giá. Mỗi khi anh chị em cùng kết thúc buổi dạy đều nán lại sum vầy bù khú chuyện trò và cười

đùa thật sáng khoái, rồi mỗi đợt có hoạt động tập thể nào đó, dịp lễ của trường, tập văn nghệ hay thể thao là chúng tôi lại dung nạp được cho mình bao nhiêu liều thuốc bổ với những trận cười ngả nghiêng không dễ kiếm trong đời. Một ngày chúng ta thường có một phần ba thời gian ở nơi làm việc, và thật vui sướng biết bao khi mỗi ngày đến trường đều thấy thời gian trôi vèo và ghi dấu thêm một ngày ý nghĩa trong đời!

Mình thích sống đơn giản - đơn giản như chính cái tên của mình được cha mẹ đặt cho. Mình dễ thích nghi, dễ vui với thực tại; thích cái sáng trưng, hong hanh của ngày nắng; mình chơi vui với những cơn mưa bất chợt khiến tâm hồn như được tưới tắm dòng nước mát trong lành. Ở một khung cảnh hữu tình, nhâm nhi ly đồ uống mình nghiền, thả hồn theo những bản nhạc du dương mình thích, đọc được cuốn sách thật hay giúp trí tuệ và tâm hồn được rộng mở, và ngẫm nghĩ về cái ngắn ngủi của cuộc sống cõi tạm này – khi một mình, khi với những người bạn tâm giao luôn là khoảnh khắc mình rất thích thú, vì những lúc ấy, trái tim như mềm thêm ra để ôm ấp những thương yêu cuộc đời!

Hạnh phúc nào bằng khi thấy mình may mắn gặp được nhiều người tốt! Người ít tuổi hơn thì ủng hộ, người cùng trang lứa thì đồng hành, và những bậc tiền bối thì luôn chỉ bảo khích lệ. Thật nhiều quá những điều tôi mắc nợ thế gian, mắc nợ người! Và hạnh phúc là khi tự thấy mình phải sống tốt hơn nữa để không phụ người, phụ đời!

Ở hiện thực đời sống muôn màu muôn vẻ này thì ở đâu, ai, việc gì rồi cũng sẽ “*có this có that*”. Mình quý trọng và yêu thương những tri kỉ, những người đồng hành cùng chia sẻ buồn vui vì đó như nguồn nhựa sống nuôi dưỡng tâm hồn và trái tim yêu thương; mình trân trọng những ai chỉ trích mình vì nhờ đó mà mình thêm tiến bộ; làm bất cứ công việc gì rồi cũng sẽ có lúc thăng hoa, có lúc vụn vỡ, sự thoải mái và áp lực vẫn luôn song hành; mọi sướng khổ, đến đi đều đang vận hành theo quy luật tự nhiên cân bằng hoàn mỹ của vũ trụ bao la này – và thật hạnh phúc cho ai khi ngộ ra hay khi chạm tới cảnh giới của hạnh phúc!

Đời người thì mong manh vô thường, tạo hoá thì quá đổi diệu kì, hạnh phúc thì vẫn luôn ở quanh ta và trong ta! Hãy chiêm nghiệm để nhận ra và cảm nhận hạnh phúc của mình nhé - ời chúng ta ơi!

NHỮNG NGƯỜI THẦY KHOA NGOẠI NGỮ MIỀN KÝ ỨC THANH XUÂN CỦA TÔI

Cải Minh Thuận

Khoa ngoại ngữ, Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh

Không biết tự bao giờ và tự khi nào bản thân của chính mình lại có sở thích ngồi viết lách tâm sự, chiêm nghiệm về những điều đã từng trải qua trong đời. Với cái tuổi lưng chừng không còn nhỏ cũng không quá lớn của mình thì trường Cao Đẳng Công Thương TP. HCM là nơi mà mình đã gắn bó trong sự nghiệp trồng người tại đây. Ấy thế mà thoáng chốc 11 năm khê trôi như một cơn gió mát, xóa tan cái nóng oi ả của những mùa hè đã qua. Hoài niệm trong Thuận trôi dạt dữ dội cứ như cơn sóng vỗ vào bờ hiện ra trong tâm trí. Từ một cậu sinh viên vừa tốt nghiệp hai năm với bao điều cần học hỏi và trau dồi kinh nghiệm sống và làm việc thì Thuận không còn may mắn nào hơn khi được về làm việc tại ngôi trường mang tên Cao đẳng Công Thương TP. HCM này. Không những thế Thuận lại càng thật hạnh phúc vô vàn khi được làm việc tại khoa Ngoại ngữ của trường cùng với các thầy, cô đồng nghiệp hết mực thân thiện và luôn đang rộng sự giúp đỡ cho các đồng nghiệp trẻ trong đó có chính tôi. Khi nghĩ về những hoài niệm này thì mỗi người thầy trong khoa Ngoại ngữ sẽ là những thanh xuân tươi đẹp mang lại trong Thuận bao nhiêu ký ức tuyệt vời mà không một ngôn từ tinh tế nào có đủ sức vẽ tô trong lúc này.

Ấn tượng đầu tiên trong mắt Thuận với cô giáo Đỗ Thị Thanh Thủy là sự nhẹ nhàng, ân cần, chu đáo với đồng nghiệp nhưng cũng rất nghiêm túc trong công việc. Với Thuận, cô là một nét son đậm vẽ nên một thanh xuân của Thuận khi mới bước vào nghề giáo. Thuận được làm việc chung với cô Thủy khi cô còn là một cô tổ trưởng bộ môn của khoa. Ký ức luôn ùa về ngay lúc này từ lúc Thuận còn là cậu giáo viên tập sự tại khoa Ngoại Ngữ thì cô là người hướng dẫn Thuận. Cô đã hướng dẫn tất cả cho Thuận bằng sự ân cần chỉ dạy như người chị trong gia đình, dạy em mình kỹ năng vào đời từ những chi tiết nhỏ đến hoàn chỉnh trong phương pháp dạy học xen lẫn kỹ năng sống. Cứ với sự hướng dẫn tận tâm và sự nhỏ nhẹ trong những khi hướng dẫn từng ngày thì cũng đến lúc Thuận đã phải tự thân mình bước đôi chân ra khỏi vùng an toàn để kết thúc thời gian tập sự, khi phải đứng trước Ban Giám hiệu trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM để thực hiện bài giảng. Cùng với bao nỗ lực và sự học hỏi từ cô thì ngày 12 tháng 8 năm 2013 Thuận đã chính thức bước lên bục giảng trước hội đồng trường bảy giờ. Mặc dù chỉ thực hiện giờ giảng trong 45 phút nhưng Thuận rất lo lắng. Thế nhưng cùng với sự hướng dẫn tận tình của cô trong suốt khoảng nhiều giờ, qua từng trang giáo án của một giáo viên trẻ như Thuận với những vụng về về câu chữ và những phương pháp sư phạm giảng dạy chưa thật sự tốt, thì cô chính là nguồn động lực chính giúp Thuận an tâm về suy nghĩ, nhẹ nhàng gạt bỏ lại sự lo âu, bòn chắt phía sau mà nâng cao kiến thức vững bước tự tin vào tiết dạy quyết định cho Thuận của ngày hôm nay. Cũng giống như câu tục ngữ “*có công mài sắt, có ngày nên kim*” nhưng với Thuận nếu không có một người thầy hướng dẫn mài kim thì chính chúng ta sẽ khó

mà hoàn thành một cây kim tốt, sáng và sắc đủ bản lĩnh để bước vào đời, và đặc biệt trong môi trường giáo dục vì chính chúng ta sẽ là người cho các thế hệ sinh viên noi theo “*không Thầy đồ mài làm nên*”. Cùng với sự miệt mài chăm chỉ làm việc và cống hiến trong suốt những năm làm công tác tổ trưởng cũng như với tinh thần tự học và sáng tạo trong công việc, cô luôn chỉ đạo và quản lý tốt công tác chuyên môn trong Khoa. Ngoài ra, cô cũng đã góp phần với nhà trường nâng cao chất lượng giảng dạy xây dựng thương hiệu trường và khoa Ngoại ngữ ngày càng phát triển. Bên cạnh công tác giảng dạy hằng ngày, cô còn luôn giúp đỡ đồng nghiệp về chuyên môn, về những công việc đời sống, gia đình nếu có giáo viên nào ốm đau hoặc có công việc đột xuất, cô đều vui vẻ nhận hỗ trợ hết mình. Với đồng nghiệp, cô luôn là người sống giản dị, hòa đồng, thẳng thắn, rất tình cảm trong giao tiếp ứng xử và giải quyết công việc. Cô đối xử với mọi người rất chân tình, dễ gần gũi, là người không ngại khó khăn, gian khổ. Bằng năng lực và tâm huyết của mình thì hiện tại cô đã xứng đáng vào vị trí trưởng khoa Ngoại ngữ trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Với Thuận, cô luôn mãi là thanh xuân đáng yêu, là cầu nối gắn kết giữa các thành viên gia đình khoa Ngoại ngữ thành một tập thể vững mạnh đoàn kết.

Nếu sự hướng dẫn truyền dạy phương pháp, kỹ năng giảng dạy của cô dành cho Thuận là cột mốc không thể quên trong suy nghĩ của Thuận về cô trong những ngày đầu chập chững giảng dạy tại trường, thì có lẽ cột mốc gần cuối năm 2021 lại khắc họa sâu sắc cho Thuận về một người cô, người sắp với phương châm “*Không bỏ lại ai ở phía sau*”. Tất cả chúng ta đều biết, đại dịch Covid-19 xảy ra với biết bao sự mất mát và hi sinh của các cán bộ y tế trong năm ấy. May mắn thay tất cả thành viên của khoa và cả những người thân của mỗi thành viên đều bình an khỏe mạnh. Không chỉ với cương vị là người sắp mà còn như một người chị trong gia đình Ngoại ngữ, cô đã luôn động viên, quan tâm tích cực tất cả thành viên. Thuận lại là một trong những thành viên được cô tiếp sức giữ vững sức khỏe khi không may mắn Thuận mắc phải bệnh. Không biết từ động lực nào và nguồn sức mạnh nào mà cô có thể vừa phải chăm sóc cho gia đình nhỏ của mình trong đại dịch vừa công tác chuyên môn nhưng cô vẫn luôn quan tâm từng ngày sự chuyển biến sức khỏe của Thuận và các anh chị em trong gia đình Ngoại ngữ. Và với Thuận, cô giống như một người bác sĩ tinh thần giúp Thuận vượt qua bệnh trong cơn đại dịch đau buồn của cả thế giới. Trong mắt Thuận, cô là vậy đấy, mang đậm hình tượng cô trong những câu thơ sau:

*“Có một nghề bụi phấn bám đầy tay
Người ta bảo đó là nghề trong sạch nhất
Có một nghề không trồng cây trên đất
Lại nở cho đời những đóa hoa thơm.”*

Trích từ bài thơ: Có Một Nghề Như Thế- Đinh Văn Nhã -Hà Nội 6/1/2017

Đọc những vần thơ ấy, Thuận thấy thật tự hào về nghề dạy học của mình và càng yêu quý, kính trọng hơn đối với cô. Cô đã vẽ nên bức tranh đầy màu sắc trong dây gam màu cuộc sống lấp đầy cung bậc yêu thương và chu đáo.

Cùng với khoảng thời gian cấp sách đến trường và 11 năm đứng trên bục giảng, Thuận đã được biết và có ấn tượng sâu sắc với nhiều thầy, cô giáo. Và người thứ hai xuất hiện trong tâm

trí Thuận là cô Nguyễn Thị Tuyết Hòa - Tổ trưởng bộ môn Anh văn căn bản, cô có thể được ví như một đầu bếp chuyên nghiệp trong công tác xào nấu các bài giảng từ các môn tương chừng khô khan khó nuốt, nhưng qua sự chuyên nghiệp của mình thì cô đã tạo ra những món ăn kiến thức vô cùng thú vị và tuyệt vời mà Thuận đã học hỏi được. Thuận thật sự không bao biện khi khẳng định rằng có bao thế hệ sinh viên đều yêu mến, kính trọng và biết ơn cô ở tận lòng tận tụy. Nhiều đồng nghiệp cũng yêu quý cô ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc, ở tình nghĩa, gắn bó, vì việc gì do cô đảm nhận thì yên tâm cô sẽ hoàn thành tốt. Cô luôn tạo những sân chơi rất thú vị cho sinh viên cùng học hỏi nâng cao hiểu biết qua các cuộc thi Rung chuông vàng cho khoa Ngoại ngữ. Cô là một tấm gương tiêu biểu về một nhà giáo tận tụy với công việc, tận tâm với sinh viên và tận tình với đồng nghiệp, một Công đoàn viên “*giỏi việc trường, đảm việc nhà*” của Công đoàn nhà trường nói chung và công đoàn kinh tế của trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM nói riêng, mà Thuận luôn thấy mình cần học tập và noi theo.

Khi ngồi đây, trải lòng trên trang giấy này, Thuận thật sự bối rối khi muốn viết về người đồng nghiệp lớn nữa mà Thuận quý mến ở ngôi nhà Công Thương này, đó chính là cô Phương Thị Hệ. Vì sao bối rối ư? Vì Thuận cũng muốn kể về cô như là người đầu tiên xuất hiện trong tâm trí mình khi nghĩ về những người đồng nghiệp lớn. Cô cũng thật đặc biệt và ấn tượng đẹp với Thuận cho đến lúc này. Nếu cô Đỗ Thị Thanh Thủy là người đầu tiên mang lại cho Thuận cảm giác gia đình muốn phấn đấu làm việc và cống hiến thì cô Phương Thị Hệ là người đồng nghiệp lớn khi ấy khiến Thuận muốn đặt trạm dừng chân cho phần thanh xuân của mình khi ấy tại trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Cô thật sự rất tâm lý khi Thuận trong vai người thi tuyển cách đây gần mười một năm, dù khi ấy cô là một trong thành viên giáo viên tham dự hội đồng thi tuyển nhưng cô lại chào Thuận: “*Mình thấy em quen lắm.*” Cảm giác hồi hộp, căng thẳng khi bước vào thực hiện bài giảng trước hội đồng thi tuyển của Thuận tan biến. Cái từ “*mình*” của cô khi ấy và sau này làm việc với cô khiến Thuận cảm thấy gần gũi thân thương. Trong lúc Thuận giảng, ánh mắt của cô cứ xoáy theo dõi nhìn bài giảng của Thuận gật gù cho dù Thuận biết bài giảng của mình còn nhiều thiếu sót của cậu sinh viên vừa ra trường được đôi năm. Chính vì điều đó Thuận cảm tưởng là mình đang trực giảng cho một người chị thân thương trong gia đình của mình nghe xóa tan sự lo lắng của một giáo viên thi tuyển qua ánh mắt nhẹ nhàng, tâm lý của cô. Nhờ đó Thuận đã thực hiện tốt tiết giảng của mình và được trúng tuyển vào ngạch giảng viên của trường. Kể từ đó, Thuận làm việc với cô Phương Thị Hệ nhiều hơn. Thuận cảm nhận khoa Ngoại ngữ khi đó như ngôi nhà thứ hai của mình và cô như một người chị. Cô sâu sắc, nhạy bén trong đọc suy nghĩ tâm tư của các giảng viên. Trong khoa, ai có chuyện gì cô cũng luôn động viên thăm hỏi và cho những lời khuyên bổ ích. Vì vậy, ai cũng thương tâm sự với cô như để được giải bày, đồng cảm và sẻ chia. Thuận vẫn còn nhớ như in có lần vì sơ suất Thuận đã để một vài lỗi sai trong đề thi gửi cho cô duyệt trước. Thuận cứ nghĩ cô sẽ giận lắm. Trái lại với chất giọng sang sảng tương chừng sẽ cau có thì cô ân cần và tỉ mỉ đọc từng câu, chỉnh từng dấu chấm, phẩy và suy xét từng đáp án để tránh trường hợp giảng viên áp đặt sinh viên vào một đáp án lựa chọn nào đó. Cô luôn đặt mình vào vị trí của người học để cân nhắc từng phương án lựa chọn. Chính sự cẩn thận và chỉnh chu của cô là tấm gương thực tiễn và thuyết phục để giảng viên trẻ như Thuận bấy giờ cũng như hiện tại nhìn vào đó học tập. Cô chỉ bảo tận tình, chi tiết đến mức Thuận lo không biết có làm mất thời gian của cô quá không. Thuận quý cô và biết ơn cô rất nhiều!

Trái với giọng nói hào sảng của cô Phương Thị Hệ thì tiếng cười giòn tan không lẫn vào đâu được của cô Lê Thị Thanh Thảo lại càng khắc đậm trong trí nhớ của Thuận. Cô là người con của miền tây nên có lẽ giọng nói và tiếng cười của cô cũng mang lại sự gần gũi, mộc mạc, dễ gần đến lạ thường và khó quên khi làm việc với cô giống như trong ca khúc về miền tây của nhạc sĩ Thanh Sơn đã từng viết “*người miền Tây dễ thương vô cùng*”. Chính sự mộc mạc, chất phác này đã uơm mầm cho bao thế hệ lên đò cập bến vào đời với những kiến thức tuyệt vời. Một điều may mắn cô chính là người đã dìu dắt Thuận bước vào ngưỡng cửa đại học mở ra một cánh cửa tri thức mới cho Thuận và hiện tại cho đến giờ này đã qua nhiều năm nhưng được làm việc chung cô thì cô vẫn cái tinh thần như trước, năng lượng và quyết đoán. Một điểm thú vị nữa mà Thuận cần học hỏi ở cô ấy là cách cô ấy đưa ra phản hồi sau mỗi phản hồi của sinh viên khi Thuận tham gia tiết thao giảng của cô. Phản hồi cũng bao gồm các sửa lỗi, khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động và giúp họ nhận ra những sai lầm mà họ đã mắc phải bởi vì “phản hồi tốt cung cấp cho sinh viên thông tin họ cần để họ có thể hiểu mình đang ở đâu trong quá trình học và phải làm gì tiếp theo.” (Brookhart, 2008). Một ví dụ nổi bật đó là một loạt các lựa chọn từ khi giáo viên muốn đưa ra nhận xét về câu trả lời của sinh viên cho dù câu trả lời đúng hay sai, chẳng hạn như các em đã làm một công việc tốt, xuất sắc, các em thật tuyệt vời, đó là một ý kiến hay, tuyệt vời, hoàn hảo, đó là một điểm tốt, v.v. Kết hợp với giọng nói và cử chỉ vui vẻ, những nhận xét đó dường như tạo ra sự tự tin và động lực cho học sinh khi đưa ra câu trả lời. Ngoài ra, khi sinh viên mắc lỗi trong bất kỳ tình huống nào, cô rất linh hoạt để góp ý sửa chữa cho các em. Ví dụ, khi cô gọi một sinh viên đứng lên và lặp lại từ “responsibility” mà cô vừa phát âm, sinh viên đó đã làm sai. Cô bảo em ấy dừng lại và sửa lỗi ngay lập tức, sau đó cô yêu cầu em đó thực hành phát âm từ này 3 lần cho đến khi làm đúng. Cách cô sửa lỗi trong hoạt động nhóm không giống với tình huống đã nói ở trên. Thay vào đó, cô lắng nghe sinh viên một cách cẩn thận, sau đó ghi chú những lỗi phát âm và ngữ pháp mà sinh viên mắc phải. Cô ấy chỉ cung cấp sửa sai của sinh viên vào cuối hoạt động để cuộc nói chuyện của họ diễn ra suôn sẻ mà không bị gián đoạn. Cuối cùng, cô thường xuyên kiểm tra mức độ hiểu của học sinh, theo Thuận, đây là một cách dạy tiếng Anh hiệu quả, để đo lường mức độ hiểu bài. Fisher & Frey (2015) tin rằng, “nếu bạn không kiểm tra mức độ hiểu biết, rất khó để biết chính xác những gì sinh viên tiếp thu được từ bài học”. Niềm tin này cũng đã được khẳng định trong bài học của cô Thảo. Khi đưa ra hướng dẫn định hướng cho sinh viên họ sẽ làm gì cho hoạt động tiếp theo, cô luôn nhớ đặt một số câu hỏi đơn giản để xem họ hiểu nhiệm vụ ở mức độ nào. Ví dụ, các câu hỏi mà giáo viên sử dụng bao gồm “Các em làm gì?”, “Các em phải trả lời bao nhiêu câu hỏi trong sách?”, “Các em làm việc riêng lẻ hay theo cặp?” v.v ... Cô ấy không chỉ kiểm tra sự hiểu biết của sinh viên khi đưa ra hướng dẫn mà cô ấy còn kiểm tra khi đặt bài tập về nhà cho sinh viên. Hollingsworth & Ybarra (2009) xác định rằng kiểm tra sự hiểu biết cho phép bạn xác nhận rằng người học của bạn biết cách làm bài tập về nhà trước khi được yêu cầu làm. Với các hướng dẫn chi tiết, Thuận thấy rằng hầu hết các sinh viên mà Cô Thảo đảm nhiệm biết chính xác những gì họ phải làm ở nhà. Với sự chu đáo và kỹ tính này thì cô cũng đã gặt hái được nhiều thành tích trong sự nghiệp trồng người.

Trong miền ký ức của Thuận về các cô và thầy của khoa Ngoại ngữ có rất nhiều thầy cô đã là một phần thanh xuân rạng ngời trong Thuận. Cô Trần Thị Thảo hiền dịu, dễ gần, cô Trần Thị Ái Hương ân cần, cô Nguyễn Hà Thanh Vân nhỏ nhắn xinh xinh hay giúp đỡ các bạn trẻ bằng

sự yêu thương, vui tính. Cô giáo vụ Nguyễn Thị Mộng đáng yêu, trung tâm hồ thông tin các vấn đề của Khoa, cô Nguyễn Thanh Loan nhẹ nhàng thanh thoát, cô Nguyễn Thị Phương Linh siêu thị ẩm thực duyên dáng, cô Nguyễn Ngọc Châu dễ gần, khiêm tốn, nụ cười tỏa nắng, thầy Đặng Minh Tuấn – Bí thư Đoàn trường hài hước, vui vẻ, thầy Phạm Văn Mạnh – Bí thư Đoàn Khoa hoạt bát xông xáo, năng động, thầy Hồng Thắng Hoàng nghệ sĩ hát hay, nhiều tài và cuối cùng là cô trưởng bộ môn anh văn chuyên ngữ Phan Thị Thu tài giỏi, năng động, gần gũi chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy và cũng là người chị truyền lửa cho Thuận trong giảng dạy tiếng Anh tại khoa Ngoại ngữ trường cao đẳng Công Thương TP. HCM.

Mười một năm – khoảng thời gian trong sự nghiệp trồng người đã đem lại cho Thuận biết bao kỉ niệm. Vui có, buồn có, nhưng đọng lại trong trái tim Thuận vẫn là những cảm xúc ấm áp của những tháng ngày cùng sống, cùng làm việc, cùng ca hát và chia sẻ dưới mái trường HITC thân yêu! Tất cả đều in dấu vào lòng Thuận những bài học của cuộc sống, sâu sắc và đáng quý:

Cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy

Tôi đến trường để dạy các em thơ

HITC trong nắng sớm tinh mơ

Chắp cánh cho em vững bước vào đời.

Thời gian thoáng khê trôi, thế là một năm của ngày Hiến chương Nhà giáo năm 2024 lại đến với ngôi trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Thuận hi vọng bằng sự nỗ lực và cố gắng của bản thân, các bạn sinh viên sẽ học tập thật tốt, luôn có những tiết học thú vị, tràn ngập niềm hạnh phúc dưới mái trường này, để với mỗi sinh viên mỗi ngày đi học là một ngày hạnh phúc. Vẫn còn đó những thiếu sót, vẫn còn đó những bài học nên rút kinh nghiệm của bản thân cần học hỏi ở gia đình Khoa ngoại ngữ. Dòng đời là những chuyến đi và có những chuyến đi đã đưa chúng ta về với những nơi ghi dấu nhiều ý nghĩa, nơi đánh dấu một bước ngoặt chuyển mình lớn trong mỗi con người và mọi người xung quanh mình. Một lần nữa Thuận vô cùng biết ơn Ban Giám Hiệu, các thầy cô giáo của gia đình Ngoại ngữ trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM đã là một phần trong ký ức thanh xuân đầy tươi đẹp là ngôi nhà thứ hai, là con thuyền to giúp Thuận vươn xa xây dựng miền thanh xuân trong tương lai trên con thuyền mang tên Khoa Ngoại ngữ trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Brookhart, S. M. (2008). Feedback that fits. *Engaging the whole child: Reflections on best practices in learning, teaching, and leadership*, 65(4), 54-59.
- [2]. Frey, N., & Fisher, D. (2015). What It Takes for English Learners to Succeed. *Educational Leadership*, 72(6), 22-26.
- [3]. Hollingsworth, J. R., & Ybarra, S. E. (2009). *Explicit direct instruction (EDI): The power of the well-crafted, well-taught lesson*. Corwin Press.

KÝ TÚC XÁ CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM NHÀ CỦA THỜI THANH XUÂN

Lê Thị Thu Trang

Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Biết bao thế hệ sinh viên đã đến và đi. Ký túc xá (KTX) trở thành nơi để nhớ, để yêu, để nương náu và để... hóa tâm hồn khi ra trường!

Ký túc xá đem những “đứa trẻ” khắp mọi miền đất nước từ xa lạ thành tri kỉ. Nó chứng kiến sự trưởng thành của những “cậu ấm, cô chiêu” từ thuở ngây thơ, khờ dại đến hồi cứng cáp bước đi trên trường đời. Nó cũng là sợi tơ hồng se duyên cho biết bao đôi lứa yêu nhau.

Ký túc xá như một phần ký ức không thể quên của mỗi người từng đi qua đời sinh viên

Ký túc xá của tôi là những buổi sớm mai tĩnh lặng trong không gian thoáng đãng, trong lành; là chạy đua cùng mặt trời để chụp cho được khoảnh khắc bình minh hay lúc hoàng hôn. KTX của tôi là buổi chiều nhộn nhịp dưới sân thể thao. Là những bước chân vội vàng lên xuống cầu thang để mua một gói mì, một quả trứng...

Ở đó có tiếng sáo vi vu, âm vang cả một tầng lầu, có tiếng ghi-ta lúc êm đềm lúc sôi nổi, có những phút giây ngẫu hứng của “kẻ hát rong” đang ngân nga giai điệu rộn ràng của một bản tình ca. Rồi tiếng ré lên vì hạnh phúc khi có điện trở lại sau một ngày cúp điện, mất nước... tất cả hiện lên đẹp đến vô thường.

Ký túc xá Cao đẳng Công thương TPHCM này càng đặc biệt hơn khi về đêm. Nó thao thức cùng lũ sinh viên chúng tôi trong những đêm trắng miệt mài cuộc cày mùa thi cử, rồi tung bừng trong những ngày hội hè đình đám.

Nhớ cái thao thức, trằn trọc của thằng em năm thứ nhất khi nghe tin bão đang quét ngang quê nghèo. Nhớ nụ cười hiền hậu của chú bảo vệ mỗi lúc sinh viên cất lời chào đi qua cổng... Nhớ cảnh cả phòng chuẩn bị đồ nghề đi chơi thể thao. Nhớ những ngày cả lũ nằm ườn chờ shipper tới gõ cửa đưa cơm. Nhớ cả những tối mãi chơi về muộn, năn nỉ bác bảo vệ mở cổng... tất cả dệt nên một miền kí ức đẹp đẽ, đầy say mê.

Đó chỉ là số ít trong hàng dài những kỷ niệm ngọt ngào và đầy sức sống của tôi những tháng ngày nội trú nơi KTX trường. Chúng tôi đã sống, đã học, đã yêu thương nhau như anh em một nhà.

Biết bao thế hệ sinh viên đã đến và đi. Ký túc xá trở thành nơi để nhớ, để yêu, để nương náu và để không bao giờ mờ phai, quên lãng.

Để rồi một ngày kia, bất chợt lang thang trên facebook, ta vô tình bắt gặp câu status đầy luyến lưu: “Hôm nay được trở về thăm ký túc, gói gọn trong hai tiếng “thân thương”.

Mọi thứ vẫn còn đây. Vẹn nguyên. Bồi hồi ngồi lại chiếc ghế đá dưới hàng cây, dạo một vòng trên con đường quen thuộc, uống ly sinh tố chua chua, chụp vài bộ hình làm hồi ức...tất cả những êm đềm và hoàn mỹ của ngày xưa cũ bất chợt ùa về trong thao thức.



SỐ 13 / 2023

NỘI SAN

Chịu trách nhiệm xuất bản

**PHÒNG QUẢN LÝ
KHOA HỌC &
HỢP TÁC QUỐC TẾ**

Email: nckh_htqt@hitu.edu.vn

Site: www.smic.hitu.edu.vn

Facebook: facebook.com/smichitu